

*Chấn Bản Kìa
Coi Biết*



OSHO

OSHO
Chiều bên kia cái biết
HÀ NỘI 10/2010

OSHO
Dimensions beyond the Known

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục lục

[Mục lục](#)

[Giới thiệu](#)

[1. Không có điều gì khác để nói ngoại trừ điều này](#)

[2. Tại sao tôi đã tới](#)

[3. Con đường nhiều, khách lữ hành ít](#)

[4. Đây là thời khủng hoảng](#)

[5. Sinh thành của con người mới](#)

[6. Cuộc sống đầy những bí ẩn](#)

[Về Osho](#)

Giới thiệu

Không hoài nghi gì nữa Osho là nhân vật gây tranh cãi nhiều nhất thế kỉ này đã tạo ra. Người là bậc thầy đã chứng ngộ, người đã bị hầu hết các chính phủ quốc gia "tự do" săn lùng trên sân khấu thế giới chỉ vì đã làm sống lại con phượng hoàng trong tục ngữ. Làm sao người ta có thể làm chân lí câm lặng được?

Trong cuốn sách này, chứa sáu bài nói tại Bombay từ 1970 tới 1973, Osho cho độc giả một viễn cảnh mới về vũ trụ và những khả năng vô hạn của nó. Người nói tới những điều bí truyền và với sự sáng sủa lạ thường của mình đã biến đổi nó thành điều công truyền, cái đã biết.

Đây là cuốn sách duy nhất của Người mà tôi đã đọc nói về quá khứ của Người theo những lời như vậy. Người đã mô tả thời gian và mối liên quan của nó tới cả kiếp sống trước đây của Người và các biến cố trong cuộc đời hiện tại của Người. Người mô tả tiến trình chết, Trung âm Tây Tạng, và tái sinh, không theo những lời thông thường của bàn tán và giả thuyết trí tuệ mà dưới dạng kinh nghiệm cá nhân riêng của Người, của người biết.

Điều Osho có khả năng lấy các khái niệm siêu hình như vậy và giải thích chúng theo cách đơn giản mà bao quát toàn diện cũng là một trong nhiều bí ẩn của Người.

Người là, như những chủ đề mà Người thảo luận trong tập sách này, bí ẩn như chính bản thân sự tồn tại vậy.

Swami Anand Yogendra, B.A., LL.B.

Poona, 12/1989

1. Không có điều gì khác để nói ngoại trừ điều này

*Tôi đã đọc sách của Thầy;
Tôi đã nghe Thầy.
Ngôn ngữ của Thầy duyên dáng quyến rũ và rất rõ ràng.
Đôi khi Thầy nói về Mahavira,
đôi khi Thầy nói về Phật
và đôi khi Thầy kể về Jesus và cả Mohammed nữa.
Thầy tiết lộ các bí mật của Gita theo cách thức cảm hứng nhất,
Thầy cho các bài nói về Upanishads và Vedas,
và Thầy sẽ không ngần ngại đi vào đền chùa
hay nhà thờ để cho bài nói.
Tuy thế, Thầy vẫn kiên định rằng Thầy không bị ảnh hưởng
bởi bất kì nhân cách nào được nhắc tới ở trên.
Thầy nói rằng Thầy chẳng liên quan gì tới họ
và Thầy không đồng ý với họ
Liên tục, Thầy phê bình và làm tan tành
từng mảnh những niềm tin và kinh sách tôn giáo cổ đại.
Mục đích của Thầy là gì?
Thầy có muốn thiết lập tôn giáo của riêng mình không?
Thầy có muốn chứng tỏ rằng Thầy có tri thức vô giới hạn không?
Hay Thầy muốn làm lẫn lộn mọi người?
Thầy nói và giải thích trong lời,
nhưng đồng thời Thầy lại nói rằng
"Các bạn sẽ chẳng đạt tới đâu bằng níu bám vào lời."
Thầy nói, "Đừng tin vào tôi cũng đừng níu bám lấy tôi;
bằng không các bạn sẽ phạm phải cùng sai lầm."
Thầy cũng nói rằng bản thân phủ định này là lời mời.
Xin Thầy giải thích Thầy là ai và là cái gì
và Thầy muốn làm và nói gì.
Ý định của Thầy là gì?*

Trước hết, tôi không bị ảnh hưởng bởi Mahavira, Phật, Christ hay Mohammed. Chính cái đẹp của tôn giáo theo một nghĩa nào đó là nó bao giờ cũng cổ. Chính theo nghĩa này mà kinh nghiệm tôn giáo mới được biết tới cho nhiều người. Không kinh nghiệm tôn giáo nào theo cách người ta có thể nói rằng "Nó là duy nhất của tôi."

Có hai lí do cho điều này. Thứ nhất, với việc có kinh nghiệm tôn giáo, cái cảm giác về cái "của tôi" chết đi. Đó là lí do tại sao, trong thế giới này, công bố về cái "của tôi" có thể được đưa ra cho mọi thứ, nhưng không cho kinh nghiệm tôn giáo. Đây là kinh nghiệm duy nhất rơi ra ngoài quỹ đạo của cái "của tôi," bởi vì kinh nghiệm này có thể có chỉ trên cái chết của cái "của tôi." Đó là lí do tại sao lời công bố về cái "của tôi" có thể có đó cho mọi thứ, nhưng không cho kinh nghiệm tôn giáo. Không ai có thể nói rằng một kinh nghiệm như vậy là mới, bởi vì chân lí không mới không cũ.

Chính theo nghĩa này mà tôi nói về Mahavira, Jesus, Krishna, Christ và những người khác: họ có kinh nghiệm tôn giáo. Khi tôi nói rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi họ, tôi chỉ ngụ ý rằng điều tôi nói bắt nguồn từ kinh nghiệm và tri thức riêng của tôi. Tôi nói về họ, tôi dùng tên họ, bởi vì điều tôi đã biết ăn khớp với điều họ đã biết. Nhưng với tôi tiêu chuẩn là kinh nghiệm của riêng tôi.

Với tiêu chuẩn đó tôi thấy họ đúng, và đó là lí do tại sao tôi dùng tên họ. Tôi đang nói điều tôi nói ra từ kinh nghiệm riêng của mình. Họ cũng chứng tỏ là đúng theo kinh nghiệm của tôi; do đó, tôi nói về họ. Họ là nhân chứng của tôi; họ là nhân chứng của kinh nghiệm của tôi nữa. Nhưng kinh nghiệm này không thể nào được gọi là mới. Vâng, theo một nghĩa khác, nó có thể được gọi là mới. Đây là điều khó hiểu và bí ẩn nền tảng của tôn giáo.

Kinh nghiệm tôn giáo có thể được gọi là mới bởi vì với bất kì ai mà kinh nghiệm này bùng lên, nó cũng tuyệt đối mới và xảy ra lần đầu tiên. Nó còn chưa xuất hiện trước đây. Nó có thể đã xuất hiện cho ai đó khác, nhưng cho người đã kinh nghiệm nó lần đầu tiên thì nó là mới. Nó cũng mới với người đó tới mức người đó không thể nào quan niệm nổi rằng một kinh nghiệm như vậy có thể đã xuất hiện cho ai đó khác.

Chừng nào mà kinh nghiệm này có quan hệ với tâm thức của một người, thì kinh nghiệm đó là lần đầu tiên. Kinh nghiệm đó mới lạ, tươi tắn đến mức bất kì ai kinh nghiệm nó cũng đều không bao giờ cảm thấy rằng nó có thể là cũ. Nó cũng giống như tươi tắn của bông hoa nở ra vào buổi sáng, cánh hoa ướt sương, những tia mặt trời đầu tiên rơi lên chúng. Nhìn vào bông hoa này, người có thể thấy nó lần đầu tiên không thể nói được rằng hoa này là cũ, cho dù mọi sáng hoa mới lại nở ra.

Mọi sáng giọt sương và tia mặt trời lại rơi vào bông hoa mới. Mất ai đó có thể đã thấy những bông hoa này hàng ngày, nhưng bất kì ai đã thấy bông hoa này lần đầu tiên trong sự sắp đặt này đều thậm chí không thể nào nghĩ rằng hoa này có thể đã được thấy trước đây. Nó mới đến mức nếu người đó nói rằng chân lí không bao giờ có thể cũ, rằng nó bao giờ cũng mới và nguyên gốc, thì người đó cũng không sai.

Chúng ta nói rằng tôn giáo là cổ kính và vĩnh hằng bởi vì chân lí là vĩnh viễn. Nhưng tôn giáo cũng mới, bởi vì bất kì khi nào chân lí được nhận ra,

kinh nghiệm đó là mới, tươi tắn, trong trắng. Nếu một người tin rằng tôn giáo là cũ hay nếu người đó tin rằng tôn giáo là mới, thì người đó sẽ không bị bất nhất với chân lí. Nếu người đó nói rằng chân lí là vĩnh hằng và kiên định rằng nó không thể mới, bạn sẽ không thấy người đó là bất nhất. Người khác, mặt khác, có thể gìn giữ rằng chân lí bao giờ cũng mới.

Gurdjieff, nếu được hỏi, sẽ nói rằng tôn giáo là vĩnh hằng và cổ đại; Krishnamurti, nếu được hỏi, sẽ nói rằng nó là tuyệt đối mới, rằng nó không bao giờ có thể là cũ. Nhưng cả hai người đều nhất quán.

Câu hỏi mà bạn hỏi tôi không thể được hỏi cho cả Gurdjieff lẫn Krishnamurti. Câu trả lời của họ sẽ chỉ là nửa chân lí. Nửa chân lí bao giờ cũng có thể nhất quán, nhưng toàn bộ chân lí bao giờ cũng bất nhất bởi vì trong chân lí toàn bộ thì cái đối lập cũng được bao hàm.

Một người có thể nói rằng ánh sáng và chỉ ánh sáng mới là chân lí. Thế thì người đó đốt nát về bóng tối và coi nó là giả. Nhưng chỉ bằng việc gọi bóng tối là giả, sự tồn tại của bóng tối không được phủ nhận. Người đó có thể nhất quán bởi vì người đó phủ nhận bóng tối và không bận tâm về sự tồn tại của nó. Triết lí của người đó có thể rõ ràng, trực tiếp và nhất quán như toán học. Trong triết lí của người đó sẽ không có điều bí ẩn. Tuy nhiên, người nào đó khác nói rằng có bóng tối và chỉ bóng tối ở mọi nơi, rằng ánh sáng chỉ là ảo tưởng, thì cũng có thể nhất quán.

Khó khăn nảy sinh với người nói rằng có bóng tối và có ánh sáng nữa. Người chấp nhận sự tồn tại của cả hai thì chấp nhận sự kiện rằng bóng tối và ánh sáng chỉ là hai đầu của cùng một điều. Nếu bóng tối và ánh sáng là hai thứ khác nhau, thế thì bằng việc tăng ánh sáng bóng tối phải không bị giảm đi, và bằng việc giảm ánh sáng thì bóng tối không được tăng lên. Nhưng thực tế là bằng việc tăng hay giảm ánh sáng, bóng tối có thể bị giảm hay tăng. Ý nghĩa là rõ ràng: rằng ánh sáng ở đâu đó là một phần của bóng tối và ngược lại. Cả hai là hai đầu của cùng một thứ.

Do đó, khi tôi cố gắng nói về chân lí *toàn bộ*, khó khăn là ở chỗ tôi dường như bất nhất. Tôi đang nói đồng thời hai điều dường như mâu thuẫn. Tôi nói rằng chân lí là vĩnh hằng và cũng sai để gọi nó là mới; đồng thời tôi cũng nói rằng chân lí bao giờ cũng mới và không có ý nghĩa trong việc gọi nó là cũ. Khi tôi nói cả hai điều này cùng nhau, tôi đang cố gắng bắt lấy chân lí toàn bộ ngay một lúc trong tính đầy đủ hoàn toàn của nó.

Bất kì khi nào chân lí được nói trong tính đầy đủ của nó, trong nhiều nghĩa của nó, thế thì những phát biểu đối lập, bất nhất sẽ phải được tạo ra. Lí thuyết của Mahavira về *syatavada* chỉ là nỗ lực làm cân bằng các cái nhìn đối lập. Ngược lại với bất kì cái gì được nói trong câu đầu tiên, một phát biểu đối lập sẽ phải được đưa ra trong câu thứ hai. Theo cách này, cái đối lập, sẽ còn lại không được nói ra, cũng được bao hàm và được lĩnh hội.

Nếu cái đối lập bị bỏ đi, chân lí sẽ vẫn còn là không đầy đủ. Do đó mọi

chân lí dường như rõ ràng và không mơ hồ đều là nửa chân lí. Bất nhất là cố hữu trong chân lí, và đó là cái đẹp và sự phức tạp của nó. Nhưng sức mạnh của nó nằm ở việc bao hàm các cực đối lập.

Điều thú vị là đề ý rằng cái gì đó giả thì không thể bao gồm cái đối lập của nó được. Cái là giả chỉ có thể sống tại cực đối lập với chân lí, trong khi chân lí lại hấp thu trong nó các cái đối lập của nó. Đó là lí do tại sao cái giả không phải rất mơ hồ; nó là rõ ràng.

Cuộc sống như một toàn thể là dựa trên các cực đối lập. Trong cuộc sống không có gì xuất hiện mà không có tranh đấu của các cái đối diện, nhưng chúng ta cố gắng bằng tâm trí mình và lí trí của mình để xoá bỏ đi sự bất nhất. Lí trí của chúng ta là nỗ lực để trở thành nhất quán trong khi cái toàn bộ sẽ tỏ ra là bất nhất. Trong sự tồn tại, mọi bất nhất đều có đó. Chết và sống nhất định là cùng nhau.

Logic dường như mạch lạc bởi vì nó phân chia mọi thứ thành các cái đối lập. Với logic, sống là sống và chết là chết; cả hai không thể đi cùng nhau. Trong logic chúng ta nói rằng A là A, và nó không là B. Chúng ta nói sống là sống; nó không phải là chết. Tương tự, chết là chết; nó không phải là sống. Theo cách này chúng ta tạo ra khái niệm của mình mạch lạc và toán học, nhưng bí ẩn của cuộc sống bị mất đi. Đó là lí do tại sao bạn không thể đạt tới bằng lí trí. Một mặt là nỗ lực để nhất quán, và mặt kia, bởi chính bản chất của nó, lại bất nhất. Do đó bạn có thể đạt tới nhất quán qua lí trí. Bạn có thể lập luận giỏi, logic đến mức bạn không thể bị thất bại trong biện luận. Nhưng bạn sẽ lỡ chân lí.

Tôi không phải là triết gia hay nhà logic, nhưng tôi bao giờ cũng dùng logic. Tôi đang dùng điều này chỉ với mục đích đưa việc suy nghĩ của các bạn tới điểm mà bạn có thể bị đẩy ra khỏi nó. Nếu lí trí mà không vét cạn, người ta không thể vượt ra ngoài nó được. Tôi đang trèo lên chiếc thang, nhưng chiếc thang này không phải là mục tiêu của tôi; nó phải bị bỏ đi. Tôi dùng lí trí chỉ để biết cái ở bên ngoài nó. Tôi không muốn thiết lập bất kì cái gì bằng lí trí. Điều tôi muốn thay vì thế là chứng minh cái vô dụng của nó.

Phát biểu của tôi do đó sẽ bất nhất và phi logic. Chừng nào mà chúng còn có vẻ logic, xin hiểu rằng tôi đang chỉ dùng một hệ thống để làm cho chúng có vẻ như vậy. Tôi đang chuẩn bị căn cứ cho điều theo sau. Tôi đang chỉnh nhạc cụ, âm nhạc vẫn còn chưa bắt đầu.

Nơi lẫn ranh giữa lí trí và vô lí trí bị mất đi chính là nơi cái nguyên bản, âm nhạc duy nhất của tôi bắt đầu. Ngay khi nhạc cụ đã hài hoà, âm nhạc sẽ bắt đầu. Nhưng chớ hiểu lầm việc chỉnh đàn là âm nhạc; bằng không điều đó sẽ gây ra khó khăn. Bạn sẽ hỏi, "Vấn đề là gì vậy? Trước đây thầy đã dùng cái búa cho trống. Sao thầy không dùng nó nữa?" Nhưng búa chỉ là để điều chỉnh trống, không phải để đánh trống. Một khi trống đã được chỉnh rồi, búa thành vô dụng. Trống không thể được đánh bằng búa.

Theo cùng cách này, lí trí chỉ là việc chuẩn bị cho điều bên ngoài lí trí. Một trong những khó khăn tôi gặp phải là ở chỗ những người chấp thuận lí trí của tôi sẽ thấy sau đó vài khoảnh khắc là tôi đang lôi họ vào vùng bóng tối. Chừng nào mà người ta còn có thể thấy lí trí, thì còn ánh sáng và mọi sự có vẻ sáng sủa và rõ ràng. Nhưng thế rồi ai đó sẽ nói rằng tôi đã hứa chỉ cho người đó ánh sáng mà bây giờ tôi đang nói về việc dẫn người đó và trong bóng tối. Do đó người đó sẽ không hài lòng với tôi và sẽ bảo tôi, "Tôi thích điều thầy đã nói cho tới giờ, nhưng tôi không thể đi thêm nữa với thầy được." Người đó đã tin cậy tôi lập luận ra chân lí cho người đó, và thế rồi tôi bảo người đó rằng người đó phải đi ra ngoài lập luận để đạt tới nó.

Những người tin vào tin cậy cũng sẽ không chấp nhận tôi, không theo tôi, không bước đi cùng tôi, bởi vì họ muốn tôi nói chỉ về những bí ẩn không thể nào hiểu nổi. Vậy, cả hai kiểu cá nhân này sẽ có vấn đề với tôi. Những người tin tưởng vào lí trí sẽ chỉ theo tôi cho tới điểm nào đó, trong khi những người tin vào tin cậy, người tin vào bất hợp lí, sẽ không theo tôi chút nào, chưa bao giờ hiểu rằng chỉ nếu họ theo đi quá một điểm nào đó thì tôi có thể đưa họ vào trong vô ý nghĩ.

Tôi hiểu điều này. Cuộc sống là giống vậy. Lí trí chỉ có thể là nhạc cụ, không phải là mục tiêu. Do đó tôi bao giờ cũng sẽ đưa ra những phát biểu phi logic sau khi nói về vấn đề toàn logic. Những phát biểu này sẽ dường như bất nhất, nhưng chúng đã được nghĩ kĩ và không được đưa ra mà không có lí do. Có lí do rõ ràng về phía tôi.

Tôi sẽ nói vào lúc nào đó rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi Mahavira, Phật, Krishna hay Christ, rằng tôi không nói điều gì dưới ảnh hưởng của họ, rằng mọi thứ tôi nói, tôi chỉ nói sau khi tự tôi biết nó. Dầu sao đi chăng nữa, khi tôi đi tới nhận biết của riêng mình, tôi đã biết rằng nó là đồng nhất với điều đã được đạt tới bởi những người khác đó trước tôi. Vậy, khi tôi nói về họ hay trích dẫn điều họ đã nói, bản thân tôi quên mất rằng tôi đã nói về họ. Tôi hội nhập với họ toàn bộ tới mức phát biểu của họ trở thành phát biểu của riêng tôi.

Trong thực tế, tôi chẳng thấy khác biệt gì giữa phát biểu của tôi và của họ cả. Khi tôi bắt đầu nói về họ thì có việc hiểu sâu sắc rằng tôi chỉ nói về mình. Do đó, khi tôi nhắc lại phát biểu của họ, tôi không tạo ra điều kiện gì. Tôi tan biến bản thân mình hoàn toàn trong họ và trong lời họ. Những người đã nghe tôi đều nói rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi những người này còn những người khác sẽ tự hỏi, "Làm sao Thầy trở thành một với họ được? Thậm chí những người dưới ảnh hưởng hoàn toàn của họ cũng chẳng làm thế; họ vẫn duy trì một khoảng cách."

Những người bị ảnh hưởng bởi ai đó hay cái gì đó sẽ, do cần thiết, phải duy trì một khoảng cách nào đó giữa họ và nguồn ảnh hưởng. Những người bị ảnh hưởng đều là người dốt nát. Chúng ta bị ảnh hưởng chỉ trong dốt nát.

Với việc tự biết mình thì chính từ 'ảnh hưởng' không có nghĩa.

Trong việc tự biết mình không có vấn đề về ảnh hưởng. Thay vì thế, có sự tương tự về kinh nghiệm, sự hài hoà tương tự, việc nghe thấy tiếng nói tương tự. Nếu tôi hát và cùng một nhịp điệu đang tới vào cùng lúc từ ai đó khác, thì nhịp điệu của tôi và nhịp điệu của ca sĩ kia là một với nhau đến mức không có chỗ giữa chúng tôi để bị ảnh hưởng. Để bị ảnh hưởng, để là đệ tử, khoảng cách là cần thiết, người khác là cần thiết.

Tuy nhiên, khi có liên quan tới tôi thì không có khoảng cách. Khi tôi bắt đầu giải thích một phát biểu của Mahavira hay khi tôi nói về Gita của Krishna, tôi chỉ giải thích ít nhiều những phát biểu của tôi. Krishna hay Christ hay Mahavira đưa ra cơ hội, cái cớ, một dịp để nói, nhưng tôi cũng sớm quên mất rằng tôi đang nói về họ. Tôi bắt đầu với họ, nhưng đến cuối chỉ có điều tôi đã biết. Tôi thậm chí không nhận biết khi nào tôi dừng nói về họ và bắt đầu giải thích phát biểu của riêng tôi, về khi nào tôi đã hội nhập toàn bộ với họ.

Có lẽ sẽ thú vị với bạn khi biết rằng tôi chưa từng đọc Gita thậm chí lấy một lần. Tôi thường hay bắt đầu đọc nó, nhưng khi đọc tám hay mười dòng tôi cảm thấy rằng thế là đủ và tôi gấp sách lại. Khi tôi nói về Gita, tôi thực sự nghe thấy nó lần đầu tiên khi tôi nói về nó. Vì tôi không có nền tảng trong nó, nên tôi không có cách nào mà phê bình nó. Người đã nghiên cứu Gita, người đã cân nhắc và suy nghĩ sâu sắc về các phát biểu của nó, chỉ thế thì mới có thể phê bình và định nghĩa điều mình đã đọc. Đã không đọc Gita, tôi không thể phê bình được.

Một điều thú vị nữa cần nói tới là ở chỗ khi tôi nhặt lấy cuốn Gita để đọc, tôi đặt trả lại nó sau vài khoảnh khắc, nhưng khi tôi bất chợt bắt gặp cuốn sách rất bình thường nào đó, tôi đọc nó từ đầu đến cuối bởi vì nó không phải là một phần kinh nghiệm của tôi. Điều này dường như là lạ với bạn. Tôi không thể nào cưỡng lại được bản thân mình khỏi đọc hết cuốn sách bình thường, bởi vì nó không ở trong phạm vi kinh nghiệm của tôi. Vâng, khi tôi bắt đầu đọc Gita, tôi đặt trả lại cuốn sách đó sau khi đọc chỉ vài dòng về nó, vì tôi cảm thấy rằng nó sẽ chẳng mở ra điều gì mới với tôi cả.

Nếu một tiểu thuyết trinh thám được trao cho tôi, tôi có thể đọc hết nó một hơi, bởi vì với tôi nó có thể là cái gì đó mới. Nhưng Gita của Krishna dường như là do tôi viết ra vậy. Tôi biết nó, bởi vì bất kì cái gì được viết trong nó đều được biết với tôi. Không cần đọc thì nó cũng đã được biết rồi.

Do đó, khi tôi nói về Gita, tôi thực sự không nói về Gita đâu; đây chỉ là cái cớ. Tôi bắt đầu với Gita, nhưng tôi nói chỉ về điều tôi muốn nói và chỉ về điều tôi có thể nói. Nếu bạn cảm thấy rằng tôi đã nhấn nhiều vào Gita, đây không phải bởi vì tôi bị ảnh hưởng bởi Krishna, mà bởi vì Krishna đã nói chính cùng điều tôi đang nói.

Vậy, điều tôi đang làm không phải là bình chú về Gita. Điều Tilak đã nói

về Gita, điều Gandhi đã nói về Gita, đều là bình chú hay giải thích của họ về Gita. Chúng là dưới ảnh hưởng sâu sắc của Gita. Nhưng điều tôi đang nói không tới từ Gita chút nào. Giai điệu đã được Gita chạm tới thì cũng được chạm tới trong tôi. Chúng dẫn tôi tới giai điệu của riêng tôi; tôi bắt đầu giải thích bản thân mình. Gita chỉ cung cấp cho tôi cơ hội. Khi tôi nói về Krishna, trong chính những khoảnh khắc tôi khải lộ sâu sắc nhất Krishna, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy rằng tôi đang nói về bản thân mình. Chính trong những khoảnh khắc đó mà tôi nói chỉ về tôi.

Cùng điều đó cũng đúng cho Mahavira, Christ, Lão Tử hay Mohammed. Với tôi, điều tạo ra khác biệt giữa người này với người khác chỉ là khác biệt về cái tên. Họ là những ngọn đèn khác nhau, nhưng ánh sáng chiếu sáng bên trong họ là một. Dù ánh sáng đó đang cháy trong ngọn đèn của Mohammed hay trong ngọn đèn của Mahavira hay của Phật cũng không tạo bất kì khác biệt gì cho tôi cả.

Nhiều lần tôi sẽ nói chống lại Mohammed hay Mahavira hay Phật. Điều này tạo ra vấn đề. Tôi đang nói chống lại họ nữa. Bất kì khi nào tôi dường như nói chống lại họ, đều dường như là như vậy bởi vì thính giả đang coi ngọn đèn là quan trọng. Nhưng với tôi, khi tôi làm khải lộ ra cái gì đó rất sâu, việc nhấn mạnh là vào ánh sáng. Cho nên bất kì khi nào tôi dường như nói chống lại, đây là vì việc nhấn mạnh là vào ngọn đèn chứ không vào ánh sáng.

Khi tôi thấy một người say mê ngọn đèn, say mê vật chất tạo nên nó, tôi bao giờ cũng nói chống lại ngọn đèn. Người đó sẽ bị lẫn lộn. Cũng tự nhiên là người đó sẽ bị lẫn lộn, bởi vì với người đó không có phân biệt giữa Mahavira và ngọn đèn và Mahavira và ánh sáng vĩnh hằng. Với người đó, ngọn đèn và ánh sáng là một. Đó là lí do tại sao, khi điều xuất hiện với tôi là ai đó đang đặt nhấn mạnh quá nhiều vào ngọn đèn, tôi bắt đầu nói chống lại nó. Khi tôi cảm thấy rằng chính ánh sáng được thảo luận, tôi trở thành một với nó. Đây là khác biệt.

Có khác biệt giữa ngọn đèn của Mahavira và ngọn đèn của Mohammed. Chỉ là do khác biệt này mà có khác biệt giữa người Jaina và người Mô ha mét giáo. Ngọn đèn được làm ra khác nhau. Ngọn đèn của Christ và ngọn đèn của Phật cũng khác nhau; chúng nhất định phải là như vậy. Nhưng những khác biệt này chỉ là ở thân thể, ở phụ cận và ở hình dạng.

Với những người cả tin vào hình dạng và phụ cận, ánh sáng đó sẽ không thấy được, bởi vì bất kì ai thấy ánh sáng sẽ quên đi ngọn đèn. Không thể có chuyện người ta sẽ vẫn còn nhớ tới ngọn đèn sau khi người đó đã thấy ánh sáng. Ngọn đèn chỉ được nhớ sau khi ánh sáng không còn được thấy nữa.

Hoàn cảnh của một tín đồ là ở chỗ người đó có thể chỉ ở lại trong bóng tối của ngọn đèn và nhìn ra từ đó. Từ đó người đó không thể thấy ánh sáng được; chỉ thấy được cái đáy của ngọn đèn thôi. Đáy của mọi ngọn đèn đều

khác nhau, và có bóng tối sâu sắc dưới chúng. Các tín đồ của họ bắt đầu cãi nhau về cái đấy. Do đó, bất kì khi nào tôi thấy ai đó đứng trong cái bóng của người nào đó, tôi nói chống lại điều này khá cay nghiệt.

Đó là lí do tại sao tôi bao giờ cũng nói rằng tín đồ không bao giờ có thể trở nên hiểu được. Trở thành tín đồ, người đó phải đứng trong cái bóng, trong bóng tối, phía dưới ngọn đèn. Một người càng là tín đồ, người đó càng trong bóng tối dày đặc. Những tín đồ đang đứng ở phần ngoại vi của bóng tối có thể hiểu người khác một chút, nhưng những người trực tiếp trong bóng tối dày đặc chẳng bao giờ có thể hiểu được. Tuy nhiên, nếu ai đó thực sự muốn thấy ánh sáng, người đó sẽ phải đi hoàn toàn ra khỏi phần ngoại vi của cái bóng. Một khi người đó thấy ánh sáng rồi, những tranh luận về ngọn đèn không còn có ý nghĩa gì với người đó nữa.

Vậy, với tôi, không có khác biệt gì dù tôi nói về Christ hay Krishna hay Phật. Tôi đang nói về cùng ánh sáng - ánh sáng đã thấp sáng nhiều ngọn đèn. Nhưng tôi không bị ảnh hưởng bởi ngọn đèn. Tôi đang nói chỉ về cái mà tôi biết. Bất kì khi nào tôi cảm thấy sự cộng hưởng nào đó, bất kì khi nào tôi cảm thấy rằng cùng một nốt đang rung động, tôi không có khả năng phủ nhận nó, bởi vì phủ nhận nó sẽ tương đương với sai. Nó sẽ giống như đứng quay lưng vào ánh sáng. Tín đồ bị sai lầm là ngồi dưới đáy ngọn đèn. Việc quay lưng lại và việc ngồi dưới cái bóng cả hai đều là sai lầm tương tự. Nhưng nếu bạn hỏi Krishnamurti, thì ông ấy sẽ không chấp nhận sự cộng hưởng này. Ông ấy sẽ không chấp nhận rằng bất kì cái gì đã xảy ra cho ông ấy cũng đều có thể đã xảy ra cho Krishna. Ông ấy sẽ không chấp nhận rằng điều đã xảy ra cho ông ấy cũng có thể đã xảy ra cho người khác nữa. Ông ấy sẽ không thảo luận về điều này.

Điều này là sai bởi vì chân lí là khách quan toàn bộ. Cái vĩ đại của chân lí không hề giảm đi nếu người ta chấp nhận rằng nó cũng được khai lộ cho ai đó khác. Ngược lại, tính vĩ đại của nó lại được nâng cao; nó không giảm đi. Chân lí không yếu đuối đến mức nó trở thành nhàm chán đơn giản bởi vì nó cũng đã được ai đó khác kinh nghiệm. Do đó, ý định phủ nhận rằng chân lí có thể được chia sẻ cũng là sai.

Do đó khó khăn của tôi là thế này: rằng *bất kì nơi đâu* tôi thấy chân lí, tôi sẽ chấp nhận nó. Tôi không bị ảnh hưởng chút nào. Nhưng bất kì chỗ nào tôi thấy rằng nhân danh chân lí mà người ta đang thay đổi cái gì đó không là chân lí thì tôi sẽ phủ nhận nó và đối lập nó. Bất kì điều gì tôi làm, tôi đều làm một cách toàn bộ. Đó là lí do tại sao tôi trở nên khó hiểu. Tôi đang chống lại thoả hiệp bởi vì qua thoả hiệp không ai có thể đạt tới chân lí được.

Chính bản tính của tôi là nói bất kì điều gì với tràn đầy sức mạnh của bản thể sống của tôi. Cho nên nếu ai đó đang nói về ánh sáng, tôi sẽ nói rằng Mahavira là Thượng đế, Krishna là hoá thân của Thượng đế và Jesus là con của Thượng đế. Nhưng nếu ai đó chỉ nói về những ngọn đèn và nói về những

điều này, thế thì tôi nói rằng người nói đó phạm phải hành động tội phạm. Trong cả hai trường hợp, bất kì điều gì tôi xác nhận, bất kì khi nào tôi xác nhận nó, tôi sẽ đồng ý hoàn toàn với điều tôi đã nói.

Khi tôi đang đưa ra một phát biểu về cái gì đó, tôi không nhớ tới phát biểu trước đây của mình về chủ đề này. Nhưng những phát biểu đó đúng và đầy đủ và không phủ định lẫn nhau. Nếu tôi đang nói về thân thể bạn, phát biểu của tôi sẽ hướng cái chết, nhưng nếu tôi nói về bạn thì tôi sẽ nói rằng bạn là bất tử. Tuy thế, đừng nghĩ rằng hai phát biểu này là đối lập nhau; chúng không phủ định lẫn nhau. Không có sự cần thiết cho bất kì thoả hiệp nào giữa chúng. Thân thể bạn nhất định sẽ chết; nó là hướng cái chết.

Nếu bạn tin rằng bạn là thân thể, thế thì tôi sẽ phát biểu với đầy sức mạnh rằng bạn sẽ chết. Tôi sẽ không cho phép thậm chí có đến một thoáng cơ hội nào để bạn được cứu thoát cả. Nếu việc thảo luận là về linh hồn, thế thì tôi sẽ nói rằng bạn chưa bao giờ sinh chút nào. Thế thì bạn và không sinh và bất tử; vấn đề về cái chết không nảy sinh. Hai phát biểu này là đầy đủ trong bản thân chúng; chúng không xoá bỏ lẫn nhau. Chiều hướng của chúng là khác, cho nên điều này tạo ra khó khăn.

Khó khăn thậm chí còn trở thành lẫn lộn thêm bởi vì tất cả những phát biểu của tôi đều được nói chứ không viết. Trong những phát biểu đã được viết ra đều có một loại dừng dừng nào đó. Chúng không đề cập tới ai cả. Thính giả hay độc giả không ngồi đối diện trong khi nó được viết ra. Thính giả hay độc giả ở ngoài bức tranh. Nhưng khi cái gì đó được nói ra, người nghe hiện diện và người đó cũng được tính tới. Vậy, bất kì khi nào tôi nói về cái gì đó, một mình tôi không chịu trách nhiệm cho những phát biểu đó. Thính giả cũng chịu trách nhiệm.

Do đó, trách nhiệm được chia sẻ. Tôi dứt khoát chịu trách nhiệm về những phát biểu đó, nhưng thính giả cũng chịu trách nhiệm cho việc tạo ra tình huống gọi cho những phát biểu đó được đưa ra theo cách thức đặc biệt. Nếu thính giả khác mà có đây, thì phát biểu của tôi có thể đã khác; trong sự hiện diện của người thứ ba, chúng có thể lại khác nữa; nếu phát biểu của tôi mà không dành cho bất kì ai, thế thì chúng lại khác nữa.

Mọi phát biểu của tôi đều có địa chỉ, và mọi lời nói ra đều sống hơn. Chúng nhận được cuộc sống từ diễn giả cũng như từ thính giả. Khi không có thính giả, diễn giả đang làm một loại cầu hướng tới cái gì đó không có đó. Không có bờ bên kia cho chiếc cầu vươn sang. Nhưng làm sao có thể có cầu mà lại không có đôi bờ? Không thể có được. Cây cầu đứng trên một bờ nhất định sẽ sụp đổ.

Do đó, trong thế giới này, mọi phát biểu có ý nghĩa về chân lí đều được nói chứ không viết. Nếu tôi viết điều gì đó, thì tôi viết thư, bởi vì thư cũng tốt như cái gì đó được nói ra. Nó cũng có địa chỉ. Tôi đã không viết ra cái gì ngoại trừ thư, bởi vì với tôi chúng là một cách nói. Người khác bao giờ cũng

có đó trước tôi khi tôi viết một lá thư.

Vậy, khi tôi nói trước hàng nghìn người vào một lúc, thế thì những phát biểu đó được nhân lên hàng nghìn. Khi những phát biểu này được ai đó tái tạo lại, người đó cũng đưa bản thân mình vào trong những phát biểu mà người đó tạo ra. Điều này tạo ra ngày càng nhiều khó khăn, nhưng điều đó là như nó thế và tôi không quan tâm tới việc làm nỗ lực nào để làm điều gì đó về nó. Tôi quan tâm rằng bạn nữa cũng hiểu đầy đủ khó khăn này. Nếu bạn hiểu cái phức tạp của chân lí được khai lộ, chỉ thế thì bạn mới trưởng thành.

Do đó tôi không quan tâm tới việc làm giảm đi sự phức tạp này, bởi vì trong nỗ lực để làm như vậy, tính toàn thể của chân lí bị phá huỷ. Nó có thể được làm đơn giản hoá, nhưng thế thì vài chi của nó sẽ bị cắt rời. Thế thì nó sẽ gần như là chết vậy. Cho nên tôi ít nhất cũng không quan tâm tới việc làm giảm độ phức tạp của nó. Mọi quan tâm duy nhất của tôi là ở chỗ bạn nên thấy cái đơn giản ở ngay tâm điểm của cái phức tạp. Thế thì bạn sẽ trưởng thành.

Nếu tôi muốn, tôi có thể làm cho cái phức tạp dường như là đơn giản. Không có khó khăn gì trong đó cả. Thế thì phát biểu của tôi sẽ trở thành rõ ràng và toán học và thế thì khó khăn của tôi sẽ qua đi. Nhưng tôi không lo nghĩ về khó khăn của mình; chúng không phải là khó khăn chút nào. Nhưng nếu bạn có thể thấy cái đơn giản trong cái phức tạp, nếu bạn có thể thấy chân lí với những mâu thuẫn của nó, nếu bạn có thể thấy cái nhất quán trong cái bất nhất, thế thì có sự trưởng thành và tầm nhìn của bạn sẽ được nâng lên. Và chỉ nếu tầm nhìn của bạn được nâng lên, bạn mới thấy nó. Chỉ thế thì cái phức tạp mới trở thành đơn giản cho bạn.

Khi trèo lên núi, chúng ta thấy nhiều con đường trên đường đi lên - khó khăn, đường dốc, cắt qua lẫn nhau. Nhưng khi lên tới đỉnh rồi, thì cũng con đường đó lại tỏ ra dễ dàng. Khi bạn có thể thấy mọi thứ trong tính toàn bộ của nó, trong sự mở rộng, bạn thấy rằng tất cả mọi con đường đều chạy lên đỉnh. Chúng không cắt lẫn nhau mà chúng cũng không chạy ngược nhau. Khi ai đó đang trèo lên, mọi con đường khác ngoại trừ con đường của người đó đều dường như là đường sai. Nhưng khi một người đang nhìn xuống từ trên đỉnh núi mà nói rằng mọi con đường đều dẫn tới đỉnh, hay khi người đó nói cho một người rằng con đường này là đúng và nói cho người khác rằng nó là sai, điều đó tạo ra lẫn lộn.

Tất cả mọi phát biểu của tôi đều dành cho ai đó; từng phát biểu của tôi đều có địa chỉ đúng. Những phát biểu như vậy là vì ích lợi của một người đặc biệt dưới dạng hoàn cảnh đặc biệt của người đó. Nếu tôi thấy một người với tâm trí bị phân chia trên con đường nào đó, và tôi bảo người đó rằng con đường này là đúng và rằng con đường khác là sai, thế thì phát biểu đó chỉ là vì ích lợi cho người đó. Sau khi đạt tới đỉnh, người đó cũng sẽ biết và sẽ cười khi thấy rằng những con đường khác cũng đi lên.

Tuy nhiên, nếu sau khi đạt tới nửa đường lên đỉnh người đó thấy bên cạnh mình con đường khác đi lên và bắt đầu bước theo nó, và nếu chút ít sau đó người đó thấy con đường thứ ba đi lên và lại muốn đi tiếp đó nữa, người đó có thể không đạt tới đỉnh chút nào với tâm trí phân chia, không chắc chắn như vậy. Với người như thế tôi sẽ phải nói, "Bạn đang trên đường đúng rồi. Đi tiếp đi; các đường khác đều sai." Nhưng nếu người khác trên con đường gần đó lại cũng trong tình huống tương tự, cũng là một tâm trí phân chia, tôi sẽ bảo anh ta cùng điều ấy: rằng con đường của anh ta là con đường đúng. Nếu hai người này ngẫu nhiên gặp nhau và so sánh hai phát biểu khác nhau này, điều đó sẽ tạo ra khó khăn.

Phật và Mahavira đã không phải đối diện với tình huống như thế này. Những phát biểu của họ không được ghi lại trong sự hiện diện của họ. Và sau năm trăm năm các tín đồ của họ mới gặp rắc rối bởi vì điều này. Câu hỏi mà các bạn đang hỏi tôi không thể nào được hỏi với Phật.

Do đó, sau năm trăm năm các giáo phái khác nhau mới hình thành. Những phát biểu đã được nói ra nhưng lại không được ghi lại, cho nên không có cách nào so sánh chúng. Điều này được nói cho người này, điều khác được nói cho người khác, và điều thứ ba nói cho người thứ ba, nhưng không người nào trong những người này đã ghi lại cái gì. Do đó, không có cơ hội nào để tìm ra bằng việc so sánh rằng người này đã được nói cho điều này, người khác đã được nói cho điều khác và người thứ ba được nói cho điều gì đó khác nữa. Những phát biểu này được đưa ra cho ba người khác nhau một cách riêng tư, vì ích lợi cá nhân của họ. Nhưng khi chúng được viết ra, vấn đề bắt đầu nảy ra.

Đó là lí do tại sao, trong một thời gian dài, các tôn giáo cũ cứ nhấn mạnh vào việc không chuẩn bị bất kì kinh sách nào. Khi mọi sự được ghi lại, mâu thuẫn bắt đầu lộ ra. Ngay khi chúng được viết ra, việc hỏi sẽ bắt đầu. Ban đầu các phát biểu là cá nhân. Ngay lập tức sau khi chúng được viết ra, chúng không còn là cá nhân nữa.

Cho nên khó khăn mà tôi đang đối diện thì Phật và Mahavira đã không phải đối diện. Nhưng bây giờ không có đường ra. Bây giờ, bất kì cái gì được nói ra đều sẽ được ghi lại, cho dù là nó được đề cập tới một người đặc biệt. Sau khi nó được ghi lại, nó sẽ trở thành tài sản của xã hội. Thế thì tất cả những phát biểu đó được đưa ra vào những lúc khác nhau cho những người khác nhau sẽ được thu thập lại với nhau, và sẽ khó để tìm ra duy nhất một sợi chỉ nhất quán.

Bây giờ, đây là cách thức nó phải xảy ra; không có cách khác. Và tôi nghĩ thế là tốt. Nếu các phát biểu được ghi lại trong sự hiện diện của Phật thì ông ấy có thể đã đáp lại chúng. Nhưng chúng đã được viết ra chỉ sau năm trăm năm. Thế thì, khi câu hỏi nảy sinh, không có Phật để đáp lại. Kết quả là ở chỗ người này đã tin vào phát biểu này là đúng thì sáng lập ra giáo phái

riêng của mình, trong khi người khác đã tin rằng phát biểu mâu thuẫn lại mới đúng lại thành lập ra giáo phái khác. Bất kì ai có một phát biểu đều lập ra một giáo phái. Mọi giáo phái được sinh ra theo cách này.

Với tôi không có khả năng nào cho bất kì giáo phái nào được sinh ra. Tôi có thể được hỏi một cách trực tiếp để làm sáng tỏ. Không cần phải đợi tới ngày mai; nó có thể được làm sáng tỏ ngay hôm nay.

Bạn cũng đã hỏi tôi làm sáng tỏ tại sao, mặc dầu tôi nói bằng lời, mà tôi vẫn kiên định rằng chẳng cái gì có thể được truyền đạt bằng lời. Với những người muốn nói, thì không có cách nào khác ngoại trừ dùng lời. Thông thường, tôi có thể diễn đạt điều tôi muốn nói chỉ bằng lời, nhưng cũng đúng là điều phải được nói thì không thể nào được truyền đạt qua lời. Cả hai điều này đều đúng. Tình huống của chúng ta là ở mức chúng ta chỉ có thể nói bằng lời. Không có cách khác cho đối thoại.

Chúng ta nên thay đổi tình huống này. Với những người có thể đi vào trong thiên sâu, đối thoại là có thể thậm chí không lời. Nhưng để đem họ vào trong thiên sâu, ban đầu tôi sẽ phải dùng lời. Một thời điểm sẽ tới, sau nỗ lực liên tục lâu dài, khi việc trao đổi sẽ thành có thể mà không có lời. Nhưng khi thời điểm đó chưa tới, tôi sẽ phải diễn đạt qua lời.

Để mang bạn vào trong thế giới vô lời, tôi sẽ phải dùng lời; đây là tình huống. Nhưng nó cũng đầy những nguy hiểm nữa. Tôi sẽ phải nói trong lời, biết rất rõ rằng nếu bạn níu bám lấy lời, nếu bạn tin vào chúng như chúng hiện thế, thì mọi rắc rối chúng ta đang nhận sẽ trở thành vô dụng. Chúng ta đang cố gắng đạt tới vô lời, nhưng chúng ta phải nói thành lời. Điều đó cực kì bất lực; không có phương án nào khác. Nếu bạn níu bám lấy lời, toàn bộ nỗ lực trở thành vô dụng bởi vì mục đích là để đưa bạn vào vô lời. Trong khi nói chỉ bằng lời chúng ta sẽ phải nói chống lại lời, và trong việc nói chống lại lời đó chúng ta cũng sẽ phải dùng lời. Không có cách khác.

Người ta có thể trở nên im lặng; không có khó khăn gì. Có những người đã trở nên im lặng bởi vì khó khăn này. Họ tránh sự phức tạp, nhưng họ biết rằng điều họ phải nói không thể được truyền trao.

Tôi không có khó khăn gì trong việc trở thành im lặng. Tôi có thể trở nên im lặng, và sẽ không ngạc nhiên gì nếu tôi trở thành như vậy bởi vì điều tôi đang cố gắng làm dường như là nỗ lực gần không thể được. Tôi đang cố gắng làm điều không thể thành có thể. Nhưng bởi việc trở thành im lặng của tôi thì chẳng cái gì có thể được đạt tới cả, chẳng cái gì có thể được truyền trao cho các bạn cả. Nguy hiểm là cái được đạt tới, chẳng cái gì có thể được truyền trao cho bạn. Nguy hiểm này là một.

Nếu tôi nói, bạn sẽ níu bám vào lời. Nguy hiểm là ở chỗ nếu bạn níu bám lấy lời, điều tôi muốn truyền trao và đạt tới sẽ không xảy ra. Nhưng nếu tôi trở nên im lặng, không có vấn đề truyền trao cái gì cả. Trong trường hợp thứ nhất, nếu tôi nói, có khả năng là điều tôi đã nói sẽ đạt tới người nào đó. Nếu

tôi nói với một trăm người, sẽ có ít nhất một người có lẽ có thể nhận được điều tôi đã nói mà không níu bám vào lời. Với chín mươi chín người kia, nỗ lực này sẽ là vô dụng. Thì cứ để nó là như vậy đi! Theo cách này ít nhất một cái gì đó có thể được truyền trao cho một người, nhưng nếu tôi trở nên im lặng thì thậm chí một khả năng đó cũng không có đó. Do đó, nỗ lực của tôi vẫn tiếp tục.

Điều thú vị là để ý rằng người tin rằng mọi thứ có thể được truyền trao bằng lời thì không nói nhiều. Người đó nói ít, và đó là mục đích của nó. Nhưng người người tin rằng mọi thứ không thể nào được diễn đạt qua lời sẽ nói nhiều, bởi vì dù người đó nói nhiều đến đâu đi chăng nữa, người đó vẫn biết rằng điều mình phải nói vẫn chưa được truyền trao. Người đó sẽ nói đi nói lại mãi và mãi.

Việc nói này của Phật qua một thời kì dài, hết sáng tới tối trong bốn mươi năm, cũng là không hiện hữu bởi vì ông ấy nghĩ rằng bằng lời mọi thứ có thể được diễn đạt hay truyền trao. Đây là bởi vì mọi lúc, sau khi nói, ông ấy đều cảm thấy rằng điều phải được nói vẫn còn chưa truyền trao được. Cho nên Phật sẽ nói nữa. Ông ấy sẽ nói theo cách khác nhau nào đó, theo cách thức khác nhau nào đó, theo lời khác nhau. Đó là lí do tại sao bốn mươi năm đã trôi qua trong việc nói.

Nhưng thế thì nỗi hoảng sợ vẫn còn lại rằng nếu tôi nói trong thời kì lâu thế đến bốn mươi năm, có thể xảy ra là mọi người sẽ chỉ ôm giữ lấy lời tôi. Bởi vì trong bốn mươi năm phương pháp của tôi để trao cho là qua lời. Tôi phải cứ hò hét mãi, "Đừng bám lấy lời tôi!" Đây là tình huống đặc thù. Tuy nhiên, không có lối thoát khỏi nó.

Để đưa người ta vượt ra ngoài lời, lời sẽ phải được dùng tới, không có cách nào khác. Tình huống này là cái gì đó giống thế này: có một căn phòng, và để đi ra khỏi phòng, phải bước năm hay mười bước ngay trong bản thân căn phòng. Từ nơi chúng ta đang ngồi, phải đi năm hay mười bước mới ra được. Ai đó có thể hỏi, "Bằng cách bước đi bên trong căn phòng này, làm sao người ta có thể đi ra khỏi nó được?" Mọi thứ tùy thuộc vào cách bạn bước trong phòng.

Nếu một người bước lòng vòng quanh phòng, người đó có thể bước đến hàng dặm mà người đó sẽ không ra khỏi phòng. Nhưng một người có thể bước trực tiếp hướng tới cửa nữa - không theo vòng tròn, mà theo đường thẳng. Nếu trong khi bước người đó bước đi theo vòng tròn, người đó đơn thuần bước quanh phòng. Nếu người đó bước theo đường thẳng hướng tới cửa, người đó có thể bước ra qua cửa nữa. Nhưng trong cả hai trường hợp này người đó sẽ bước chỉ trong phòng.

Nếu tôi bảo một người đã bước nhiều vòng trong phòng rằng người đó có thể chỉ bước mười bước thôi và người đó sẽ ra khỏi phòng, người đó ngay lập tức sẽ hỏi tôi liệu tôi có phát điên không. Người đó sẽ nói, "Thầy nói chỉ

bước mười bước nhưng tôi đã bước cả vài dặm rồi mà vẫn chưa ra khỏi phòng." Người đó không nói điều gì sai cả, nhưng người đó đơn giản cứ đi vòng tròn mãi.

Điều thú vị là đề ý rằng trong thế giới này mọi thứ đều đi vòng tròn cả. Chuyển động của chúng ta là vòng tròn. Mọi chuyển động đều vòng tròn. Chẳng nào bạn còn chưa làm nỗ lực, mọi sự còn cứ chuyên vòng tròn. Để bước thẳng đòi hỏi nỗ lực đáng kể.

Trong thế giới này, mọi chuyển động đều theo vòng tròn. Dù đó là một nguyên tử hay căn phòng hay cuộc sống của con người hay ý nghĩ, mọi thứ đều chuyển vòng quanh và vòng quanh trong thế giới này. Bước thẳng đòi hỏi nỗ lực; bước thẳng bản thân nó là một thành tựu lớn.

Bạn không hiểu vào khoảnh khắc nào bạn bắt đầu bước theo vòng tròn. Đó là lí do tại sao hình học lại nói rằng đường thẳng không thể vẽ được. Mọi đường thẳng đều chỉ là một phần của vòng tròn lớn. Chúng ta có ảo tưởng về đường thẳng, nhưng không có điều như vậy là đường thẳng trong thế giới này. Đường thẳng không thể được vẽ; nó chỉ là định nghĩa. Euclid nói rằng đường thẳng chỉ là một định nghĩa. Nó là tưởng tượng; nó không thể được vẽ ra. Dù chúng ta có vẽ một đường thẳng đến thế nào, chúng ta chỉ có thể vẽ nó trên mặt đất. Mà trái đất lại tròn, đường vẽ cũng sẽ tròn. Chúng ta có thể vẽ đường thẳng trong phòng này, nhưng nó là một phần của vòng tròn lớn của trái đất.

Nó có cong không?

Nó là đường cong nhỏ tới mức chúng ta không thể thấy được nó. Nhưng nếu chúng ta cứ kéo dài nó theo một đầu, chúng ta sẽ thấy rằng nó thực sự là vòng tròn đi quanh thế giới. Chúng ta sẽ thấy rằng đường thẳng đã trở thành tròn; đó là lí do tại sao lại không thể vẽ ra được đường thẳng.

Khi chúng ta nghĩ về nó sâu sắc, vấn đề lớn nhất trong thiên là ở chỗ mọi ý nghĩ đều vòng tròn. Thậm chí tâm thức chúng ta cũng chuyển theo vòng tròn. Điều gian nan nhất, điều *tapascharya* vĩ đại nhất, khổ hạnh, là lấy cái nhảy ra khỏi chuyển động vòng tròn này. Nhưng dường như không có cách ra.

Lời cũng chuyển theo vòng tròn. Chúng ta chưa bao giờ có bất kì ý tưởng nào về cách thức lời có thể thành vòng tròn, nhưng lời *quả* là vòng tròn đấy. Khi bạn định nghĩa một từ, bạn dùng các từ khác. Nếu bạn mở từ điển ra và thấy từ 'người', bạn sẽ thấy nghĩa là 'con người'. Thế rồi nếu bạn lại tìm chữ 'con người', thì nghĩa là 'có phẩm chất của người'. Tất cả điều này là gì? Nó là điên khùng lớn lao. Chúng ta không biết cách định nghĩa người hay con người. Điều này có nghĩa gì?

Những người tham khảo từ điển đều không có ý tưởng gì về từ điển là vòng tròn. Từ này được dùng để định nghĩa từ thứ hai và từ thứ hai được dùng để định nghĩa từ thứ nhất. Người là con người và con người là người.

Định nghĩa về người là ở đâu? Vậy, tất cả các định nghĩa đều vòng tròn; mọi nguyên tắc đều vòng tròn. Để giải thích một nguyên tắc này bạn dùng nguyên tắc kia, và để giải thích nguyên tắc kia bạn dùng nguyên tắc này. Tâm thức chúng ta là vòng tròn. Đó là lí do tại sao trong tuổi già chúng ta cư xử như trẻ con. Vòng tròn hoàn chỉnh.

Dù bao nhiêu lời có thể được nói ra, chúng cũng chỉ chuyển theo vòng tròn. Lời đi vòng quanh; chúng không thể bước thẳng được. Nếu bạn bước thẳng, bạn sẽ bước qua chúng vào vô lời. Nhưng bởi vì chúng ta đang sống trong lời, nếu tôi có cái gì đó nói ra chống lại lời, tôi sẽ phải dùng lời để nói nó. Đây là một kiểu điên khùng, nhưng tôi không có lỗi. Tôi nói với hiểu biết rằng không lời thì bạn không thể hiểu được, và thế rồi tôi nói chống lại lời với hi vọng rằng bạn sẽ không níu bám vào chúng. Nếu điều này xảy ra, chỉ thế thì tôi mới có khả năng truyền đạt điều tôi muốn.

Nếu bạn hiểu chỉ lời tôi, bạn sẽ bỏ lỡ điều tôi đã nói. Bạn sẽ phải hiểu lời tôi, nhưng cùng với điều này, bất kì cái gì được chúng chỉ ra về thế giới vô lời cũng sẽ cần phải được hiểu. Do đó, tôi sẽ cứ nói chống lại kinh sách cho dù điều tôi đang nói bản thân nó có thể trở thành kinh sách. Mọi kinh sách đều được làm giống vậy. Không một kinh sách có giá trị nào mà trong đó bạn sẽ không tìm thấy những phát biểu chống lại lời. Điều đó có nghĩa là không có kinh sách nào không chứa những phát biểu chống lại bản thân kinh sách, dù nó là Gita hay Koran hay Kinh Thánh, hay thậm chí với Mahavira hay Phật.

Không có lí do để tin rằng cái gì đó khác sẽ xảy ra với tôi. Cùng hiệu quả không thể có sẽ tiếp tục. Trong khi cứ nói đi nói lại mãi chống lại lời, tôi sẽ phải nói nhiều lời. Người này hay người khác có thể bắt giữ chúng và làm ra kinh sách từ chúng. Nhưng tôi không thể dừng việc nói bởi vì có một cơ hội trong hàng trăm cơ hội trở thành kinh sách. Chỉ nếu tôi dừng việc nói thì mới có cái bảo vệ chống lại cơ hội này. Tuy nhiên, không có cơ sở cho nỗi hoảng sợ này, bởi vì ai đó sẽ tới sau một chút và người này sẽ nói chống lại lời tôi và kinh sách sẽ được làm ra từ chúng. Không cần phải hoảng sợ!

Nhưng một điều lạ xảy ra ở đây và nó là thế này: Trong tương lai, công việc của tôi trên thế giới này sẽ được làm thêm nữa bởi chính người nói chống lại tôi. Hôm nay điều đó giống thế này: Nếu một người muốn làm việc cho Phật, người đó sẽ phải nói chống lại Phật. Lời của Phật đã được nhiều người nhặt lấy như hòn đá cũ, và những hòn đá này không thể bị vứt đi chừng nào Phật còn chưa bị vứt đi. Với việc sùng bái Phật, những hòn đá này đã tự đặt mình vào ngực của những người đã nhặt chúng. Nếu đá này bị vứt đi, Phật cũng sẽ phải bị kéo xuống; bằng không đá cứ còn mãi.

Bây giờ bạn có thể hiểu bất lực của tôi. Bạn có thể hiểu tại sao tôi phải nói chống lại Phật, cho dù tôi biết rất rõ rằng tôi đang làm công việc của ông ấy. Nhưng bằng cách nào khác để những người níu bám vào cái tên Phật hay

lời Phật có thể được chuyển? Chừng nào Phật còn chưa được chuyển, họ không thể được chuyển. Để chuyển họ chúng ta phải làm chủ rắc rối của việc làm rối loạn Phật một cách không cần thiết.

Chừng nào mà Veda còn chưa được vứt bỏ đi, không có cách nào chuyển những người như vậy. Họ níu bám lấy Veda. Chừng nào một người còn chưa được thuyết phục rằng Veda là vô dụng, người đó sẽ không vứt bỏ chúng. Nếu với một lần cho mọi lần, tâm trí có thể được làm trống rỗng, thì cái gì đó hơn nữa có thể được làm.

Nhưng sau tiến trình làm trống rỗng này tôi sẽ nói cùng điều như Veda đã nói. Thế thì khó khăn lại tăng thêm. Những người bạn giả và kẻ thù giả cứ hình thành một cách không cần thiết. Như mọi vật hiện hữu, chín mươi chín trong số một trăm người gặp bạn giả và kẻ thù giả. Bạn giả là người sẽ lấy điều tôi nói làm kinh sách, còn kẻ thù giả là người tin rằng điều tôi nói là chống lại kinh sách và rằng tôi là kẻ thù của kinh sách. Nhưng mọi sự đều giống thế này, nó sẽ tất yếu xảy ra như thế này, và không cần phải lo nghĩ về nó. Như thế là tình huống đây.

Vậy Thầy không muốn viết sao?

Không, tôi không muốn viết. Có nhiều lí do tại sao tôi không muốn viết. Bởi một điều, viết là ngớ ngẩn và vô dụng. Nó là vô dụng bởi vì tôi sẽ viết cho ai? Với tôi, viết dường như là giống viết thư mà không biết địa chỉ. Làm sao tôi có thể đóng nó vào trong phong bì và gửi nó đi khi tôi không biết địa chỉ?

Một phát biểu bao giờ cũng có địa chỉ. Những người muốn nói cho quần chúng thì viết. Đây là cách họ đề cập tới đám đông không biết. Nhưng đám đông càng không biết, lại càng ít điều có thể được nói. Và các cá nhân được đề cập tới càng gần hay càng được biết, đối thoại càng có thể sâu sắc hơn.

Chân lí sâu sắc hơn chỉ có thể được nói cho người đặc biệt. Với đám đông, chỉ những điều đơn giản, tạm thời mới có thể được nói. Đám đông càng lớn, càng ít có hiểu biết, và đám đông càng không biết, người ta càng phải xuất phát với giả thiết trước rằng sẽ không có hiểu biết nào. Vậy, càng nhiều học vấn được dành cho đám đông, càng xuống thấp dưới đất và đơn giản nó sẽ hiện hữu. Bay trên trời là không thể được với loại học vấn này.

Nếu bạn tìm thấy sắc thái tinh tế của nghĩa trong thơ của Kalidas và bạn không thấy chúng trong thơ của các nhà thơ hiện đại, đây không phải là do khác biệt nào giữa Kalidas và nhà thơ hiện đại đâu. Đây là vì tính thơ ca của Kalidas được đề cập và trích dẫn trong sự hiện diện của hoàng đế hay vài người được lựa chọn, trong khi bài thơ hiện đại thì được in trong báo. Báo chí có thể được đọc trong khi uống trà trong tiệm trà, trong khi ăn lạc, trong khi hút thuốc. Bài thơ có thể chỉ được liếc nhìn qua. Vậy thì nó được viết ra cho ai? Nhà thơ hiện đại không quan tâm để biết. Người đó phải viết cho mọi người, cho mẫu số chung bé nhất. Người đó phải tính tới mọi người

trong khi viết.

Khó khăn của tôi là ở chỗ cho dù những người là giỏi nhất trong chúng ta, cũng khó kể lại chân lí. Với những người kém hơn những người giỏi nhất đó, với người bình thường, vấn đề có liên quan tới chân lí không nảy sinh. Chỉ những người trong chúng ta nằm trong số vài người được chọn mới có thể hiểu vấn đề sâu sắc nhất. Nhưng ngay cả trong số ít ỏi những người được chọn này, chín mươi chín trong số một trăm người sẽ bỏ lỡ điều tôi đã nói. Cho nên không có nghĩa trong việc nói những điều như vậy cho đám đông, và việc viết được thực hiện cho đám đông.

Cũng có những lí do khác cho việc không viết. Tôi tin rằng khi phương tiện người ta dùng mà thay đổi, thì nội dung cũng thay đổi. Với việc thay đổi phương tiện, chủ đề không còn như cũ nữa. Phương tiện đặt ra những hoàn cảnh của riêng nó và làm thay đổi điều được nói.

Điều này không phải là dễ hiểu được. Khi tôi nói, đây là một kiểu phương tiện. Cả lòng trao đổi sống động. Thính giả đang sống và tôi cũng đang sống. Khi tôi nói, thính giả không chỉ nghe: người đó còn thấy. Cách diễn đạt thay đổi của khuôn mặt tôi, những thay đổi thoáng chốc được phản ánh trong mắt tôi, việc đưa lên và hạ xuống ngón tay tôi, tất cả đều được người đó thấy. Người đó không chỉ nghe lời tôi: người đó cũng còn thấy chuyển động của môi tôi. Đây không chỉ là lời của tôi nói ra, nó cũng còn là môi tôi nói nữa. Mắt tôi cũng nói điều gì đó. Tất cả những điều này được thính giả đón nhận. Nội dung điều tôi đã nói sẽ khác trong tâm trí của thính giả hơn là trong tâm trí của độc giả bởi vì tất cả những điều này sẽ trở thành một phần của nó.

Khi ai đó đọc một cuốn sách, thế thì tại chỗ của tôi chỉ có chữ đen và mực đen, không cái gì khác. Tôi và mực đen là không tương đương. Không có cho và nhận. Theo một kiểu thì không có cử chỉ hay sự thay đổi cách diễn đạt nào xảy ra, không khung cảnh hay bức tranh nào được tạo ra cả. Không có cuộc sống; nó là thông điệp chết. Khi người ta đang đọc một cuốn sách, một phần rất có ý nghĩa của thông điệp, cái vẫn còn sống trong khi tôi nói bị mất đi. Trong tay độc giả chỉ có những phát biểu chết.

Điều thú vị là để ý rằng độc giả có thể ít chăm chú hơn thính giả phải thế. Khi một người nghe, thì mức độ chăm chú mà người đó bỏ ra còn lớn hơn nhiều khi người đó đọc. Trong khi nghe người ta phải chăm chú hoàn toàn và tập trung, bởi vì điều đã được nói ra sẽ không được lặp lại. Bạn không thể làm sống lại phần không hiểu hay phần đã hiểu; chúng mất đi rồi. Mọi khoảnh khắc tôi đang nói, điều được nói trở nên bị mất đi trong vực thẳm không đáy. Nếu bạn nắm bắt được nó, thì bạn nắm bắt được nó. Bằng không nó chảy đi mất và nó sẽ không quay lại.

Trong khi đọc một cuốn sách không có nỗi hoảng sợ như thế, bởi vì bạn có thể đọc đi đọc lại cùng trang mãi. Do đó không cần thiết phải rất chăm

chú trong khi đọc sách. Đó là lí do tại sao cái ngày lời bắt đầu được viết ra thì cũng là ngày sự chăm chú trở nên kém đi. Nó nhất định phải là như vậy.

Với một cuốn sách, nếu bạn còn chưa hiểu điều gì đó, bạn có thể lật lại trang và đọc lại nó. Nhưng việc nói của tôi không thể nào đi lại được. Cái bị bỏ lỡ là mất. Tri thức về điều được nói ra bị mất mãi mãi nếu bị bỏ lỡ và không thể được lặp lại. Điều này giữ sự chăm chú của bạn tại đỉnh đầy đủ. Nó giúp giữ tâm thức của bạn ở tỉnh táo tối đa. Khi bạn đọc chuyện giải trí, nếu cái gì đó bị bỏ lỡ, cũng chẳng hại gì; bạn có thể đọc lại nó. Với một cuốn sách, việc hiểu là kém hơn và nhu cầu lặp lại tăng lên. Khi sự chăm chú giảm xuống, việc hiểu cũng giảm xuống.

Do đó, không phải là không có lí do mà Phật, Mahavira và Jesus tất cả đều chọn việc nói làm phương tiện cho truyền trao thông điệp của họ. Họ có thể viết chữ, nhưng họ đã chọn phương tiện này. Họ đã làm điều đó bởi hai lí do: Một, bởi vì lời nói ra là phương tiện bao quát được tất cả; nhiều điều có thể được nói. Có nhiều điều được gắn với lời mà lại mất đi trong viết.

Đó là lí do tại sao, nếu bạn nghĩ về nó, bạn sẽ chú ý rằng cái ngày phim bắt đầu, tiểu thuyết mất tầm quan trọng của chúng. Điều này là vì phim đã làm mọi sự sống lại. Ai sẽ đọc tiểu thuyết? Đây là một thứ chết. Tiểu thuyết không thể sống lâu được. Nó có thể trở nên bị mất đi như một dạng nghệ thuật bởi vì chúng ta bây giờ đã có những phương tiện sống động hơn, điều McLuhan gọi là phương tiện "nóng". Ti vi và phim là những phương tiện sống, phương tiện nóng. Có nhiệt trong máu chúng.

Nhưng lời được viết là phương tiện lạnh, lạnh đến chết. Không có cuộc sống trong nó; không máu chảy trong nó. Thậm chí điện thoại của bạn cũng có thể trở nên lạc hậu ngay khi điện thoại hình xuất hiện, cũng như radio bắt đầu trở nên lạc hậu với việc đến của ti vi. Radio đã trở thành phương tiện tương đối lạnh hơn trong khi ti vi là phương tiện nóng. Và với tôi việc nói là phương tiện nóng; có máu và tim trong nó.

Cho tới giờ chúng ta vẫn chưa có khả năng tìm ra đủ cách để thêm nhấn mạnh cho lời được viết ra. Nếu tôi muốn nhấn mạnh điều gì đó khi tôi nói, tôi có thể nói to lên chút ít. Tôi có thể thay đổi sắc thái trong giọng tôi, nhịp điệu tiếng nói của tôi; thế thì nhấn mạnh được truyền đạt. Nhưng trong những từ của cuốn sách thì không có cách như vậy. Từ chỉ như chết. Trong một cuốn sách, từ tình yêu là tình yêu dù nó được viết ra bởi một người làm tình hay không làm tình, hay bởi người sống trong tình yêu hay bởi người không biết tình yêu là gì. Không có sắc thái, không có nhịp điệu, không có sống, không có rung động. Nó là chết.

Khi Jesus nói lời cầu nguyện, nghĩa của nó không phải là một như khi ai đó viết cùng từ đó trong cuốn sách. Toàn bộ cuộc sống của Jesus là lời cầu nguyện, từ đầu cho tới cuối. Mọi mảnh của ông ấy đều là lời cầu nguyện; mọi li thân thể ông ấy đều tràn đầy với nó. Vậy, điều Jesus truyền đạt khi

ông ấy nói lời cầu nguyện là rất khác với điều được truyền đạt bởi từ này trong từ điển.

Bất kì khi nào người ta nói, ngay lập tức điều đó tạo ra một loại điều chỉnh, đi vào tiếp xúc với thánh giả. Linh hồn của diễn giả tiếp cận ngay tới linh hồn của thánh giả. Cánh cửa được mở ra; sự phòng thủ của thánh giả bắt đầu nhường chỗ.

Khi bạn nghe, nếu bạn tràn đầy chăm chú, suy nghĩ của bạn phải dừng lại. Bạn càng chăm chú khi bạn nghe, bạn sẽ càng ít nghĩ đi. Cánh cửa của bạn mở ra; bạn trở thành nhạy cảm nhiều hơn với người khác. Bây giờ điều gì đó có thể đi vào một cách trực tiếp không bị cản trở; bạn và diễn giả trở nên biết lẫn nhau. Theo một nghĩa rất sâu, mối quan hệ hài hoà được thiết lập. Việc nói tới từ bên ngoài, ấy vậy mà nó vang vọng sâu bên trong thánh giả.

Mối quan hệ như thế không thể nào được thiết lập khi người ta đọc, bởi vì người viết vắng mặt. Khi bạn đọc, nếu bạn không tự động hiểu điều gì đó thì bạn phải làm nỗ lực để hiểu nó. Nhưng khi nghe bạn sẽ hiểu mà không có nỗ lực.

Nếu bạn đọc một cuốn sách dựa trên việc nói của tôi mà đã được thuật lại đúng nguyên văn, thế thì bạn sẽ quên mất rằng bạn đang đọc bởi vì bạn biết tôi. Sau vài khoảnh khắc, bạn cảm thấy rằng bạn không đọc - rằng bạn đang nghe. Nhưng nếu cách diễn đạt bị thay đổi hay phong cách bị hơi thay đổi trong tường thuật, nhịp điệu và hài hoà sẽ bị phá vỡ. Khi những người đã nghe tôi mà đọc những lời nói của tôi, việc đọc trở thành gần như nghe tôi. Nhưng có khác biệt bởi vì, dầu vậy, việc thay đổi phương tiện làm thay đổi ý định của điều được nói.

Khó khăn là ở chỗ điều tôi định nói sẽ thay đổi tương ứng với hình thức diễn đạt. Nếu tôi dùng thơ ca, nó sẽ áp đặt những điều kiện riêng của nó: sự thu xếp đặc biệt các lời, bác bỏ hay chọn lựa chủ đề đặc thù, phá vỡ hay cắt bỏ những điều đặc biệt. Nếu cần để diễn đạt cùng điều trong văn xuôi, nội dung sẽ khác hoàn toàn.

Đó là lí do tại sao, phần lớn, tất cả các sách vĩ đại trên thế giới đều đã được viết dưới dạng thơ ca. Điều được nói vượt ra ngoài logic đến mức khó mà diễn đạt nó dưới dạng văn xuôi. Văn xuôi là rất logic; thơ ca rất phi logic. Việc thiếu logic là được phép và được tha thứ trong thơ ca, nhưng không trong văn xuôi. Trong thơ ca, nếu bạn đi vượt ra ngoài một chút với việc hiểu logic tại nhiều chỗ, bạn được phép làm như vậy. Không được làm như vậy cho văn xuôi.

Bởi vì thơ ca chiều sâu là phi logic, văn xuôi chiều sâu phải logic. Nếu bạn định viết Upanishad hay Gita trong văn xuôi thì bạn sẽ thấy rằng cái làm cho nó sống động bị mất đi. Phương tiện đã thay đổi, và điều đẹp như thơ ca sẽ thành vụng về và chán ngán như văn xuôi. Chúng không logic, nhưng, văn

xuôi sẽ cố gắng làm cho chúng như vậy bởi vì văn xuôi là việc bố trí logic.

Upanishad đã được trích dẫn dưới dạng thơ ca; Gita cũng vậy. Nhưng Phật và Mahavira đã không nói dưới dạng thơ ca. Có lí do cho sự thay đổi này. Kể từ thời của Upanishad và Gita được viết ra, thế giới đã thay đổi. Thời kì đó khi chúng được viết ra, theo một nghĩa nào đó, đã là thời thơ ca. Mọi người đều đơn giản và trung thực; không có yêu cầu về logic. Nếu họ được bảo, "Thượng đế hiện hữu," họ đơn giản nói có; họ đã không quay đi và hỏi, "Thượng đế là gì? Ngài trông thế nào?"

Nếu bạn nhìn vào cách trẻ con hiện hữu, bạn sẽ có ý tưởng về kiểu người nào phải có đó trong những ngày đó. Đứa trẻ có thể hỏi một câu hỏi rất khó, ấy vậy mà nó sẽ hài lòng bởi một câu trả lời đơn giản. Đứa trẻ có thể hỏi em gái hay em trai nó từ đâu tới. Câu trả lời của bạn là em bé được con cò đem tới và nó được thoả mãn. Thế rồi nó chạy chơi. Nó đã hỏi một câu hỏi rất khó mà thậm chí người thông minh cao cũng không có khả năng đưa ra câu trả lời đúng. Đứa trẻ hỏi một câu hỏi cơ bản, tôi thượng nhất: "Trẻ con từ đâu tới?" Bạn đã trả lời rằng con cò đem chúng tới, và vào lúc bạn nói điều đó thì đứa trẻ đã đi rồi. Nó hài lòng với một câu trả lời rất đơn giản. Và câu trả lời càng thơ ca, nó sẽ càng hài lòng. Đó là lí do tại sao trong sách cho trẻ nhỏ chúng ta phải dùng thơ ca. Thơ ca đạt tới trái tim đứa trẻ rất nhanh chóng. Có vần nhịp và giai điệu trong đó để đạt tới tâm trí nó nhanh chóng. Đứa trẻ sống trong thế giới của vần nhịp và giai điệu.

Phật và Mahavira hay dùng văn xuôi bởi vì vào thời kì họ sống mọi người đã quen làm nhiều việc suy nghĩ logic. Những câu hỏi chi li đã được hỏi, nhưng thậm chí với những câu trả lời rắc rối dài dòng mọi người cũng không thoả mãn. Thế rồi họ hỏi thêm hai mươi năm câu hỏi nữa. Đó là lí do tại sao Phật và Mahavira đã phải nói bằng văn xuôi.

Bây giờ không thể nào nói bằng thơ ca thêm nữa được. Bây giờ thơ ca được viết để giải trí. Có thời tất cả những vấn đề nghiêm chỉnh, cơ bản đã được nói dưới dạng thơ ca. Nhưng bây giờ vấn đề nghiêm chỉnh không thể được nói dưới dạng thơ ca nữa. Vài người có trò tiêu khiển và ham muốn giải trí, bạn vẫn còn viết thơ, nhưng tất cả những vấn đề có giá trị sẽ được nói chỉ trong văn xuôi. Con người không còn như trẻ con nữa; con người đã trở thành người lớn. Người đó nghĩ một cách logic về mọi vấn đề. Chỉ văn xuôi mới có thể được dùng một cách logic.

Mỗi phương tiện lại thay đổi nội dung. Với tâm trí, khi các phương pháp trao đổi phát triển, việc truyền đạt ý nghĩ qua bài nói sẽ quay trở lại. Có lúc từ được in ra là quan trọng nhất, nhưng bây giờ tiến bộ công nghệ đang đưa chúng ta trở lại với khả năng trao đổi trực tiếp qua phương tiện sống, qua tivi.

Về sau, sẽ không ai còn sẵn sàng đọc sách thêm nữa. Tôi có thể nói cho toàn thế giới trên mạng truyền hình. Tất cả mọi người đều có thể nghe một

cách trực tiếp. Do đó, tương lai của sách không tốt lắm. Bây giờ, đang trên đường rồi, sách sẽ không được đọc; nó sẽ được nhìn. Điều này phải được làm thành phổ biến; sách sẽ phải được biến đổi. Bây giờ micro phim đã được phát triển, cho nên có thể xem cuốn sách trên màn hình. Lời sẽ sớm được chuyển thành hình ảnh.

Trong cái nhìn của tôi việc viết đã phát triển tới sự bất lực. Không có con đường khác. Thậm chí bây giờ, những người muốn truyền đạt điều gì đó rất quan trọng phải dùng phương tiện lời nói. Tôi không biết tôi sẽ viết cho ai. Chừng nào không có ai trước tôi, không có ham muốn nào nảy sinh trong tôi để nói. Niềm vui nói chỉ để mà nói không có đó trong tôi.

Đây là khác biệt giữa nhà văn và người chứng ngộ. Nhà văn có mối quan tâm chỉ để diễn đạt điều gì đó. Người đó hài lòng nếu người đó có thể làm như vậy. Gánh nặng lớn dường như được vứt bỏ khỏi vai người đó khi người đó làm như vậy.

Trong tôi không có gánh nặng như vậy. Khi tôi nói cho các bạn, tôi không nhận được vui thích chỉ bởi vì tôi đang nói cho bạn điều gì đó. Trong việc nói điều gì đó, không có cảm giác về việc được bớt gánh nặng. Việc nói của tôi, theo một nghĩa nào đó, ít là diễn đạt mà nhiều là đáp ứng.

Không có cảm giác trong tôi rằng tôi phải nói điều gì đó. Nếu bạn muốn biết điều gì đó, chỉ thế thì điều đó mới xuất hiện cho tôi để nói cái gì đó. Hoàn cảnh của tâm trí tôi là ở mức nếu bạn ném chiếc gàu vào giếng của tôi, cái gì đó sẽ nổi lên từ nó. Sự việc đang dần trở thành khó cho tôi nói chừng nào mà câu hỏi còn chưa được hỏi. Trong tương lai, sẽ càng ngày càng khó hơn nữa để tôi nói. Do đó, tôi phải tìm ra cơ.

Tôi cần một cái cơ nếu tôi định nói về Gita. Nếu bạn tạo ra cái cơ như vậy, thế thì tôi sẽ nói. Nhưng vấn đề đang trở thành khó khăn cho tôi để nói nếu bạn không đưa ra cơ. Nếu không có đỉnh hay móc để treo cái gì đó, lấy gì mà treo nó và tại sao tôi phải treo nó là một vấn đề. Tôi vẫn còn im lặng - trống rỗng. Bạn đi ra khỏi phòng này và tôi trở thành trống rỗng.

Nếu ai đó có ham muốn nói, nhu cầu nói, thế thì người đó sẽ tự làm cho mình sẵn sàng nói thậm chí khi bạn không trong phòng. Tâm trí người đó sẽ chuẩn bị điều để nói cho dù chẳng có ai hiện diện. Khi tài liệu tích lũy đủ trong người đó, người đó sẽ bị thúc ép để nói.

Với tôi điều này không đúng. Tôi hoàn toàn trống rỗng. Nếu bạn đưa ra câu hỏi và làm cho tôi nói, chỉ thế thì tôi sẽ nói. Đó là lí do tại sao viết lại khó. Viết là dễ hơn cho những người đã tràn đầy.

Sao Thầy không viết tự truyện của thầy?

Điều này cũng có thể được hỏi - tại sao tôi không viết tự truyện của tôi. Điều này dường như có vẻ rất hay, nhưng nói cho đúng thì sau khi tự hiểu bản thân mình chẳng có tự truyện gì cả. Mọi tự truyện đều là tiểu sử bản ngã. Điều chúng ta gọi là tự truyện không phải là truyện về linh hồn. Chừng nào

mà bạn còn không biết linh hồn là gì, bất kì cái gì bạn viết ra cũng là tiêu sử bản ngã.

Điều thú vị là để ý rằng không Jesus, không Krishna, không Phật nào đã viết tự truyện của họ. Họ không kể về mình và cũng không viết về mình. Viết hay nói về bản thân mình là không thể được cho những người đã biết tới chính bản thân mình, bởi vì sau khi biết thì người này thay đổi thành cái gì đó vô hình dạng tới mức điều chúng ta gọi là các sự kiện trong cuộc sống của người đó - các sự kiện như ngày người ấy ra đời, ngày biến cố đặc biệt xảy ra - đều tan biến. Điều xảy ra là ở chỗ tất cả những sự kiện này đều dừng có ý nghĩa gì. Việc thức tỉnh của linh hồn là thâm hoá đến mức sau khi nó xuất hiện, khi người ta mở mắt mình ra, người ta thấy rằng mọi thứ đều mất rồi. Chẳng cái gì còn lại cả; không ai còn lại để nói về điều đã xảy ra.

Sau khi người ta biết tới linh hồn của mình, tự truyện dường như là một phiên bản tựa giấc mơ của chính mình. Cứ dường như là người ta đã viết một truyện về giấc mơ của mình: Hôm nay người đó thấy giấc mơ này, hôm sau giấc mơ kia, rồi hôm sau nữa là giấc mơ thứ ba. Tự truyện như vậy không giá trị gì nhiều hơn câu chuyện thần tiên, tưởng tượng.

Đó là lí do tại sao lại khó cho người đã thức tỉnh viết ra. Khi trở nên thức tỉnh và nhận biết, người đó thấy rằng chẳng có gì đáng viết cả. Tất cả đều là giấc mơ. Vấn đề về kinh nghiệm trở nên nhận biết vẫn còn, nhưng điều được biết qua kinh nghiệm này thì không thể nào được viết ra. Điều này là như vậy bởi vì việc đưa một kinh nghiệm như vậy về lời dường như vô vị và ngớ ngẩn. Cho dù như vậy, bao giờ cũng có những nỗ lực để nói về kinh nghiệm này theo những cách khác nhau qua những phương pháp khác nhau.

Toàn bộ cuộc sống mình tôi sẽ đi nói về điều đã xảy ra. Chẳng có gì khác để nói ngoại trừ điều này. Nhưng điều này cũng không thể được viết ra. Ngay khi nó đã được viết ra, tôi cảm giác rằng nó chẳng đáng nói tới làm gì. Cái gì có đó mà viết? Người ta có thể viết, "Tôi có kinh nghiệm về linh hồn. Tôi đầy những niềm vui và an bình." Nhưng điều đó có vẻ ngớ ngẩn - toàn lời.

Phật, Mahavira và Christ cứ đi nói cả đời mình theo nhiều cách khác nhau về điều họ đã biết. Họ chưa bao giờ trở nên mệt mỏi cả. Họ bao giờ cũng cảm thấy cái gì đó vẫn còn bị bỏ lại, cho nên họ sẽ nói lại theo cách khác. Điều đó chẳng bao giờ kết thúc cả. Phật và Mahavira có thể kết thúc, nhưng điều họ phải nói thì vẫn còn không đầy đủ.

Vấn đề gồm hai phần: điều có thể được nói dường như giống giấc mơ và duy nhất điều không thể được nói lại dường như đáng nói. Bao giờ cũng còn việc che dấu trong tâm trí cảm giác rằng nếu tôi nói cho bạn điều đã xảy ra cho tôi, điều đó chẳng có tác dụng gì. Mục đích của tôi là đưa bạn tới con đường có thể dẫn bạn tới chính bản thân kinh nghiệm đó. Chỉ thế thì một ngày nào đó bạn mới có thể hiểu điều đã xảy ra cho tôi. Trước đó bạn không

thể hiểu được nó, và việc kể của tôi cho bạn về điều đã xảy ra cho tôi sẽ chẳng phục vụ trực tiếp cho mục đích nào. Tôi không nghĩ bạn sẽ tin điều tôi nói. Và phỏng có ích gì mà làm cho bạn hoài nghi? Điều đó sẽ có hại. Cách tốt nhất là đưa bạn lên con đường đó, tới bờ đó mà từ đó bạn có thể được đẩy tới nơi một hôm nào đó bản thân bạn có thể có kinh nghiệm này. Vào ngày đó bạn sẽ có khả năng tin cậy. Bạn sẽ biết cách nó xảy ra. Bằng không không có cách nào để tin cậy.

Và lúc chết của Phật mọi người hỏi, "Thầy sẽ đi đâu sau cái chết?" Phật đã đáp lại cái gì? Ông ấy nói, "Ta đã không ở đâu cả, cho nên ta có thể đi đâu sau cái chết? Ta chưa bao giờ đi đâu cả và cũng chưa bao giờ ở bất kì đâu cả." Thậm chí sau điều này mọi người vẫn cứ hỏi ông ấy sẽ đi đâu, nhưng ông ấy đã nói chân lí bởi vì ý nghĩa của Phật tính là không ở đâu cả. Trong trạng thái đó người ta ở không đâu cả, cho nên câu hỏi về việc ở đâu đó không nảy sinh.

Nếu bạn có thể yên tĩnh và im lặng, cái gì còn lại ngoại trừ việc thở? Chỉ việc thở còn lại; không cái gì khác. Giống như không khí bên trong bong bóng, việc thở còn lại. Nếu bạn có thể im lặng ít nhất một lần trong vài khoảnh khắc, thế thì bạn sẽ nhận ra rằng khi không có ý nghĩ, chẳng có gì ngoài việc thở. Việc thở vào và thở ra không khí là không khác gì nhiều hơn việc không khí đi vào đi ra bong bóng hay bóng hơi. Cho nên Phật nói, "Ta chỉ là cái bong bóng. Ta đã ở đâu? Bong bóng đã nổ và các ông đang hỏi nó đã đi đâu." Nếu ai đó như Phật mà biết rằng mình giống như bong bóng, làm sao người đó có thể viết tự truyện của mình hay nói về kinh nghiệm của mình được? Bất kì cái gì người đó có thể nói sẽ bị hiểu lầm.

Tại Nhật Bản có một vị thánh tên là Lin Chi. Một hôm Lin Chi ra lệnh vứt bỏ tất cả các tượng Phật. Chưa bao giờ có người như ông ấy. Chỉ mới hôm trước ông ấy còn tôn thờ chính những tượng Phật này, và bây giờ ông ấy lại ra lệnh vứt bỏ chúng đi. Ai đó đứng dậy và hỏi, "Thầy có còn minh mẫn không đây? Thầy có biết thầy đang nói gì không?"

Lin Chi trả lời, "Chừng nào ta còn nghĩ rằng ta hiện hữu, ta tin rằng Phật hiện hữu. Nhưng khi bản thân ta không có đó, khi ta chỉ là cái bong bóng không khí, thế thì ta biết rằng ai đó giống Phật cũng không thể đã hiện hữu ở đó."

Đến tối Lin Chi lại tôn thờ Phật. Mọi người lại hỏi ông ấy ông ấy đang làm gì. Ông ấy nói, "Ta đã được giúp đỡ trong cái không hiện hữu của ta bởi cái không hiện hữu của Phật. Đó là lí do tại sao ta đã đưa ra lời cảm ơn. Đó là việc tạ ơn từ bong bóng này cho bong bóng khác, không gì hơn." Nhưng những phát biểu này không thể nào được hiểu đúng. Mọi người cứ nghĩ rằng đã có cái gì đó sai với con người này và rằng ông ấy đã chống lại Phật.

Tự truyện không tồn tại. Nói một cách sâu sắc, linh hồn bản thân nó không tồn tại. Cho tới giờ, chúng ta chỉ hiểu rằng bản ngã không tồn tại.

Trong hàng nghìn năm, chúng ta đã được bảo cho biết rằng bản ngã không tồn tại. Trong hàng nghìn năm, chúng ta đã được bảo cho biết rằng bản ngã không tồn tại khi người ta đạt tới tự hiểu bản thân mình. Nhưng để cho đúng hẳn, thì bản thân linh hồn cũng không tồn tại.

Trong hiểu biết về điều này người ta tràn ngập hoảng hốt. Đó là lí do tại sao chúng ta lại không thể hiểu được Phật. Ông ấy nói, "Linh hồn cũng không tồn tại; chúng ta trở thành vô linh hồn." Điều đó trở thành rất khó hiểu Phật trong thế giới này.

Mahavira đã nói chỉ về cái chết của bản ngã; nhiều đến mức đó thì có thể hiểu được. Không phải là Mahavira đã không biết rằng thậm chí linh hồn cũng không tồn tại, nhưng ông ấy lưu tâm về hiểu biết có giới hạn của chúng ta. Do đó, ông ấy đã nói chỉ về từ bỏ bản ngã, vẫn biết rằng linh hồn sẽ tự động tan biến.

Phật, lần đầu tiên, đã đưa ra một phát biểu là một bí mật. Upanishad cũng đã biết, Mahavira cũng đã biết, rằng linh hồn không tồn tại lúc cuối cùng, bởi vì chính ý tưởng về linh hồn là phóng chiếu của bản ngã. Nhưng Phật đã tiết lộ bí mật đã được giữ kín lâu thế. Điều đó đã tạo ra khó khăn. Những người mà bản thân họ đã tin rằng bản ngã không tồn tại bắt đầu cãi nhau. Nếu cả linh hồn cũng không tồn tại, họ nói, thế thì mọi thứ đều vô dụng. Chúng ta ở đâu?

Phật là phải. Thế thì làm sao có thể có tự truyện? Mọi thứ đều giống như chuỗi giấc mơ, giống như màu cầu vồng được tạo ra trên bong bóng. Màu sắc chết đi khi bong bóng nổ. Đó là kết quả rất hiển nhiên.

Liệu các tiến trình và kinh nghiệm mà qua đó một người đã trải qua có hữu dụng gì cho người khác không nếu chúng được viết ra?

Điều đó có thể hữu dụng cho người tìm kiếm, nhưng rất khó cho người đã chứng ngộ để viết ra nó. Khó khăn của *siddha*, người đã chứng ngộ, là khác với khó khăn của *sadhak*, người tìm kiếm. Khó khăn này là ở chỗ với người đã chứng ngộ, không có vọng trong phòng này, nhưng với bạn thì có. Siddha biết rằng vọng không tồn tại, nhưng có thời người đó nữa cũng có vọng mà người đó yếm trừ với sự giúp đỡ của kĩ thuật. Bây giờ người đó biết rằng cả vọng và kĩ thuật đều là giả.

Biết điều này, làm sao người đó có thể nói rằng người đó đã điều các vọng đi với sự giúp đỡ của kĩ thuật? Bạn có hiểu tôi không? Đây là vấn đề cho thầy. Thầy biết rằng vọng là giả và rằng kĩ thuật cũng chỉ là sự trợ giúp trong bóng tối. Vọng là giả và kĩ thuật điều vọng đi cũng vậy. Cho nên làm sao người đó có thể nói rằng người đó đã điều vọng đi bằng kĩ thuật được? Nói như vậy bây giờ là vô nghĩa. Nhưng nếu người đó có thể nói rằng người đó đã điều vọng đi bằng kĩ thuật, điều đó sẽ là sự giúp đỡ cho bạn.

Thầy sẽ không nói rằng thầy điều vọng đi bằng quyền năng của kĩ thuật. Thay vì thế, thầy sẽ nói rằng "vọng có thể được làm biến mất bởi việc dùng

kỹ thuật nào đó. Nếu người tìm kiếm dùng kỹ thuật như vậy thì vong sẽ đi." Thầy sẽ không nói rằng thầy đã điều vong đi bằng kỹ thuật bởi vì điều đó sẽ là phát biểu sai. Bây giờ thầy biết rằng kỹ thuật cũng giả như vong vậy.

Do đó, những phát biểu của người như vậy sẽ ít nhất là định tâm vào cái ta. Người đó sẽ khó mà nói về bản thân mình. Người đó nói về bạn và điều có liên quan với tình huống của bạn, cho nên chính vấn đề của người đó là để giúp cho bạn thì người đó sẽ phải đưa ra phát biểu sai.

Thầy ngụ ý rằng toàn bộ tiến trình 'sadhana', tiến trình công phu tâm linh, là không thực như ma sao?

Vâng, thế đấy, bởi vì điều bạn chung cuộc đạt tới bao giờ cũng là cùng với bạn còn điều mà từ đó bạn được tự do thì chưa bao giờ gần với bạn cả. Nhưng điều này lại đưa ra khó khăn cho thầy; đó là lí do tại sao tôi nói rằng thầy có khó khăn riêng của mình. Nếu thầy nói rằng toàn bộ tiến trình *sadhana* là giả, thế thì thầy sẽ đẩy bạn vào khó khăn, bởi vì với bạn tiến trình này trở thành giả trong khi vong vẫn còn thực. Thậm chí tiến trình giả cũng có nghĩa nếu nó phục vụ cho mục đích làm cho vong là giả. Bạn có hiểu tôi không?

Vong không trở thành giả chỉ bởi vì gọi nó là giả. Điều thú vị là để ý rằng điều sai không hết sai chỉ bởi việc gọi nó là đúng, nhưng khi cái gì đó là đúng mà được gọi là sai thì chúng ta lập tức chấp nhận điều đó. Người ta có nói giận dữ là sai nhiều đến đâu đi chăng nữa cũng chẳng thành vấn đề, điều đó không làm cho nó thành sai.

Mặt khác, nếu ai đó nói thiên là sai, bạn lập tức cảm thấy rằng điều đó có thể là như vậy; điều đó thậm chí không mất lấy một giây để trở thành sai. Bạn không đồng ý ngay lập tức khi người ta công bố rằng một người đặc biệt nào đó là thánh nhân, nhưng nếu bạn được bảo rằng ai đó là kẻ trộm, bạn lập tức chấp nhận điều đó là chân lí.

Trước khi bạn sẵn sàng tin rằng một người là thánh nhân, bạn sẽ thử để kiểm tra người đó, bạn sẽ thử chứng minh theo nhiều cách khác nhau liệu điều này có là như vậy không. Lí do bạn thận trọng thế là ở chỗ điều làm bạn không thoải mái là ai đó khác được coi là thánh nhân. Bản ngã bạn bị tổn thương. Bạn sẽ cố gắng chứng minh rằng người đó cũng chẳng thánh nhân gì hơn bạn hiện thế. Khi bạn được bảo rằng ai đó khác là kẻ trộm, bạn không bận tâm việc kiểm tra điều đó; bạn tin điều đó ngay lập tức bởi vì việc tin đó làm cho bạn vui sướng. Nó đảm bảo với bạn rằng bạn không phải là tên trộm, rằng ai đó khác ít nhất cũng tồi như bạn hiện thế.

Vu khống và kết án người khác để được chấp nhận, nhưng không phải như vậy đối với ca ngợi. Thậm chí khi bạn chấp nhận ai đó là đáng ca ngợi, thậm chí nếu bản thân bạn thực sự biết rằng người đó là như vậy, việc chấp nhận cũng vẫn có điều kiện. Bạn chấp nhận điều đó vào hiện tại bởi vì bạn không có cách chọn lựa khác, nhưng bạn vẫn tiếp tục tìm cơ hội để thay đổi

ý kiến mình. Chỉ kết án mới là tuyệt đối. Thậm chí điều gì đó xảy ra để làm bạn thay đổi ý kiến phủ nhận, bạn sẽ không bận tâm làm như vậy.

Điều này xảy ra mọi lúc trong cuộc sống. Khi cái gì đó được công bố là sai, chúng ta lập tức tin vào nó bởi vì điều này cứu chúng ta khỏi làm điều đúng. Người ta phải rất quyết tâm nếu người đó định tiếp tục làm điều đúng. Giận dữ là tự phát; chúng ta tiếp tục bày tỏ nó cho dù chúng ta đã được bảo nó là sai. Nhưng thiện phải được thực hành, và điều này còn khó nhiều hơn. Cho nên nếu ai đó nói rằng thiện là cái gì đó hư huyền, chúng ta cảm thấy được giảm nhẹ vì đỡ phải làm điều gì đó gian khó.

Thầy đã mô tả thiện không như hành động, mà như trạng thái hiện hữu. Xin Thầy giải thích điều này?

Khó khăn cho người chứng ngộ là ở chỗ nếu người đó nói cho bạn mọi điều người đó đã kinh nghiệm, bạn sẽ đánh mất con đường đó mãi mãi bởi vì điều người đó nói sẽ bị bỏ đi khỏi kinh nghiệm của bạn. Chẳng hạn, tôi đã mô tả thiện như trạng thái hiện hữu. Điều tôi nói là đúng, ấy vậy mà với bạn, thiện chỉ có thể là hoạt động, không phải là trạng thái. Nếu bạn tin nó là trạng thái của hiện hữu, bạn sẽ cảm thấy rằng chẳng có gì bạn có thể làm để đạt tới nó. Nếu nó là hoạt động, thế thì bạn được yêu cầu làm điều gì đó; nếu nó đơn thuần là trạng thái của tâm thức, thế thì bạn bị làm nhẹ bớt nhu cầu để hành động.

Bạn sẽ nghĩ, "Có lẽ nó là một trạng thái của hiện hữu. Thế thì chẳng có gì để mình có thể làm về nó cả." Thế thì cơn giận của bạn sẽ tiếp tục và bạn sẽ không làm việc thiện gì cả. Dục vọng của bạn, tham lam của bạn sẽ tiếp tục.

Nếu tôi nói chân lí, bạn chẳng được tôi giúp gì cả. Khó khăn là ở chỗ nếu tôi nói điều gì đó lưu tâm tới bạn, tôi phải cầu viện tới việc nói điều không hoàn toàn đúng. Nhưng nếu tôi nói điều gì đó lưu tâm tới bản thân tôi, nó là vô dụng với bạn. Nó không chỉ vô dụng; nó còn nguy hiểm nữa bởi vì bạn ngẫu nhiên là thánh giả. Sâu bên dưới sẽ cản trở bạn nếu tôi bảo bạn chân lí hoàn toàn đích xác như tôi thấy nó.

Đó là lí do tại sao, nếu tôi nói đích xác điều tôi cảm thấy, tôi không thể có ích gì cho bạn được. Ngược lại, điều tôi sẽ nói sẽ là cản trở cho bạn, giống như việc nói của Krishnamurti cản trở tiến bộ của mọi người nhiều hơn là chúng giúp đỡ điều đó. Tôi càng nhìn sâu hơn, tôi càng cảm thấy rằng những việc nói như vậy là có hại. Điều ông ấy nói là chân lí bên trong, nhưng với bạn nó không có ích. Với bạn nó chỉ là cái cớ để dừng làm bất kì cái gì.

Liệu im lặng có rất mạnh không, và nếu vậy, thế thì sao người nào phải nói thành lời?

Có, im lặng là rất mạnh, nhưng trước hết phải có người có thể nghe thấy điều được truyền đạt trong im lặng.

Sao cần phải làm cho mọi người lắng nghe?

Điều đó là cần thiết cho tôi bởi vì tôi thấy rằng bạn đang đi không chủ ý nhưng hướng tới hố sâu, và điều rõ ràng với tôi là bạn sẽ rơi xuống hố và làm gãy tay hay chân mình. Tôi có thể truyền đạt sự kiện này cho bạn trong im lặng. Nhưng tại bạn không thể nghe thấy thông điệp im lặng của tôi, cho nên tôi phải hét to với bạn để cảnh báo bạn, "Cẩn thận vào! Bạn sắp rơi xuống hố rồi."

Thầy có mất năng lượng cho việc làm như vậy không?

Không, không! Không năng lượng nào bị mất cả. Người đã biết tới cội nguồn của năng lượng thì không mất năng lượng. Chỉ người không biết tới cội nguồn mới có thể mất.

Nếu tôi viết bất kì cái gì như tự truyện, nó có thể hoặc là chân lí hoặc phi chân lí. Nếu nó là chân lí, nó có thể làm hại bạn. Nếu nó là phi chân lí, tôi không muốn viết nó ra. Nếu nó là chân lí hoàn toàn, nó sẽ gây hại cho bạn bởi vì tôi sẽ nói rằng bất kì điều gì bạn làm bây giờ cũng đều vô dụng cả. Bạn sẽ sẵn lòng đồng ý với tôi rằng nó là vậy.

Một hôm một cá nhân tới tôi. Anh ta nói, "Vì Krishnamurti đã nói rằng thiền là vô dụng, nên tôi đã dừng công phu thiền."

Tôi nói, "Bạn đã làm một việc tốt. Nhưng bạn đã thu được gì từ nó? Bạn đã chẳng thu được cái gì cả. Tại sao bạn bắt đầu công phu thiền ngay chỗ đầu tiên? Bạn muốn chinh phục cơn giận và dốt nát của mình. Bạn có hoàn thành điều đó bằng việc từ bỏ thiền không? Không! Thế thì tại sao bạn dừng? Bởi vì Krishnamurti nói rằng nó là vô dụng sao?"

Bạn cảm thấy, "Khi một người chứng ngộ nói nó là vô dụng, sao mình lại tiếp tục làm nó?" Đây là khó khăn: tôi cũng biết rằng nó là vô dụng; tôi cũng nói điều này với vài người, rằng nó là vô dụng. Nhưng tôi sẽ chỉ nói điều này cho người đã thực hiện thiền một thời gian dài và người bây giờ có thể hiểu cái vô dụng của nó. Người như vậy đã đạt tới một giai đoạn mà thiền cũng phải bị từ bỏ.

Nhưng nói trong bãi chợ rằng thiền là vô dụng là nguy hiểm. Thính giả có thể chẳng bao giờ thực hiện thiền cả. Những người dốt nát chưa bao giờ thực hiện nó. Nếu bạn bảo họ rằng thiền là vô dụng, họ sẽ chẳng bao giờ thực hiện nó. Họ sẽ cảm thấy được giảm nhẹ rất nhiều. Trong bốn mươi năm mọi người lắng nghe Krishnamurti, và họ ngồi quanh một cách ngu xuẩn không làm gì chỉ bởi Krishnamurti đã nói rằng thiền là vô dụng. Krishnamurti không sai khi nói ông ấy nói như vậy. Ông ấy đã nói điều đó cả đời mình. Nhưng tôi sẽ nói ông ấy sai bởi vì ông ấy không lưu tâm tới bạn và khả năng của bạn. Ông ấy chỉ nói về kinh nghiệm riêng của ông ấy.

Chính bởi vì điều này mà tôi bao giờ cũng rất cẩn thận, tôi không phóng chiếu bản thân mình và không nói điều gì về bản thân mình. Nếu tôi nói về bản thân mình và chỉ nói chân lí, điều đó sẽ không hữu dụng cho bạn. Cũng

là nếu tôi nói về bạn, lưu tâm tới bạn trong tâm trí, thế thì bạn sẽ quay lại tôi và hỏi, "Sao thầy nói những điều như vậy?" Thế rồi chống đối tới. Tôi có thể nói mọi điều mà không bao giờ bị chống đối, nhưng những điều này sẽ chẳng hữu dụng gì cho bạn. Chúng có thể cho bạn cái cớ để dừng lại tại nơi bạn đang hiện hữu.

Khó khăn của người chứng ngộ là ở chỗ người đó không có khả năng nói ra điều mình biết. Do đó, theo một cách nào đó, tín ngưỡng cổ là đúng hơn nhiều và đã đi sâu hơn nhiều. Bạn đã được nói về cái gì đó tương ứng với nơi bạn đang ở vào lúc hiện tại. Mọi thông tin đều là thăm dò; không cái gì là sau chót. Khi bạn tiến bộ, thầy sẽ cho bạn những điều mới; khi bạn tiến bộ thêm nữa, điều đó sẽ được nói, "Bây giờ bạn từ bỏ điều này đi, từ bỏ điều kia đi. Nó đã trở thành vô dụng."

Khi bạn đạt tới trạng thái thích hợp, bạn được bảo rằng Thượng đế là vô dụng, linh hồn là vô dụng, thiên là vô dụng - nhưng chỉ vào cái ngày đó, không trước đó. Nhưng điều này có thể được nói chỉ vào khoảnh khắc đó khi những điều này trở thành vô dụng; thế thì chẳng cái gì *thực sự* là vô dụng cả. Thế thì bạn chỉ cười và bạn biết.

Nếu tôi nói thiên là vô dụng và bạn vẫn còn tiếp tục thực hiện thiên, thế thì tôi sẽ cảm thấy rằng bạn đúng là người cần được bảo – tôi cũng cảm thấy rằng cũng tốt là tôi bảo bạn. Nếu tôi nói tính chất sannyas là vô dụng - rằng việc lấy tính chất sannyas là vô dụng - mà bạn vẫn cứ trở nên được điểm đạo vào nó, thì tôi sẽ hiểu rằng bạn đúng là loại người cần được bảo. Điều đó là tốt.

Cho nên những điều này mà tôi đã nói tới đều là loại khó khăn tôi đang đối diện. Tất cả những điều này sẽ được hiểu từ từ và dần dần.

2. Tại sao tôi đã tới

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Thầy đã nói rằng nếu người ta nói về thân thể, Thầy sẽ nói rằng thân thể hướng tới cái chết còn nếu người ta nói về linh hồn, Thầy sẽ nói, "Bạn chưa hề sinh chút nào." Phật đã nói về linh hồn, "Nó chỉ như cái bong bóng mà bây giờ không còn nữa. Bản thân ta không có đó, cho nên ta sẽ đi đâu?" Thế thì cái gì có đó mà là bất tử và ai không sinh?

Có biển, trên biển sóng tới rồi đi, nhưng biển vẫn còn như cũ. Sóng không tách rời khỏi biển, nhưng sóng không phải là biển. Sóng chỉ là hình dạng sinh ra trên biển, chỉ là hình dáng thành hình rồi chết đi. Sóng mà vẫn còn là sóng mãi mãi thì không thể được gọi là sóng. Từ 'sóng' có nghĩa là nó chết ngay khi nó được sinh ra. Cái mà từ đó sóng dậy lên thì bao giờ cũng có đó, nhưng cái dậy lên thì không có đó. Đây là điệu vũ của phù du trên ngực của vĩnh hằng. Biển không sinh; sóng đang lấy việc sinh ra. Biển chưa bao giờ chết; sóng bao giờ cũng chết. Khoảnh khắc sóng biết rằng nó là biển, nó vượt ra ngoài chuỗi sóng và chết. Nhưng chừng nào sóng còn tin rằng nó là sóng, nó vẫn còn trong khả năng của sinh và chết.

Cái mà hiện hữu, là bất sinh và bất diệt. Từ đâu mà việc sinh sẽ tới? Chẳng cái gì sinh ra từ cái trống rỗng. Cái chết xảy ra ở đâu? Chẳng cái gì mất đi trong cái trống rỗng. Cái mà hiện hữu là vĩnh hằng. Thời gian không tạo ra phân biệt cho nó; thời gian không ảnh hưởng tới nó. Sự tồn tại này không bên trong sự hiểu của chúng ta bởi vì các giác quan của chúng ta chỉ có thể hiểu hình và dạng. Các giác quan của chúng ta không thể hiểu thấu cái ở bên ngoài tên và hình.

Điều thú vị là lưu ý rằng bạn phải đứng trên bờ biển rất thường xuyên và khi quay về sẽ nói rằng bạn đã thấy biển. Nhưng bạn chỉ thấy sóng, không thấy biển. Biển không thể được thấy. Điều bạn thấy là sóng. Các giác quan chỉ có thể thấy cái xuất hiện trên bề mặt. Cái mà ở bên trong thì vẫn còn ở bên ngoài việc hiểu thấu. Các giác quan thấy hình dạng bề ngoài; cái vô hình bên trong vượt quá sự hiểu của chúng.

Thế giới của tên gọi và hình dạng được sinh ra chỉ bởi vì các giác quan. Nó không phải là mang tính tồn tại. Bất kì cái gì có tên và dạng đều được sinh ra và sẽ chết đi còn cái vượt ra ngoài tên và dạng là vĩnh hằng. Nó không được sinh ra, nó cũng không chết đi. Cho nên khi Phật nói rằng ông ấy được sinh ra như cái bong bóng, thì ông ấy đang nói tới hai khía cạnh của bong bóng. Bong bóng chứa cái gì? Nếu chúng ta đi vào trong bong bóng,

chúng ta sẽ thấy rằng một khối lượng rất nhỏ của cùng không khí tràn ngập khắp mọi nơi vô hạn ở bên ngoài, đang được bao bọc bên trong màng nước mỏng này. Màng mỏng này đã giam cầm một phần không khí nhỏ, và phần không khí nhỏ đó đã trở thành bong bóng.

Một cách tự nhiên, giống như mọi thứ, bong bóng cũng mở rộng. Khi mở rộng ra, nó vỡ tung và nổ ra. Thế thì không khí ở bên trong bong bóng hợp nhất với không khí bên ngoài và nước với nước. Nhưng cái đã đi vào sự tồn tại đồng thời là sự tồn tại của cầu vồng. Chẳng cái gì thay đổi trong không khí hay nước; chúng vẫn còn như chúng hiện thế. Nhưng đồng thời, một dạng đã sinh ra thì chết đi.

Nếu chúng ta coi bản thân mình cũng như bong bóng, thế thì chúng ta cũng là những dạng lấy việc sinh và chết. Cái ở bên trong chúng ta bao giờ cũng đầy, nhưng chúng ta đồng nhất bản thân mình với bong bóng. Cho nên nếu tôi nhìn vào bạn từ quan điểm của thân thể, tôi sẽ nói rằng bạn hướng cái chết và đang chết dần. Từ khoảnh khắc bạn được sinh ra, bạn đã bắt đầu chết, và bạn đã không làm gì khác hơn ngoại trừ việc chết. Bong bóng có thể lấy bảy khoảnh khắc để nổ, nhưng bạn lấy bảy mươi năm để nổ.

Trong luồng vô tận của thời gian, không có khác biệt giữa bảy khoảnh khắc và bảy mươi năm. Mọi khác biệt đều do tầm nhìn hạn hẹp của chúng ta. Nếu thời gian là vô tận không bắt đầu và không kết thúc, thế thì có gì khác biệt giữa bảy khoảnh khắc và bảy mươi năm? Nếu thời gian là một lượng xác định, chẳng hạn một trăm năm, thế thì bảy khoảnh khắc sẽ rất nhỏ còn bảy mươi năm sẽ là khoảng rất dài. Nhưng nếu không có giới hạn về cả hai đầu, nếu không có bắt đầu lẫn kết thúc, thế thì không có khác biệt giữa bảy khoảnh khắc và bảy mươi năm. Bao nhiêu khoảnh khắc để bong bóng nổ cũng không quan trọng.

Ngay khi nó sinh ra, nó bắt đầu nổ rồi. Đó là lí do tại sao tôi mô tả thân thể như hướng cái chết. Với thân thể tôi ngụ ý cái biểu lộ qua sinh với tên và dạng. Bởi linh hồn tôi ngụ ý cái vẫn còn lại cho dù cái tên và dạng đã mất đi. Khi không có tên và dạng như vậy, thế thì nó vẫn hiện hữu. Bởi linh hồn tôi ngụ ý biến cả còn bởi thân thể tôi ngụ ý sống. Cần phải hiểu những điều này một cách rõ ràng.

Cái ở bên trong chúng ta chưa bao giờ chết, cho nên ở bên trong chúng ta cảm thấy rằng "Mình sẽ không bao giờ chết." Chúng ta thấy rằng hàng trăm nghìn người đang chết nhưng vậy mà chúng ta vẫn không bị thuyết phục rằng chúng ta cũng sẽ chết. Trong chiều sâu nhất của chúng ta không có tiếng vọng rằng "Mình nữa sẽ chết." Mọi người chết trước chính mắt chúng ta và vậy mà cảm giác bên trong về tính bất tử vẫn cứ còn đầy. Trong những khoảnh khắc sâu sắc hơn chúng ta bao giờ cũng nhận biết rằng "Mình sẽ chết." Chúng ta biết rằng những sự kiện chỉ ra cái giả tạo của niềm tin này và rằng các biến cố bên ngoài chỉ ra rằng không thể nào mà "Mình sẽ không

chết." Lí lẽ nói rằng nếu mọi thứ khác đều phải chết, thế thì bạn cũng sẽ chết. Nhưng một tiếng nói nào đó bên trong vẫn cứ phục vụ cho mọi móc nối với lí lẽ và cứ nói, "Mình sẽ không chết."

Đó là lí do tại sao chúng ta không tin rằng chúng ta sẽ chết. Đó là lí do tại sao chúng ta có khả năng sống trong làn sương mờ của cái chết; nếu không, như chúng ta thường xuyên bị bao quanh bởi cái chết, chúng ta sẽ chết ngay tức thì. Tại sao chúng ta lại tin tưởng và chắc chắn về việc sống thế? Niềm tin đó là do cái gì đó bên trong vẫn cứ bảo chúng ta rằng chúng ta sẽ không chết, bất kể chúng ta có thể nói nhiều thế nào, hay sự xuất hiện của một cái chết thực tại có thể nói, rằng chúng ta sẽ chết.

Không người nào có thể quan niệm nổi về cái chết của riêng mình. Người đó không thể hình dung được rằng mình sẽ chết. Tuy nhiên người đó càng cố gắng hình dung nhiều đến mức mình đang chết, người đó vẫn thấy bản thân mình vẫn có đó. Cho dù người đó có tưởng tượng bản thân mình chết, người đó vẫn thấy rằng *mình* có đó đang thấy, rằng *mình* có đó đang đứng bên ngoài cái chết. Chúng ta không có khả năng đặt bản thân mình vào bên trong hàm của cái chết cho dù trong tưởng tượng, bởi vì trong khi tưởng tượng thì chúng ta cứ quan sát từ bên ngoài. Người tưởng tượng vẫn đứng bên ngoài, cho nên người đó sẽ không có khả năng chết.

Tiếng nói này từ bên trong là tiếng nói của biên cả. Nó hỏi chúng ta, "Chết ở đâu?" Chết là điều không biết; vậy mà chúng ta vẫn sợ chết. Nỗi sợ này tới từ tiếng nói của thân thể, và có lẫn lộn giữa hai tiếng nói đó. Khoảnh khắc chúng ta đồng nhất bản thân mình với tiếng nói của thân thể, tâm linh chúng ta bắt đầu run rẩy với sự kiện là thân thể nhất định phải chết. Dù chúng ta có thể cố gắng đến đâu để bác bỏ điều này hay tìm kiếm sự giúp đỡ của khoa học hay phát minh ra hệ thống y tế hay bao quanh chúng ta bằng các bác sĩ trị liệu nổi danh, thân thể vẫn không một khoảnh khắc nào xác nhận rằng "Mình sẽ sống." Thân thể không có cảm giác về cái bất tử đó; nó biết rằng hàng ngày nó đang chết.

Thân thể biết rằng nó là bong bóng, nhưng chúng ta biết rằng *chúng ta* không phải là bong bóng. Khoảnh khắc người ta đồng nhất mình với bong bóng, mọi căng thẳng của cuộc sống bắt đầu. Không người nào mang tính bất tử làm điều đó bên trong chúng ta mà lại đồng nhất bản thân mình với sóng bởi vì điều đó đưa tới khó khăn. Đồng nhất này là dốt nát; việc thoát khỏi đồng nhất này là tri thức. Chẳng cái gì thay đổi cả; mọi thứ vẫn còn lại như nó trước đây. Thân thể vẫn còn ở nơi nó hiện hữu; linh hồn cũng còn ở nơi nó hiện hữu. Chỉ ảo tưởng là biến mất. Thế thì chúng ta biết rằng khi thân thể sẽ chết đi thì chúng ta không phải sợ hãi, bởi vì không có nhu cầu phải sợ hãi. Thân thể nhất định sẽ chết. Sợ là hữu dụng khi có khả năng được cứu thoát. Nhưng trong tình huống không có khả năng nào được cứu, thật là vô dụng để mà trở nên sợ hãi.

Khi người lính bước ra chiến trường, khi người đó lần đầu tiên rời khỏi nhà mình, người đó tràn ngập với kinh hoàng. Trên chiến trường nữa người đó cũng kinh hoàng. Nhưng khi bom bắt đầu dội lên người đó, người đó lại trở nên bạo dạn, bởi vì thế thì mọi khả năng được cứu thoát đều đã bị phá hủy. Một người như vậy thậm chí có thể chơi bài ở chỗ liên tục bị bom đạn. Và người đó là người bình thường; chẳng có gì đặc biệt về người đó cả. Nhưng đây là tình huống duy nhất. Trong tình huống này, nỗi kinh hoàng về cái chết là vô nghĩa. Cái chết sắp xảy ra đến mức không còn vấn đề về sự tồn tại.

Trên chiến trường, có khả năng sống sót nào đó bởi vì một số người chết trong khi số khác lại sống sót, và do vậy nỗi kinh hoàng nào đó còn lại. Nhưng trên cánh đồng chết thì thậm chí một chút xíu khả năng đó cũng không có đó. Vào khoảnh khắc của cái chết, cái ảo tưởng rằng "Mình là thân thể" bỗng nhiên biến mất. Nỗi kinh hoàng cái chết biến mất bởi vì không có lối thoát. Thế thì sự kiện thân thể chết là điều chắc chắn, định mệnh. Đó là số mệnh của thân thể; không có cách nào cứu nó.

Khoảnh khắc người ta nhận ra rằng cái chết là bản chất của thân thể, bỗng nhiên vấn đề trở thành rõ ràng rằng cái ở bên ngoài thân thể chưa bao giờ sinh và do vậy không có vấn đề về cái chết của nó. Vậy, cũng với linh hồn nữa, hoảng hốt tan biến, bởi vì không có lí do gì để mà sợ cái không thể nào chết được. Nỗi sợ nảy sinh là do thân thể và linh hồn trở thành bị đồng nhất với nhau. Nó nảy sinh bởi vì tiếng nói bên trong nói, "Mình sẽ không chết," còn tiếng nói bên ngoài lại nói, "Mình chắc chắn chết!" Những tiếng nói này trở nên lẫn lộn. Chúng ta không nhận biết rằng hai giai điệu khác nhau này quyện lẫn vào nhau, và chúng ta lắng nghe chúng cứ dường như chúng là giai điệu của cùng một nhạc cụ. Đó là sai lầm.

Trong dốt nát của mình bao giờ cũng có nỗi hoảng sợ về cái chết, nhưng chúng ta cứ sống dường như không có cái chết. Mỗi khoảnh khắc người dốt nát lại sống cứ dường như không có cái chết, nhưng người đó vẫn nhận biết rằng cái chết có thể xảy ra vào bất kì lúc nào. Người đó sống ở hai mức khác nhau. Cuộc sống cho người đó đã chẻ ra thành hai phần: chu vi đã trở nên tách rời với trung tâm; sóng đã trở thành tách rời với biển; dạng đã trở thành tách rời với vô dạng. Tuy nhiên, người ta không thể chạy thoát khỏi cái chết. Điều ngạc nhiên là với việc biết của chúng ta, một thứ cứ tự nó xuất hiện rằng nó là ảo tưởng. Bởi việc biết của chúng ta, chỉ đau đớn hợp lí là dừng lại.

Shankaracharya bao giờ cũng lấy thí dụ về chiếc dây thừng trông có vẻ như con rắn trong bóng tối. Nhưng thí dụ này là không chính xác bởi vì bằng việc tới gần bạn có thể biết rằng nó là dây thừng. Và một khi bạn biết rằng nó là dây thừng, dù bạn có ở xa nó đến bao nhiêu, nó vẫn trong không giống con rắn.

Nhưng ảo giác của cuộc sống không giống thế. Ảo giác của cuộc sống giống như chiếc que bị chìm vào trong nước. Trong nước nó sẽ có vẻ như bị cong, nhưng khi bạn rút nó ra khỏi nước, nó lại thẳng. Nếu bạn lại chìm nó vào nước, nó lại trông thành cong. Thế rồi nếu bạn nhúng tay mình vào nước bạn sẽ thấy rằng que vẫn thẳng, nhưng nó trông vẫn có vẻ cong. Chỉ bởi việc biết của bạn rằng nó là thẳng, cái vẻ xiên của que không biến mất. Nhưng với việc biết của bạn, bạn không còn hành xử cứ dường như là trong ảo giác rằng nó bị cong nữa.

Ảo tưởng của chúng ta về cuộc sống không giống như ảo tưởng về chiếc dây thừng trông giống như con rắn, nhưng giống như ảo tưởng về chiếc que thẳng có vẻ cong ở trong nước. Chúng ta biết rất rõ rằng cái que không cong, nhưng chỉ có vẻ thế thôi. Cái que thậm chí có vẻ cong ngay cả với các nhà khoa học vĩ đại nhất, người đã thực nghiệm và người biết rằng bằng việc nhúng cái que vào nước thì nó không trở thành cong. Vậy, cái dáng vẻ vẹo vọ này là do giác quan của chúng ta. Tri thức của chúng ta chẳng liên quan gì với nó cả.

Do đó, khác biệt là thế này: rằng bạn sẽ không tin rằng cái que cong, mà nó chỉ có vẻ là cong thôi. Vấn đề được chia thành hai mức khác nhau. Tại mức của việc biết, cái que là thẳng. Tại mức của việc thấy, nó là cong. Không có ảo tưởng trên cả hai mức này.

Tại mức độ của việc sống có thân thể là bên ngoài và tại mức độ sự tồn tại có *atma* - linh hồn. Với người biết, thì thế giới này không bị mất đi. Với người đó thế giới chỉ là hết như nó hiện hữu cho bạn. Có lẽ, với người đó thế giới này còn rõ ràng hơn trong viễn cảnh và dáng vẻ của nó. Chẳng có gì bị mất đi cho người đó cả, và người đó không trong bất kì ảo tưởng nào. Người đó biết rằng hình dạng được sinh ra do giác quan và giống như chiếc que có vẻ cong trong nước. Bởi vì các tia sáng bị cong và thay đổi trong khi đi vào nước, nên cái que cũng có vẻ cong. Trong không trung, các tia sáng không bị cong, cho nên cái que có vẻ thẳng. Cái que không cong nhưng các tia sáng cong khi đi qua nước. Do đó, chúng ta thấy cái que như bị bẻ gấp lại.

Sự tồn tại vẫn như nó hiện hữu, nhưng trong khi đi qua các giác quan của chúng ta thì tia sáng của tri thức trở nên bị cong. Tia sáng của tri thức thay đổi do trung gian mà qua đó mọi thứ được biết. Nếu tôi đeo kính xanh, mọi thứ sẽ trông thành xanh. Khi tôi bỏ kính ra, tôi thấy rằng mọi thứ là trắng. Nếu tôi đeo kính vào, tôi thấy mọi thứ là xanh. Tôi biết rằng mọi thứ xuất hiện màu xanh là do kính, cho nên tôi sẽ không trong ảo tưởng thêm nữa. Nhưng tôi có thể tiếp tục cứ đeo kính và mọi thứ sẽ tiếp tục xuất hiện là màu xanh. Tuy nhiên, mặc dầu tôi sẽ biết rất rõ rằng linh hồn - bản thể - là bất tử, tri thức rằng thân thể là hướng cái chết cũng vẫn tiếp tục.

Mặc cho hiểu biết của tôi rằng sự tồn tại của biển là vĩnh hằng, trò chơi của sóng vẫn cứ tiếp tục. Nhưng bây giờ tôi biết rằng nó xuất hiện như vậy là

do kính. Kính là mắt của giác quan, còn điều bạn thấy qua chúng thì không nhất thiết là điều thực.

Đó là lí do tại sao những phát biểu của những người như Phật, Mahavira hay Jesus được đưa ra từ hai bình diện khác nhau - một của linh hồn và một của thân thể. Khó khăn của chúng ta là ở chỗ chúng ta đang lẫn lộn cả hai bình diện bên trong mình, thế thì một cách tự nhiên chúng ta cũng lẫn lộn các phát biểu của họ. Đôi khi Phật nói cứ dường như là ông ấy là thân thể. Ông ấy nói, "Ananda, ta khát. Đem nước lại đây." Linh hồn không bao giờ khát. Chính thân thể mới cảm thấy khát. Bây giờ Ananda có thể nghĩ rằng thân thể không có đó chút nào, đây chỉ là cái tên và hình dạng, chỉ là bong bóng, "Cho nên làm sao nó có thể trở nên khát được?" Một khi bạn đã biết rằng không có thân thể, thế thì cơn khát tới từ đâu?

Thế rồi ngày hôm sau, khi Phật nói, "Ta không sinh chút nào cho nên ta sẽ không bao giờ chết," điều đó tạo ra khó khăn cho người nghe. Khó khăn của người nghe là ở chỗ người đó nghĩ rằng với tri thức thì sự tồn tại sẽ thay đổi. Thực tế, bằng việc biết, sự tồn tại không thay đổi; chỉ động thái của người ta mới thay đổi.

Khi Phật nói rằng ông ấy khát, ông ấy chỉ nói rằng thân thể ông ấy khát - rằng thân thể này, cái là bong bóng của tên tuổi và hình dáng, là khát, và nếu nước không được trao thì nó sẽ sớm nổ tung. Nhưng khó khăn của người nghe là ở chỗ bởi vì người đó đang sống trong trạng thái lẫn lộn nên người đó không có khả năng phân biệt phát biểu nào đang tới bình diện nào, cho nên người đó lẫn lộn nghĩa của chúng nữa.

Simone Wei đã viết một cuốn sách có tên *Cấp bậc của ý nghĩa*. Con người càng vĩ đại, người đó càng sống trên những mức độ vĩ đại khác nhau vào mỗi lúc. Người đó phải sống như thế bởi vì người đó phải nói từ mức độ của những người mà người đó gặp. Bằng không, mọi việc nói đều trở thành vô nghĩa. Nếu Phật nói với bạn từ mức độ cao nhất của ông ấy, điều đó sẽ vô dụng. Bạn sẽ coi ông ấy là điên. Điều thông thường xảy ra là những kiểu người này thường bị coi là điên. Lí do cho điều đó là ở chỗ bất kì điều gì họ nói đều có vẻ như đã được người điên nói ra. Do vậy, nếu họ nói từ mức độ của họ, họ sẽ bị qui là điên khùng.

Nếu họ phải nói từ mức độ của bạn, họ sẽ phải bước xuống. Họ sẽ phải bước xuống mức độ nơi bạn có thể hiểu họ. Thế thì họ sẽ không có vẻ là điên. Vậy họ sẽ phải nói từ nhiều mức độ hiện có trong số những người tới với họ.

Người ta có thể nói rằng nhiều người mà Phật nói cho sẽ tới ông ấy dưới dạng tấm gương. Mọi tấm gương này đều tạo ra hình ảnh tách bạch riêng của họ về Phật, và hình ảnh là trung thành như bề mặt của bản thân tấm gương. Hình ảnh phải sánh đúng với gương. Vậy, một chiếc gương lồi sẽ mở rộng ảnh ra trong khi chiếc gương lõm làm ngắn nó lại. Nếu điều này mà không

như vậy, thì gương sẽ không hài lòng, và thể thì gương sẽ phải bị đập ra hay thay đổi.

Đó là lí do tại sao các phát biểu của những người như Phật được bắt gặp trên nhiều mức độ khác nhau. Đôi khi chỉ trong một phát biểu sẽ có nhiều mức. Điều này là vì khi một người như Phật bắt đầu nói, ông ấy làm như vậy từ mức độ riêng của mình và khi ông ấy dừng nói, ông ấy đã đi xuống mức độ nơi bạn đang hiện hữu. Nhiều lần trong một câu có hành trình dài - bởi vì khi ông ấy bắt đầu nói thì nó là từ mức nơi ông ấy đang ở. Ông ấy bắt đầu với những trông mong lớn lao về bạn; thế rồi dần dần ông ấy phải hạ bớt các trông mong của mình, và trong phát biểu cuối cùng của mình, ông ấy đạt tới nơi bạn đang hiện hữu.

Mức của ông ấy và mức của bạn biểu thị cho hai phân chia sâu sắc, nhưng điều này không có nghĩa là hai mức này là rất xa nhau hay tách biệt hay khác nhau. Chúng giống như là mức của biển và sóng. Biển đôi khi có thể không có sóng, nhưng sóng không bao giờ có thể có mà không có biển. Cái vô hình dạng có thể có mà không có hình dạng, nhưng hình dạng không bao giờ có thể có mà không có cái vô hình dạng.

Nhưng nếu chúng ta nhìn vào ngôn ngữ của mình, điều thú vị là thấy rằng nó đảo ngược lại. Theo ngôn ngữ chúng ta, trong từ *nirakar*, vô hình dạng, lại có từ *sakar*, hình dạng. Nhưng vô hình dạng lại không trong từ hình dạng. Trong ngôn ngữ, trong từ vô hình dạng, thì từ hình dạng sẽ phải có đó; nhưng nó sẽ có đó nếu từ hình dạng không bao hàm vô hình dạng. Ngôn ngữ do chúng ta tạo ra, nhưng trong sự tồn tại tình huống là đảo ngược lại. Trong sự tồn tại có thể có vô hình dạng mà không có hình dạng, nhưng không thể có hình dạng mà lại không có vô hình dạng.

Tất cả các từ của chúng ta đều giống thế. Trong từ *ahimsa*, bất bạo lực, thì từ *himsa*, bạo lực là cần thiết. Nhưng trong từ bạo lực, thì bất bạo lực lại không cần thiết. Tuy nhiên, trong cuộc sống điều thú vị là để ý rằng để cho bạo lực tồn tại, thì bất bạo lực là cần thiết; nó là điều không tránh khỏi. Nhưng bất bạo lực có thể có đó mà không có bạo lực. Chúng ta tạo ra ngôn ngữ và chúng ta tạo ra nó theo nhu cầu của mình. Với chúng ta thì thế giới có thể hiện hữu mà không có Thượng đế, nhưng làm sao Thượng đế có thể hiện hữu mà không có thế giới?

Đây không phải là hai điều khác nhau. Do đó, vũ trụ vĩ mô có thể tồn tại mà không có vũ trụ vi mô; không khó khăn gì cho biển tồn tại mà không có sóng. Nhưng làm sao sóng có thể hiện hữu mà không có biển được? Sóng là rất nhỏ, và nó là phụ thuộc vì chính bản thể nó lại tùy theo biển. Nếu biển bao quanh nâng nó lên, thì nó có đó. Biển chăm nom nó từ đủ mọi phía. Nếu biển thả nó ra, nó mất tiêu.

Hai điều này là không tách rời, nhưng tôi phải nói rằng chúng là tách rời để cho sóng sẽ không bị ảo tưởng rằng nó là bất tử, vô hình dạng và vĩnh

hằng. Nếu sóng nghĩ bản thân nó tách rời, thế thì có khả năng cho ảo tưởng này và các hậu quả của nó. Nhưng nếu sóng là một với biển, không có ảo tưởng. Nếu kinh nghiệm là kinh nghiệm về cái một, thế thì nó sẽ nói, "ta không có đó chút nào; chỉ có duy nhất biển." Theo cách này, Jesus cứ lặp lại mãi, "Ta không có đó, chỉ cha ta trên trời là hiện hữu."

Cho nên chúng ta trong khó khăn. Hoặc là chúng ta muốn được chỉ cho Thượng đế ở trên thiên đường để cho chúng ta có thể tìm ra ngài là ai và ngài ở đâu, hay chúng ta sẽ bảo Jesus điên bởi vì chúng ta không hiểu điều ông ấy đang nói. Jesus đã nói, "Ta là biển, không phải là sóng," nhưng chúng ta đã chẳng thấy gì khác ngoài sóng. Biển chỉ là một từ với chúng ta. Cái là sự tồn tại đích thực thì chỉ là một từ đối với chúng ta, còn cái chỉ là đáng vẽ chúng ta lại coi là chân lí.

Linh hồn không được biết tới với chúng ta, nhưng thân thể thì hàng ngày được chúng ta nhìn thấy. Cái mà hàng ngày được thấy trở thành chân lí cho chúng ta. Đó là lí do tại sao tôi đã nói rằng thân thể là hướng cái chết và bản thân nó là cái chết. Linh hồn là bất tử, không hướng cái chết. Nhưng trên tính bất tử của nó lại có điệu vũ của cái chết trên thân thể.

Chúng ta không có khó khăn trong việc hiểu biển và sóng bởi vì chúng ta đã không thấy bất kì sự thù nghịch nào giữa chúng. Nhưng cái bất tử và cái chết lại khó hiểu bởi vì chúng ta đã giả thiết chúng là kẻ thù; đó là niềm tin của chúng ta. Khi tôi nói về biển và sóng, sự tồn tại của chúng được gắn chặt chẽ với nhau, cho nên dường như không có đối lập nào. Nhưng cái bất tử và cái chết lại dường như là kẻ thù tuyệt đối - như các đối lập. Dường như chúng không bao giờ có thể là một. Nhưng chúng cũng là một đấy. Bạn càng biết về cái chết gần hơn và sâu hơn, bạn sẽ càng thấy rằng cái chết chẳng là gì khác hơn sự thay đổi.

Sóng cũng thay đổi. Bạn càng tìm kiếm sâu vào trong cái bất tử, bạn sẽ càng thấy nó không là cái gì khác hơn cái vĩnh hằng. Sự tồn tại của bất kì cái gì có vẻ như trong đối lập trong thế giới này đều dựa trên cái đối lập của nó. Khó khăn của chúng ta là ở chỗ đối với chúng ta nó dường như đối lập. Chúng ta duy trì tách biệt giữa cái chết và cái bất tử - nhưng cái chết không thể tồn tại mà không có cái không chết. Để cái chết tồn tại, nó phải kiếm sự hỗ trợ của cái không chết. Chừng nào mà cái chết có đó, nó đều cần sự hỗ trợ của cái là bất tử.

Ngay cả để đối trá tồn tại, nó chỉ có làm được như vậy với sự hỗ trợ của chân lí. Để đối trá tồn tại, nó cũng phải công bố rằng nó là chân lí. Chân lí không bao giờ công bố là chân lí, nhưng đối trá bao giờ cũng công bố rằng nó là chân lí. Nó không thể đi được một li mà không có công bố như vậy. Nó phải công bố om sòm, "Chú ý đây; ta đang tới đây. Ta là chân lí." Nó mang nhiều xác nhận với nó để chứng minh tại sao nó lại là chân lí.

Chân lí không cần xác nhận; nó không cần sự hỗ trợ từ đối trá. Nếu chân

lí lấy hỗ trợ của đối trá, nó sẽ gặp khó khăn. Nếu đối trá không lấy hỗ trợ của chân lí, thế thì đối trá sẽ gặp khó khăn.

Với tính bất tử, hỗ trợ của cái chết là không cần thiết, nhưng chỉ trong mối quan hệ với khái niệm về bất tử mà sự xuất hiện của cái chết mới được hiểu. Sự tồn tại thuần khiết không có nhu cầu cho cái thay đổi được, nhưng cái đang thay đổi có thể được hiểu chỉ trong mối quan hệ với cái không đổi. Một điều là chắc chắn, đó là chúng ta hiểu chỉ cái thay đổi được - bởi vì đó là điều chúng ta là. Đó là lí do tại sao, bất kì khi nào chúng ta nghĩ về cái bất tử, chúng ta cố gắng hiểu nó chỉ thông qua cái có thể thay đổi được. Không có cách khác.

Hoàn cảnh của chúng ta giống như người trong bóng tối cố gắng đoán ánh sáng là gì. Người đó không có cách khác. Bóng tối chỉ là một dạng rất mờ của ánh sáng. Nó là hoàn cảnh của ánh sáng tối thiểu có thể có. Nơi không có ánh sáng chút nào, thì cũng không có điều như bóng tối. Ánh sáng có thể có hoặc có thể ở bên ngoài khả năng của mắt chúng ta để nắm bắt nó.

Các giác quan của chúng ta nắm bắt mọi vật chỉ trong những giới hạn nào đó. Bằng không, các tia sáng cường độ cao thường xuyên qua chúng ta sẽ làm cho chúng ta mù ngay lập tức nếu chúng ta định nhìn vào chúng. Chừng nào mà chúng ta còn chưa biết tia x là gì, chúng ta cũng không biết rằng các tia của tia x có thể xuyên qua thân thể con người. Chúng ta không biết rằng bức ảnh về bộ xương bên trong mình có thể được chụp từ bên ngoài. Nếu không phải hôm nay, thì ngày mai chúng ta có thể có khả năng tìm ra một tia có thể xuyên thấu qua tế bào ban đầu của một đứa trẻ mới thụ thai trong bụng mẹ nó và có thể cho chúng ta thấy toàn bộ khoảng sống của đứa trẻ đó sẽ là gì sau việc sinh của nó. Và có khả năng cho điều này xảy ra.

Nhiều kiểu tia xuyên qua chúng ta, nhưng mắt chúng ta không thể bắt được chúng. Điều chúng ta gọi là bóng tối đơn giản là ánh sáng mà mắt chúng ta không có khả năng thấy. Bởi vì mắt chúng ta không thể thấy những tia sáng nào đó, nên với chúng ta chúng dường như không là gì nhiều hơn bóng tối. Điều chúng ta gọi là bóng tối thì chỉ là ánh sáng mà mắt chúng ta không thể thấy được. Do đó, bất kì suy diễn nào mà một người đứng trong bóng tối làm ra về ánh sáng đều rất có thể sai, vì bóng tối chỉ là một dạng, cái bóng của ánh sáng. Mặc dầu cái chết chỉ là sự thay đổi về hình dạng của cái bất tử, bất kì suy diễn nào được rút ra về cái bất tử từ một người đang quan sát cái chết thì cũng đều sai cả. Nếu chúng ta biết bất tử là gì, chỉ thế thì cái gì đó mới xảy ra; bằng không chẳng cái gì xảy ra cả.

Mọi người bị cái chết bao quanh chỉ hiểu cái bất tử có nghĩa là chúng ta sẽ không chết. Nhưng họ sai. Người biết bất tử là gì thì biết rằng mình chưa bao giờ có đó chút nào. Sự khác biệt là rất sâu sắc và nền tảng. Một người đang thấy cái chết cứ nghĩ rằng nếu đúng là linh hồn là bất tử thì mình sẽ không chết. Suy nghĩ của người đó là hướng tương lai. Người đó đang sống

trong tương lai và lo nghĩ về nó, cho nên hiểu biết của người đó sẽ là hướng tương lai. Nhưng người biết bất tử là gì thì sẽ nói, "Mình không có đó chút nào; mình chưa bao giờ sinh." Người đó sẽ hướng quá khứ.

Bởi vì tất cả mọi tri thức khoa học đều bị bao quanh bởi cái chết, nên khoa học bao giờ cũng nói về tương lai. Và vì toàn bộ tôn giáo được bao quanh bởi cái bất tử, nên nó bao giờ cũng nói về quá khứ - về nguồn gốc, không về mục đích. Nó quan tâm tới cội nguồn cơ sở. Tôn giáo nói về thế giới này đã từ đâu tới, từ đâu chúng ta đã tới. Tôn giáo nói rằng nếu chúng ta biết hoàn toàn chúng ta đã tới từ đâu - cội nguồn của chúng ta và sự bắt đầu của chúng ta - thì chúng ta sẽ không lo nghĩ về nơi chúng ta sẽ đi, bởi vì chúng ta không thể đi bất kì đâu ngoài việc trở về cội nguồn đó. Nguồn gốc của chúng ta là định mệnh của chúng ta, việc tìm kiếm của chúng ta, mục đích của chúng ta.

Suy nghĩ tôn giáo quan tâm tới việc tìm về nguồn gốc - với nguồn gốc là gì. Từ đâu mà thế giới này tới? Từ đâu mà sự tồn tại này, linh hồn này, thế giới này tới? Suy nghĩ tôn giáo là trong việc tìm về quá khứ, về nguồn gốc của chúng ta. Mọi khoa học đều là việc tìm hướng tương lai - về nơi chúng ta đi tới, chỗ chúng ta sẽ đạt tới, điều chúng ta sẽ trở thành, cái gì sẽ xảy ra ngày mai, mục đích là gì. Việc tìm của khoa học được tiến hành bởi những người hướng cái chết. Suy nghĩ tôn giáo được thực hiện bởi những người mà cái chết đã chấm dứt mang bất kì ý nghĩa gì.

Điều thú vị là để ý rằng cái chết bao giờ cũng là trong tương lai. Cái chết chẳng liên quan gì tới quá khứ. Bất kì khi nào bạn đang nghĩ về cái chết, quá khứ cũng không có hậu quả gì, không quan trọng gì. Cái chết nằm ở trong ngày mai, nhưng nguồn gốc mà từ đó cuộc sống đã tới thì bao giờ cũng là hôm qua. Từ đâu cuộc sống đang tới, nơi mà dòng sông Hằng tuôn chảy, là ngọn nguồn, Gangtori. Nhưng nơi dòng sông Hằng sẽ làm trống rỗng bản thân nó là biển cả. Nó bắt đầu trong hôm qua và sẽ kết thúc trong ngày mai.

Vậy một người bị bao quanh bởi cái chết bao giờ cũng rút ra kết luận được cái chết vô màu. Điều là thực với bình diện cao hơn chỉ có thể là sự phỏng đoán theo phần của bình diện thấp hơn. Sự kiện của bình diện thứ hai chỉ nên được đánh giá bởi kinh nghiệm của bình diện thứ hai. Do đó, điều thú vị là để ý rằng người biết tới bình diện thứ hai thì một cách tự nhiên biết luôn cả bình diện thứ nhất nữa, nhưng người biết bình diện thứ nhất lại không nhất thiết biết tới bình diện thứ hai. Đó là lí do tại sao, nếu chúng ta mô tả Phật, Krishna và Christ như những người thông minh và trí huệ cao, thì đây là do một lí do đặc biệt: họ biết tất cả các bình diện; chúng ta chỉ biết một bình diện. Đó là lí do tại sao điều họ nói nhiều nghĩa hơn. Và bất kì điều gì chúng ta biết, họ chắc chắn biết. Không có khó khăn trong điều này. Họ đã biết cái chết; họ cũng đã biết khổ, giận dữ và bạo hành. Kinh nghiệm của họ là kinh nghiệm về tất cả các bình diện.

Tại các nước phương Tây mọi tri thức đều chỉ là sự tích lũy trên cùng một bình diện. Bất kì điều gì Einstein có thể đã biết, khác biệt giữa tri thức của ông ấy và của chúng ta đơn giản chỉ là định lượng. Chẳng hạn, chúng ta chỉ có thể đo cái bàn này, nhưng ông ấy có thể đo toàn thế giới. Khác biệt này là ở số lượng hay mức độ. Không có khác biệt chất lượng. Điều này có nghĩa là ông ấy không biết cái gì đó khác với điều bạn có thể biết, nhưng điều ông ấy biết chỉ là sự mở rộng về mặt số lượng của điều có thể được biết tới đối với bạn. Bạn có thể biết ít, ông ấy biết nhiều hơn. Bạn chỉ có một đô la, ông ấy có thể có cả triệu. Nhưng một đô la của bạn và triệu đô la của ông ấy là không khác nhau về chất lượng. Cái ông ấy có không khác với cái bạn có.

Khi chúng ta gọi Phật hay Mahavira là *gyanis*, người biết, điều chúng ta ngụ ý là khác. Có thể là trên bình diện của mình, chúng ta có thể biết nhiều hơn họ biết, nhưng việc chúng ta gọi họ là *gyanis* có nghĩa là họ biết cái gì đó ở bình diện khác mà về điều đó chúng ta không biết gì cả. Họ đã đi vào trong chiều hướng mới có khác biệt về chất.

Nếu Mahavira và Einstein mà gặp nhau, thậm chí có thể xảy ra là Mahavira sẽ tỏ ra là người không biết về mọi thứ mà Einstein đã biết. Ông ấy có thể không có tích lũy tri thức nhiều như Einstein. Mahavira có thể nói, "Tôi chỉ có thể đo được cái bàn này thôi; ông có khả năng đo cả trái đất. Ông thậm chí có khả năng biết khoảng cách từ trái đất tới mặt trăng hay các vì sao; tôi không thể làm được điều đó. Nếu tôi có thể đo được căn phòng này, thì thế cũng đủ cho tôi rồi. Những dấu vậy, tôi vẫn nói rằng ông không hiểu biết nhiều hay không có tri thức nhiều bằng tôi bởi vì ông chỉ biết cái là lí lẽ thông thường."

Nếu căn phòng này có thể được đo, các vì sao cũng có thể được đo. Không có siêu việt trong khi làm điều đó. Bên trong Einstein không có chuyển hoá hay thay đổi; ông ấy không phải là người khác. Ông ấy vẫn còn là con người cũ, mặc dầu ông ấy hiệu quả hơn ở nơi chúng ta không hiệu quả. Chỉ mỗi điều là ông ấy có tốc độ lớn hơn nhiều trên cùng một bình diện, trong khi chúng ta rất chậm. Einstein đã du hành xa trên cùng một bình diện nơi chúng ta đã du hành chút xíu. Einstein đã đi sâu vào chỗ người khác chỉ chạm vào ngoại vi, nhưng Einstein đã không di chuyển vào bình diện khác.

Khi chúng ta gọi Phật hay Mahavira hay những người khác thuộc loại của họ là người biết, chúng ta ngụ ý rằng họ đã đi ra ngoài bình diện của cái chết tới chỗ họ đã biết cái bất tử, và điều họ nói cho chúng ta về cái này là vô giá. Chúng ta có thể hiểu nó theo cách này: nếu một người chưa bao giờ say rượu đưa ra phát biểu về say rượu, thế thì phát biểu này vô giá trị. Nếu một người đã uống rượu say mà đưa ra phát biểu về say rượu, thế thì điều đó cũng vô giá trị. Nhưng phát biểu của người đã say rượu nhưng lại vượt ra ngoài nó thì có giá trị.

Người chưa say rượu chút nào là trẻ con. Phát biểu của người đó sẽ ngây thơ. Đó là lí do tại sao những người chưa bao giờ say bất kì rượu nào đã không có khả năng hiểu được những người uống rượu. Những người uống rượu nói, "Chúng tôi đã biết điều anh biết, nhưng bây giờ chúng tôi biết điều gì đó còn hơn thế." Nếu bạn uống rượu, thế thì bạn có thể nói điều gì đó về nó. Nhưng những người đã tự say hoàn toàn và rồi đã bỏ nó thì có điều gì đó hơn để nói. Người say rượu sẽ lắng nghe họ.

Tại châu Âu và châu Mỹ, có những hội người nghiện rượu. Alcoholics Anonymous là một tổ chức lan rất rộng. Chỉ những người đã có lần nghiện rượu mới có thể trở thành thành viên của tổ chức này, và phong trào này đã bắt đầu để làm cho những người nghiện khác từ bỏ uống rượu. Điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ những hội người nghiện rượu như vậy có thể làm cho người khác cũng nghiện rượu lại từ bỏ uống rượu rất nhanh chóng, bởi vì điều những người nghiện rượu đó nói là tới từ sự chín muồi của họ. Phát biểu của họ được những người uống rượu hiểu rõ hơn bởi vì điều họ nói là từ kinh nghiệm. Họ cũng đã say sưa và đi loạng choạng và ngã lăn ra lặp đi lặp lại, và họ đã trải qua tất cả các kinh nghiệm của kẻ say. Đó là lí do tại sao phát biểu của họ, tới từ kinh nghiệm, lại có giá trị.

Nhưng điều này tôi đã nói ra chỉ là cách đưa ra minh họa. Dù bạn có uống rượu hay không uống hay từ bỏ uống rượu, cũng chẳng có khác biệt gì trong bình diện bạn đang đứng. Bạn vẫn trên cùng mặt phẳng. Sự khác biệt chỉ là ở các bậc thang khác nhau trên cùng chiếc thang. Nhưng một khi bạn kinh nghiệm cái bất tử, có thay đổi về bình diện. Tác động lớn lao của các giáo huấn của Phật, Mahavira và Christ là do sự kiện là mặc dầu họ biết điều chúng ta thường biết, họ cũng biết cái gì đó bên ngoài cái mà chúng ta biết. Từ tri thức mới đó mà họ có, họ có thể nói rằng đã có sai lầm nền tảng trong việc biết của chúng ta.

Trong khi thảo luận về Mahavira, Thầy đã nói rằng Mahavira đã đạt tới tự hiểu hoàn toàn trong lần sinh trước của mình và rằng ông ấy đã lấy lần sinh nữa do từ bi chỉ để diễn đạt và nói cho những người khác về điều ông ấy đã thấy và đã biết. Tương tự, thầy đã nói rằng Krishna đã hoàn toàn chứng ngộ từ chính việc sinh của ông ấy. Trước đây, khi tôi thảo luận với Thầy tại Jabalpur, tôi có trực giác rằng điều Thầy đã nói về Mahavira và Krishna cũng áp dụng được cho Thầy. Có đúng là Thầy cũng lấy việc sinh từ lòng từ bi không? Trong hoàn cảnh này, xin Thầy chiếu sáng lên những lần sinh trước của Thầy và những thành tựu của Thầy trong chúng sao cho điều đó có thể có ích cho những người tìm kiếm? Xin Thầy giải thích lỗ hổng thời gian giữa lần sinh cuối của Thầy và lần sinh này là gì?

Trong mối liên quan này, nhiều điều phải được nhớ trong tâm trí. Trước hết, liên quan tới việc sinh của những người như Mahavira, điều đó nên được hiểu rằng khi việc đạt tới tự hiểu của họ được hoàn tất trong một kiếp đặc

biệt, chính sự tự do hoàn toàn của họ là ở việc chọn liệu có lấy lần sinh nữa hay không. Chính sự kiện là nếu họ lấy việc sinh thành, việc sinh đó được lấy với tự do chọn lựa hoàn toàn.

Không lần sinh nào trước việc đạt tới tự hiểu lại được lấy từ tự do cả. Người ta không có chọn lựa trong các lần sinh khác. Những lần sinh khác là do cưỡng bách của định mệnh của chúng ta - dường như chúng ta bị đẩy tới hay bị lôi kéo vào việc sinh bởi những hành động quá khứ của mình và bị lôi kéo tới bởi ham muốn của mình về tương lai. Vậy, sinh thông thường là một biến cố người ta không tự tự lo liệu được.

Chỉ trong ý thức đầy đủ mới có cơ hội cho việc chọn lựa - chỉ khi người ta đã biết đầy đủ về cái ta. Vị trí đó được đạt tới khi không cái gì thêm nữa còn cần được biết tới. Một khoảnh khắc như vậy tới khi người ta có thể nói rằng "không có tương lai cho tôi bởi vì với tôi không có ham muốn. Không cái gì sẽ tạo ra bất kì bất hạnh cho tôi nếu tôi không có được nó." Tình huống này, nơi lần đầu tiên bạn có chọn lựa, xảy ra khi người ta đã đạt tới đỉnh cao nhất.

Mỗi quan tâm lớn và một trong những bí ẩn sâu sắc nhất của cuộc sống là ở chỗ những người ham muốn được tự do thì không thể được tự do còn những người không có ham muốn chút nào lại trở nên tự do. Những người có ham muốn lấy việc sinh tại một nơi đặc biệt hay trong một gia đình đặc biệt thì không có chọn lựa ngoài việc làm như vậy. Nhưng những người có tự do có thể lấy việc sinh ở bất kì đâu mà họ chọn, nếu họ ham muốn như vậy, cho dù họ có thể không thực hiện việc chọn lựa của mình.

Tự do chọn lựa có đó để lấy chỉ một lần sinh nữa - không phải bởi vì sẽ không có bất kì tự do nào để lấy lần sinh khác, mà bởi vì sau một lần sinh nữa thì ham muốn dùng tự do như vậy bị mất.

Tự do còn lại mãi mãi. Trong kiếp sống này, nếu bạn đạt tới kinh nghiệm tối thượng, thế thì bạn sẽ có tự do đó. Nhưng điều thường xảy ra là ở chỗ sau khi đạt tới tự do này, ham muốn dùng nó không mất đi ngay. Và tình huống này có thể được sử dụng.

Nhưng những người đã nhìn sâu vào vấn đề này đều đã cảm thấy rằng đây cũng là một kiểu tù túng. Đây là lí do tại sao người Jaina, người đã tìm kiếm sâu theo hướng này - hơn bất kì nỗ lực tôn giáo nào khác trên thế giới này - đã mô tả tù túng này là *teerthankara gotrabandh*, ham muốn là thầy giáo để hướng dẫn người khác hướng tới chứng ngộ. Đây là tù túng cuối cùng. Nó là tù túng với tự do đầy đủ - tù túng cuối cùng, chỉ với một ham muốn cuối cùng để dùng nó.

Tuy nhiên đây vẫn là một ham muốn. Đó là lí do tại sao có nhiều người đã đạt tới chứng ngộ, nhưng tất cả trong họ không thể trở thành *teerthankara*. Để là một *teerthankara*, để dùng được tự do này, cần phải có một chuỗi các hành động kiểu quá khứ đặc biệt. Một chuỗi dài về ham muốn là thầy giáo là

cần thiết. Nếu gán bó này để là thầy giáo mà tồn tại, thì nó sẽ cho cái đây cuối cùng. Thế thì bất kì cái gì được biết sẽ được nói ra, bất kì cái gì được kinh nghiệm sẽ được mô tả, và bất kì cái gì thu được sẽ được phân phối.

Sau khi hiểu biết được đạt tới, không nhất thiết là mọi người phải lấy lần sinh khác. Do đó trong tình huống như vậy, trong hàng triệu người đã tự hiểu, chỉ một người mới chọn lấy thêm một lần sinh nữa. Đó là lí do tại sao người Jaina có một số trung bình cố định ít nhiều, rằng trong một *srishti-kalpa*, một thời kì sáng tạo, chỉ có thể có hai mươi bốn *teerthankaras*.

Điều đó có tác dụng như bất kì số trung bình nào khác. Chẳng hạn, chúng ta nói rằng ngày nay, về trung bình, biết bao nhiêu tai nạn sẽ xảy ra trên đường phố Bombay. Bản ghi về các tai nạn của ba mươi năm qua được tính tới, và con số trung bình được thảo ra. Việc dự đoán trở thành ít nhiều chính xác. Tương tự, việc xảy ra này của hai mươi bốn *teerthankara* cũng là con số trung bình. Chính là từ kí ức của nhiều thời kì sáng tạo mà con số trung bình được thảo ra.

Có những kí ức về nhiều thế giới đã từng được sinh ra và triệt tiêu của chúng, và trong những thời kì đó *teerthankaras* đã được sinh ra. Về trung bình, trong mỗi thời kì như thế, chỉ vào khoảng hai mươi tư người mới có khả năng duy trì lời cam kết lấy thêm một lần sinh nữa. Trong hoàn cảnh này, cũng nên nhớ rằng khi chúng ta nói về số tai nạn trên đường phố Bombay, chúng ta không nghĩ tới tai nạn trên đường phố London, hay tai nạn chỉ trên đường Marine Drive hay trên bất kì đường phố đặc biệt nào của Bombay.

Tính toán của người Jaina dựa trên con đường của riêng họ. Trong tính toán đó, con đường của Jesus, Krishna hay Phật không được tính tới. Nhưng điều thú vị là để ý rằng khi người Hindu thử tính trên con đường của mình, thì việc đếm của họ về những người như vậy cũng là hai mươi bốn. Tương tự, Phật tử cũng đếm hai mươi bốn cho con đường của họ. Đó là lí do tại sao ý tưởng về hai mươi bốn hoá thân kẹt lại cho tất cả. Người Jaina đã có ý tưởng về hai mươi bốn *teerthankara* còn Phật tử có ý tưởng về hai mươi bốn vị phật.

Trong những điều như vậy, Ki tô giáo và Mô ha mét giáo đã không đi sâu. Nhưng Mô ha mét giáo có nói rằng Mohammed không phải là người đầu tiên như vậy và rằng đã có những người như ông ấy trước đó. Bản thân Mohammed đã chỉ ra rằng bốn người đã tới trước ông ấy, nhưng việc nhận diện từ những chỉ dẫn đó vẫn còn mơ hồ và không đầy đủ. Con đường của Mohammed trong chuỗi trước ông ấy không thể được tìm thấy. Con đường chỉ được biết tới bắt đầu từ bản thân Mohammed. Không ai khác đã có khả năng đếm với cùng sự sáng tỏ mà Mahavira đã có trong việc đếm hai mươi bốn trong tín ngưỡng của ông ấy, bởi vì với Mahavira con đường đó đi tới kết thúc. Dễ dàng để sáng tỏ về các sự kiện quá khứ, nhưng Mohammed

cũng phải nghĩ đến tương lai, và có khó khăn để rõ ràng.

Jesus nữa đã cố gắng đếm người trước ông ấy, nhưng việc tính của ông ấy lại mơ hồ bởi vì con đường của Jesus cũng là mới, bắt đầu từ ông ấy. Phật cũng có thể đếm không rõ ràng về những người trước mình; ông ấy chỉ đưa ra những tham khảo gián tiếp theo hướng đó.

Đó là lí do tại sao, trong việc tính về hai mươi bốn vị phật, không có ai trước Phật. Theo mỗi quan hệ này, người Jaina đã nghiên cứu sâu hơn và chân thực hơn. Họ đã giữ các bản ghi đầy đủ về tên và địa chỉ của hai mươi bốn người đó. Vậy, trên mọi con đường đều có hai mươi bốn cá nhân. Những cá nhân như thế chỉ lấy thêm một lần sinh sau khi chúng ngộ. Lần sinh đó, tôi đã nói với các bạn, chỉ là do lòng từ bi.

Trong thế giới này, không cái gì xảy ra mà không có nguyên nhân. Lí do cho việc lấy lần sinh nữa có thể chỉ là một trong hai điều: hoặc có ham muốn hoặc có từ bi. Không có lí do thứ ba. Tôi có thể tới nhà bạn hoặc để cho cái gì đó hoặc để lấy cái gì đó. Không thể có lí do thứ ba. Nếu tôi tới nhà bạn để lấy cái gì đó, đó là ham muốn. Nếu tôi tới để cho cái gì đó, đây là từ bi. Không có lí do hay mục đích thứ ba để tới nhà bạn.

Mọi việc sinh bắt nguồn từ ham muốn đều sẽ là phụ thuộc, bởi vì bạn có thể chẳng bao giờ độc lập trong điều kiện thêm muốn hay cầu xin. Làm sao người ăn xin có thể là độc lập được?

Người ăn xin không thể nào độc lập được, bởi vì tất cả mọi tự do đều nằm trong người cho. Tự do nào có thể có đó cho người ăn xin? Nhưng người cho có thể tự do. Cho dù bạn không lấy, người cho vẫn có thể cho. Nhưng nếu bạn không cho, người ăn xin không thể lấy. Không nhất thiết là chúng ta lấy tất cả những thứ mà Mahavira và Phật đã cho chúng ta, nhưng chắc chắn là họ đã cho. Việc lấy là không chắc chắn và có thể bị né tránh, nhưng việc cho là chắc chắn và xác định. Ham muốn phân phối cái được nhận, được hiểu hay được biết là tự nhiên, nhưng đây là ham muốn cuối cùng. Do đó, nó cũng được gọi là tù túng. Những người đã biết đều mô tả điều đó là tù túng của hành động. Điều đó nữa cũng là tù túng - tù túng cuối cùng. Cho nên tôi sẽ phải tới nhà bạn. Tôi có thể tới hoặc để lấy hoặc để cho, nhưng tôi nhất định sẽ tới nhà bạn.

Cho dù tôi không định tới nhà bạn, điều đó cũng không khác biệt gì. Tôi sẽ phải tới nhà bạn. Nhưng có khó khăn lớn: vì mọi người thường tới nhà bạn chỉ để lấy cái gì đó còn bạn cũng tới nhà người khác chỉ để yêu cầu cái gì đó, nên tự nhiên sẽ khó hiểu ai đó tới cho bạn cái gì đó.

Tôi sẽ nói cho bạn một điều rất khó hiểu thường xảy ra bởi vì điều này. Vì bạn không có khả năng hiểu việc cho nghĩa là gì, nên nhiều lần những cá nhân như thế đã phải giả vờ lấy cái gì đó từ bạn. Điều đó sẽ vượt ra ngoài việc hiểu của bạn là những người từ bi thế cũng phải xem xét liệu có xin bạn thức ăn nào đó không. Đó là lí do tại sao mọi bài nói tôn giáo của Mahavira

chỉ được cho sau bữa ăn. Những bài nói như vậy chỉ là một loại tạ ơn. Nó là việc tạ ơn về thức ăn bạn đã cho.

Nếu Mahavira phải tới xin thức ăn, bạn lập tức hiểu điều đó. Ông ấy sẽ nói với bạn vài lời để đáp lại, theo cách cảm ơn, và sẽ ra đi. Bạn cảm thấy vừa lòng rằng mình đã cho hai lát bánh mì, một công việc quả thực rất hào phóng! Bạn sẽ không có khả năng hiểu rằng những con người từ bi như vậy cũng phải xem xét xem liệu bạn có khả năng nhận điều họ muốn cho hay không. Và nếu không có thu xếp nào với bạn để cho, bản ngã bạn sẽ thấy khó mà chấp nhận.

Đó là lí do tại sao chẳng có lí do gì để Mahavira hay Phật phải đi ăn xin và phải đòi hỏi thức ăn từ bạn - bởi vì bạn sẽ không thể nào dung thứ được cho người chỉ tới cho bạn. Bạn dứt khoát sẽ trở thành kẻ thù của người đó. Bạn sẽ thấy thật là kì cục khi nghĩ rằng bạn trở thành kẻ thù với người chỉ tới cho bạn và không cho bạn bất kì cơ hội nào để cho lại. Nếu người đó không đòi hỏi cái gì từ bạn, rào chắn sẽ được tạo ra giữa người đó và bạn.

Đó là lí do tại sao người như vậy nói chung hỏi xin bạn những thứ nhỏ bé. Đôi khi người đó hỏi xin bữa ăn, đôi khi về quần áo và đôi khi người đó nói người đó không có chỗ nghỉ. Người đó phải lấy cái gì đó từ bạn, và bạn trở nên không căng thẳng. Bạn đã trở nên bình đẳng với người đó, ở cùng mức độ, bởi vì bạn đã cho người đó cái gì đó nhiều hơn, còn người đó chẳng cho bạn cái gì ngoài đôi lời. Bạn đã cho người đó chỗ trú ngụ, quần áo hay tiền bạc. Người đó đã cho cái gì? Người đó chỉ kể cho bạn vài câu chuyện hay cho bạn lời khuyên nào đó.

Do đó Phật đã gọi các sannyasin của mình là *bhikkhus* - *khất sĩ*, và đã yêu cầu họ đi đây đó như kẻ ăn xin, bởi vì chỉ thế thì họ mới có thể cho. Họ sẽ phải đi đây đó trá hình làm kẻ ăn xin để tạo ra tình huống trong đó họ có thể dễ dàng cho.

Từ bi có vấn đề của riêng nó. Một người sống trên bình diện như vậy đang đối diện với những khó khăn lớn. Chúng ta không thể hiểu được người đó. Người đó sống giữa những người không hiểu ngôn ngữ của mình và bao giờ cũng sẽ hiểu lầm người đó. Điều này là không tránh khỏi, mặc dầu người đó không thấy phiền phức hay lo nghĩ về nó. Khi bạn hiểu lầm người đó thì không có lo nghĩ, bởi vì người đó biết rằng điều đó là tự nhiên và rằng bạn đang nghĩ và hiểu mọi thứ trên bình diện của riêng mình. Do đó, những người đã hiểu mọi người, người còn chưa phát triển khả năng dạy trong các kiếp quá khứ, biến mất, ngay khi họ trở nên chứng ngộ; họ không lấy lần sinh khác.

Trong mối liên hệ này, cũng đáng hiểu rằng việc lấy lần sinh thành của Mahavira và Phật trong hoàng gia là rất có ý nghĩa. Người Jaina đã quyết định một cách quả quyết rằng *teerthankara* phải lấy việc sinh thành chỉ trong hoàng gia. Có lần tôi đã nói rằng có câu chuyện về linh hồn của Mahavira đã

đi vào bụng mẹ của một phụ nữ brahmin, và Thượng đế đã đổi cái bào thai đó để thuộc vào người phụ nữ *kshatriya*, bởi vì một *teerthankara* phải được sinh ra chỉ trong hoàng gia.

Tại sao? Bởi vì sau khi lấy việc sinh trong hoàng gia, nếu người ta trở thành kẻ ăn xin theo ý chí tự do riêng của mình, người đó sẽ có tác động hơn và dễ chấp nhận hơn cho mọi người. Người đó sẽ được mọi người hiểu rõ hơn bởi vì họ đã có thói quen bao giờ cũng lấy và đòi hỏi cái gì đó từ vua của mình. Và bởi vì thói quen đó mà có lẽ bất kì điều gì người tới đem cho đều sẽ được mọi người nhận.

Chính thói quen của chúng ta là bao giờ cũng nhìn lên vua, vì vua bao giờ cũng ngồi ở bậc cao hơn. Cho dù vua có chọn là kẻ ăn xin và đi ăn xin trên đường, vua vẫn còn ở bậc cao hơn. Thói quen cũ này mà mọi người có sẽ giúp cho vua. Do đó, đây là một phương cách để làm cho việc thành dễ dàng. Vậy, một *teerthankara* như vậy có thể được sinh ra chỉ từ hoàng gia. Nhưng điều này không khó, bởi vì người như vậy đã có chọn lựa trong tay mình về nơi lấy việc sinh.

Tất cả các cá nhân như Phật và Mahavira đều đã đạt tới và hiểu ra trong những lần sinh trước đó của họ. Thế thì tất cả những điều đã được đạt tới đều được phân phối trong lần sinh cuối của họ. Có thể hỏi rằng nếu tất cả những tri thức và thành tựu này đã tới trong lần sinh trước đó, thì sao Mahavira và Phật lại dường như làm nhiều nỗ lực thế trong lần sinh gần nhất của họ để đạt tới cái gì đó?

Với câu hỏi này không có câu trả lời. Bởi điều này, lẫn lộn đã được tạo ra. Sao Mahavira và Phật lại phải làm nhiều *sadhana* thế? Krishna chẳng làm điều như vậy, trong khi Mahavira và Phật lại làm. Nỗ lực này không phải để đạt tới chân lí. Chân lí đã được biết tới với họ, nhưng giải thích và diễn đạt nó cho người khác theo bất kì cách nào cũng không kém khó hơn là việc biết nó. Trong thực tế, còn khó hơn. Nếu người ta phải giải thích chân lí nào đó, điều đó lại còn khó hơn.

Chẳng hạn, chân lí của Krishna không phải là đặc biệt theo bất kì cách nào. Đó là lí do tại sao Krishna có thể thành công trong nỗ lực của mình để đem cho nó từ nơi mình đang hiện hữu. Nhưng chân lí mà Mahavira và Phật dạy rất đặc biệt. Những con đường mà họ đã chỉ ra cũng rất đặc thù. Chúng là đặc thù theo khía cạnh này: chẳng hạn, nếu Mahavira có yêu cầu ai đó tiếp tục nhịn ăn ba mươi ngày, và nếu người đó biết rằng bản thân Mahavira chưa bao giờ nhịn ăn cả, người đó sẽ không được chuẩn bị để nghe theo Mahavira.

Mahavira phải nhịn ăn trong mười hai năm chỉ vì những người ông ấy muốn dạy. Bằng không sẽ không thể nào nói cho họ về nhịn ăn được. Mahavira phải gìn giữ *mouna*, im lặng, trong mười hai năm để thuyết phục những người muốn trở nên im lặng trong chỉ mười hai ngày. Bằng không họ sẽ không nghe Mahavira.

Đối với Phật, có một câu chuyện hay khác. Phật bắt đầu một hệ thống thiền mới trong khi Mahavira không bắt đầu hệ thống mới. Mahavira có tri thức của một khoa học đã phát triển đầy đủ, theo một tín ngưỡng mà ông ấy không phải là người đầu tiên mà là người cuối cùng. Đằng sau ông ấy là một chuỗi dài các thầy giáo lấy lòng. Chuỗi đó được gìn giữ và bảo đảm an toàn đến mức nó không bao giờ bị mất. Tri thức đó đã được kí thác cho Mahavira như một loại tin cậy từ các thầy giáo trước đó.

Quả thực điều kì diệu là đến thời của Mahavira, tri thức đó vẫn có thể còn lại liên tục thế. Vậy Mahavira đã không cho bất kì chân lí mới nào. Chân lí đã được trao thì đã được nuôi dưỡng từ lâu, và nó có sức mạnh của sự kế thừa lâu dài. Nhưng Mahavira cũng đã phải tạo ra tính cá nhân riêng của mình để cho mọi người sẽ lắng nghe ông ấy.

Điều thú vị là để ý rằng người Jaina đã nhớ Mahavira nhiều nhất và rằng hai mươi ba teerthankaras trước đó đều thực tế đã bị lãng quên. Đây là điều ngạc nhiên, vì Mahavira là người cuối cùng trong chuỗi. Ông ấy không phải là người tiên phong mà cũng chẳng phải là người đầu tiên, ông ấy cũng chẳng có chân lí mới nào được khai lộ. Ông ấy khai lộ chỉ những điều đã được biết và kiểm nghiệm. Dầu vậy, Mahavira vẫn được nhớ nhiều nhất, và hai mươi ba người còn lại đã trở thành huyền thoại.

Nếu Mahavira mà không được sinh ra, chúng ta thậm chí chẳng biết tới tên của hai mươi ba teerthankara trước đó. Lí do sâu sắc hơn cho điều này là ở chỗ Mahavira đã dành mười hai năm xây dựng hình ảnh và cá nhân của mình trong khi những teerthankara khác lại không. Họ chỉ chăm nom sadhana của mình. Mahavira có hệ thống được tổ chức rất tốt. Trong sadhana không có hệ thống có tổ chức, nhưng với Mahavira, sadhana là một loại hành động mà ông ấy thực hiện rất hiệu quả.

Đó là lí do tại sao những hình ảnh về hai mươi ba teerthankara khác không thể nổi lên được rõ ràng và sắc nét như hình ảnh của Mahavira. Tất cả họ đều mờ nhạt. Mahavira đã tạo ra hình ảnh của mình như một nghệ sĩ hoàn hảo. Tất cả đã được lập kế hoạch chu đáo. Bất kì cái gì ông ấy muốn làm với nhân cách của mình đều được chuẩn bị tốt. Ông ấy tới được chuẩn bị đầy đủ.

Phật là người đầu tiên theo nghĩa là ông ấy phải mang theo mình một hệ thống sadhana mới. Do đó, Phật phải đi qua con đường khác. Điều thú vị là để ý rằng điều này đã tạo ra một ảo tưởng là tự mình Phật trải qua sadhana. Thực tế, Phật đã hiểu ra trong kiếp trước của mình. Trong lần sinh này, ông ấy chỉ phân phối mùa màng mà ông ấy đã gặt trước đây. Nhưng Phật đã không có tín ngưỡng có tổ chức đằng sau ông ấy. Việc tìm kiếm của Phật hoàn toàn là của riêng ông ấy. Ông ấy tạo ra một con đường mới cho bản thân mình. Trên cùng ngọn núi đó nơi đường cái rộng đã có, ông ấy tạo ra một con đường mới.

Mahavira đã bước trên con đường hoàng gia làm sẵn, nhưng ông ấy phải

công bố lại điều đó bởi vì mọi người rất thường có khuynh hướng quên đi những điều như vậy. Nhưng con đường đã có đó cho ông ấy. Phật phải khai phá đất mới, cho nên ông ấy đã làm ra một kiểu thu xếp khác trong cuộc sống của mình. Đầu tiên ông ấy đã trải qua đủ mọi loại sadhana. Và sau khi trải qua từng sadhana như vậy, ông ấy nói rằng nó là vô dụng và rằng không ai có thể đạt tới đâu cả qua nó. Đến cuối cùng ông ấy đã công bố phương pháp riêng của mình, bằng việc nói rằng ông ấy đã đạt tới con đường đó và rằng bất kì ai cũng đều có thể đạt tới con đường đó.

Điều này, người ta có thể nói, là một chuyện đã được thu xếp trước rất nhiều - đã được sắp xếp rất chu đáo! Người muốn đưa vào một công phu mới sẽ phải công bố rằng tất cả các công phu cũ đều giả. Và nếu Phật gọi chúng là giả mà không trải qua chúng, như Krishnamurti làm, thế thì tác động sẽ không nhiều hơn tác động của điều Krishnamurti nói, bởi vì người ta không có quyền tuyên bố điều gì là giả mà không trong kinh nghiệm của mình.

Gần đây, ai đó tới tôi cũng đã tới gặp Krishnamurti và đã hỏi ông ấy về *kundalini*. Krishnamurti đã nói rằng điều đó tất cả là vô dụng. Thế rồi, với người đã thông báo điều này tôi đã hỏi người đó có hỏi điều này từ kinh nghiệm hay không - liệu người đó có hỏi nó sau khi thực nghiệm với *kundalini* hay không - hay không làm như thế. Nếu điều đó được hỏi mà không thực nghiệm hay trải qua nó, thế thì điều đó là vô dụng. Nếu nó được hỏi sau khi thực nghiệm, thế thì câu hỏi khác nên được hỏi với người đó: liệu người đó có thành công hay người đó không thành công.

Nếu người đó thành công, thế thì bảo nó vô dụng là sai. Nếu người đó không thành công, không cần phải theo điều mà người khác cũng nhất định không thành công trong thực nghiệm. Do đó, Phật đã phải trải qua tất cả các công phu và phải chỉ ra rằng công phu này là sai hay công phu kia là sai và rằng không công phu nào có thể đạt tới đâu cả qua nó. Thế thì ông ấy có thể nói, "Ta đã đạt tới bởi phương pháp này, và ta đang bảo các ông từ kinh nghiệm."

Mahavira đã trải qua cùng tất cả những công phu đó, nhưng ông ấy đã công bố rằng chúng đã được thực hành cho nhiều thời đại và đều có ích. Phật đã nói rằng mọi thứ đều vô dụng, và ông ấy đã mở ra một chiều hướng mới. Nhưng cả hai trong họ đều đã chứng ngộ trong lần sinh trước.

Krishna cũng đã chứng ngộ trong lần sinh trước đó của mình, nhưng Krishna không đưa ra bất kì kĩ thuật đặc biệt mới nào cho việc tự hiểu. Krishna đã chỉ dẫn một cách sống đặc biệt. Do đó, không có nhu cầu trải qua bất kì tiến trình thiền hay khổ hạnh nào, bởi vì bản thân điều đó sẽ là chướng ngại.

Nếu Mahavira đã nói rằng có khả năng đạt tới *moksha* thậm chí trong khi ngồi trong cửa tiệm riêng của bạn, thế thì nỗ lực riêng của Mahavira trong việc phát triển cá nhân của mình sẽ dường như vô ích. Thế thì mọi người sẽ

hỏi Mahavira, "Vậy sao thầy từ bỏ mọi thứ?" Nếu Krishna đã đi vào rừng để thiền và thể rồi đứng trên chiến trường và nói rằng ngay cả trên chiến trường người ta cũng có thể đạt tới, không ai sẽ nghe ông ấy. Thế thì Arjuna cũng sẽ hỏi ông ấy tại sao ông ấy lại muốn lừa dối anh ta. Nếu bản thân Krishna đi vào rừng, sao ông ấy phải ngăn cản Arjuna làm như vậy?

Cho nên điều đó tùy thuộc vào mọi thầy giáo về cách thức và điều người đó muốn cho. Thế thì một nỗ lực thích hợp, một cố gắng sống, phải được thực hiện trong hoàn cảnh đó. Thông thường thầy sẽ phải thu xếp trong cuộc sống điều hoàn toàn nhân tạo. Nhưng điều này là không thể tránh khỏi cho điều thầy muốn trao.

Bây giờ câu hỏi này mà bạn đã hỏi tôi có chút ít khó khăn để trả lời. Sẽ dễ hơn cho tôi để đáp lại nếu được hỏi về Mahavira hay Phật hay Krishna. Nhưng đầu vậy, hai hay ba điều có thể được giữ lại để xem xét. Trước hết, lần sinh trước đây của tôi đã xảy ra quãng bảy trăm năm trước. Nhiều khó khăn có đó do sự kiện đó.

Lần sinh trước của Mahavira vào quãng hai trăm năm mươi năm trước lần sinh của ông ấy là Mahavira. Lần sinh trước của Phật chỉ là bảy mươi tám năm trước lần sinh của ông ấy là Phật. Trong trường hợp của Phật, thậm chí còn có những người đang sống có thể đứng ra làm nhân chứng cho sự kiện về kiếp sống trước của ông ấy. Thậm chí trong thời của Mahavira, có những người có thể nhớ đã gặp Mahavira trong lần sinh trước của họ. Việc sinh của Krishna làm Krishna vào quãng hai nghìn năm sau lần sinh cuối của ông ấy, và do vậy tất cả các tên của các *rishi* đã chứng ngộ mà Krishna đã cho đều rất cổ đại. Thậm chí không thể nhớ được chúng về mặt lịch sử.

Bảy trăm năm là một thời kì rất dài. Nhưng với người lấy lần sinh sau bảy trăm năm thì nó lại không rất dài lắm, bởi vì khi người ta không trong thân thể thì không có khác biệt giữa một khoảnh khắc và bảy trăm năm. Việc đo thời gian bắt đầu chỉ với thân thể. Bên ngoài thân thể, không có khác biệt dù bạn đã bảy trăm năm hay bảy nghìn năm. Chỉ khi thu được thân thể thì khác biệt mới bắt đầu.

Điều thú vị là để ý tới phương pháp để biết khoảng thời gian giữa cái chết cuối cùng và lần sinh hiện tại. Nói về bản thân tôi, làm sao tôi đi tới biết rằng tôi đã không ở đây trong bảy trăm năm? Rất khó để đoán đúng nó một cách trực tiếp. Tôi chỉ có thể đánh giá hay tính toán thời gian bằng việc quan sát những người đã lấy nhiều lần sinh trong khoảng thời gian này.

Giả sử, chẳng hạn, một người đặc biệt được tôi biết tới trong thời gian sống của tôi bảy trăm năm về trước. Trong khoảng giữa với tôi là lỗ hổng, nhưng người đó có thể đã lấy mười lần sinh. Tuy nhiên, có những kí ức về mười lần sinh quá khứ của người đó. Chỉ từ kí ức của người đó tôi mới có thể tính ra tôi đã phải còn không có thân thể trong bao lâu. Ngoài ra thì khó mà tính toán và xác định điều này, bởi vì thang thời gian của chúng ta và

phương pháp đo không thuộc về thời gian phổ biến ở bên ngoài thân thể hay trong trạng thái vô thân thể. Việc đo của chúng ta về thời gian là trong thế giới của sự tồn tại có thân thể.

Nếu cái gì đó giống thế này, rằng trong một khoảnh khắc tôi ngủ thiếp đi và thấy giấc mơ. Trong giấc mơ tôi thấy rằng nhiều năm đã trôi qua, và sau một vài khoảnh khắc bạn đánh thức tôi dậy và nói rằng tôi đã mê đi. Tôi hỏi bạn bao nhiêu thời gian đã trôi qua rồi trong khi mê đi, và bạn đáp, "Chưa được lấy một khoảnh khắc." Tôi nói, "Làm sao điều đó lại có thể được? Tôi đã thấy một giấc mơ kéo đến hàng vài năm."

Trong giấc mơ, khoảng vài năm có thể được thấy trong một khoảnh khắc. Thang thời gian của cuộc sống mơ là khác. Nếu, sau khi tỉnh ra từ giấc mơ, người mơ không có cách nào biết được khi nào mình đi ngủ, thế thì cũng sẽ khó mà xác định chiều dài giấc ngủ của người đó. Điều đó có thể được biết chỉ bằng chiếc đồng hồ. Chẳng hạn, trước khi tôi được đánh thức là mười hai giờ, và bây giờ khi tôi được đánh thức dậy sau khi ngủ, mới chỉ mười hai giờ một phút. Bằng không tôi chỉ có thể biết bởi vì bạn đã ở đây nữa; không có cách nào khác để biết. Cho nên chỉ theo cách này mới xác định được rằng bảy trăm năm đã trôi qua.

Và một điều khác bạn đã hỏi tôi là liệu tôi có được sinh ra với hiểu biết đầy đủ hay không. Liên quan tới điều này, có vài điều cần được hiểu mà cũng quan trọng.

Có thể nói rằng tôi đã được sinh ra với tri thức *gân* đầy đủ. Tôi nói gân đầy đủ chỉ bởi vì một vài bước đã bị bỏ lại một cách có cân nhắc, và việc cân nhắc đó có thể được làm.

Trong mỗi liên quan này nữa, suy nghĩ của người Jaina là rất khoa học. Họ đã phân chia tri thức thành mười bốn bước. Mười ba bước là trong thế giới này còn bước thứ mười bốn là ở cõi bên kia. Trong số những bước này *gunasthana* - mười ba bước này - một số trong chúng là có thể được bỏ lại; chúng là tùy chọn. Không nhất thiết người ta phải trải qua toàn bộ chúng. Những tầng như vậy tất cả đều có thể được trải qua, nhưng người nhảy qua chúng có thể chẳng bao giờ giữ *teerthakara bandh* nguyên vẹn.

Bất kì cái gì là tùy chọn cũng đều phải được thầy giáo biết tới. Các chủ đề tùy chọn cũng phải được thầy giáo nghiên cứu. Với học trò, bất kì cái gì phải được biết để vượt qua kì thi là đủ. Nhưng thầy giáo phải hiểu mọi thứ, kể cả những cái tùy chọn.

Trong mười ba bước này của tự hiểu, có vài điều là tùy chọn. Có những chiều hiểu nào đó mà về nó không nhất thiết phải biết để trở nên chứng ngộ. Người ta có thể đi thẳng tới moksha. Nhưng với người định là thầy giáo, những chiều đó cũng phải được biết.

Một điều quan trọng khác cần được chú ý là ở chỗ sau một giai đoạn phát triển nào đó, chẳng hạn, sau khi đạt tới mười hai bước, chiều dài thời gian

cần để đạt tới các bước còn lại có thể bị kéo dài ra. Chúng có thể được đạt tới hoặc trong một lần sinh, hai lần sinh hay trong ba lần sinh. Mục đích lớn có thể được làm thành việc trì hoãn.

Như tôi đã nói trước đây, sau khi đạt tới việc hiểu đầy đủ không có khả năng thêm nữa để lấy việc sinh nhiều hơn một lần nữa. Người chứng ngộ như vậy không thể góp phần hay có ích cho nhiều hơn một lần sinh thêm. Nhưng sau khi đạt tới mười hai bước, nếu hai bước có thể bị gạt sang bên, thế thì người như vậy có thể có ích cho nhiều lần sinh nữa. Và khả năng có đó để gạt chúng sang bên.

Khi đạt tới mười hai bước, cuộc hành trình đã gần đi tới chỗ chấm dứt. Tôi nói gần đi tới: điều đó có nghĩa là tất cả mọi bức tường đã sụp đổ; chỉ một tấm màn trong suốt mà qua đó mọi thứ có thể được nhìn thấy. Tuy nhiên bức màn có đó. Sau khi nâng nó lên, không khó khăn gì đi ra bên ngoài. Sau khi đã vượt ra ngoài bức màn, bất kì cái gì bạn thường có khả năng thấy đều có thể được thấy từ phía bên kia của bức màn nữa. Không có khác biệt chút nào.

Cho nên đây là lí do tại sao tôi nói là gần: bằng việc lấy thêm một bước nữa, người ta có thể đi ra ngoài bức màn. Nhưng thế thì không có khả năng nào cho chỉ một lần sinh nữa, trong khi nếu người ta vẫn còn ở phía bên này bức màn người ta có thể lấy bao nhiêu lần sinh tùy ý. Sau khi đi vào cõi bên kia, không có đường nào quay lại nhiều hơn một lần để sang phía bên này của bức màn.

Người ta có thể hỏi liệu Mahavira và Phật có biết điều này không. Có, điều này là rõ ràng với họ, và nó có thể đã được họ sử dụng nữa. Nhưng có khác biệt cơ bản về hoàn cảnh.

Điều đáng quan tâm là chú ý rằng sau khi đạt tới việc tự hiểu đầy đủ, thì việc hiểu đó chỉ có thể được dạy cho những học viên rất tiến bộ, không phải cho tất cả mọi người. Với những người mà Phật và Mahavira đã làm việc trong nhiều lần sinh của họ, với những người đã bước đi bên cạnh họ trong nhiều hình dạng, với họ, một lần sinh nữa là đủ. Đôi khi chuyện xảy ra đến mức thậm chí một lần sinh nữa cũng không cần thiết. Nếu trong cuộc sống hiện tại của mình, người ta đạt tới việc hiểu và độ tuổi hai mươi, và nếu người ta còn sống tới độ tuổi sáu mươi, nếu người đó có thể hoàn tất công việc trong bốn mươi năm còn lại, thì vấn đề chấm dứt; không cần quay lại nữa.

Nhưng bây giờ tình huống rất kì lạ. Những người có thể được gọi là các sadhak đã phát triển như người tốt gần bằng không. Để làm việc trên những sadhak như vậy, thầy giáo tương lai sẽ phải làm việc trong nhiều lần sinh. Chỉ thế thì công việc mới có thể được hoàn tất; không có điều ngược lại.

Với Mahavira hay Phật tình huống có khác bởi vì khi họ sắp rời bỏ kiếp sống cuối cùng, họ không thể tìm ra vài người quanh mình mà họ có thể tin

cây giao phó cho công việc tiếp theo. Tình huống đó bây giờ không tồn tại nữa.

Ngày nay con người hoàn toàn là người hướng ngoại. Đó là lí do tại sao ngày nay thầy giáo có khó khăn mà trước đây còn chưa có. Không chỉ thầy phải làm việc vất vả hơn với số lượng lớn những người chưa phát triển lớn hơn, mà cũng còn có nỗi sợ rằng lao động của thầy có thể bị phí hoài. Lần nữa, không thể tìm ra những cá nhân thích hợp mà qua người đó công việc có thể được tin cậy giao phó. Điều này đã xảy ra trong trường hợp của Guru Nanak của tín ngưỡng Sikh.

Mãi cho tới Gobind Singh, mãi cho tới guru Sikh thứ mười, vẫn có thể tìm ra người tiếp. Nhưng Gobind Singh phải chấm dứt việc công phu đó. Gobind Singh đã cố gắng rất vất vả, đến mức chưa từng ai trước ông ấy đã làm, để tìm ra người thứ mười một để giữ cho chuỗi được nguyên vẹn. Nhưng ông ấy không thể tìm ra được ai cả. Ông ấy đã phải kết thúc việc tìm, và chấm dứt chuỗi. Bây giờ không thể có người thứ mười một bởi vì điều đó chỉ có thể xảy ra trong sự liên tục kín. Một khi đã có một hơi chút sút mẻ hay lỗ hổng, không thể nào truyền tiếp điều định được truyền tiếp.

Bồ đề đạt ma, một đệ tử đã chứng ngộ của Phật, phải đi từ Ấn Độ sang Trung Quốc, bởi vì ở Trung Quốc có một người mà với người đó có thể truyền trao hiểu biết của ông ấy. Bản thân tín ngưỡng Phật giáo đã đi ra khỏi Ấn Độ xem như hậu quả. Mọi người đã hiểu từ điều này rằng vài sư Phật giáo đã đi sang Trung Quốc để lan truyền Phật giáo, nhưng khái niệm này là sai. Đây là hiểu biết của những người thấy các biến cố lịch sử từ bên ngoài.

Huệ Khả là tên của người ở Trung Quốc mà có thể được truyền trao tri thức, và điều thú vị là để ý rằng ông ấy không sẵn sàng đi sang Ấn Độ. Khó khăn của thế giới này thường rất đáng ngạc nhiên. Huệ Khả không sẵn sàng đi bởi vì ông ấy còn không nhận biết về tiềm năng của mình. Do đó, Bồ đề đạt ma phải làm cuộc hành trình dài cả con đường tới Trung Quốc. Thế rồi lần nữa thời gian lại tới khi những bí mật của tín ngưỡng Phật giáo phải dịch chuyển sang Nhật Bản, với cùng việc truyền trao tri thức.

Lỗ hổng bảy trăm năm này là một thời kì có nhiều khó khăn cho tôi. Những khó khăn là thế này: Trước hết, ngày càng trở nên khó lấy việc sinh. Với bất kì người nào đạt tới một giai đoạn phát triển nào đó, khó để tìm ra bố mẹ thích hợp cho lần sinh nữa. Trong thời của Mahavira và Phật không có khó khăn như thế. Hàng ngày, bụng mẹ đều có sẵn qua đó những linh hồn cao cấp như vậy có thể lấy việc sinh.

Trong thời của Mahavira, đã có tám người hoàn toàn chứng ngộ ở Bihar - tất cả đều cùng mức độ như Mahavira. Họ đã làm việc theo tám con đường khác nhau. Hàng nghìn người gần đạt tới tình huống này. Không phải có vài người, mà hàng nghìn người, với họ công việc có thể được tin cậy giao phó để có sự chăm nom đúng đắn và truyền trao thêm nữa.

Ngày nay, nếu ai đó ở mức độ cao đó mà muốn lấy việc sinh, người đó có thể phải đợi vài nghìn năm. Khó khăn khác là ở chỗ trong khoảng thời gian này công việc mà người đó có thể đã làm có thể bị mất đi. Tại khoảng giữa, các cá nhân, mà người đó có thể đã làm những việc nào đó, đã lấy thêm mười lần sinh nữa, và sẽ khó mà cắt qua hết tầng nọ tới tầng kia của mười lần sinh ấy.

Ngày nay, bất kì bậc thầy nào cũng sẽ phải trải qua thời gian chuẩn bị dài hơn nhiều trước khi cuối cùng nâng tấm màn lên và đi ra ngoài. Người đó sẽ phải tự đẩy mình lại. Một khi người đó đã vượt ra ngoài tấm màn rồi, người đó sẽ không sẵn sàng hay không sẵn ý định lấy lần sinh nữa. Người đó sẽ có chọn lựa liệu có lấy hay không một lần sinh nữa, nhưng người đó sẽ nghĩ điều đó là vô ích. Có lí do cho điều này. Người đó có thể lấy một lần sinh nữa, nhưng để cho ai? Trong một lần sinh, không thể đạt được nhiều lắm.

Nếu tôi biết rằng bởi việc tới trong phòng này tôi có thể hoàn thành công việc của mình trong một giờ, thế thì đáng đến lắm. Nếu công việc không thể được thực hiện, chẳng ích gì mà đến. Theo khía cạnh này, từ bị có mục đích kép. Thứ nhất, nó muốn cho bạn cái gì đó; thứ hai, nó cũng biết rằng nếu nó chỉ lấy cái gì đó khỏi bạn và không thể cho bạn được, thế thì bạn sẽ trong nguy hiểm lớn. Khó khăn của bạn sẽ không giảm mà sẽ tăng lên. Nếu tôi có khả năng chỉ ra cho bạn cái gì đó, điều đó là tốt và nên. Nhưng nếu tôi không có khả năng chỉ cho bạn và bạn trở nên mù với bất kì cái gì tôi trước đây đã có thể thấy, thế thì tình huống còn tồi tệ hơn.

Liên quan tới bảy trăm năm này, vài điều khác có thể cũng được lưu ý. Thứ nhất, tôi đã không có bất kì ý tưởng nào rằng việc nói chuyện như vậy sẽ phát sinh. Đôi lúc quay lại thời gian, bỗng nhiên ở Poona vấn đề này nảy sinh ra. Mẹ tôi đã tới. Mẹ tôi đã được Ramlal Pungalia hỏi liệu bà ấy có nhớ vài sự kiện đặc biệt thời kì đầu về tôi không và liệu bà ấy có sẵn lòng kể lại điều đó cho anh ta không.

Tôi đã bị ấn tượng rằng không có khả năng nào cho vấn đề như vậy tới. Tôi cũng đã không biết khi nào họ nói với nhau. Gần đây, anh ta đã công bố điều này trong một cuộc họp, rằng mẹ tôi đã nói với anh ta rằng tôi đã không khóc trong ba ngày sau khi sinh, và tôi đã không bú sữa trong ba ngày đó. Đây là việc nhớ lại đầu tiên của mẹ tôi về tôi.

Điều này là đúng. Bảy trăm năm trước, trong kiếp trước của tôi, đã có một công phu tâm linh trong hai mươi một ngày, phải được thực hiện trước khi chết. Tôi đã định từ bỏ thân thể mình sau việc nhịn ăn toàn bộ hai mươi một ngày. Có những lí do cho điều này, nhưng tôi đã không thể nào hoàn tất hai mươi một ngày đó. Ba ngày vẫn còn lại. Ba ngày này tôi đã phải hoàn tất trong cuộc sống này. Cuộc sống này là sự liên tục từ đó. Thời kì chen giữa không có ý nghĩa gì trong khía cạnh này. Khi chỉ còn ba ngày trong kiếp sống đó, tôi đã bị giết. Hai mươi một ngày đã không thể được hoàn tất bởi vì

tôi đã bị giết chỉ ba ngày trước đó, và ba ngày này đã bị bỏ mất.

Trong kiếp sống này, ba ngày đó đã được hoàn tất. Nếu hai mươi một ngày đó mà có thể đã được hoàn tất trong kiếp đó, thế thì có lẽ đã không có khả năng để lấy thêm một lần sinh nữa. Bây giờ trong hoàn cảnh này, nhiều điều đáng chú ý.

Đứng trước tấm màn đó và không đi qua nó là rất khó. Thấy tấm màn đó và vẫn không nâng nó lên là rất khó. Thật là khó để thường vẫn còn nhận biết về vấn đề khi nào tấm màn sẽ được nâng lên. Gần như một nhiệm vụ không thể được là đứng ngay trước tấm màn đó và vẫn không nâng nó lên. Nhưng điều này có thể xảy ra chỉ bởi vì ba ngày trước khi hoàn tất việc nhìn ăn đó, tôi đã bị giết.

Do đó, tôi đã nói nhiều lần trong những việc thảo luận khác nhau rằng cũng hết như Judas đã thử trong một thời gian dài để giết Jesus, mặc dầu Judas không có thù hận với Jesus, người giết tôi đã không có thù hận gì với tôi, mặc dầu người đó đã bị coi là, và đã bị xử lý như, một kẻ thù.

Việc giết người đó lại trở thành có giá trị. Vào lúc chết, ba ngày đó bị bỏ lại. Sau tất cả những cố gắng hăm hở của tôi về chứng ngộ trong kiếp đó, tôi đã có khả năng đạt tới trong cuộc sống này, sau một thời kì hai mươi một năm, điều đáng đã có thể đạt được trong ba ngày đó. Với mỗi ngày trong ba ngày trong kiếp sống đó, tôi đã phải mất bảy năm trong kiếp sống này. Đó là lí do tại sao tôi nói từ kiếp sống trước của mình, một mình tôi đã không đi tới việc hiểu đầy đủ. Tôi nói thay vì thế tôi đã tới với việc hiểu gần hoàn chỉnh. Bức màn có thể đã được nâng lên, nhưng thế rồi lại có thể có chỉ một lần sinh nữa.

Bây giờ tôi vẫn có thể lấy lần sinh nữa. Bây giờ có khả năng thêm một lần sinh nữa. Trong toàn bộ cuộc sống này tôi sẽ cứ cố gắng để xem liệu một lần sinh nữa sẽ cần dùng hay không. Thế thì cũng đáng nói về việc sinh; bằng không vấn đề qua rồi và chẳng ích gì mà làm thêm bất kì nỗ lực nào. Cho nên việc giết người đó cũng có giá trị và hữu dụng.

Như tôi đã kể cho các bạn, việc đo thời gian trong khi trong thân thể là khác với việc tính thời gian trong các trạng thái khác của tâm thức. Vào lúc sinh, thời gian trôi rất chậm. Vào lúc chết, thời gian đi rất nhanh. Chúng ta đã không hiểu tốc độ của thời gian bởi vì trong hiểu biết của chúng ta thời gian không có tốc độ. Chúng ta chỉ hiểu rằng theo thời gian mọi thứ đều chuyển động.

Mãi cho tới giờ, ngay cả những nhà khoa học lỗi lạc nhất cũng không có ý tưởng gì rằng thời gian cũng có vận tốc. Lí do cho điều này là ở chỗ nếu chúng ta ấn định hay quyết định vận tốc của thời gian, thế thì sẽ khó để đo tất cả các vận tốc khác. Do đó, chúng ta đã giữ cho thời gian đều đặn. Chúng ta nói rằng trong một giờ ai đó đã bước ba dặm. Nhưng nếu trong ba dặm mà giờ cũng bước đi bằng cách nào đó, điều đó sẽ tạo ra nhiều khó khăn. Do đó

chúng ta đã làm cho giờ thành đều đặn và tĩnh tại; bằng không mọi thứ sẽ thành lẩn lộn. Vậy, chúng ta đã làm cho thời gian thành tĩnh tại. Nhưng sự kiện thú vị nhất là ở chỗ thời gian không tĩnh tại, và nó lại còn hay thay đổi và chuyển động hơn bất kì cái gì khác. Thời gian có nghĩa là thay đổi. Chúng ta đã giữ nó cố định, chốt lại như cái cọc lều. Điều đó được làm một cách chính xác với lí do là không giữ cho nó cố định, việc đo về tất cả các chuyển động khác sẽ thành không thể được. Tốc độ thời gian này cũng chạy ít nhiều tương ứng với trạng thái tâm trí của người ta.

Tốc độ thời gian của trẻ con là chậm, nhưng tốc độ thời gian của ông già lại rất nhanh, gọn và cô đọng. Trong một khoảng ngắn, thời gian đi rất nhanh cho người già, trong khi với đứa trẻ thời gian lại chuyển động rất chậm, trong một khoảng lớn. Với mọi con vật cũng vậy, thời gian đi khác nhau. Trẻ con loài người cần mười bốn năm để lớn lên chỉ như con chó lớn trong vài tháng. Con cái của một số con vật lớn lên còn nhanh hơn.

Một số con vật được sinh ra đã gần đủ kích cỡ. Khoảnh khắc chúng đặt chân lên mặt đất thì đã không có gì khác biệt giữa chúng và con lớn thuộc loài chúng. Chúng đã hoàn chỉnh. Đó là lí do tại sao con vật không có nhiều cảm giác về thời gian. Chuyển động là rất nhanh với chúng. Nó cũng nhanh đến mức ngay khi con ngựa non đặt chân lên mặt đất nó đã bước được rồi. Nó không thể quan niệm được rằng có lẽ hồng thời gian giữa việc được sinh ra và việc có khả năng bước.

Con cái con người có thể quan niệm được lỗ hổng thời gian đó, và do vậy con người là con vật bị thời gian gây rắc rối. Con người, nói đại loại, bao giờ cũng trong căng thẳng, chạy đua với thời gian cứ dường như nó liên tục chạy qua và chạy tiếp, bỏ lại con người chạy lê đằng sau.

Trong những khoảnh khắc cuối của kiếp sống trước của tôi, công việc còn lại có thể đã được làm chỉ trong ba ngày bởi vì thời gian là rất sát sao. Tuổi tôi đã là một trăm linh sáu. Thời gian đi rất nhanh. Câu chuyện về ba ngày đã tiếp tục trong thời trẻ con của tôi vào lúc sinh này. Trong kiếp trước của tôi nó đã là lúc cuối, nhưng để kết thúc công việc đó ở đây trong kiếp sống này phải mất hai mươi một năm.

Nhiều thời gian, nếu cơ hội bị bỏ lỡ, có thể cần phải mất đến bảy năm cho mỗi ngày. Cho nên trong cuộc sống này tôi đã không đi tới hiểu biết hoàn toàn, nhưng đã tới với gần hiểu biết hoàn toàn. Nhưng bây giờ tôi sẽ phải làm việc thu xếp của mình khác đi.

Như tôi đã nói với các bạn, Mahavira phải trừ liệu một tapascharya, một hệ thống các cách khổ hạnh, qua chúng ông ấy có thể cho. Phật phải trừ liệu các phương pháp khác để làm cho mọi cách khổ hạnh thành sai - hết cách nọ tới cách kia. Đây cũng là một kiểu khổ hạnh. Điều Mahavira và Phật đã không phải làm, tôi phải làm. Chẳng vì cái gì, thế mà tôi phải đọc đủ mọi thứ có đó trong thế giới này. Nó tất cả đều vô dụng; tôi chẳng dùng gì nó. Nhưng

với thế giới hiện đại này, cái thế giới chẳng bận tâm gì về người cứ nhịn ăn hay người ngồi với mắt nhắm nghiền, không thông điệp nào có thể được trao qua việc thực hành khổ hạnh cả. Nếu bất kì ai có thể đạt tới bởi bất kì việc khổ hạnh nào, đây chỉ là qua cái mà tôi đã lĩnh hội về sự tích lũy lớn lao tri thức trí tuệ cứ mỗi ngày một lớn lên mãi.

Đó là lí do tại sao tôi đã dành cả đời mình với sách vở. Tôi nói rằng Mahavira đã không bị rắc rối nhiều bởi vẫn còn nhịn ăn, nhưng tôi đã phải nhận rắc rối của việc đọc nhiều đến mức chẳng có ích gì cho tôi cả. Tuy nhiên, chỉ sau khi nhận rắc rối đó, tôi mới có thể trao đổi và làm cho thông điệp của tôi thành hiệu được cho thế giới này; bằng không, không làm được. Thời đại khoa học hiện đại chỉ có thể hiểu ngôn ngữ của riêng nó.

Nếu những điều này trở nên rõ ràng cho bạn, nó không khó với bạn thì bạn cũng bắt đầu có ý tưởng nào đó về các lần sinh trước của mình. Tôi mong rằng tôi có thể sớm làm cho các bạn nhớ lại những điều như vậy, bởi vì nếu bạn có thể nhớ nó thì sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và năng lượng. Thông thường, điều rất thường xảy ra là bạn bắt đầu cuộc sống của mình không phải từ nơi bạn đã bỏ lại trong kiếp sống trước, mà trong mọi lần sinh bạn đều bắt đầu lại gần như từ ABC. Nếu bạn có thể nhớ quá khứ của mình, thế thì bạn không phải bắt đầu từ ABC, bạn có thể bắt đầu từ chỗ bạn đã bỏ lại. Và chỉ thế thì mới có khả năng tạo ra tiến bộ, không có cách khác.

Bây giờ điều này đáng để hiểu: Con vật đã không có tiến bộ chút nào. Các nhà khoa học đều phân vân rằng con vật cứ tái tạo lại bản thân chúng mà không có tiến hoá thêm. Khi chỉ có bộ não hơi không phát triển bằng con người, nhưng khác biệt tiến hoá lại lớn hơn là khác biệt trong bộ não. Vấn đề là gì? Khó khăn có thể là cái gì? Tại sao khi không thoát ra khỏi cái vòng lặp lại của chúng? Chúng ở đúng chỗ chúng đã ở từ hàng triệu năm trước đây.

Chúng ta đang nghĩ rằng tiến trình tiến hoá diễn ra khắp mọi nơi, nhưng tất cả đều rất không chắc chắn. Giả thuyết của Darwin là rất lẫn lộn bởi vì trong hàng trăm và hàng nghìn năm khi vẫn ở chỗ chúng bao giờ cũng ở; chúng không phát triển. Sóc vẫn còn là sóc và không phát triển. Bò vẫn còn là bò chẳng phát triển thêm gì. Cho nên phát triển không phải là tự động; có cái gì đó khác đang tạo ra khác biệt.

Mọi con khi đều phải bắt đầu từ nơi bố nó bắt đầu. Con không thể bắt đầu từ nơi bố kết thúc. Bố không có khả năng trao đổi; nó không có khả năng làm cho con nó bắt đầu từ nơi nó bỏ lại trong kiếp sống của nó. Làm sao có thể có bất kì tiến bộ nào được? Mỗi lần con lại bắt đầu từ cùng một điểm.

Tương tự thế là tình huống liên quan tới việc phát triển của linh hồn. Nếu bạn bắt đầu cuộc sống này từ nơi bạn đã bắt đầu trong kiếp sống trước, bạn không thể phát triển được. Theo nghĩa tâm linh, sẽ không có tiến hoá cho bạn. Trong mọi lần sinh bạn sẽ bắt đầu từ cùng một điểm nơi bạn đã bắt đầu

trước đó. Nếu điểm bắt đầu vẫn còn như cũ, thế thì không có tiến hoá.

Tiến hoá hay phát triển có nghĩa là điểm kết thúc trước đây nên là điểm bắt đầu; bằng không sẽ không có tiến hoá. Con người có thể tạo ra tiến bộ bởi vì con người đã phát minh ra ngôn ngữ cho trao đổi. Điều bố biết thì bố có thể dạy cho con mình. Giáo dục có nghĩa là điều này, rằng cái mà thế hệ của bố đã đi tới biết ra thì có thể được trao cho thế hệ con.

Nhưng con sẽ không phải bắt đầu từ nơi bố đã bắt đầu. Nếu con có thể bắt đầu từ nơi bố đã bỏ lại, thế thì sẽ có tiến bộ. Thế thì chuyển động sẽ không dưới dạng hình tròn, mà dưới dạng xoắn ốc. Thế thì con sẽ không đi theo vòng tròn, mà sẽ bắt đầu leo lên. Nó sẽ bắt đầu leo lên dường như nó đang trên đồi. Điều là đúng cho tiến hoá con người nói chung thì cũng đúng cho tiến hoá tâm linh của mỗi cá nhân.

Nếu bạn không có bất kì trao đổi nào giữa kiếp sống này và kiếp sống trước, thế thì bạn đã không tìm hiểu chút nào vào kiếp sống trước đây của mình. Bạn đã không tìm hiểu vào nơi bạn đã bỏ lại để cho bạn có thể bắt đầu từ đó. Bởi vì điều này có thể là bạn sẽ lại dựng lên cùng dinh thự từ móng của nó, mà bạn đã xây dựng trong kiếp trước. Lần nữa bạn sẽ đặt móng. Nếu bạn cứ đặt móng mãi, thế thì khi nào bạn sẽ hoàn thành việc xây dựng toà nhà?

Do đó, chút điều nhỏ bé tôi đã kể cho các bạn về kiếp sống trước của mình không phải bởi vì nó có giá trị gì hay để bạn có thể biết điều gì đó về tôi. Tôi đã kể cho bạn điều này chỉ bởi vì nó có thể làm cho bạn suy nghĩ về bản thân mình và đặt bạn vào việc tìm kiếm các kiếp sống quá khứ của bạn. Khoảnh khắc bạn biết kiếp sống quá khứ của mình, sẽ có cách mạng và tiến hoá tâm linh. Thế thì bạn sẽ bắt đầu từ nơi bạn đã bỏ lại trong kiếp sống trước của mình; bằng không bạn sẽ bị lạc trong vô hạn kiếp sống mà chẳng đạt tới đâu cả. Sẽ chỉ có lặp lại.

Phải có móc nối, truyền trao, giữa cuộc sống này và kiếp sống trước. Bất kì cái gì bạn đã đạt được trong kiếp sống trước của bạn đều nên đi tới được biết, và bạn nên có khả năng lấy bước tiếp tiến lên. Đó là lí do tại sao Phật và Mahavira đã thảo luận về vấn đề các kiếp trước rất chi tiết. Điều này đã không được thực hiện bởi các thầy giáo sớm hơn.

Các thầy giáo của Veda và Upanishad đã nói mọi điều về tri thức tối thượng, nhưng họ đã không gắn nó với khoa học về việc biết về các lần sinh trước. Vào thời Mahavira lấy việc sinh thành, nhu cầu cho điều này đã trở thành rõ ràng. Rõ ràng là chỉ nói điều bạn có thể trở thành là không đủ. Cũng cần phải nói bạn đã là gì, bởi vì không có hỗ trợ và giúp đỡ của điều bạn đã là gì, tiềm năng của bạn không thể nở hoa, bạn không thể trở thành cái mà bạn *có thể* trở thành.

Đây là lí do tại sao toàn bộ bốn mươi năm trong kiếp sống của Mahavira và Phật đã được dành cho việc cố gắng làm cho mọi người nhớ lại kiếp sống

trước của mình. Chừng nào mà một người còn không nhớ kiếp sống trước của mình, người đó được bảo rằng người đó không cần bận tâm tới tiến bộ thêm của mình. Người đó trước hết nên thấy rõ ràng con đường của mình và điểm mà tại đó người đó đã đạt tới, thế rồi tiến thêm bước nữa. Bằng không sẽ chỉ có chạy ngược xuôi trên cùng con đường cứ đi đi lại lại mà chẳng ích lợi gì. Đó là lí do tại sao việc nhớ lại các kiếp sống trước trở thành bước đầu tiên tuyệt đối không thể nào tránh khỏi.

Ngày nay khó khăn là thế này: không khó lắm để làm cho bạn nhớ các lần sinh trước của mình, nhưng điều đó cần dũng cảm đã bị mất. Có thể làm cho bạn nhớ lại các lần sinh trước của bạn chỉ nếu bạn đã đạt tới khả năng vẫn còn không bị rối loạn trong đám sương mờ của chính những kí ức rất khó khăn của cuộc sống này. Bằng không điều đó là không thể được.

Kí ức về lần sinh này không thật là khó lắm để vượt qua, nhưng khi kí ức về kiếp sống trước quật vào bạn, nó sẽ rất khó khăn. Trong khi kí ức về kiếp sống này tới trong sự lần lượt, thì kí ức về các kiếp sống trước quật vào bạn trong sự toàn bộ của chúng.

Trong cuộc sống này, điều chúng ta chịu đựng hôm nay sẽ bị quên đi vào ngày mai và điều chúng ta chịu đựng ngày mai sẽ bị quên đi vào ngày kia. Nhưng kí ức về các kiếp trước của bạn sẽ quật vào bạn trong tính toàn bộ của chúng, không trong từng mảnh vụn. Bạn liệu có khả năng chịu đựng nổi nó không? Bạn thu được khả năng chịu đựng kí ức về các kiếp quá khứ chỉ khi bạn có khả năng chịu đựng những điều kiện tồi tệ nhất của cuộc sống. Bất kì cái gì xảy ra cũng vậy, không cái gì tạo ra khác biệt cho bạn.

Khi không kí ức nào của cuộc sống này có thể gây cho bạn lo âu, chỉ thế thì bạn mới có thể được đưa vào trong kí ức của các kiếp quá khứ. Bằng không những kí ức này có thể trở thành chấn thương lớn cho bạn, và cánh cửa tới những chấn thương đó không thể được mở ra chừng nào bạn chưa có khả năng và xứng đáng để đối diện với chúng.

3. Con đường nhiều, khách lữ hành ít

Nghi lễ hai mươi một ngày mà Thầy đã chỉ ra Thầy đã làm trong lần sinh trước của Thầy có thuộc vào tín ngưỡng đặc biệt nào về thiên hay tự hiểu mình không? Bởi vì từ việc nói của Thầy, dường như là Thầy dứt khoát đại diện cho những phương pháp của một thầy giáo vĩ đại hay teerthankara nào đó. Theo quan điểm này, tôi có thể xin hỏi liệu Thầy có muốn gắn mối móc nối tâm linh với chuỗi tín ngưỡng nào không, hay giống như Phật, Thầy đang vạch ra con đường mới trên núi nào đó?

Suy nghĩ tín ngưỡng sẽ vẫn còn là tín ngưỡng, và con đường của Phật cũng không phải là mới. Cái mà từ lâu đã được mọi người bước qua nay đã trở thành con đường cũ, nhưng những con đường mới được mở ra sau khi phá vỡ các tín ngưỡng cũ cũng không phải là mới. Trên chúng nhiều người cũng đã du hành qua.

Phật đã vạch ra một con đường mới; Mahavira đã bước trên con đường đã được thiết lập. Nhưng trong chuỗi của Mahavira nữa, có một người đầu tiên đã vạch ra con đường mới. Con đường của Mahavira cũng không phải là con đường cổ nhất. Teerthakara đầu tiên đã làm cùng kiểu công việc như Phật. Việc vạch ra con đường mới không phải là chuyện mới; bằng không các tín ngưỡng sẽ chẳng bao giờ được sinh ra. Bây giờ, trong hoàn cảnh của tình huống hiện tại, cũng cần làm điều gì đó khác hơn cả hai điều này, bởi vì thời nay mọi người thuộc cả hai kiểu này đều đã quá nhiều.

Nếu chúng ta nhìn vào George Gurdjieff, ông ấy là đại diện cho một tín ngưỡng cổ như Mahavira. Nếu chúng ta nhìn vào J. Krishnamurti, ông ấy dường như đang thiết lập một tín ngưỡng mới như Phật. Nhưng cả hai tín ngưỡng này đều là các hình mẫu cổ.

Nhiều tín ngưỡng đã bị tan vỡ và nhiều tín ngưỡng đang được tạo mới. Tín ngưỡng là mới hôm nay sẽ trở thành cũ ngày mai. Tình huống của ngày nay là đến mức cả Mahavira lẫn Phật đều không thể có sự hấp dẫn lâu dài, bởi vì mọi người không còn quan tâm đến cái cũ nữa. Một tình huống mới đã được tạo ra trong đó mọi người cứ trở nên không còn hứng thú với ngay cả cái mới. Cái mới bao giờ cũng bị coi là đối lập với cái cũ, nhưng bây giờ chúng ta đang đứng tại điểm mà từ đó có thể thấy rõ ràng rằng cái mới chỉ là việc bắt đầu của cái cũ. Cái mới có nghĩa là cái sẽ trở thành cũ. Ngay khi chúng ta bắt đầu giải thích cái gì đó là mới thì sự việc bắt đầu trở thành cũ. Bây giờ không có sự hấp dẫn về cái mới, và chúng ta bao giờ cũng khiếp sợ

cái cũ.

Đã có thời có sự hấp dẫn tới cái cũ. Sự hấp dẫn này là sâu sắc. Cái càng cũ, nó càng được coi là có giá trị. Nếu nó đã trải qua kinh nghiệm, nếu nó đã được xem xét kỹ lưỡng, không có nỗi hoảng sợ trong việc theo nó, và người ta có niềm tin hoàn toàn vào nó. Cho nên nhiều người đã bước trên con đường cũ đó và biết bao nhiêu người đã đạt tới bởi con đường đó, đến mức khách lữ hành mới thậm chí có thể bước đi với mắt nhắm nếu họ muốn. Đã có đường cho cả người mù nữa. Không cần cho bất kì ai hoài nghi nhiều lắm, suy nghĩ nhiều lắm, tìm kiếm nhiều lắm hay quyết định nhiều lắm.

Và rất khó để quyết định về cái chưa biết. Dù bạn có thể hoài nghi nhiều bao nhiêu, đến cuối việc nhảy vào cái chưa biết vẫn chỉ là thông qua tin cậy, bởi vì hoài nghi có thể, nhiều nhất, đưa bạn tới điểm tin cậy nào đó mà đến cuối cùng bạn có thể nhảy. Nhưng hấp dẫn đó của cổ nhân đã bị mất rồi, và nó đã trở nên bị mất bởi nhiều lí do.

Lí do thứ nhất là thế này, rằng khi một người chỉ biết một tín ngưỡng, không có khó khăn. Nhưng khi một người đi tới biết về nhiều tín ngưỡng, khó khăn phát sinh. Đã có thời khi người Hindu được sinh ra trong một gia đình Hindu được nuôi lớn chỉ trong môi trường Hindu và gần ngôi đền Hindu. Âm thanh tiếng chuông của ngôi đền Hindu đã trở nên gắn với sữa mẹ và đã trở thành một phần dòng máu của người đó. Vậy, vị thần hộ trì trong đền cũng là một phần của xương, máu và thịt người đó như không khí, nước và núi non gần đó.

Không có đối thủ. Không có nhà thờ Ki tô giáo, nhà thờ Mô ha mét giáo. Không có âm thanh của bất kì tín ngưỡng nào khác rơi vào trong tai và tâm trí người đó. Cái cũ quá nhiều trong sự tồn tại đến mức nó không thể được hỏi. Nó đã tồn tại lâu trước người đó, và người đó đã lớn lên với nó và trong nó. Nhưng thế rồi, dần dần, nhà thờ Mô ha mét giáo tới gần với đền chùa và nhà thờ Ki tô giáo và *gurudwara* cũng theo đó.

Vào một thời, tín ngưỡng có tác động lên mọi người, nhưng bây giờ sự lẫn lộn là tự nhiên. Chẳng cái gì có thể được chấp nhận mà không có nghi ngờ bởi vì các ý nghĩ đối lập tồn tại cạnh nhau. Nếu đền chùa vẫy gọi bạn bằng tiếng chuông reo của nó, thì lời gọi gần đó cho lời cầu nguyện từ nhà thờ Mô ha mét giáo đồng thời bảo bạn đừng có sai lầm mà đi vào đền chùa. Thế thì cả hai khái niệm này đi vào tâm trí đồng thời.

Lí do cơ bản cho việc tăng chủ nghĩa hoài nghi trong thế giới này không phải là việc tăng trí thông minh của con người. Con người vẫn thông minh như từ trước tới giờ. Lí do chính cho việc tăng chủ nghĩa hoài nghi là việc đặt chồng một lúc các ấn tượng của nhiều tín ngưỡng lên trí tuệ của người đó - đặc biệt là ấn tượng của những văn hoá mâu thuẫn nhau.

Mọi con đường sẽ gọi con đường khác là sai. Điều này là do sự bất lực. Không phải bởi vì con đường khác thực tế là sai. Dầu sao đi chăng nữa, nó

sẽ phải bị gọi là sai, bởi vì nếu con đường khác không thể được gọi là sai, thế thì sức mạnh đằng sau việc vấy gọi của con đường đúng của riêng người ta sẽ bị phá vỡ. Trong thực tế, nếu người ta cứ nói rằng mình đúng, lúc nào cũng suy ra rằng người khác là sai.

Do đó mọi tín ngưỡng đều có con đường của riêng nó. Những con đường này chưa bao giờ gặp gỡ hay đan chéo nhau nhưng đơn giản chạy song song; mọi tín ngưỡng đều tuân chảy một cách tách rời theo tiến trình riêng của chúng. Trong tình huống đó, trong thời kì đó, cái cổ đại đã có hấp dẫn rất sâu sắc, và một người như Mahavira là rất hữu dụng và có ích. Nhưng khi các tín ngưỡng tăng lên về số lượng và tăng về đối thủ của mình, thì tín ngưỡng cũ trở nên mơ hồ còn tín ngưỡng mới lại tăng giá trị. Tín ngưỡng mới tạo ra những lời công bố về đối thủ nữa. Nhưng khi các tín ngưỡng cũ chỉ làm lẫn lộn tâm trí ngày một nhiều và luận cứ của các đối thủ chẳng giải quyết được gì, thế thì thay vì chọn từ tín ngưỡng cũ sẽ dễ dàng hơn là chọn từ tín ngưỡng mới.

Có nhiều lí do cho các tín ngưỡng mới. Thứ nhất, các nhà tiên tri và teerthankara của các tín ngưỡng cũ đã được sinh ra từ hàng nghìn năm trước đây. Vậy, tiếng nói của họ đã trở nên rất yếu. Nhà tiên tri của tín ngưỡng mới đang tồn tại với bạn, cho nên tiếng nói của người đó trở thành sâu sắc và mạnh mẽ. Tín ngưỡng cũ nói theo ngôn ngữ cổ đã tồn tại vào thời đó khi nó được sinh ra. Teerthankara hay phật nói ngôn ngữ mới hiện đang được hình thành. Từ và câu cổ đã trở thành mơ hồ thì bị vứt bỏ. Những từ mới được chế tác ra hiện đang đó, theo một nghĩ nào đó, là trong trắng và người ta có thể dễ dàng phụ thuộc vào chúng.

Vậy, sự hấp dẫn cho tín ngưỡng mới dần dần tăng lên khi nhiều tín ngưỡng đi vào trong tiếp xúc chặt chẽ và gặp gỡ. Chúng ta bắt đầu sống, nói đại thể, tại ngã tư đường, chỗ nối nơi tất cả các con đường gặp gỡ hay chấm dứt.

Nhưng bây giờ không có hấp dẫn cho cả cái mới nữa, bởi vì bây giờ chúng ta đã đi tới biết rằng tất cả những cái mới cuối cùng đều trở thành cũ, và bất kì cái gì là cũ thì có thời đã là mới. Chúng ta cũng biết rằng khác biệt giữa cái cũ và cái mới chỉ là về lời. Chỉ mỗi điều là cái mới đang chuyển động nhanh hơn. Trong vòng xấp xỉ ba trăm năm, cái mới đã thu được cùng kính trọng và trạng thái mà cái cũ có thời đã có.

Có thời cổ nhân của cái gì đó đã là sự xác nhận cho tính đúng đắn của nó. Ngày nay, tính mới trong bản thân nó đã trở thành bằng chứng cho cái gì đó là đúng. Chứng minh rằng cái gì đó là mới là đủ cho mọi người bắt đầu tin cậy vào nó, cũng hết như trong quá khứ họ đã tin cậy vào tất cả những điều là cổ đại. Ngày nay, gọi cái gì đó là cũ thì trong bản thân nó là kết án.

Cho nên tất cả mọi tín ngưỡng đều đã trở nên bận rộn làm cho mình thành mới. Mọi tín ngưỡng đều phát triển những người đề xuất, người nói về

cái mới. Những con đường cũ vẫn còn, và con đường mới cũng đã được tìm ra để cho mọi người bước lên chúng. Nhưng khi hấp dẫn này về cái mới trở nên mạnh, một hiện tượng duy nhất xảy ra.

Vào thời mà cổ nhân của một tín ngưỡng đã được lấy làm bằng chứng cho tính đúng của nó, thì mọi tôn giáo đều cố gắng chứng tỏ rằng tín ngưỡng của họ là xưa nhất và cổ đại nhất. Nếu người ta hỏi người Jaina, họ sẽ nói rằng tín ngưỡng của họ là tín ngưỡng cổ đại nhất và rằng ngay cả Veda cũng sinh sau. Nếu người ta hỏi người theo Veda, họ sẽ nói rằng Veda là cổ nhất, và họ sẽ cố gắng lần theo dấu vết nguồn gốc của mình về xưa nhất có thể được - bởi vì càng cổ đại thì địa vị càng cao hơn.

Tương tự, khi tính mới trở thành biểu tượng trạng thái, thì câu hỏi nảy sinh, "Mới thế nào?" Quãng năm mươi năm trước ở Mỹ, nơi sự hấp dẫn về cái mới là mạnh nhất do sự kiện là nền văn minh và xã hội Mỹ đã là mới nhất, đã có hai thế hệ - một của những người già và thế hệ kia là của người trẻ hơn.

Nhưng bây giờ một điều rất lạ đã xảy ra. Hiện tại ở Mỹ không chỉ có hai thế hệ. Ngày nay có thế hệ tách biệt của những người bốn mươi tuổi, thế hệ tách biệt của những người ba mươi tuổi, và lại thế hệ tách biệt của những người hai mươi tuổi, mười lăm tuổi. Người ba mươi tuổi nói, "Đừng tin vào những người trên ba mươi tuổi." Và thậm chí người hai mươi năm tuổi bây giờ cũng vô dụng. Học sinh trung học bây giờ coi nhân viên đại học hai mươi năm tuổi là già. Điều chưa từng bao giờ xảy ra trước đây là có thể có nhiều thế hệ thế trong một khoảng năm mươi năm. Không ai thậm chí có thể tưởng tượng rằng có thể có cấp bậc ngay cả trong thế hệ người trẻ, và rằng người hai mươi tuổi sẽ liệt người hai mươi năm tuổi là loại lạc hậu và gần như chết.

Cho nên khi việc đổi mới chuyển với nhịp độ nhanh thế, hấp dẫn cho cái mới cũng trở nên bị mất, bởi vì hấp dẫn với cái mới được thiết lập không sớm hơn việc nó trở nên cũ. Thậm chí phải mất thời gian để trở nên bị hấp dẫn. Tôn giáo không giống như một mới nhất thời hay kiểu quần áo mới mà có thể được thay đổi trong vòng sáu tháng. Tôn giáo cũng không giống như hạt mầm của hoa mùa vụ nào đó, có thể bị nhổ đi trong bốn tháng sau khi được gieo. Tôn giáo rất giống cây tre: phải mất vài nghìn năm để phát triển tới độ bão hoà của nó. Và nếu như cây bị thay đổi cứ bốn hay năm năm, thế thì chúng sẽ không thể là cây tre được; chúng chỉ có thể giống như cây hoa mùa vụ mà thôi.

Cho nên hấp dẫn với cái mới cũng đang trở nên bị mất. Tôi đã nói rằng tất cả những điều này chỉ làm rõ ràng rằng con đường của tôi thuộc kiểu thứ ba. Tôi không tin rằng ngôn ngữ của Mahavira, của cổ nhân có hiệu lực, mà tôi cũng không nghĩ rằng tuyên ngôn thiên về cái mới có thể có bất kì kết quả gì. Cả hai đều lạc một rồi. Tôi cảm thấy rằng bây giờ nhấn mạnh vào cái

vĩnh hằng là có ý nghĩa. Cái mà bao giờ cũng hiện hữu mới là cái có ý nghĩa - chẳng cũ cũng chẳng mới.

Vĩnh hằng nghĩa là cái không mới không cũ. Cái cũ và cái mới cả hai chỉ là những biến cố theo thời gian, còn tôn giáo đã bị thiệt hại vì cả hai. Tôn giáo đã bị thiệt hại trong tay cái cũ và cũng điều đó xảy ra trong mối liên kết của nó với cái mới.

Krishnamurti vẫn cứ nhấn mạnh vào cái mới. Lí do là ở chỗ cái hiểu của ông ấy về các biến cố đã quay lại thời kì giữa 1915 và 1920 khi có nhiều hấp dẫn về cái mới trong thế giới này. Vào thời đó, cái mới vẫn còn có ảnh hưởng. Thậm chí bây giờ ông ấy vẫn còn tiếp tục tuyên truyền về điều đó.

Bây giờ, trên trái đất này, chỉ có một khả năng. Mọi tín ngưỡng đều đã lại gần nhau tới mức nếu một tín ngưỡng nói rằng một mình nó là tín ngưỡng đúng duy nhất thì điều đó lập tức sẽ tạo ra hoài nghi. Đã có thời khi một tín ngưỡng công bố rằng nó là đúng và vô tư và đúng theo nghĩa tuyệt đối, người ta đã có khả năng tin cậy vào điều đó. Bây giờ tuyên bố như vậy chỉ tạo ra không tin cậy; tuyên bố như vậy sẽ chỉ là triệu chứng của điên khùng. Nó sẽ chứng tỏ rằng người tuyên bố không phải là người thông minh cho lắm, rằng người đó không phải là nhà tư tưởng sâu sắc, và rằng người đó là giáo điều và cuồng tín.

Bertrand Russell đã viết ở đâu đó rằng ông ấy chưa bao giờ thấy một người thông minh nào nói theo ngôn từ tuyệt đối. Nhưng người thông minh sẽ dứt khoát là ngần ngại để tự khẳng định mình theo cách này. Chỉ người ngu mới có thể mang tính khẳng định như vậy. Russell đang cố gắng nói rằng chỉ người dốt nát mới có thể công bố điều gì đó là chân lí tuyệt đối.

Khi tri thức tăng lên, những công bố tuyệt đối như vậy không thể được đưa ra. Trong thời đại này, nếu bất kì ai cố gắng khẳng định rằng một tín ngưỡng đặc biệt nào đó là duy nhất đúng, người đó sẽ làm hại cho tín ngưỡng đó nhiều lắm. Tương tự, nếu người ta nói rằng, "điều tôi đang nói đây là tuyệt đối mới," thế thì đấy cũng là điều ngớ ngẩn.

Nhiều điều được công bố là mới, nhưng khi chúng được xem xét theo chiều sâu, người ta thấy rằng chẳng có gì mới cả. Cũng những điều đó có thể được nói dưới nhiều dạng, nhưng khi những dạng này được đặt cạnh nhau, khi cách ăn mặc bên ngoài bị lột bỏ đi, cái tìm được phía dưới là cùng điều cũ. Vậy, ngày nay, chẳng tuyên ngôn nào thiên về tính cổ điển hay tính mới có thể có nghĩa.

Theo bất kì cách nhìn nào, tôn giáo của tương lai, tôn giáo sẽ ảnh hưởng tới mọi người, tôn giáo sẽ được mọi người theo và kính trọng, sẽ là tôn giáo về vĩnh hằng. Nó sẽ không là mới cũng chẳng cũ. Không ai có thể làm nó mới, mà nó cũng không bao giờ trở thành cũ.

Những người gọi tôn giáo là cũ đều có từ cũ để diễn đạt nó; nhưng người đã gọi nó là mới thì có từ mới. Bây giờ chúng ta không muốn níu bám lấy

bất kì từ nào. Đó là lí do tại sao tôi dùng từ của mọi tín ngưỡng. Bất kì từ nào cũng có thể được dùng trong việc hiểu biết. Đôi khi tôi nói về cách nghĩ cũ để cho có lẽ một số người có thể hiểu qua đó; đôi khi tôi nói tới cách nghĩ mới cho những người có thể hiểu theo cách này. Và đồng thời, tôi muốn nhắc bạn rằng chân lí không thể cũ hay mới được.

Chân lí là vĩnh hằng như bầu trời trong đó cây lớn lên, phát triển, ra hoa và rồi chết. Cây cũng trở nên già; chúng cũng có thời thơ ấu và thời thanh niên. Nhưng tất cả điều này đang xảy ra trong bầu trời. Chúng ta đã gieo một hạt mầm, nó đã mọc lên. Việc mọc này là tuyệt đối mới, nhưng bầu trời mà trong đó nó đã mọc lên thì vĩnh hằng. Cây đã lớn lên, trở nên già, và gần chết. Cây đã trở nên già, nhưng bầu trời mà trong đó nó đã mọc lên, bản thân nó có trở nên già không? Nhiều cây đã tới và đi, nhưng bầu trời vẫn còn lại đó mãi mãi - vĩnh hằng, còn nguyên vẹn, không đổi. Thế thì chân lí giống như bầu trời; lời giống như cây. Chúng được gieo xuống, chúng mọc lên, chúng ra lá, ra hoa, kết quả, và thế rồi chúng chết, chúng đổ xuống đất, trong khi bầu trời vẫn còn nơi nó hiện hữu.

Cái cũ và cái mới cả hai đều nhấn mạnh vào lời, nhưng tôi không muốn đặt bất kì nhấn mạnh nào vào lời. Tôi chỉ muốn đặt nhấn mạnh vào bầu trời trong đó hoa của lời nở ra, chết đi và trở nên mất hút, không dấu vết nào của chúng còn lại ở đâu nữa. Vậy, theo quan điểm của tôi, chân lí là vĩnh hằng và ở ngoài cái mới và cái cũ. Nó là siêu việt.

Bất kì điều gì chúng ta nói hay nghĩ hay tạo ra, đều sẽ tới và đi, nhưng chân lí sẽ vẫn còn nơi nó hiện hữu. Vậy những người nói rằng chân lí là cũ là người dốt nát, bởi vì chân lí không trở nên cũ đi. Còn những người nói, "Chúng ta có chân lí mới, chân lí độc đáo," cũng là người dốt nát, bởi vì chân lí không thể độc đáo mà cũng chẳng mới. Giống như bầu trời, chân lí chỉ hiện hữu.

Tôi tuyên bố con đường thứ ba này, con đường của vĩnh hằng, là con đường cho tương lai. Tại sao? Bởi vì tuyên ngôn này về cái vĩnh hằng sẽ cắt xuyên qua hầu hết những cái tinh vi do nhiều tín ngưỡng tạo ra. Thế thì chúng ta sẽ nói, "Vâng, những cây này phát triển hướng lên trời và những cây này cũng phát triển trong bầu trời." Cây đạt tới bầu trời vô tận, nhưng bầu trời vẫn nguyên vẹn. Vẫn có nhiều không gian trên trời. Cây của chúng ta không thể lấp đầy mà cũng chẳng thể làm rộng được không gian đó. Chúng ta không cần trong ảo tưởng rằng một cây riêng lẻ nào đó có thể lấp đầy toàn bộ bầu trời.

Vậy, không một lời, ý nghĩ hay nguyên tắc nào của chúng ta có thể lấp đầy bầu trời chân lí. Bao giờ cũng còn đủ không gian. Hàng triệu và hàng triệu Mahavira và Phật, nếu được sinh ra, cũng sẽ không khác biệt. Dù tre có thể dày đặc đến thế nào, nó cũng không tạo ra cái gì khác biệt cho bầu trời. Cái bao la của bầu trời không thể được đo bằng kích cỡ của tre. Nhưng các

nhành cỏ có đó dưới tre thậm chí không biết tới bầu trời; chúng chỉ biết tới tre. Với chúng, tre không lồ đến mức chúng chưa bao giờ có thể hình dung được rằng còn có thể có cái gì lớn hơn tre.

Trong tình huống khó khăn này, tất cả các tín ngưỡng đều đứng trước chúng ta, và chúng đã lôi kéo tâm trí chúng ta theo đủ mọi hướng. Có những tư tưởng cổ và mới, và vẫn có những tư tưởng mới hơn đang được sinh ra mỗi ngày. Tất cả đều lôi kéo con người hướng tới chúng. Bởi vì việc kéo đồng thời này, hoàn cảnh con người đã trở thành bất lực. Người đó không biết phải làm gì. Con người gần như đã xoay xở để đứng dậy, nhưng người đó không có dũng cảm để bước theo bất kì hướng nào. Bất kì hướng nào người đó lấy để có thể định bước đi một bước cũng chẳng thành vấn đề, người đó vẫn còn hoài nghi; người đó không có bất kì tin cậy nào. Tất cả những người có thể đã tạo ra tin cậy nào đó trong mình, bản thân họ đã đặt mình vào điều kiện vô tin cậy.

Theo bất kì cách thức nào, tin cậy cũng đã được tạo ra trong quá khứ, bây giờ nữa nó cũng đang được tạo ra theo cùng cách. Koran tiếp tục nói rằng điều đó là đúng, Dhammapada nói rằng điều đó là đúng. Một cách tự nhiên, bất kì ai nói rằng mình là đúng sẽ phải nói điều khác là sai. Người khác cũng nói tương tự. Vậy, một người nghe cả hai người này nghĩ rằng tất cả họ là sai. Tại sao? Bởi vì người nói rằng mình là đúng chỉ là một người, nhưng những người gọi người đó là sai là năm mươi. Tác động của việc bị gọi là sai sẽ mạnh đến mức tiếng nói của người đang hô lên rằng người đó là đúng đang bị mất dần trong tiếng nói tập thể của năm mươi người hô lên người đó là sai.

Với mọi người trong số năm mươi người này hoàn cảnh là một, bởi vì mỗi người lại nói rằng mình là duy nhất đúng. Bây giờ, nếu năm mươi người gọi ai đó là sai và người đó khẳng định là mình đúng, thì thánh giả tự nhiên sẽ lấy quan điểm chống lại tất cả những điều vô nghĩa này.

Yêu cầu đồng thời này để thu được sự tin cậy của một người chỉ gây lộn. Tình huống này có thể được sửa chữa chỉ theo một cách. Nên có một phong trào toàn thế giới trong đó không ai sẽ nhấn mạnh hay khẳng định rằng cái này đúng hay cái kia sai. Thay vì vậy, mọi người sẽ nói rằng còn đúng bất hoạt là sai và bước đi là đúng. Với điều này, cái nhìn rộng hơn là cần thiết, cái có khả năng chỉ ra một cách đúng đắn cách người ta có thể tiến thêm theo hướng mà mình đã chọn. Điều này là rất khó. Dễ dàng là người Mô ha mét giáo hay người Ki tô giáo hay người Jaina giáo bởi vì các hướng dẫn là rõ ràng trong mọi tín ngưỡng. Dễ dàng quen thuộc với chỉ một tín ngưỡng.

Một thanh niên tới tôi vào tám ngày trước đây. Anh ta nói anh ta là người Mô ha mét giáo và rằng anh ta muốn là sannyasin. Thế là tôi đã khuyên anh ta hãy là một sannyasin. Nhưng anh ta nói rằng mọi người của anh ta sẽ đàn

áp anh ta nếu anh ta làm như vậy. Tôi bảo anh ta, "Bạn trở thành sannyasin, nhưng tôi không nói rằng bạn thôi là người Mô ha mét giáo. Trong khi vẫn còn là người Mô ha mét giáo, bạn có thể trở thành một sannyasin." Anh ta nói, "Cái gì! Tôi có thể vào nhà thờ Mô ha mét giáo để làm *namaz* sao" - cách thức cầu nguyện Mô ha mét giáo - "với những bộ quần áo da cam của sannyasin sao?" Tôi nói, "Đúng, bạn sẽ phải làm *namaz*."

Anh ta nói, "Tôi đã bỏ làm *namaz* từ khi tôi nghe nói về thầy. Tôi đang hành thiền thay vào đó. Tôi đã không đi tới nhà thờ Mô ha mét giáo cả năm nay rồi, và tôi tràn đầy vui sướng. Tôi thậm chí không muốn đi tới nhà thờ Mô ha mét giáo nữa."

Tôi nói, "Chùng nào mà bạn chưa hiểu ra rằng không có khác biệt gì giữa thiền và *namaz*, tôi nói với bạn rằng bạn vẫn còn chưa hiểu thiền là gì đâu."

Một người như vậy sẽ phải trở lại nhà thờ Mô ha mét giáo để làm *namaz*. Rất nguy hiểm mà dứt anh ta ra khỏi nhà thờ Mô ha mét giáo, bởi vì sau khi dứt anh ta khỏi nhà thờ Mô ha mét giáo sẽ không thể nào nối anh ta với đền chùa được. Phương pháp dứt anh ta ra sẽ làm hỏng anh ta theo cách mà anh ta không thể nào được nối với bất kì đền chùa nào. Do đó, chúng ta không nên khuyến khích bất kì đối kháng nào giữa các đền chùa, mà chúng ta cũng không nên dựng lên đền chùa mới. Bất kì đâu người ta muốn tới, người đó nên được tự do tới đó; người đó không nên vẫn còn đứng đấy, nhưng nên đi.

Viễn cảnh toàn thể mà tôi đã có trước tôi là thế này: rằng tôi muốn giúp cho mọi người đi theo khả năng của người đó, giai đoạn tiến hoá của người đó, văn hoá người đó - tương ứng với điều đã được đồng hoá trong máu của người đó. Thế thì sẽ dễ dàng hơn cho người đó đạt tới. Do đó, tôi không có bất kì tôn giáo nào của riêng mình, cũng không có bất kì con đường nào của riêng mình, bởi vì bây giờ chỉ một con đường hay tôn giáo sẽ không có tác dụng cho tương lai, và một giáo phái tôn giáo có nghĩa là một con đường.

Ngày nay, một tôn giáo như vậy là cần, tôn giáo không nhấn mạnh vào con đường đặc biệt nào, tôn giáo có thể trở thành ngã tư đường cho mọi con đường, tôn giáo có thể nói rằng tất cả mọi con đường đều thuộc vào nó và tôn giáo có thể yêu cầu mọi người đi theo con đường mà mình thích. Một tôn giáo như vậy sẽ nhấn mạnh rằng bạn sẽ đạt tới cùng chỗ từ bất kì đâu bạn bước đi, rằng tất cả mọi con đường đều dẫn tới một đích, rằng nhấn mạnh duy nhất là ở chỗ bạn chỉ tiếp tục di chuyển và không đứng yên.

Do đó, tôi không muốn vạch ra con đường mới trên núi, mà tôi cũng không muốn tạo ra bất kì triết lí hay tôn giáo mới nào. Đã có đủ con đường, nhưng không có người đi. Đường nhiều; khách lữ hành rất ít. Đường đã ít nhiều không được dùng trong nhiều năm. Đã không có bất kì khách lữ hành nào bởi vì chính sự cần thiết trèo lên núi bây giờ lại đang bị hoài nghi. Có quá nhiều tranh luận và tranh cãi tại chân núi, đến mức kết quả chỉ làm cạn

kiệt và gây hoảng hốt cho cá nhân và làm cho người đó vẫn còn đứng bất động. Với quá nhiều lần lộn tinh thần, không ai có thể bước được.

Tại đây, một điều cần phải được đề ý tới. Tôi không phải là người theo quan điểm chiết trung. Tôi có xu hướng lựa chọn cái gì làm vui lòng mình. Suy nghĩ của tôi không giống như suy nghĩ của Gandhi rằng tôi có thể chọn bốn khổ thơ từ Koran và bốn khổ thơ từ Gita và nói rằng ở mọi nơi cùng điều đã được đề xuất ra. Trong cả hai kinh sách này điều được nói là khác nhau, không là một. Tôi quả có nói rằng bằng tất cả mọi con đường người ta có thể đạt tới cùng một đích, nhưng tất cả mọi con đường đều khác nhau, không là một.

Nếu ai đó định chỉ ra rằng Koran và Gita đều đang nói cùng một điều, đây chỉ là mẹo. Cũng rất thú vị mà đề ý rằng Gandhi sẽ đọc Gita và sẽ đọc Koran, nhưng ông ấy sẽ chọn từ Koran chỉ những chủ điểm không mâu thuẫn với Gita và tránh phần còn lại. Thế thì cái gì sẽ xảy ra cho những chủ điểm này đã bị bỏ qua? Bất kì cái gì dường như đi ngược lại niềm tin của bất kì ai sẽ bị Gandhi bỏ qua. Ông ấy sẽ không bao giờ chấp nhận Koran như một toàn thể, mặc dầu ông ấy chấp nhận Gita như một toàn thể. Đó là lí do tại sao tôi nói rằng ông ấy là chiết trung. Nếu cái gì đó phù hợp với Gita được tìm thấy trong Koran, thì nó được chấp nhận. Với điều này không có khó khăn; bất kì ai cũng sẵn sàng chấp nhận.

Tôi nói rằng tôi hoàn toàn đồng ý tới chừng mực nào đó rằng Koran là bản dịch sang tiếng A rập của Gita; không nhiều hơn thế. Đến mức đó thì thậm chí người tin vào Koran cũng có thể đồng ý. Nhưng sẽ là một thực nghiệm thú vị là yêu cầu một người tin vào Koran chọn ra vài khổ thơ từ Gita có thể phù hợp với Koran. Bạn sẽ ngạc nhiên thấy rằng người như vậy sẽ chọn những thứ mà Gandhi chưa bao giờ chọn cả. Người đó sẽ chọn các điều rất khác.

Điều này tôi gọi là chủ nghĩa chiết trung. Nó là chọn lọc, không phải là chấp nhận về cái toàn thể. Nó cũng giống như việc nói rằng chọn lựa bao giờ cũng là đặc quyền của người ta, "và nếu bạn cũng đồng ý với việc chọn lựa, thế thì bạn cũng đúng. Bằng không, chúng tôi đúng về chung cuộc. Khi mà mà bạn còn đồng ý với chúng tôi, chúng tôi còn nói rằng bạn là đúng, và chúng tôi đang biểu lộ dung thứ nhiều thế."

Đây không phải là việc làm nhiều. Đây là vấn đề mà việc chấp nhận toàn bộ được cần tới. Nó không phải là vấn đề dung thứ chút nào. Không phải là người Hindu dung thứ cho người Mô ha mét giáo hay người Ki tô giáo dung thứ cho người Jaina giáo. Dung thứ bản thân nó là bất lực và đẻ ra bạo hành ở giai đoạn nào đó.

Tôi không nói rằng Koran và Gita đang nói cùng điều. Koran đang nói điều gì đó hoàn toàn khác. Nó có giai điệu cá nhân riêng của nó; đó là ý nghĩa của nó. Nếu Koran cũng nói cùng điều mà Gita nói, thế thì Koran là vô

giá trị. Và Kinh Thánh đang nói điều gì đó khác với cả điều Koran lẫn Gita nói. Mỗi kinh có giai điệu riêng của nó. Mahavira không nói cùng điều Phật nói; họ nói khác nhau rất nhiều.

Nhưng qua tất cả các hệ thống khác nhau này, chỗ người ta đạt tới suy đến cùng là một. Đó là lí do tại sao việc nhấn mạnh của tôi là nhiều vào tính một của cái tôi thượng, không vào tính một của con đường. Việc nhấn mạnh của tôi là vào sự kiện rằng đến cùng, tất cả mọi con đường đều đạt tới nơi không có phân biệt hay khác biệt gì.

Nhưng từng con đường rất khác nhau, và đừng ai phạm phải sai lầm nghĩ rằng những con đường này là một; bằng không người đó sẽ không có khả năng bước trên bất kì con đường nào trong chúng. Tất cả mọi con thuyền có thể đạt tới bờ đối diện, nhưng đừng ai phạm phải sai lầm cố gắng ngồi lên hai con thuyền một lúc. Bằng không thuyền sẽ tới, nhưng người đi trên hai thuyền chẳng bao giờ tới. Người đó sẽ rơi khỏi thuyền và chết chìm ở đâu đó.

Mọi con thuyền đều là thuyền. Cho nên nếu người ta chỉ muốn nói về thuyền từ trên bờ, chẳng hại gì. Nhưng người hành hương sẽ phải chọn con thuyền trước khi người đó có thể bước vào nó. Tôi chấp nhận tất cả các tôn giáo như những con thuyền khác nhau, nhưng thuyền phải được chọn.

Rất khó chọn một con thuyền bởi vì chúng tất cả đều mâu thuẫn lẫn nhau. Một mặt, có Mahavira người sẽ không sẵn sàng thậm chí giết một con kiến; ông ấy sẽ đặt chân lên đất với sự cẩn thận nhất. Mặt khác, có Mohammed người đứng đầy với lưỡi kiếm trong tay. Cho nên bất kì ai nói với bạn rằng Mahavira và Mohammed đang nói cùng điều, người đó đang nói điều sai. Hai người này không bao giờ nói cùng ngôn ngữ. Họ nói khác nhau rất nhiều.

Nếu một nỗ lực được thực hiện để chỉ ra họ là một, sẽ có bất công nghiêm trọng cho người này hay người kia. Hoặc là lưỡi kiếm của Mohammed sẽ phải bị giấu đi hoặc Mahavira sẽ phải quên về việc đặt chân lên đất một cách thận trọng để cứu kiến. Cho nên nếu một người tin tưởng vào Mohammed phải chọn lựa, người đó sẽ cắt bỏ tất cả những phát biểu của Mahavira chống lại lưỡi kiếm, còn nếu một người tin vào Mahavira phải chọn lựa, thế thì người đó sẽ lấy đi lưỡi kiếm từ Mohammed hay sẽ chỉ chọn lựa những điều sẽ hoà hợp với bất bạo hành.

Nhưng điều này là không công bằng. Do đó tôi không tổng hợp như Gandhi. Tôi không kêu gọi bất kì tổng hợp tôn giáo nào. Tôi đang nói rằng mọi tôn giáo, với những cá nhân phân biệt của riêng họ, đều chấp nhận được đối với tôi. Tôi không chọn lựa giữa họ. Tôi cũng nói rằng bởi vì mỗi tôn giáo mang tính duy nhất cho cá nhân, nên người ta có khả năng đạt tới.

Tất cả các tôn giáo đều đã tiến trên con đường của riêng họ, và khác biệt giữa họ chỉ là khác biệt giữa các con đường. Cũng dường như là trên con

đường của tôi có hàng cây và trên con đường của bạn có đá và đá. Từ hướng mà bạn trèo lên núi chỉ có đá và đá, còn từ hướng nơi tôi đang trèo lên chỉ có cây và cây. Một con đường khó khăn hơn và làm cạn sức khi leo lên, với những dốc cao, trong khi con đường khác đi lên dần dần, tạo ra nhiều đường vòng rộng quanh núi. Con đường sau rất dài, nhưng nó không làm kiệt sức người leo.

Chắc chắn, mỗi người leo sẽ mô tả con đường riêng của mình một cách khác nhau, và những khó khăn phải đối diện trên mỗi con đường sẽ khác nhau cũng như các phương pháp để giải quyết khó khăn. Vậy, nếu chúng ta nhìn vào thảo luận về con đường, chúng ta sẽ khó tìm ra bất kì tương đồng nào. Và tương đồng ngẫu nhiên được thấy không phải là của con đường. Chúng được thấy trong các phát biểu của những người đã đạt tới đỉnh; chúng không phải là về con đường chút nào.

Mặc dầu các phát biểu của những người đã đạt tới có thể tương tự nhau, vẫn có khác biệt trong ngôn ngữ. Các phát biểu có thể bằng tiếng A rập, Pali, Prakrit hay Sanskrit. Các phát biểu sẽ tương tự khi họ nói về mục đích, nhưng những phát biểu được đưa ra trước khi đạt tới đích sẽ có khác biệt rất thực. Không có nhu cầu quên về những khác biệt này.

Cho nên tôi không muốn vạch ra con đường mới, mà tôi cũng không muốn tuyên bố rằng chỉ những con đường cũ đúng khi đối lại các con đường khác. Tôi muốn nói rằng tất cả các con đường đều đúng, tuy nhiên chúng có thể khác nhau.

Tâm trí chúng ta ở mức chúng ta nghĩ tất cả con đường đúng là tương tự nhau. Chúng ta tin rằng chỉ nếu hai điều tương tự nhau chúng mới có thể đúng. Điều không tránh khỏi là mọi thứ phải tương tự nhau để là đúng. Chân lí thực tế là ở chỗ nếu hai điều là tương tự nhau, một điều nhất định chỉ là bất chước; cả hai không thể là nguyên gốc. Hoặc cái này có thể là bất chước hoặc cả hai có thể là bất chước, nhưng ít nhất một cái nhất định là bất chước. Hai vật nguyên gốc nhất định là không tương tự nhau.

Điều không ngạc nhiên là có khác biệt giữa con đường của Mahavira và Mohammed. Sẽ là phép màu nếu không có khác biệt. Tương tự nhau là điều phi tự nhiên. Hoàn cảnh của Mahavira tất cả đều rất khác với hoàn cảnh của Mohammed. Những người mà Mohammed đã làm việc là rất khác với những người mà Mahavira đã làm việc. Hoàn cảnh của những người mà Mohammed đã làm việc là rất khác với hoàn cảnh của những người mà Mahavira đã làm việc. Họ khác nhau đến mức không thể nào Mahavira và Mohammed có cùng một con đường. Thậm chí ngày nay các hoàn cảnh của họ vẫn tiếp tục khác nhau. Người ta phải lưu tâm tới những hoàn cảnh khác biệt này.

Cho nên tôi không lo âu về việc vạch ra con đường mới, mà cũng không lo âu để tuyên bố bất kì con đường cũ nào là đúng và chống lại các con

đường cũ khác. Tất cả các con đường đều đúng - những con đường đã được mở ra, những con đường đang được mở ra hôm nay và những con đường có thể được mở ra ngày mai.

Nhưng con người chỉ nên quan tâm tới việc bước đi và không nên đứng đậy mà không quyết định. Một người vẫn còn đứng bất động trên con đường tốt nhất cũng sẽ không đạt tới, nhưng một người cứ bước đi cho dù trên con đường sai thì sẽ đạt tới - nếu không phải hôm nay, thì ngày mai. Vấn đề chính là cứ bước đi.

Nếu ai đó tiếp tục bước đi, thế thì không khó thay đổi sang đường đúng. Nhưng nếu người ta cứ còn đứng đậy, thế thì không có khả năng tìm ra liệu người đó đang đứng trên đường đúng hay không. Chỉ bằng việc bước đi người ta mới có thể tìm ra liệu mình là trên đường đúng hay đường sai. Nếu bạn đơn thuần tin vào nguyên tắc nào đó trong khi vẫn đứng đậy, bạn sẽ không bao giờ biết liệu nguyên tắc đó là đúng hay sai. Nhưng nếu bạn đưa nguyên tắc này vào kiểm tra và bạn thực nghiệm với nó, bạn ngay lập tức sẽ biết liệu nó là đúng hay sai. Một khái niệm có thể được kiểm tra chỉ bằng cách thực hiện hành động trên nó, không có cách khác. Cho nên tôi muốn rằng bạn cứ bước đi. Tôi được chuẩn bị để giúp cho mọi người trên con đường riêng của mình.

Một cách tự nhiên, với Mahavira điều này không dễ làm. Ngày nay điều đó dễ hơn, và nó sẽ vẫn cứ trở nên dễ hơn bởi vì bây giờ gần như không thể tìm ra một người chưa từng được sinh ra trong hai, bốn hay sáu tôn giáo trong hai, bốn hay sáu lần sinh cuối của người đó. Cũng như thế giới đã gần lại hơn do việc truyền thông nhanh hơn trong bảy trăm năm vừa qua, cho nên cũng ngày càng trở nên có thể hơn cho các linh hồn để thay đổi tôn giáo và đẳng cấp của họ trong thế giới này. Điều này là tự nhiên.

Chẳng hạn, hai nghìn năm trước đây, nếu một *brahmin* chết, cơ hội chín mươi chín trong một trăm lần là người đó sẽ không được sinh lại trong gia đình *sudra*. Vì tâm trí tích lũy tất cả những ấn tượng của cuộc sống và ghi nhớ chúng, nên việc đi vào và di cư của linh hồn hoàn toàn bị qui định chặt chẽ bởi hệ thống đẳng cấp. Đẳng cấp *sudra* bị coi như tiện dân. Thành viên của đẳng cấp khác thậm chí sẽ không cho phép cái bóng của người đó được rơi lên họ, và nếu một cái bóng như vậy mà rơi vào, thì ngay lập tức họ phải tắm.

Cho nên *brahmin* và *sudra* bị phân tách rất sâu rộng - bởi thung lũng vô tận. Sau cái chết, linh hồn của *brahmin* sẽ không có khả năng nghĩ tới lấy việc sinh trong gia đình *sudra* - bởi vì tâm trí và các ham muốn của nó, đã rất chống lại bất kì dính líu nào với đẳng cấp *sudra*. Do đó, không thể thay đổi đẳng cấp hai nghìn năm trước đây. Mãi cho tới thời Mahavira, chính hiện tượng hiếm hoi là một người lấy việc sinh ở các tôn giáo khác nhau. Tiến trình của từng tín ngưỡng tôn giáo đã được xác định rõ ràng đến mức nó

chảy thẳng lên trước như dòng sông bị chặn kĩ. Không chỉ trong kiếp sống hiện tại của người ta, mà trong việc sinh trước của người ta nữa thì người ta cũng đã đi bên trong cùng một tín ngưỡng tôn giáo.

Ngày nay, trong thế kỉ hai mươi này, điều này là không thể được. Cũng như các hoàn cảnh đã ngày một tự do hơn và được nhìn xa hơn trong thế giới bên ngoài, về bên trong mọi người cũng đã trở nên tự do hơn và sẵn sàng tiếp thu cái mới hơn. Đây tất cả là vấn đề tâm trí. Hiện tại đỡ lúng túng hơn nhiều cho một brahmin để ngồi với một người Mô ha mét giáo và ăn cùng bữa hơn là trước đây đã thế, và khi thời gian trôi qua, sẽ không có lúng túng chút nào.

Người mà trong anh ta cái loại lúng túng này còn chưa trở nên bớt đi thì không phải là người hiện đại. Tâm trí người đó cổ lỗ năm trăm năm. Với người hiện đại không có lúng túng chút nào. Ngày nay, sẽ rất ngớ ngẩn thậm chí nghĩ về lúng túng đó. Bởi vì điều này, các cánh cửa đã trở thành rộng mở cho các linh hồn thay đổi tôn giáo và đẳng cấp.

Trong năm trăm năm qua các cánh cửa đã mở ra ngày một rộng hơn. Do điều này, bây giờ có thể nói ra một số điều. Nếu tôi đã bước đi trên nhiều con đường trong các lần sinh quá khứ của mình, bây giờ dễ dàng hơn cho tôi để nói về chúng. Vậy, nếu người tìm kiếm nào đó từ Tây Tạng tới hỏi tôi điều gì đó, tôi sẽ có khả năng hướng dẫn người đó. Nhưng tôi sẽ có khả năng làm như vậy chỉ nếu vào lúc nào đó, trong chuỗi sinh quá khứ của mình, tôi đã đi tới biết hệ thống giá trị của Tây Tạng, nếu bản thân tôi đã biết đến bầu không khí tràn ngập tại đó qua việc đã sống trong nó; bằng không thì không được. Nếu như tôi nói điều gì mà không kinh nghiệm, điều đó sẽ chỉ hời hợt. Thế thì nó sẽ không sâu sắc. Bản thân tôi sẽ phải trải qua một điều đặc biệt để có khả năng nói về nó trong chiều sâu.

Nếu tôi mà không tự mình làm bất kì lời cầu nguyện nào trong nhà thờ Mô ha mét giáo, việc nói của tôi về namaz sẽ chẳng có ích gì nhiều. Nhưng nếu bản thân tôi có thời đã trải qua namaz, thế thì tôi có thể biết rằng người ta có thể có khả năng đạt tới cùng đích qua namaz như người ta có thể đạt tới bằng lời cầu nguyện Hindu. Thế thì tôi không trở thành chiết trung. Tôi không nói rằng không có sự khác biệt giữa namaz và *prarthana*, lời cầu nguyện Hindu, bởi vì tôi tin rằng người Hindu và người Mô ha mét giáo phải trở thành một. Các lí do của tôi để nói như vậy là khác: tôi biết rằng mặc dầu các phương pháp có thể khác, nhưng mục đích là một.

Vậy, tình huống bây giờ đang thay đổi. Trong một trăm năm tới, sẽ có trao đổi lớn trong các linh hồn. Cũng như mối quan hệ bên ngoài sẽ tan vỡ, mối quan hệ bên trong cũng vậy - theo cùng tỉ lệ.

Bạn có thể ngạc nhiên mà biết rằng những người đã áp đặt những điều kiện nghiêm ngặt lên phương tiện và phương pháp bên ngoài, thực tế đã làm như vậy chỉ để duy trì biến đổi bên trong. Với những lí do như vậy, hệ thống

đẳng cấp của đất nước này không thể nào được giải thích hay hiểu một cách khoa học. Ngày nay chúng ta cảm thấy biết bao nhiêu bất công phải đã được duy trì qua những brahmin cổ đại, những người mà một mặt đã viết ra Upanishad và mặt khác đã lập kế hoạch để hành xử bất công với sudra, đẳng cấp thấp nhất. Những điều này dường như mâu thuẫn. Hoặc Upanishad là sai hoặc chúng đã không thể được viết ra bởi cùng các brahmin người đã tạo khung cho các qui tắc đạo đức cho cách sống của sudra. Nếu cùng brahmin đó đã làm điều đó, phải có sai lầm ở đâu đó.

Nhưng sự kiện là ở chỗ sự thu xếp này đã được phát minh ra bởi cùng các brahmin. Bạn không thể hình dung nổi rằng cùng Manu người đã cho ra *Manu-Smriti*, bộ luật xã hội Hindu bao gồm cả khái niệm về hệ thống đẳng cấp, có thể nhân đi nhân lại một cách cao thượng vào khả năng của con người trở thành điều thiêng liêng. Nietzsche đã nói rằng không người nào thông minh hơn Manu đã từng được sinh ra trên trái đất. Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu các phát biểu của Manu về sudra và các đẳng cấp khác, ông ấy đã tạo ra những rào chắn lớn vô cùng không thể nào vượt qua nổi giữa các đẳng cấp đến mức không người nào khác đã từng làm được. Chúng ta không có khả năng làm rung chuyển dinh thự mà con người này đã xây dựng bằng một tay từ năm nghìn năm trước đây. Trật tự xã hội đó tiếp tục còn chi phối thậm chí ngày nay.

Ngày nay, tất cả các giới luật pháp, mọi giới thẩm quyền, toàn bộ giới trí thức và toàn bộ nền chính trị ở Ấn Độ đều đứng về phía chống lại con người Manu này, người đã chết năm nghìn năm trước đây. Điều đó chứng tỏ rất khó gạt bỏ hệ thống mà ông ấy đã bày ra. Từ Raja Ram Mohan Roy cho tới Gandhi, những người khôn ngoan nhất ở Ấn Độ trong một trăm năm mươi năm qua đều đã tranh đấu chống lại Manu. Con người này là một tâm cỡ lớn. Gandhi và Raja Tam Mohan Roy dường như chỉ là thiếu niên và trẻ con trước ông ấy. Tất cả các hoàn cảnh từ thời Manu đã thay đổi, nhưng vậy mà vẫn khó loại bỏ ông ấy. Lí do cho điều này là bên trong, và chúng đi vào rất sâu.

Khái niệm cơ bản là thế này, rằng nếu ai đó thực hiện namaz trong cuộc sống này, thế thì Manu nghĩ rằng người đó nên lấy việc sinh lần nữa chỉ trong gia đình Mô ha mét giáo thực hiện namaz. Bằng không, nếu tín ngưỡng của người đó bị thay đổi trong mọi lần sinh, thế thì công việc mà có thể đáng được hoàn thành trong ba lần sinh của con người được sinh trong cùng tín ngưỡng sẽ phải lấy ba mươi lần sinh. Nếu tín ngưỡng này bị thay đổi trong mọi lần sinh, thì móc nối cũ trở nên bị mất. Mọi lúc người này thay đổi con đường, người đó phải bắt đầu từ ABC. Người đó không thể được nối với tín ngưỡng cũ của mình. Nếu một người được sinh ra trong gia đình Mô ha mét giáo trong lần sinh quá khứ và nếu trong lần sinh này người đó được sinh ra trong gia đình Hindu, người đó sẽ phải bắt đầu từ ABC lại. Công

việc được làm trong lần sinh trước sẽ vô dụng.

Điều đó sẽ giống như một đứa trẻ học lớp một rồi bỏ trường trong sáu tháng và tham dự lớp khác mà tại đó nó bắt đầu từ đầu, và thế rồi nó thay đổi sang trường thứ ba nơi nó lại bắt đầu lại lần nữa. Khi nào thì việc học hành của nó sẽ hoàn toàn tốt? Nó sẽ vẫn còn chỉ ở lớp một.

Cho nên khái niệm của Manu rằng một người nên được sinh ra lặp đi lặp lại theo cùng tín ngưỡng để làm cho người đó có khả năng bắt đầu từ nơi người đó đã bỏ lại trong lần sinh trước là rất có giá trị. Điều này có thể xảy ra chỉ nếu hệ thống này được làm rất chặt và cứng nhắc, không lỗ hổng nào, không ngoại lệ nào. Nếu chỉ đến mức thế này là được phép - rằng sẽ không có vấn đề gì nếu một brahmin cưới một gia đình sudra - thế thì Manu là đủ thông minh để thấy rằng nếu người ta có thể cưới một gia đình sudra, đâu là khó khăn trong việc lấy việc sinh vào trong gia đình sudra? Nếu một brahmin, bằng việc cưới một người vợ sudra, có thể cho cô ấy đẻ con, thế thì tại sao người đó không thể lấy việc sinh qua một người mẹ sudra? Không có phản đối logic trong trường hợp đó.

Do đó, nếu người ta bị ngăn cản không lấy việc sinh như vậy, thì người đó cũng sẽ phải bị ngăn cản không cho việc sinh như vậy. Hạn chế lớn như vậy đã được áp đặt lên hôn nhân. Nếu những hạn chế này được nói lỏng dù chỉ một li, toàn thể hệ thống đã được xây dựng sẽ bị rối loạn tồi tệ.

Nhưng nó đã trở thành như vậy. Bây giờ sẽ rất khó để đưa nó vào trật tự lần nữa - không chỉ khó khăn, điều đó sẽ là không thể được. Toàn bộ tình huống là đến mức điều đó không thể có được. Bây giờ chúng ta sẽ phải tìm ra phương pháp tốt hơn, tinh vi hơn phương pháp Manu đã phát minh ra. Manu đã rất thông minh, nhưng hệ thống của ông ấy rất thô - và một hệ thống thô thiển sẽ chứng tỏ bất công cho con người. Những hạn chế xã hội là ở ngoài rất nhiều, mặc dầu mục đích của chúng là để điều chỉnh cái bên trong. Bây giờ điều này sẽ không có tác dụng. Nó nhất định tỏ ra khó khăn vào ngày mai nếu không phải hôm nay. Nó sẽ trở thành giống như áo bó cho xã hội.

Bây giờ chúng ta sẽ phải làm những thực nghiệm trên bình diện mịn hơn. Điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ phải làm namaz và prarthana có tính cách linh động để nếu một người đã rời bỏ namaz trong lần sinh quá khứ, người đó có thể bắt đầu prarthana trong lần sinh này chỉ từ chỗ người đó đã bỏ lại với namaz. Namaz và prarthana nên đối lẫn cho nhau được. Tại người ta không nên bị ước định quá nhiều bởi tiếng chuông đền chùa đến mức âm thanh của *ajan*, lời gọi buổi sáng trong nhà thờ Mô ha mét giáo, được nghe vào buổi sáng dường như lạ lẫm với người đó. Hải hoà bên trong nào đó sẽ phải được phát minh ra giữa chuông đền Hin du và âm thanh của *ajan*.

Điều này không khó. Với tương lai, sẽ có cần thiết cho tính tôn giáo mới, không phải là tôn giáo mới. Toàn bộ khái niệm của Manu đã sụp đổ; các tín

ngưỡng của Phật và Mahavira đã mất. Nếu người ta muốn thực nghiệm với cùng nền tảng cũ, người đó sẽ thất bại. Gurdjeff đã thử hết mức độ mình để làm điều đó; Krishnamurti lao động cho điều này trong bốn mươi năm qua, nhưng chẳng cái gì xảy ra cả.

Mọi hoàn cảnh đã thay đổi. Trong những hoàn cảnh thay đổi này, một khái niệm được quan niệm tuyệt đối mới là cần thiết. Khái niệm mới này còn chưa được thực nghiệm cho tới giờ. Đó là khái niệm về tính tôn giáo mới mà trong đó mọi tôn giáo, như chúng hiện thế, đều đúng. Mất chúng ta bị cố định vào mục đích, và nhân mạnh phải đặt vào việc cứ bước đi. Người ta có thể bước trên bất kì con đường nào, nhưng sự gần gũi của tất cả các con đường sẽ là ở mức người ta có thể cắt ngang qua con đường khác một cách dễ dàng. Khoảng cách giữa các con đường sẽ không lớn đến mức người ta sẽ phải trước hết đi tới lối vào của con đường mới nếu người đó muốn đổi đường. Mọi sự nên là sao cho nếu người đó bỏ con đường này, người đó có thể cắt ngang sang con đường khác, đường nối con đường nọ với con đường kia.

Mục đích bao giờ cũng được nối với tất cả mọi con đường, nhưng việc móc nối các con đường lại chưa bao giờ có đó. Không có khó khăn trong việc đạt tới mục đích qua bất kì con đường nào, nhưng bây giờ thời đại đang ở mức người ta sẽ không có khả năng bước chỉ trên một con đường. Cuộc sống đang trở nên ngày một bị phá vỡ hàng ngày, ở bên trong cũng như ở bên ngoài.

Một người sinh ra và lớn lên trong gia đình Hindu có thể phải trải qua toàn bộ cuộc sống còn lại của mình ở châu Âu. Người khác sinh ra ở Mỹ có thể trải qua cuộc sống của mình trong rừng Ấn Độ. Một người lớn lên ở London có thể trải qua phần còn lại cuộc sống mình ở Việt Nam. Điều này sẽ xảy ra lặp đi lặp lại bây giờ. Bầu không khí sẽ thay đổi hàng ngày cả về vật chất và tâm lí. Những thay đổi này sẽ nhanh chóng đến mức chúng ta sẽ phải xây dựng các con đường nối các đường cái lại.

Koran và Gita không phải là một, nhưng mỗi nối có thể được thực hiện để nối cả hai. Cho nên tôi muốn trải rộng mạng lưới các sannyasin, những người tạo nên mỗi móc nối này. Các sannyasin này sẽ làm namaz trong nhà thờ Mô ha mét giáo, nói lời cầu nguyện trong nhà thờ Ki tô giáo và làm *kirtan* trong đền thờ nữa. Họ sẽ bước trên con đường của Mahavira, thiền như Phật đã làm, và thậm chí thực nghiệm với tín ngưỡng Sikh, do vậy tạo ra các mối nối - một chuỗi sống các móc nối con người. Tất cả sẽ được hướng theo một cảm giác tôn giáo - rằng tất cả các tôn giáo, mặc dầu tách biệt, đều là một. Không phải là tất cả các tôn giáo là một và không thể tách rời, nhưng mặc cho chúng tách rời, chúng vẫn là một trong bước đi hài hoà bên trong của chúng hướng tới mục đích. Chúng là một theo nghĩa là chúng đưa bạn hướng tới siêu tâm thức.

Vậy, công việc của tôi là công việc thuộc kiểu thứ ba. Phương pháp như vậy chưa bao giờ được đi theo trước đây. Những nỗ lực nhỏ có thể đã được tiến hành theo hướng này, nhưng chúng tất cả đều thất bại. Ramakrishna đã cố gắng làm điều đó theo con đường nhỏ, nhưng thực nghiệm đó cũng không phải rất cổ. Gần hai trăm năm trước đây, ông ấy đã đi bước đầu tiên theo hướng này. Nhưng nỗ lực của Ramakrishna cũng thất bại. Vivekananda lại cho nỗ lực này màu sắc Hindu hoàn toàn.

Nanak cũng đã thử cái gì đó theo hướng này vào quãng năm trăm năm trước đây, nhưng điều đó cũng đã không thành công. Nanak đã thu thập trong cuốn *Guru Grantha* các giáo huấn của tất cả các thánh nhân Hindu và Mô ha mét giáo. Nanak quen hát, còn Mardana chơi *tambura*. Ông ấy nói rằng nếu người Hindu hát, ít nhất người Mô ha mét giáo cũng nên chơi *tambura* để cho đôi khi bài ca và nhạc cụ có thể trở thành một.

Nanak tới Mecca và cũng cầu nguyện trong nhà thờ Mô ha mét giáo, nhưng tất cả nỗ lực của ông ấy để tích hợp hai tôn giáo đã thất bại. Pantha, một giáo phái mới của người Sikh, đã được tạo ra bằng việc thu thập tất cả những điều ông ấy đã nói trong *Guru Grantha*. Một số vị thánh Sufi đã thử đưa hai tôn giáo này lại gần nhau, nhưng tất cả mọi nỗ lực của họ vẫn còn bị hàm chứa trong những điều sơ bộ và đã không phát triển.

Có lí do cho điều này: thời đại và con người còn chưa được phát triển đầy đủ vào thời đó. Nhưng bây giờ thời điểm đã tới, và những nỗ lực qui mô lớn có thể được tiến hành.

Cho nên chiều hướng của tôi là ở hướng thứ ba. Tôi không muốn tán tỉnh cái cũ, tôi cũng không muốn tạo ra cái gì mới. Nhưng nhấn mạnh và khẳng định của tôi là vào việc bước - trong thực hành bất kì cái gì có đó trong cái cũ và cái mới.

Chính tự do của bạn là chọn cách đi của mình.

Liệu có thể kinh nghiệm cái vĩnh hằng, cái bất tử mà về chúng Thầy đã nói, với điều kiện và hoàn cảnh ngày nay không?

Kinh nghiệm về cái vĩnh hằng đã có đó cho tất cả mọi người rồi. Không khó khăn gì trong việc có kinh nghiệm này. Khó khăn là ở việc cho cách diễn đạt kinh nghiệm đó. Phật đã có kinh nghiệm đó về cái vĩnh hằng, nhưng Mahavira đã diễn đạt nó theo ngôn ngữ cổ còn Phật diễn đạt trong ngôn ngữ mới. Tôi muốn diễn đạt nó trong ngôn ngữ của bản thân cái vĩnh hằng.

Bạn muốn hỏi liệu tôi đã có kinh nghiệm đó bảy trăm năm trước đây không. Có, tôi gần như đã có kinh nghiệm đó rồi, nhưng tôi đang chờ việc diễn đạt nó ngày hôm nay. Khi người ta định hôm nay diễn đạt bất kì cái gì đã biết từ bảy trăm năm trước đây, sẽ không có khác biệt gì trong việc biết, nhưng sẽ có khác biệt rất lớn trong việc diễn đạt nó. Bảy trăm năm trước nó đã không thể được nói theo cách này; không có lí do cho nó.

Tình huống này giống như việc xuất hiện của cầu vồng trong mùa mưa.

Đây là một sự kiện rất thú vị. Bạn có thể thấy cầu vồng từ nơi bạn đang đứng. Cầu vồng phụ thuộc vào ba điều: giọt nước mưa phải hiện diện trong khí quyển và hơi nước cũng phải có đó. Thế rồi, các tia sáng mặt trời phải đi qua chúng từ một góc đặc biệt, và bạn phải ở một chỗ đặc biệt để thấy cầu vồng. Nếu bạn đi ra khỏi chỗ đó, cầu vồng sẽ bị mất. Trong việc tạo ra cầu vồng, không chỉ tia sáng mặt trời và giọt nước gặp nhau, mà cả việc đứng của bạn ở một chỗ đặc biệt cũng là điều bản chất. Không chỉ tia sáng mặt trời và nước tạo ra cầu vồng, mà mắt bạn từ một chỗ đặc biệt cũng đóng góp nhiều như vậy. Bạn là một trong ba thành tố của cầu vồng. Nếu bất kì một trong ba điều này bị bỏ đi, thế thì cầu vồng sẽ bị mất.

Vậy, bất kì khi nào chân lí được khai lộ, ba điều xảy ra. Thứ nhất, kinh nghiệm về chân lí có đó. Nếu kinh nghiệm này không có đó, việc diễn đạt nó không có đó, việc diễn đạt nó là không thể được. Bất kì chỗ nào bạn đứng và bất kì cái gì hạt mưa làm, nếu mặt trời không lên, không thể có cầu vồng. Do đó, giống như sự tồn tại của mặt trời, sự tồn tại của kinh nghiệm về chân lí là điều bản chất. Và điều thứ hai, bất kì khi nào có một kinh nghiệm về chân lí, sự hiện diện của thánh giả phải cũng có đó. Nhưng nếu người diễn đạt không đứng tại một góc đặc biệt, chẳng cái gì có thể được diễn đạt.

Đây là điều đã xảy ra cho Meher Baba. Trong khi diễn đạt, Meher Baba đã không thể nào đứng tại đúng góc để cho cầu vồng có thể được tạo ra giữa kinh nghiệm của ông ấy và thánh giả. Vậy, nhiều thánh nhân vẫn còn im lặng. Có lí do cho việc vẫn còn im lặng, và đó là ở chỗ họ không có khả năng đứng tại một chỗ, tại đó họ có thể tạo ra góc đúng cho việc phóng chiếu cách diễn đạt của họ. Điều này cũng là cần thiết. Bằng không, nếu diễn giả không đứng tại đúng chỗ, kinh nghiệm về chân lí sẽ vẫn còn ở bên này còn thánh giả sẽ vẫn còn ở bên kia. Nhưng nếu diễn giả ở đúng chỗ và có khả năng nói, nhưng thánh giả, người cũng là một yếu tố cần thiết, lại vắng mặt, thế thì không cách diễn đạt nào sẽ xảy ra cả.

Bảy trăm năm trước đây, bất kì ai tôi sẽ nói với cũng đều là một phần của việc nói của tôi. Cho nên khi tôi nói với các bạn, tôi không thể nói cùng điều mà tôi đã nói với thánh giả đó, người đã tồn tại bảy trăm năm trước đây. Và nếu bạn không ngồi trước tôi mà là ai đó khác, thì thế nữa tôi cũng không thể nói cùng một điều - bởi vì bạn là phần cơ bản của điều tôi đang nói, cũng chịu trách nhiệm về nó như tôi vậy. Không có bạn, cùng điều không thể được nói ra. Vậy, khi tất cả ba yếu tố này trở thành hài hoà với cùng bước sóng, việc diễn đạt là có thể.

Nếu có một chút bỏ sót nhỏ, mọi thứ bị mất đi, cầu vồng bị tan biến. Thế thì mặt trời không làm gì cả và những giọt nước trong bầu không khí cũng chẳng làm gì cả. Nếu thậm chí một trong những thành tố này của cầu vồng ra đi, thì cầu vồng tan biến ngay lập tức.

Cách diễn đạt chân lí giống như sự tồn tại của cầu vồng. Mọi khoảnh

khắc nó đều ở vào điểm sắp mất đi. Thậm chí một hơi chút dịch chuyển của điều này hay điều điều khác cũng sẽ tạo ra sự biến mất của nó. Nếu thính giả dịch chuyển, cầu vòng bị mất. Nếu diễn giả dịch chuyển, việc nói sẽ thành vô dụng.

Vậy, bảy ngày trước tôi đã không có khả năng nói cùng điều tôi nói hôm nay, mà tôi cũng không có khả năng lặp lại điều tôi đang nói với bạn hôm nay trong bảy ngày nữa bởi vì mọi thứ sẽ thay đổi từ đó.

Mặt trời sẽ vẫn còn như cũ; nó sẽ cứ cho ánh sáng. Nhưng với ngoại lệ mặt trời, chân lí, hai thành tố cần thiết khác, diễn giả và thính giả, bao giờ cũng có khả năng thay đổi.

Do đó, kinh nghiệm là điều của bảy trăm năm trước, nhưng việc diễn đạt là của hôm nay. Thậm chí gọi nó là hôm nay cũng không đúng. Người ta nên nói khoảnh khắc này. Thậm chí ngày mai, điều đó sẽ không thể là một. Việc diễn đạt sẽ cứ thay đổi mọi khoảnh khắc.

Nếu có thể, xin Thầy mô tả điều xảy ra cho linh hồn sau cái chết, nó đi về đâu, nó làm gì và nó ở điều kiện nào trong khoảng giữa việc từ bỏ thân thể này và lấy thân thể khác?

Trong mỗi liên hệ này, Thầy đã thảo luận trước đây về tự do của linh hồn để lấy việc sinh bất kì khi nào nó muốn vậy. Xin Thầy làm sáng tỏ cho chúng tôi liệu linh hồn cũng có tự do để chọn liệu có từ bỏ hay không từ bỏ thân thể.

Sẽ dễ dàng hơn nếu chúng ta hiểu hai hay ba điều về khoảng giữa việc từ bỏ một thân thể này và lấy thân thể khác. Trước hết, sự kiện là ở chỗ các kinh nghiệm về khoảng giữa đó là tựa giấc mơ. Bất kì khi nào người ta kinh nghiệm điều gì đó, vào khoảnh khắc đó kinh nghiệm là điều xảy ra thực. Nhưng khi người ta nhớ lại nó trong kí ức, nó trở thành giống như giấc mơ; nó là tựa giấc mơ bởi vì không có việc dùng giác quan. Cảm giác của bạn và tin chắc của bạn rằng việc xảy ra là thực là tới từ các giác quan và thân thể bạn.

Nếu tôi cảm thấy rằng tôi đang thấy bạn, nhưng thế rồi tôi cố gắng chạm vào bạn và thấy bạn không thể được chạm tới, thế thì tôi nói rằng bạn là ảo ảnh: bạn không có ở đây. Nếu tôi cố gắng chạm vào cái bàn này và nếu tay tôi xuyên qua nó mà không chạm vào cái gì, thế thì tôi sẽ nói cái bàn này là không thực, hay rằng tôi đang trong ảo tưởng nào đó, hay rằng nó là ảo giác nào đó. Việc kiểm tra thực tại này là sự xác nhận của giác quan chúng ta.

Nhưng sau khi đã từ bỏ một thân thể và trước khi lấy thân thể khác, chúng ta không có giác quan. Bản thân thân thể không có đó, cho nên bất kì cái gì bạn có thể kinh nghiệm trong trạng thái đó đều tựa như mơ, dường như bạn thấy trong mơ. Khi chúng ta thấy trong mơ, chúng ta không hoài nghi thực tại của chúng. Điều này rất thú vị. Sau một thời gian nào đó chúng ta đi tới hoài nghi thực tại của nó, nhưng chúng ta chưa bao giờ hoài nghi nó

trong mơ. Mơ dường như thật. Cái mà là thực đôi khi gây cho chúng ta hoài nghi liệu điều được thấy có là thực hay không, nhưng trong mơ hoài nghi như vậy không bao giờ được tạo ra. Tại sao? Bởi vì mơ sẽ không dung thứ cho một thoáng hoài nghi nhỏ nhất; bằng không nó sẽ lập tức tan vỡ.

Mơ là điều tinh tế đến mức chút ít hoài nghi cũng đủ giết chết nó. Chỉ cảm thấy rằng nó chỉ là giấc mơ là đủ để phá vỡ nó, và thế thì bạn sẽ thức tỉnh. Để mơ tiếp tục, cần phải không có tới một chút xíu hoài nghi. Bởi một thoáng hoài nghi, thậm chí mơ sâu nhất cũng sẽ bị tan vỡ. Vậy, chúng ta cảm thấy tất cả những cái được thấy trong mơ là việc xảy ra thực. Mơ dường như thực hơn bản thân thực tại. Cái thực không bao giờ có thể dường như thực thế, bởi vì nó có chỗ cho hoài nghi. Vào lúc mơ, mơ dường như thực nhất.

Trong mơ, thậm chí có rõ ràng rằng cái gì đó là không thể được thì nó cũng không có vẻ như vậy. Chẳng hạn, trong mơ người nào đó đi qua. Bỗng nhiên người đó biến thành con chó. Bạn thậm chí không nghĩ, "Làm sao điều này có thể xảy ra được?" Nó đã xảy ra và nó là có thể. Không có hoài nghi. Sau khi tỉnh dậy, bạn có thể nghĩ, "Điều vô nghĩa này là gì vậy?" nhưng bạn không nghĩ thế chừng nào bạn chưa ra khỏi giấc mơ. Mọi thứ đều hợp lý trong giấc mơ; không có mâu thuẫn.

Ai đó là bạn của bạn và bỗng nhiên người đó nhắm súng vào bạn. Trong tâm trí bạn không xuất hiện điều này để bạn nghĩ, "Làm sao người bạn lại có thể làm điều này?" Trong giấc mơ, mọi điều không thể có lại trở thành có thể. Sau khi tỉnh dậy, nhiều nhất bạn có thể nhớ giấc mơ đã xảy ra chỉ vào giờ cuối. Thông thường giấc mơ trở nên bị mất đi trong vòng năm đến bảy phút, nhưng những người rất hay tưởng tượng thì có thể, nhiều nhất, nhớ không nhiều hơn một giờ. Bằng không, chúng ta sẽ có nhiều kí ức mơ đến mức chúng ta sẽ không có khả năng sống. Trong một giờ tâm trí trở nên tự do với làn khói mơ.

Cũng tương tự với điều kiện này là khoảng giữa hai thân thể. Bất kì điều gì xảy ra trong thời kì đó đều dường như là tuyệt đối thực - thực đến mức chúng ta có thể chẳng bao giờ biết thực tại như vậy bằng mắt và giác quan mình. Đó là lí do tại sao không có kết thúc cho hạnh phúc của các thần. Các thiếu nữ thiên đường họ gặp mới thực với họ thế - thực đến mức không phụ nữ nào được thấy qua giác quan của chúng ta có thể được đến vậy. Đó cũng là lí do tại sao không có kết thúc cho khổ của các vong. Khổ của họ xảy đến họ thực thế, đến mức họ chưa bao giờ làm trong cuộc sống thực.

Cho nên điều chúng ta gọi là cõi trời và địa ngục chỉ là các cuộc sống mơ sâu. Sự mãnh liệt của ngọn lửa thiêu đốt trong địa ngục không bao giờ có thể được tìm thấy trong cuộc sống thực, mặc dầu nó là ngọn lửa rất bất nhất. Trong kinh sách, có các mô tả về ngọn lửa địa ngục, mà trong đó bạn bị ném vào mà vẫn không cháy. Nhưng người ta chẳng bao giờ nhận biết về cái bất nhất này - rằng nếu bạn bị ném vào trong ngọn lửa mãnh liệt đó, bạn sẽ

không có khả năng chịu đựng cái nhiệt đó; ấy vậy mà bạn vẫn không bị thiêu cháy theo bất kì cách nào. Sự bất nhất này, rằng "mình đang bị thiêu đốt trong ngọn lửa này," rằng lửa thật ghê rợn, rằng việc thiêu đốt là không thể nào chịu đựng nổi và vậy mà "mình chẳng bị thiêu đốt chút nào," chỉ được hiểu sau khi người ta ra khỏi kinh nghiệm tựa giấc mơ này.

Trong khoảng giữa hai lần sinh, có hai kiểu linh hồn. Một kiểu là linh hồn ác. Với họ khó tìm ra một bụng mẹ cho lần sinh nữa. Tôi gọi những linh hồn như vậy là *pretas*, vong ác. Kiểu kia bao gồm các linh hồn thiện. Tôi hỏi họ là *devas* - các thần. Với những linh hồn như vậy cũng khó tìm ra bụng mẹ thích hợp cho lần sinh nữa.

Giữa hai kiểu này là đại đa số các linh hồn trong đó không có khác biệt gì cơ bản, nhưng chỉ khác về tính cách, nhân cách và cấu trúc tâm trí. Họ thuộc cùng một kiểu; chỉ kinh nghiệm của họ sẽ khác.

Các linh hồn ác trở lại trái đất với những kinh nghiệm đau đớn đến mức việc nhớ tới chúng bản thân nó cũng đã là địa ngục rồi. Những người đã có khả năng hồi tưởng lại những kí ức như vậy đều mô tả các hoàn cảnh trong địa ngục. Đây chỉ là mảnh đất mơ; nó không tồn tại ở đâu cả, nhưng người nhớ lại đã trở về từ đó nói rằng ngọn lửa mà người đó đã thấy ở đó thì không thể nào tìm thấy sự so sánh trong thế giới này, rằng bạo hành và thù hận mà chúng ta thấy ở đây thì không là gì nếu so với điều người đó đã thấy ở đó. Kinh nghiệm về cõi trời cũng hết như vậy. Khác biệt chỉ là khác biệt về các giấc mơ ưa thích và đau đớn. Khoảng giữa này là thời kì đầy mơ.

Điều này là rất triết lí nhưng đúng, rằng nó chỉ giống như giấc mơ. Chúng ta có thể hiểu giấc mơ là gì bởi vì chúng ta thấy chúng hàng ngày. Bạn thấy một giấc mơ chỉ khi các giác quan của bạn bị cạn kiệt. Theo nghĩa sâu hơn, điều này nghĩa là khi mối quan hệ của bạn với các giác quan bị phá vỡ, bạn chìm vào trong cuộc sống mơ. Mơ hoặc là về địa ngục hay cõi trời hay trộn lẫn. Vài người chỉ thấy giấc mơ về địa ngục, vài người chỉ mơ về cõi trời.

Bạn có thể nghĩ rằng bạn đã thấy một giấc mơ trong tám giờ ban đêm. Nhưng nếu thời kì này được kéo dài tới tám năm, bạn cũng sẽ không biết, bởi vì không có nhận biết về thời gian. Giờ trôi qua không được đo rõ ràng trong kí ức. Nhưng chiều dài của thời gian có thể được đo bằng những thay đổi xảy ra trong khoảng giữa các kí ức của thân thể quá khứ và kí ức của thân thể hiện tại.

Nhưng đây chỉ là ước đoán. Trong khoảng giữa đó, không có nhận biết rõ ràng về sự kéo dài thời gian. Bởi vì điều này, Ki tô giáo đã nói rằng sẽ có địa ngục vĩnh viễn. Điều này được nói trên cơ sở của kí ức của những người đã thấy một giấc mơ rất dài. Đây là giấc mơ dài đến mức khi họ quay lại, họ không có kí ức về bất kì mối quan hệ nào giữa thân thể này và thân thể trước đó. Đó là lí do tại sao họ nói rằng địa ngục là vĩnh viễn và rất khó để thoát ra

khỏi nó. Các linh hồn thiện thấy các giấc mơ hạnh phúc còn các linh hồn ác thấy các giấc mơ bất hạnh. Chỉ bởi vì các giấc mơ của họ hiện hữu nên họ cảm thấy bất hạnh và khổ.

Tại Tây Tạng, khi một người đang trên giường chết, một số chủ đề nào đó được nói cho người đó. Điều này được thực hiện để tạo ra chuỗi mơ. Khi một người chết, người đó được bảo rằng bây giờ người đó nên bắt đầu quán tưởng điều đang được gợi ý. Vậy, một bầu không khí mới, một hoàn cảnh mới, đang được tạo ra.

Điều đó là hay, nhưng khoa học. Giấc mơ có thể được tạo ra từ bên ngoài. Nếu bạn đang ngủ ban đêm và nếu chiếc khăn ướt được áp vào chân bạn, bạn sẽ có một kiểu mơ đặc biệt. Nếu nhiệt được áp vào thông qua lò sưởi, một kiểu mơ khác được tạo ra. Nếu lạnh được áp vào chân bạn, bạn có thể mơ rằng trời đang mưa hay rằng bạn đang bước trên băng. Nếu nhiệt được áp vào chân bạn, bạn có thể mơ rằng bạn đang bước trong sa mạc, rằng có mặt trời nóng như thiêu và bạn đang toát mồ hôi đầm đìa.

Vậy, mơ có thể được tạo ra từ bên ngoài. Nhiều giấc mơ được tạo ra như kết quả của các điều kiện bên ngoài. Nếu tay bạn đè nặng lên ngực, bạn có thể cảm thấy rằng ai đó đang ngồi lên ngực bạn, mặc dầu đây chỉ là tay của chính bạn.

Vào lúc chết - trong khi từ bỏ thân thể này cho một thời kì cuộc sống mơ dài sắp tới, sau đó linh hồn có thể hay không thể lấy một thân thể mới - một phương pháp đã được phát minh ra ở Tây Tạng để tạo ra dây mơ. Họ gọi điều này là *bardo - trung ám*. Đây là một quá trình mà trong đó người Tây Tạng chuẩn bị đầy đủ cho một người để kinh nghiệm cái chết và cuộc sống sau cái chết. Bất kì sức đẩy tốt nào đã có đó trong cuộc sống của người ta sẽ được phát sinh trong khi người này vẫn còn sống. Cũng vậy, những nỗ lực như thế được thực hiện trong suốt cuộc sống nữa.

Tôi đã nói với các bạn trước đây rằng sau khi tỉnh dậy khỏi giấc ngủ thì giấc mơ của các bạn được nhớ lại quãng một giờ. Tương tự, sau khi lấy một lần sinh mới, trong quãng sáu tháng, cho tới độ tuổi sáu tháng, gần như mọi điều đều được nhớ. Sau đó nó dần dần trở nên mất đi. Những người rất giàu tưởng tượng hay rất nhạy cảm có thể nhớ lâu hơn chút ít, nhưng những người đã làm các nỗ lực và người đã thực nghiệm với việc nhận biết trong kiếp trước có thể nhớ được một thời gian lâu.

Hệt như vào buổi sáng trong một giờ làn khói tựa giấc mơ vẫn quanh quần bên bạn, tương tự, vào quãng một giờ trước khi đi vào giấc ngủ ban đêm, cái bóng của giấc mơ bắt đầu thảng thệ bạn.

Theo cùng cách này, cái bóng của cái chết cũng bắt đầu rơi xuống bạn trong thời kì sáu tháng trước cái chết của bạn. Cái chết của bạn là tiên đoán được trong sáu tháng đó. Khi cái bóng của cái chết bắt đầu bao quanh bạn trong sáu tháng cuối đó, thì việc chuẩn bị cho cái chết được bắt đầu.

Một giờ đó trước giấc ngủ, khi cái bóng mơ bắt đầu rơi xuống bạn, là điều rất dễ bị ảnh hưởng. Không thời gian nào khác mang tính dễ ảnh hưởng như vậy, bởi vì vào lúc đó bạn có hoài nghi rằng bạn vẫn tỉnh và cái bóng của giấc ngủ đã xảy đến cho bạn. Đó là lí do tại sao tất cả các tôn giáo trên thế giới đều qui định một giờ trước khi ngủ ban đêm và một giờ sau khi dậy buổi sáng là thời gian tốt nhất cho cầu nguyện. Nó được biết là *sandhyakal* - thời gian chạng vạng và thời gian rạng đông.

Sandhyakal không có nghĩa là thời gian khi mặt trời lặn hay mọc. Nó có nghĩa thời gian khi từ thức tỉnh bạn đang chuyển vào giấc ngủ và từ giấc ngủ bạn chuyển vào thức tỉnh. Thời kì ở giữa này là sandhyakal. Mặt trời chẳng liên quan gì tới nó, nhưng nó đã trở thành được gắn với mặt trời từ những ngày khi việc lặn của mặt trời có nghĩa là thời gian đi ngủ và việc mọc của mặt trời là thời gian thức. Nhưng bây giờ mối liên kết này phải bị phá vỡ bởi vì không ai ngủ vào lúc mặt trời lặn, không ai dậy cùng mặt trời mọc. Thực tế mà nói, sandhyakal có nghĩa là một giờ trước khi ngủ và một giờ sau khi dậy. Nó có nghĩa là một thời kì thời gian ở giữa hai hoàn cảnh thức và ngủ.

Kabir đã gọi ngôn ngữ của mình là *sanhya-bhasha* - ngôn ngữ chạng vạng-và-rạng đông. Ông ấy đã nói rằng chúng ta không nói dường như chúng ta ngủ, chúng ta không nói dường như chúng ta thức. Chúng ta chỉ ở giữa. Chúng ta trong khó khăn tới mức chúng ta không nói từ bên trong bản thân mình mà cũng không từ bên ngoài chúng ta. Chúng ta đang đứng ở giữa, trên vùng biên giới, từ đó chúng ta có thể thấy điều mà mắt có thể thấy và cũng cả điều mà mắt không thể thấy. Chúng ta chỉ ở tại ngưỡng. Cho nên điều chúng ta nói bao hàm cả điều không thể được nói cũng như tất cả những điều có thể được nói. Đó là lí do tại sao ngôn ngữ của chúng ta lại là ngôn ngữ chạng vạng-và-rạng đông. Nghĩa của nó phải được rút ra rất cẩn thận.

Thời kì một giờ đó vào buổi sáng và thời kì một giờ vào ban đêm trước khi ngủ là rất có giá trị. Tương tự, thời kì sáu tháng sau khi sinh và sáu tháng trước khi chết là có giá trị tương đương. Nhưng những người không biết dùng các thời kì một giờ chạng vạng-và-rạng đông thì cũng không hiểu tầm quan trọng và giá trị của những thời kì sáu tháng này.

Khi có những nền văn minh rất hiểu biết về những điều này, thế thì sáu tháng đầu tiên sau khi sinh được biết là rất quan trọng. Mọi thứ quan trọng đều có thể trao cho đứa trẻ trong sáu tháng đầu của cuộc sống. Trong sáu tháng đầu này đứa trẻ là dễ bị ảnh hưởng và đang trong thời kì rạng đông của nó. Sau đó, điều đó là không thể và điều đó trở thành rất khó.

Nhưng chúng ta không thể làm cho nó hiểu bằng việc nói. Và bởi vì chúng ta không biết phương pháp nào khác ngoài việc nói, nên có khó khăn. Tương tự, sáu tháng trước cái chết cũng có giá trị. Trong sáu tháng đầu chúng ta không thể làm cho đứa trẻ hiểu việc nói của chúng ta, và chúng ta không biết khi nào sáu tháng cuối bắt đầu trước cái chết đã tới. Vậy, chúng

ta làm mất cả hai cơ hội.

Nhưng một người sử dụng đúng một giờ trước giấc ngủ và một giờ sau khi thức sẽ chắc chắn biết khi nào thời kì sáu tháng đó trước khi cái chết bắt đầu. Người cầu nguyện và thiền một giờ trước giấc ngủ sẽ rõ ràng có khả năng cảm thấy lúc thời gian chạng vạng này trước khi cái chết tới. Đây là kinh nghiệm tinh vi và tinh tế đến mức nó không giống ngủ cũng không giống thức. Kinh nghiệm này tinh vi và khác biệt đến mức một khi nó được hiểu đúng, người ta có thể trở nên nhận biết về sự bắt đầu của thời kì sáu tháng trước khi chết - bởi vì thế thì cảm giác về sự chạng vạng sẽ vẫn còn trong cả ngày. Kinh nghiệm và cảm giác mà trước đó tới cho chỉ một giờ trước khi ngủ sẽ vẫn còn liên tục và vững chắc trong sáu tháng cuối.

Đó là lí do tại sao sáu tháng trước cái chết nên được sử dụng đầy đủ cho sadhana. Cùng sáu tháng này được người Tây Tạng sử dụng cho bardo - cho một kiểu huấn luyện mơ, trao cho kế hoạch bạn sẽ làm gì sau khi chết. Việc huấn luyện này không thể được trao chỉ vào khoảnh khắc chết. Nó đòi hỏi chuẩn bị, và chỉ người đã sẵn sàng trong sáu tháng cuối này mới có thể được huấn luyện trong sáu tháng đầu sau khi sinh trong cuộc sống mới; bằng không không thể được. Những nguyên tắc được dạy trong sáu tháng cuối này đặt nền móng cho việc huấn luyện mà có thể trao trong sáu tháng đầu của việc sinh mới.

Tất cả những điều này có suy nghĩ khoa học của riêng chúng, các nguyên tắc của chúng và các bí mật của chúng. Và mọi thứ đều có thể được kiểm tra nữa. Một người đã trải qua việc huấn luyện này cũng sẽ nhớ điều đã xảy ra trong khoảng giữa hai việc sinh, nhưng kí ức này là kí ức mơ; nó không thực.

Cõi trời và địa ngục cũng là kí ức của thời kì mơ. Các mô tả có thể được cho. Chính chỉ trên những gợi ý như vậy mà khái niệm về cõi trời và địa ngục đã được mọi tôn giáo rút ra. Các mô tả là khác nhau không phải bởi vì vị trí là khác nhau, nhưng bởi vì các trạng thái tâm trí của các cá nhân nhớ lại những kinh nghiệm này là khác nhau. Do đó, khi Ki tô giáo mô tả thiên đường, nó sẽ khác với điều Hindu giáo mô tả, bởi vì các mô tả tùy thuộc vào các trạng thái khác nhau của tâm thức. Vậy, người Jaina sẽ mô tả nó cũng khác và Phật tử cũng vậy.

Thực tại, mọi người sẽ đem lại những câu chuyện khác nhau. Nó ít nhiều giống như khi tất cả chúng ta ngủ trong cùng một căn phòng và thế rồi dậy và mô tả các giấc mơ của mình. Chúng ta đã ngủ trong cùng căn phòng; chúng ta ở cùng một chỗ, nhưng các giấc mơ của chúng ta sẽ khác. Mọi thứ tùy thuộc vào con người.

Tất cả các kinh nghiệm về cõi trời và địa ngục đều mang tính cá nhân, nhưng những tương tự đại thể có thể được tìm thấy - rằng sẽ có sự sống trên cõi trời và khổ dưới địa ngục, rằng như thế nào đó sẽ là hình và dạng của

hạnh phúc. Tất cả các mô tả mà đã được cho như vậy, theo một cách nào đó, là việc thuật lại trung thành của các trạng thái tâm thức khác nhau.

Người ta đã từng hỏi, "Nếu một người có thể chọn việc sinh của mình, người đó cũng có thể chọn cái chết của mình được chứ?" Tại đây cũng có hai hay ba điều sẽ phải được ghi nhớ. Tự do chọn việc sinh của người ta có nghĩa là nếu người ta ham muốn thế thì người đó có thể lấy việc sinh. Đây là tự do thứ nhất của người đã đạt tới hiểu biết tối cao. Nếu người đó muốn, người đó có thể lấy việc sinh. Nhưng ngay khi có ham muốn, cảnh nô lệ bắt đầu với chính ham muốn đó.

Tôi đang đứng bên ngoài toà nhà. Tôi có tự do để đi vào toà nhà nếu tôi muốn. Nhưng ngay khi tôi đi vào toà nhà, những giới hạn của toà nhà này lập tức bắt đầu ảnh hưởng tới chuyển động của tôi. Do đó, tự do chọn cái chết không phải là lớn lao như tự do chọn việc sinh của người ta.

Với một người bình thường, không có tự do để chọn cái chết bởi vì người đó thậm chí còn không chọn được việc sinh của mình. Nhưng tự do của người đã hiểu ra để chọn việc sinh của mình là toàn bộ, và nó là tự do rất lớn theo nghĩa là người đó có thể cũng từ chối lấy việc sinh nếu người đó muốn vậy. Nhưng một khi việc chọn lấy việc sinh đã được thực hiện, một số tù túng bắt đầu vào trò - bởi vì người đó đã chọn các giới hạn. Người đó từ bỏ không gian vô giới hạn và đi vào bước chuyển chật hẹp. Bước chuyển chật hẹp áp đặt các giới hạn của riêng nó.

Bây giờ người đó đã chọn một bụng mẹ. Thông thường, người ta không chọn bụng mẹ của mình. Nhưng khi một người đã hiểu biết chọn, người đó phải làm việc chọn lựa từ hàng trăm hàng nghìn bụng mẹ như vậy đang có sẵn. Người đó chọn ra từ chúng; từ trong số những người mà người đó chọn. Nhưng ngay khi người đó chọn, người đó đi vào thế giới của tù túng. Tất cả các bụng mẹ đều có giới hạn của chúng. Người đó chọn một người mẹ và một người bố. Trong tiến trình này, người đó đã chọn cùng sự trường thọ và đã có trứng thụ tinh của bố mẹ mình. Việc chọn lựa đã được thực hiện, và bây giờ người đó sẽ phải dùng thân thể này.

Nếu bạn ra chợ và mua một cái máy với bảo hành mười năm, giới hạn được ấn định. Cái máy được mua có chủ định, cho nên không có vấn đề về cảnh nô lệ. Bạn không nói, "Tôi đã mua cái máy này, và bây giờ tôi bị nô lệ bởi vì nó chỉ kéo dài mười năm." Bạn đã chọn với hiểu biết đầy đủ rằng nó sẽ kéo dài trong mười năm, và do vậy vấn đề chấm dứt. Không có cảm giác đau đớn hay day dứt trong điều này.

Người lấy việc sinh một cách có ý thức biết khi nào thân thể sẽ chết, cho nên người đó có nhận biết về thân thể hướng cái chết. Trong con người như vậy có một loại không kiên nhẫn, không thấy được trong người thường. Nếu chúng ta nghiên cứu các câu chuyện về Jesus, chúng ta sẽ cảm thấy rằng ông ấy rất không kiên nhẫn, dường như điều gì đó đang sắp xảy ra cho ông ấy chỉ

trong vài khoảnh khắc. Những người nghe ông ấy không hiểu khó khăn của ông ấy bởi vì họ không nhận biết nhiều lắm về việc tiến tới cái chết của riêng mình. Nhưng với Jesus, cái chết đang đứng ngay trước ông ấy; ông ấy biết khi nào điều đó sắp xảy ra.

Jesus yêu cầu bạn hoàn thành công việc ngày hôm nay, còn bạn nói bạn sẽ làm nó ngày mai. Thế thì Jesus bị khó khăn bởi vì ông ấy có thể không có đó ngày mai nữa. Do đó, dù đây là Mahavira hay Phật hay Jesus, họ đều vội vã cả. Họ đang chạy với tốc độ lớn bởi vì trong số bao nhiêu người chết, họ là những người nhận biết về mọi việc. Do đó, những cá nhân như vậy bao giờ cũng trong vội vã. Cũng chẳng tạo ra khác biệt gì nếu người đã hiểu ra như vậy có thể sống tới một trăm hay hai trăm năm, bởi vì bất kì chiều dài thời gian nào cũng là ngắn với họ. Chúng ta không thấy thời gian ngắn bởi vì chúng ta không biết khi nào nó sẽ hết. Chúng ta thậm chí còn quên mất rằng nó sẽ hết.

Tự do để chọn việc sinh của người ta là một tự do rất lớn, nhưng bản thân việc sinh là việc đi vào trong tù đầy, và mọi giới hạn của tù đầy sẽ phải được chấp nhận. Nhưng một người như vậy chấp nhận những điều này một cách tự nhiên bởi vì đây là sự chọn lựa của người đó. Nếu người đó đi tới tù đầy, người đó không bị mang tới đó; người đó tự mình tới. Do đó, người đó chìa tay mình ra cho xiềng xích đặt vào. Trong xiềng xích này không có đau dứt, không đau đớn. Người đó ngủ gần tường tối mà không khó khăn gì bởi vì người đó đã đi vào trong nhà tù từ ý chí tự do của mình. Người đó có thể đã ở dưới bầu trời rộng mở, nhưng người đó đã tới nhà tù từ ý chí tự do của riêng mình.

Khi mà nô lệ là bởi việc chọn lựa thì nó là tự do, nhưng nếu tự do mà không có chọn lựa thì đó là nô lệ. Tự do và nô lệ là các thực thể phân biệt ranh giới rõ rệt. Nếu chúng ta đã chọn nô lệ từ ý chí riêng của mình, nó sẽ là tự do, nhưng nếu tự do bị áp đặt lên chúng ta, nó là nô lệ. Với người đã lấy việc sinh một cách có ý thức, mọi sự được thấy rất rõ ràng, và do vậy người đó ra quyết định của mình dễ dàng. Người đó biết rằng mình sẽ sống trong bảy mươi năm, cho nên người đó quyết định rõ ràng điều người đó phải làm trong thời gian đó. Người đó chỉ nhớ lấy những điều người đó có thể hoàn tất; người đó không trải tấm lưới của mình quá xa vào tương lai. Bất kì điều gì người đó có thể làm ngày mai, người đó sẽ làm - và người đó sẽ hoàn tất nó; đó là lí do tại sao người đó lại không bao giờ trong lo âu.

Khi người đó đang sống, người đó chuẩn bị cho việc chết nữa. Cái chết cũng là sự chuẩn bị cho người đó. Theo một nghĩa nào đó người đó đang vội vã - khi có liên quan tới người khác. Tại chỗ có liên quan tới bản thân mình, người đó không vội vã. Với bản thân mình chẳng còn lại điều gì phải làm cả. Người đó thậm chí có thể chọn cách mình sẽ chết. Nếu người đó phải chết trong giới hạn của bảy mươi năm, người đó có khả năng quyết định đà nào

trao cho thân thể - khi nào, thế nào và theo cách thức nào người đó sẽ chết.

Có một thiền sư nữ. Bà ấy đã thông báo cho mọi người rằng bà ấy sẽ chết sau sáu tháng. Bà ấy chuẩn bị cho bản thân mình một giàn thiêu để thân thể bà ấy sẽ được đem đi thiêu. Vào ngày đã chỉ định bà ấy trèo lên nó, cúi lạy tất cả mọi người đang đứng quanh bà ấy, và thế rồi một số bạn bè đã đốt lửa giàn thiêu. Khi ngọn lửa tới gần bà ấy, ai đó trong đám đông hỏi, "Bà có cảm thấy rất nóng không?"

Bà sư cười và nói, "Các ông ngu làm sao! Thậm chí tại cơ hội cuối cùng này mà các ông còn hỏi câu hỏi ngu xuẩn thế. Các ông có thể hỏi cái gì đó hữu dụng và quan trọng. Ta biết và các ông cũng biết rằng nếu ta ngồi bên trong ngọn lửa thì ta sẽ cảm thấy nóng."

Nhưng đây là chọn lựa của bà ấy. Bà ấy cười trong khi bà ấy bị đốt cháy. Bà ấy đã chọn thậm chí khoảnh khắc cái chết của mình, và bà ấy muốn dạy cho các đệ tử đang đứng vây quanh bà ấy rằng có thể chết trong khi cười. Với những người thậm chí không có khả năng sống mà cười, thì thông điệp rằng một người thậm chí chết mà cười là rất quan trọng.

Cái chết cũng có thể được lập kế hoạch kỹ, nhưng việc chọn lựa sẽ là gì thì sẽ phụ thuộc vào người đang chọn. Tuy nhiên, đây là tất cả những cái bên trong giới hạn. Nếu tôi phải còn lại bên trong căn phòng này, tôi có thể quyết định tôi sẽ ngồi trong góc nào - liệu ngủ ở bên trái hay bên phải; đây là tự do của tôi. Một người như vậy thậm chí còn dùng cái chết của mình và dùng mọi thứ trong cuộc sống của mình. Đôi khi việc dùng như vậy có thể rõ ràng, đôi khi không. Trong thực tế, người đó lấy việc sinh chỉ để có ích cho người khác. Với bản thân người đó thì không có nhu cầu. Trở nên có ích cho người khác là mục đích của người đó. Nhưng rất khó cho chúng ta hiểu những thực nghiệm của người đó. Thông thường, chúng ta không có khả năng hiểu họ. Bất kỳ cái gì người đó làm, chúng ta đều không nhận biết về nó. Nó không thể được thực hiện với hiểu biết của chúng ta.

Bây giờ, một người như Phật sẽ chẳng bao giờ nói, "Ta sẽ chết ngày mai." Nếu thời điểm khi người đó phải chết là ngày mai, sẽ vô ích mà đi nói điều đó hôm nay. Thế thì điều có thể được làm hôm nay cũng sẽ không được làm. Thế thì mọi người sẽ bắt đầu kêu khóc thậm chí từ hôm nay. Thế thì thậm chí bốn giờ sau cũng không thể được dùng có ích. Cho nên người như vậy sẽ vẫn còn im lặng trong thời gian nào đó, nhưng về sau người đó có thể tuyên bố to về cái chết của mình. Tuy nhiên, người đó sẽ quyết định tương ứng với tình huống thịnh hành.

Từ bụng mẹ tới bụng mẹ, việc sinh sau khi tự hiểu mình là một cách huấn luyện. Nhưng việc huấn luyện này không dành cho mục đích của người đã chứng ngộ. Nó là một kỉ luật, nhưng không vì mục đích riêng của người đó. Chiến lược sẽ phải được thay đổi thường xuyên bởi vì tất cả mọi chiến lược đều trở thành cũ và nặng gánh và trở thành khó cho mọi người hiểu.

Chẳng hạn, Gurdjieff: ông ấy trước hết sẽ buộc bạn phải trả một trăm đô la trước khi ông ấy trả lời câu hỏi của bạn, trong khi Mahavira thậm chí không chạm tới tiền. Và Gurdjieff sẽ trả lời chỉ trong một hay hai câu. Nếu câu hỏi khác được hỏi, ông ấy sẽ làm cho người hỏi phải trả thêm một trăm đô la nữa. Nhiều lần mọi người hỏi ông ấy đang làm gì. Những người biết ông ấy đều phân vân bởi vì khoảnh khắc này dường như ông ấy cứ giữ tiền và khoảnh khắc tiếp ông ấy sẽ phân phát nó cho người khác. Thế thì tại sao lại đòi một trăm đô la?

Gurdjieff nói rằng để nói cho những người đã coi chỉ tiền mới có giá trị trong cuộc sống thì bất kì điều gì về Thượng đế mà cho không cũng đều thành vô giá trị. Những người như vậy không thể đánh giá mọi thứ được nhận mà không phải trả tiền. Gurdjieff ngụ ý rằng để nhận bất kì cái gì có giá trị, người ta sẽ phải trả cái gì đó để đáp lại theo cách này hay cách khác. Người mà không sẵn sàng trả cái gì đó thì không có quyền nhận.

Nhưng mọi người nghĩ rằng Gurdjieff yêu tiền bởi vì ông ấy sẽ không trả lời nếu không nhận được trả tiền. Như tôi thấy điều đó, tại phương Tây nơi ông ấy sống, nơi mọi người chỉ có thể đánh giá theo đồng tiền, chỉ người thầy giáo như vậy mới có thể có hiệu quả. Ông ấy biết rằng khi bạn đã biểu lộ sẵn sàng để trả tiền cho mọi lời, thế thì bạn đã biết giá trị của nó. Bạn sẽ chỉ đem về nhà cái mà bạn đã trả tiền cho nó, không phải cái gì đó được cho không.

Gurdjieff sẽ làm những điều giống như điều bạn sẽ không chấp nhận. Đệ tử của ông ấy sẽ bị bối rối. Họ sẽ bảo ông ấy rằng nếu ông ấy hăm bót những hành động như vậy thì sẽ tốt hơn. Nhưng Gurdjieff sẽ làm cho họ một cách có hiểu biết và có chủ ý. Ông ấy sẽ ngồi đấy, và nếu bạn tới gặp ông ấy, ông ấy sẽ làm ra các khuôn mặt cứ như là ông ấy là kẻ hung đồ. Ông ấy sẽ trông không giống như một thánh nhân chút nào. Đã từng thực nghiệm một thời gian dài về phương pháp Sufi, ông ấy có thể bỗng nhiên làm cho mắt mình thành lác và đổi thành biểu lộ láu lỉnh.

Toàn bộ dáng vẻ của ông ấy thay đổi với sự thay đổi trong góc nhìn của mắt ông ấy. Giữa thánh nhân và hung đồ không khác biệt gì nhiều về dáng vẻ ngoại trừ trong góc nhìn của mắt. Ngay khi điều này thay đổi, thánh nhân có thể trông giống như hung đồ và ngược lại.

Mắt của Gurdjieff rất gian xảo và thay đổi nhanh chóng. Thậm chí người đang ngồi bên cạnh ông ấy cũng không biết rằng ông ấy đã làm hoảng hồn người mới tới. Người mới tới sẽ kinh khiếp đến mức người đó có thể cảm thấy muốn chạy trốn. Khi bạn bè của Gurdjieff đi tới biết ra điều này, họ đã hỏi ông ấy tại sao ông ấy lại hành xử theo cách này. Thậm chí trước khi họ đi tới biết điều gì về người mới tới, thì người mới tới đã sợ hết hồn. Tại sao?

Gurdjieff thế rồi sẽ giải thích rằng người mới tới sẽ thấy một tên hung đồ trong ông ấy cho dù ông ấy là thánh nhân; điều đó sẽ mất một số thời gian.

Nhưng Gurdjieff không muốn mình phí thời gian, cho nên ông ấy biểu lộ cho người kia mình đã trở thành cái gì để tìm kiếm và chỉ dẫn rằng bây giờ ông ấy có thể đi mất, bởi vì ông ấy đã phí không cần thiết ba hay bốn cuộc thăm viếng của mình chỉ để tìm ra cùng một điều.

Nhưng nếu người mới tới vẫn còn không bị xúc động mặc cho những hành vi như vậy, chỉ thế thì Gurdjieff mới thử làm công việc nào đó với người đó. Vậy, nếu người đó thực sự tới để biết chân lí, ông ấy sẽ kiên nhẫn đợi và không tới kết luận vội vã.

Cho nên điều đó tùy thuộc vào thầy giáo, cách người đó muốn dạy. Đôi khi thậm chí trong cả đời mình, bạn vẫn không thể nào biết được mục đích của thầy. Thầy giáo sử dụng mọi khoảnh khắc của cuộc sống của mình từ lúc sinh tới lúc chết. Người đó thậm chí không phí hoài một khoảnh khắc. Mọi khoảnh khắc của người đó đều có ý nghĩa sâu sắc, và nó là một phần của mục đích lớn lao và định mệnh lớn lao.

4. Đây là thời khủng hoảng

Thầy đã nói cho chúng tôi điều xảy ra cho linh hồn trong khoảng vô thời gian giữa hai lần sinh.

Nhưng một số điểm vẫn còn chưa được giải quyết, liên quan tới linh hồn vô thân thể: trong trạng thái vô thân thể đó, liệu linh hồn còn tĩnh tại hay nó có thể di chuyển?

Và làm sao nó nhận ra các linh hồn khác?

Trong trạng thái đó liệu có khả năng đối thoại giữa các linh hồn hay không?

Trong mỗi liên quan này, hai hay ba điều có thể cần được nhớ. Trước hết, không có bất kì tình huống tĩnh hay động nào trong trạng thái đó. Đó là lí do tại sao điều đó trở thành khó hiểu hơn. Rất dễ cho chúng ta hiểu nếu không có động thì phải ở vào trạng thái nghỉ hay ngược lại. Trong suy nghĩ của chúng ta, đây là hai khả năng duy nhất cho mọi vật. Chúng ta nghĩ rằng trong việc thiếu vắng cái này, cái kia phải thịnh hành. Chúng ta cũng bị ấn tượng rằng hai trạng thái này là đối lập với nhau.

Cho nên điều đầu tiên, chúng ta nên hiểu động và bất động là không đối lập, mà là các khía cạnh khác biệt của cùng một điều. Khi động ở mức chúng ta không có khả năng thấy hay hiểu thấu nó, chúng ta gọi nó là bất động. Cũng như vậy, động là một trạng thái của bất động mà chúng ta không có khả năng hiểu thấu. Nếu cái gì đó chuyển động với vận tốc lớn, bạn sẽ thấy rằng nó dường như tĩnh tại.

Nếu cái quạt chuyển động với tốc độ cao, bạn sẽ không có khả năng thấy các cánh của nó. Với tốc độ đó, bạn thậm chí sẽ không có khả năng biết được quạt có mấy cánh, bởi vì khoảng trống giữa ba cánh đã bị lấp đầy trước khi chúng ta có thể thấy được nó. Quạt có thể chuyển động nhanh đến mức bạn không thể đặt được cái gì qua khoảng không giữa các cánh. Mọi vật có thể được chuyển động theo cách mà cho dù bạn có sờ vào chúng bằng tay, bạn sẽ cảm thấy rằng chúng không chuyển động. Đó là lí do tại sao khoa học nói rằng tất cả mọi thứ dường như tĩnh tại với chúng ta, cũng đang chuyển động, nhưng chuyển động này rất nhanh và tại mức độ vượt ra ngoài sự nắm bắt của các giác quan của chúng ta. Do đó, động và bất động không phải là hai điều. Chúng là các trạng thái khác nhau của cùng một điều chỉ khác về mức độ.

Trong cõi không có thân thể, cả hai tình huống này sẽ không có đó bởi vì chỗ không có thân thể, cũng chẳng có thời gian và không gian. Từ những điều chúng ta đã biết cho tới giờ, chúng ta không thể nào quan niệm nổi về

cõi vượt ra ngoài thời gian và không gian bởi vì chúng ta chẳng biết cái gì ở cõi bên kia cả.

Thế thì chúng ta sẽ gọi tình huống đó là gì? Chúng ta thậm chí chẳng có từ nào để diễn đạt tình huống không có thời gian và không gian. Khi, trong một kinh nghiệm tôn giáo, các thông điệp về trạng thái như vậy lần đầu tiên được nhận thấy, khó khăn phát sinh liên quan tới cách mô tả nó. Tên của trạng thái đó là gì? Một lúng túng tương tự với điều này cũng được khoa học kinh nghiệm thấy khi nó gặp khó khăn để đặt tên cho một hiện tượng mới được phát hiện ra; khi một cái gì đó xảy ra khác với và ở ngoài tất cả mọi tri thức thích hợp của chúng ta, điều này trở thành rất khó khăn.

Chẳng hạn, vài năm trước đây, khi điện tử lần đầu tiên được phát hiện ra, vấn đề nảy sinh là cần gọi nó là hạt hay là sóng. Chúng ta không thể gọi nó là hạt được bởi vì vật chất bao giờ cũng tĩnh; mà chúng ta cũng không thể gọi nó là sóng được bởi vì sóng bao giờ cũng động và vô trọng lượng. Điện tử đồng thời là cả hai. Thế thì khó khăn nảy sinh - bởi vì theo hiểu biết của chúng ta, một thứ chỉ có thể là một trong hai dạng này, nhưng không là cả hai. Nhưng điện tử là cả hạt cũng như sóng. Đôi khi chúng ta hiểu nó là như hạt, đôi khi như sóng. Không có từ nào trong bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới diễn đạt được hiện tượng này.

Với các nhà khoa học quan sát hiện tượng này, điều đó dường như không thể nào quan niệm nổi. Nó trở thành một bí ẩn. Khi mọi người hỏi Einstein sao ông ấy mô tả điện tử vừa là hạt và sóng, họ cảm thấy rằng cách nghĩ của ông ấy đã trở thành phi logic và bí ẩn. Einstein, khi đáp lại, đã hỏi họ liệu ông ấy nên tin vào sự kiện hay logic. Sự kiện là ở chỗ điện tử đồng thời là cả hai, nhưng logic bảo chúng ta rằng một vật chỉ có thể là một dạng vào mỗi lúc. Một người hoặc đứng đây hoặc bước đi. Logic bảo chúng ta rằng người đó có thể ở một trạng thái vào mỗi lúc; người đó không thể đồng thời đứng đây và bước đi được. Do đó logic sẽ không đồng ý. Nhưng kinh nghiệm về điện tử yêu cầu rằng các nhà khoa học phải gạt logic sang bên và giữ lấy sự kiện. Điện tử là một thí dụ.

Kinh nghiệm của các cá nhân tôn giáo nói cho chúng ta rằng trong khoảng giữa việc rời bỏ thân thể này và nhận lấy thân thể khác, linh hồn vô thân thể không tĩnh cũng chẳng động. Điều này vượt ra ngoài cách hiểu của chúng ta. Đó là lí do tại sao một số tôn giáo nói linh hồn vô thân thể là tĩnh tại và số khác nói nó trong chuyển động. Nhưng đây chỉ là do khó khăn của việc giải thích - bởi vì biên giới không gian và thời gian mà trong đó việc chuyển động hay bất động được quan sát, không tồn tại trong khoảng đó. Với cả chuyển động và bất động, thân thể là cần thiết. Không có thân thể, không thể có chuyển động hay bất động. Thân thể là trung gian duy nhất qua đó các tình huống này có thể được quan sát.

Chẳng hạn, đây là bàn tay tôi. Tôi hoặc có thể di chuyển nó hay giữ nó

đứng yên. Ai đó có thể hỏi, khi tôi không có cái tay thể chất này, thì liệu linh hồn của tôi có chuyển động hay không? Bản thân câu hỏi này là vô nghĩa bởi vì không có tay này linh hồn không thể di chuyển mà cũng không thể còn tĩnh tại. Chuyển động và bất động cả hai đều là phẩm chất của thân thể. Bên ngoài thân thể, từ chuyển động và bất động không có nghĩa.

Điều này là áp dụng được cho mọi nhị nguyên. Ta hãy lấy, chẳng hạn, tình huống về việc nói và tình huống vẫn còn im lặng. Không có thân thể, không có khả năng nói cũng chẳng có khả năng im lặng. Thông thường, chúng ta có thể hiểu rằng không thể nào nói mà lại không có thân thể, nhưng khó mà hiểu rằng thậm chí không thể nào im lặng nếu không có thân thể. Qua trung gian này người ta mới có thể nói, người ta có thể diễn đạt im lặng nữa. Việc trở nên im lặng là cách nói duy nhất, là một trạng thái nói. Im lặng không chỉ là một trạng thái không nói, mà là trạng thái nói nữa.

Chẳng hạn, một người bị mù. Người ta có thể cảm thấy rằng có lẽ người đó chỉ có khả năng thấy bóng tối. Điều này là ảo tưởng. Ngay cả để thấy bóng tối, mắt cũng là cần thiết. Không có mắt, thậm chí không thể nào thấy được bóng tối. Bạn có thể nhắm mắt và nghĩ điều đó bởi vì bạn đang thấy bóng tối, điều đó là có thể, nhưng bạn đang phạm sai lầm. Trong khi bạn nhắm mắt, mắt bạn vẫn không dừng ở đó; bạn không trở nên mù. Nếu bạn trở nên mù sau khi đã có mắt, thế thì bạn sẽ biết bóng tối là gì. Nhưng với người mù từ khi sinh, không thể nào biết được bóng tối là gì, bởi vì bóng tối cũng là kinh nghiệm của mắt. Bạn kinh nghiệm bóng tối với cùng một trung gian được dùng để kinh nghiệm ánh sáng. Người mù từ khi sinh không thể biết được bóng tối là gì.

Bạn nghe qua tai mình. Trong ngôn ngữ, chúng ta có thể nói rằng người không có tai là không nghe thấy. Nhưng trạng thái không nghe thấy đó cũng không được biết tới với những người điếc. Tai là cần thiết thậm chí để biết rằng bạn đã không nghe thấy. Nó cũng hết như mắt là cần thiết để biết bóng tối là gì. Bất động là có thể chỉ thông qua giác quan mà trong đó có chuyển động. Nếu không có giác quan, không có kinh nghiệm về bất động. Trong trạng thái vô thân thể, linh hồn không thể nói cũng chẳng thể im lặng. Không có công cụ cho việc nói hay cho việc giữ im lặng. Mọi kinh nghiệm đều phụ thuộc vào công cụ - vào thân thể, vào giác quan.

Nhưng điều này không có nghĩa là linh hồn vô thân thể như vậy đã đạt tới giải thoát. Các mô tả về linh hồn trong giải thoát và linh hồn trong khoảng giữa cuộc sống và tái sinh có thể có vẻ tương tự nhau. Thế thì đâu là khác biệt giữa linh hồn đã được giải thoát và linh hồn đang trong khoảng giữa này? Khác biệt là ở tiềm năng, ở sự tồn tại hạt mầm.

Trong sự tồn tại vô thân thể, khoảng giữa hai thân thể, các kinh nghiệm và ấn tượng về tất cả mọi việc sinh vẫn còn lại với linh hồn này dưới dạng hạt mầm. Ngay khi linh hồn này thu được thân thể, chúng sẽ trở nên tích cực.

Chẳng hạn, nếu chúng ta cắt chân của một người, kinh nghiệm của người đó về việc chạy sẽ không biến mất. Không có chân người đó không thể chạy cũng không thể dừng, bởi vì nếu người đó không thể chạy thì làm sao người đó có thể dừng được? Nhưng nếu người đó lại có chân, mọi kinh nghiệm và ấn tượng của người đó sẽ trở nên kích hoạt lại và người đó sẽ có khả năng chạy nếu người đó muốn.

Điều đó cũng giống như lấy đi chiếc xe ô tô từ một người bao giờ cũng lái xe. Bây giờ người đó không thể lái xe hay nhấn ga được - bởi vì người đó không có xe. Người đó cũng không thể nhấn phanh để hãm xe. Nhưng kinh nghiệm của người đó về lái xe vẫn còn lại với người đó dưới dạng hạt mầm. Nếu người đó kiếm được xe sau vài năm, thì người đó sẽ có khả năng lái nó ngay khi người đó đặt chân vào chân ga.

Linh hồn đã giải thoát trở nên tự do với những ấn tượng này, trong khi ở khoảng giữa hai thân thể thì linh hồn chỉ trở nên tự do với các giác quan, các công cụ. Trong giải thoát, mọi kinh nghiệm, ấn tượng và ham muốn đều bị phá hủy. Trong cả hai tình huống của linh hồn, đều có sự tương tự - rằng không có thân thể. Nhưng có khác biệt. Trong giải thoát không có thân thể cũng không có chuỗi các kinh nghiệm thân thể. Trong khoảng giữa các lần sinh, mặc dầu không có thân thể nhưng có chuỗi lớn những kinh nghiệm liên quan tới thân thể tồn tại dưới dạng hạt mầm mà có thể trở nên tích cực vào bất kì lúc nào thu được thân thể.

Cho nên bất kì kinh nghiệm nào người ta có thể có trong khoảng giữa này đều sẽ là kinh nghiệm có thể có với việc không có thân thể. Như tôi đã nói, đây sẽ là những kinh nghiệm về thiên. Nhưng kinh nghiệm thiên chỉ rất ít người có. Trong hàng triệu người, chỉ một người có kinh nghiệm thiên. Những người còn lại có thể có kinh nghiệm gì? Kinh nghiệm của họ sẽ là kinh nghiệm về cuộc sống mơ. Trong mơ, không giác quan nào tham dự.

Có thể là nếu một người đang trong mơ, và nếu bạn có thể giữ người đó trong mơ và cắt chi anh ta đi, giấc mơ của anh ta có thể không bị quấy rối. Nhưng có khả năng là giấc ngủ của anh ta sẽ bị phá vỡ. Nếu như có thể cắt chi anh ta hết cái nọ đến cái kia mà không phá vỡ giấc ngủ của anh ta, thế thì giấc mơ của anh ta sẽ tiếp tục không bị quấy rối bởi vì không một chi nào của thân thể là cần cho giấc mơ cả. Thân thể không tích cực trong giấc mơ; không có việc dùng thân thể trong nó. Không có thân thể kinh nghiệm mơ sẽ vẫn còn. Trong thực tế, mọi kinh nghiệm sẽ vẫn còn dưới dạng mơ.

Nếu ai đó định hỏi hạn liệu bạn là tỉnh hay trong chuyển động trong giấc mơ, bạn sẽ thấy khó trả lời. Khi bạn thức dậy khỏi giấc mơ, bạn thấy rằng tất cả mọi cái đã cùng bạn đều nằm cùng một chỗ, nhưng bạn đã trong giấc mơ. Khi tỉnh dậy, bạn thấy rằng đã có những việc xảy ra sâu, dài trong giấc mơ, nhưng nhớ, không có chuyển động chút nào trong nó.

Nếu bạn hiểu đúng, bạn sẽ thấy rằng bạn thậm chí không phải là người

tham dự vào trong giấc mơ. Theo một nghĩa sâu sắc, bạn chỉ có thể là một nhân chứng. Đây là lí do tại sao người ta có thể thấy bản thân mình chết trong giấc mơ; người ta có thể thấy thân thể riêng của mình nằm chết. Trong giấc mơ, nếu bạn thấy mình bước đi, thế thì người bạn thấy đang bước đó là một hiện tượng mơ và bạn hiện hữu nhưng là một nhân chứng.

Đây là lí do tại sao tôn giáo đã đưa ra ý tưởng rằng nếu một người có thể coi thế giới này tựa như giấc mơ, người đó sẽ có kinh nghiệm tôn giáo cao nhất. Chỉ từ điều này, khái niệm thượng đế học về việc gọi thế giới này là *maya* - ảo tưởng hay giấc mơ - đã được nêu ra. Nghĩa sâu sắc hơn của điều này là ở chỗ nếu người ta có thể coi thế giới này dường như trong giấc mơ, thế thì người ta trở thành nhân chứng. Trong giấc mơ, người ta bao giờ cũng là nhân chứng và không ai là người tham dự cả. Trong mọi hoàn cảnh bạn đều không là diễn viên. Mặc dầu bạn có thể thấy bản thân mình là diễn viên, bạn bao giờ cũng là khán giả, người thấy, người đang thấy.

Do đó, mọi kinh nghiệm vô thân thể sẽ giống như giấc mơ - tựa hạt mầm. Những người có kinh nghiệm đã tạo ra khổ cho họ thì sẽ thấy ác mộng và các giấc mơ về địa ngục. Những người có kinh nghiệm đã đem họ tới sướng thì sẽ mơ về cõi trời và sẽ hạnh phúc trong giấc mơ của mình. Nhưng những điều này tất cả đều là kinh nghiệm tựa giấc mơ.

Đôi khi các kiểu biến cố khác nhau cũng có thể xảy ra, nhưng những loại kinh nghiệm này sẽ khác. Đôi khi, có thể xảy ra là những linh hồn không tỉnh cũng chẳng động sẽ đi vào thân thể khác. Nhưng việc nói rằng linh hồn sẽ đi vào là nguy hiểm ngôn ngữ. Tốt hơn là nói rằng thân thể nào đó có thể hành xử theo cách mà nó sẽ gây ra cho một linh hồn đi vào trong nó. Thế giới của những linh hồn như vậy là không khác với thế giới của chúng ta. Thế giới đó cũng tồn tại ngay bên cạnh chúng ta, kề bên. Chúng ta tất cả đều sống trong cùng một thế giới. Mọi li không gian đang ở đây đều đầy những linh hồn. Không gian ngay đây trống rỗng với chúng ta cũng đầy tràn.

Có hai kiểu thân thể ở trong trạng thái nhạy cảm sâu sắc. Một là của những người đang trong sợ hãi lớn. Những người đang trong sợ hãi lớn làm cho linh hồn của họ co lại bên trong thân thể họ - nhiều đến mức họ bỏ trống hoàn toàn phần nào đó của thân thể. Một số linh hồn lân cận trôi dạt và vào trong chỗ trống rỗng đó như nước tràn vào hồ. Nhiều lần, những linh hồn này kinh nghiệm những điều mà chỉ linh hồn có thân thể mới có thể kinh nghiệm được.

Thứ hai là, một linh hồn có thể đi vào một thân thể khi nó ở trong khoảnh khắc cầu nguyện sâu sắc. Trong những khoảnh khắc cầu nguyện sâu sắc đó, linh hồn cũng co lại. Nhưng trong những khoảnh khắc sợ hãi, những linh hồn, trôi dạt trong khổ và phiền não lớn, chỉ thấy ác mộng. Đây là những linh hồn mà chúng ta gọi là tâm linh ác. Bởi vì người kinh hoàng ngẫu nhiên ở trong trạng thái xấu và bản, không linh hồn cao hơn nào đi vào

người đó.

Người sợ hãi cũng giống như cái rãnh: chỉ những linh hồn đang đi xuống mới có thể đi vào được. Người cầu nguyện giống như đỉnh: chỉ những linh hồn đi lên mới có thể đi vào được. Người cầu nguyện trở nên tràn đầy với nhiều hương thơm bên trong và nhiều cái đẹp bên trong đến mức chỉ những linh hồn cao nhất mới quan tâm tới người đó. Và linh hồn cao hơn như vậy sẽ đi vào chỉ bởi điều chúng ta gọi là cầu khẩn, lời mời hay cầu nguyện.

Cả hai kiểu kinh nghiệm này từ các linh hồn như đã nói chỉ có thể có với thân thể. Vậy, có một khoa học đầy đủ để cầu khẩn *devatas* - các thần. Những *devatas* này không giáng xuống từ trên cõi trời, những linh hồn mà chúng ta có thể gọi là linh hồn ác cũng không tới từ địa ngục hay thế giới qui nào đó. Chúng tất cả đều hiện diện ngay ở đây, cùng tồn tại với chúng ta.

Thực tại, trong cùng không gian này, có sự tồn tại nhiều chiều. Chẳng hạn, căn phòng này nơi chúng ta đang ngồi đầy những không khí. Nếu ai đó đốt hương, đốt chất thơm nào đó, căn phòng sẽ tràn ngập hương thơm. Nếu ai đó hát lên bài ca du dương, sóng âm cũng sẽ tràn ngập căn phòng. Nhưng khối của hương sẽ không va chạm với sóng của bài ca. Căn phòng này vẫn tràn đầy với âm nhạc cũng như với ánh sáng, nhưng không sóng ánh sáng nào sẽ va chạm với bất kì sóng âm nào. Mà ánh sáng cũng không phải dời đi để làm cho căn phòng có lối vào cho sóng âm thanh.

Trong thực tế, chính không gian này tràn ngập trong một chiều bởi sóng âm thanh, trong chiều khác bởi sóng ánh sáng và trong chiều thứ ba bởi sóng không khí. Giống thế, hàng trăm thứ tràn ngập căn phòng này trong hàng trăm chiều khác nhau. Chúng không cản trở lẫn nhau theo bất kì cách nào, mà cũng chẳng thứ gì phải dọn đi để nhường chỗ cho cái gì khác. Do đó, tất cả không gian này là đa chiều.

Chẳng hạn, tại chỗ này chúng ta có cái bàn, nhưng chúng ta không thể để cái bàn khác vào cùng chỗ bởi vì các bàn là cùng một chiều. Nhưng sự tồn tại của một chiều khác sẽ không thấy bàn là rào chắn. Tất cả các linh hồn này đều ở rất gần chúng ta; bất kì lúc nào đều có thể có việc đi vào. Khi các linh hồn đi vào, thế thì chúng sẽ có kiểu kinh nghiệm thân thể, và những kinh nghiệm này là kinh nghiệm chỉ có thể có qua thân thể.

Một nhân tố nữa liên quan tới cách thức mà qua đó những linh hồn này đi vào thân thể sống, là trao đổi. Trao đổi là có thể chỉ giữa linh hồn đi vào và linh hồn hiện đang tồn tại trong thân thể. Đó là lí do tại sao, cho tới bây giờ trên trái đất này, không tâm linh nào, ác hay thiện, đã có khả năng truyền trao trực tiếp với chúng ta, ngay trước mắt chúng ta. Nhưng không có bất kì truyền trao nào thì cũng không đúng. Việc truyền trao vẫn xảy ra. Thông tin mà chúng ta có về cõi trời và địa ngục không phải là cái gì đó từ trí tưởng tượng của mọi người, nhưng nó đã được truyền trao qua những linh hồn như vậy qua người trung gian.

Vậy, trong thời xa xưa, đã có một hệ thống. Chẳng hạn, với kinh Veda của người Hindu, không một hiền giả nào của Veda nói rằng mình đã là người viết cái này cái nọ của Veda; trong thực tế, người đó không phải là người viết chút nào. Không phải là vì khiêm tốn hay giản dị mà các hiền giả này đã không công bố là người viết. Chính thực tế là điều họ đã viết ra, theo một cảm giác nào đó, đã được họ *nghe thấy*. Đây là một kinh nghiệm rất rõ ràng: khi linh hồn nào đó đi vào trong bạn và nói, kinh nghiệm là rõ ràng đến mức bạn biết rất rõ mình đang ngồi bên cạnh trong khi ai đó khác không phải là bạn lại đang nói. Bạn nữa cũng là người nghe và không phải là người nói.

Điều này không dễ biết từ bên ngoài, nhưng nếu được quan sát với chú ý đúng đắn thì điều đó là có thể. Chẳng hạn, cách thức và kiểu cách nói sẽ khác, âm hưởng sẽ khác, cách phát âm và ngôn ngữ cũng sẽ khác. Với người chủ nguyên thủy của thân thể, mọi thứ sẽ rõ ràng như pha lê từ bên trong. Nếu tâm linh ác nào đó đã đi vào, thế thì người này có lẽ sẽ sợ hãi nhiều đến mức người đó sẽ trở thành vô ý thức. Nhưng nếu một linh hồn trên cõi trời đã đi vào, thế thì người đó sẽ nhận biết và được thức tỉnh đến mức người đó chưa bao giờ như trước nữa. Thế thì tình huống sẽ rõ ràng như pha lê với người đó.

Cho nên những người mà tâm linh ác đi vào thì sẽ rất rõ ràng về sự kiện là ai đó đã đi vào trong họ chỉ sau khi linh hồn ác đó rời bỏ thân thể - bởi vì họ trở nên sợ hãi tới mức họ chẳng biết gì cả và rơi vào vô ý thức. Nhưng những người mà linh hồn trên thiên đường đi vào sẽ có khả năng nói vào ngay chính khoảnh khắc mà "điều đang được nói là bởi ai đó khác, không phải bởi tôi."

Hệt như hai người có thể dùng chung một microphone, cả hai tiếng nói này sẽ dùng cùng một dụng cụ. Người này sẽ dùng nói trong khi người kia sẽ bắt đầu nói. Khi các giác quan của thân thể có thể được dùng như vậy, thì linh hồn vô thân thể có thể truyền trao được. Đó là cách thức cho bất kì cái gì được thế giới này biết tới về các thần và các tâm linh ác đều trở thành được truyền trao. Không có cách khác để biết về các điều này.

Với tất cả những điều này, khoa học đầy đủ đã được tiến triển. Một khi khoa học được tiến triển, mọi sự trở nên dễ hiểu hơn. Thế thì những điều này có thể được sử dụng với hiểu biết đầy đủ. Khi những loại biến cố này đã xảy ra trong quá khứ, các nguyên lí khoa học đã được suy diễn ra từ chúng. Chẳng hạn, nếu ngẫu nhiên và đột nhiên một linh hồn nào đó trên cõi trời đã đi vào ai đó, thế thì từ nghiên cứu về việc xảy ra đó, các nguyên tắc nào đó liên quan tới các điều kiện dẫn tới hiện tượng như thế sẽ được tiến triển ra. Thế thì có thể nói rằng nếu những điều kiện như vậy có thể lại được tạo ra, thì lần nữa những linh hồn như thế sẽ đi vào.

Chẳng hạn, người Mô ha mét giáo sẽ đốt *lohban*. Đây là phương pháp mời các tâm linh thiện bằng việc tạo ra một bầu không khí hương thơm đặc

biệt. Người Hindu cũng đốt hương, và họ thấp ngọn lửa làm từ bơ sữa trâu lỏng (ghee). Những thứ này dường như là hình thức nghi lễ ngày nay, nhưng đã có thời chúng mang nghĩa sâu sắc.

Người Hindu sẽ tụng một mật chú đặc biệt trở thành lời cầu khẩn. Không nhất thiết là phải có nghĩa cho mật chú. Thông thường thì không có nghĩa, bởi vì mật chú có nghĩa trở nên bị bóp méo với việc chuyển thời đại. Nhưng mật chú vô nghĩa không trở nên bị bóp méo. Với mật chú vô nghĩa chẳng cái gì phụ có thể đi vào theo việc chuyển thời đại. Đó là lí do tại sao tất cả các mật chú có chiều sâu đều vô nghĩa. Chúng không có nghĩa, cho nên chúng vẫn còn không bị thay đổi. Chúng chỉ là âm thanh. Có những phương pháp cho việc tụng những âm thanh này. Nếu có một phách đặc biệt, mạnh mẽ và nhịp điệu, thì linh hồn được cầu khẩn sẽ đi vào ngay lập tức. Và nếu linh hồn mà mật chú này đã được phát minh ra, đã tan biến vào niết bàn, linh hồn khác với sự thuần khiết tương tự sẽ đi vào.

Tất cả các tôn giáo trên thế giới đều có những mật chú nào đó. Người Jaina có *Namokar*.

Con cúi lạy những người đã tiêu diệt mọi kẻ thù.

Con cúi lạy những người đã đạt tới giải thoát.

Con cúi lạy những thầy dạy tôn giáo.

Con cúi lạy những người là tu sĩ.

Con cúi lạy tất cả những người khao khát tôn giáo.

Nó có năm đoạn. Mỗi đoạn có một lời cầu khẩn mà trở nên ngày một sâu sắc hơn.

Thông thường, mọi người tụng toàn bộ câu mật chú, nhưng điều này không phải là cách thức đúng. Những người ham muốn tiếp xúc với các linh hồn cao nên tiếp tục lặp lại chỉ phần thứ nhất. Bốn phần còn lại không cần được lặp lại. Nên có nhấn mạnh hoàn toàn vào chỉ một phần bởi vì linh hồn có liên quan tới phần đó là khác với những linh hồn có liên quan tới các phần khác.

Chẳng hạn, phần đầu của mật chú này, *Namo Arihantanam* là sự qui phục vào *arihantas* - những người đã tiêu diệt mọi kẻ thù và những người đã siêu việt lên trên mọi giác quan của họ. *Ari* có nghĩa là kẻ thù và *hanta* có nghĩa là người tiêu diệt. Do đó, đây là lời cầu khẩn đặc thù tới những linh hồn đã chứng ngộ đầy đủ, người có thể chỉ lấy một lần sinh nữa. Phần một này nên được lặp lại với âm thanh và tác động đặc biệt. Trong lời cầu khẩn này, các linh hồn Jaina khác không được bao hàm, và do đó, họ không được tiếp xúc.

Arihant này là một từ kĩ thuật đặc biệt được gắn với các linh hồn Jaina cao nhất. Với câu mật chú này, linh hồn của Jesus Christ không thể được tiếp xúc; không có ham muốn như vậy được diễn đạt ở đây. Với mật chú này, ngay cả Phật cũng không thể được tiếp xúc. Đây là một thuật ngữ cho việc

cầu khẩn tới một loại linh hồn Jaina đặc biệt. Giống thế, trong tất cả năm phân tách biệt của Namokar, đều có lời cầu khẩn tới năm loại linh hồn khác nhau.

Lời cầu khẩn cuối cùng, *Namo loye savva sahuma*, là để cầu khẩn mọi người khao khát tôn giáo. Nó trực tiếp hướng tới mọi người khao khát của mọi tôn giáo; nó không liên quan tới Jaina hay bất kì nhóm đặc biệt nào khác với Jaina. Nó là lời cầu khẩn rất chung để có tiếp xúc với bất kì người khao khát tôn giáo nào mà không có bất kì đặc thù nào.

Mọi tôn giáo đều có những mật chú như vậy mà qua đó mỗi tiếp xúc được thiết lập. Những mật chú này trở thành *shakti-mantras*, và chúng trở thành có ý nghĩa cao. Mật chú giống như cái tên được đặt cho một người, như tên Ram. Khi người đó được gọi bởi cái tên này, thì ngay lập tức người đó trở nên tỉnh táo.

Cho nên cũng có những câu mật chú cho các tâm linh bình thường. Có khoa học để cầu khẩn cả những linh hồn bình thường và phi thường. Đôi khi không thể nào tiếp xúc được với một linh hồn đặc biệt được cầu khẩn bởi vì người đó có thể không có đó do một khoảng thời gian. Nhưng bao giờ cũng có thể tiếp xúc với các linh hồn có kiểu tương tự với mật chú.

Bây giờ chúng ta lấy thí dụ về Mohammed. Ông ấy bao giờ cũng nói rằng mình chỉ là một *paigambara*, một sứ giả, bởi vì Mohammed chưa bao giờ cảm thấy rằng bất kì điều gì mình kinh nghiệm là của riêng mình. Tiếng nói tới với ông ấy từ bên trên là rất rõ ràng. Kinh nghiệm của ông ấy được người Mô ha mét giáo mô tả là *ilham* - sự khải lộ. Mohammed cảm thấy rằng cái gì đó đã đi vào ông ấy và bắt đầu nói. Bản thân ông ấy không thể nào tin được điều xảy ra. Ông ấy đã không nghĩ rằng bất kì ai khác sẽ tin mình. Nếu như ông ấy mà nói rằng điều được nói ra là do chính ông ấy nói, thì ông ấy nghĩ rằng không ai khác sẽ tin mình bởi vì ông ấy chưa bao giờ nói theo cách đó trước đây. Ông ấy không được mọi người biết tới về việc nói theo cách đó. Mọi người đã không biết rằng ông ấy có thể nói những điều như vậy, cho nên ông ấy biết rằng không ai sẽ tin vào câu chuyện như vậy.

Ông ấy về nhà từ nơi việc khải lộ xảy ra trong một tâm trạng sợ hãi lớn, cố gắng tránh người khác và trốn tránh việc bị thấy. Ông ấy không muốn tiết lộ ngay lập tức điều ông ấy biết, bởi vì thế thì mọi người sẽ không tin cậy vào ông ấy và ông ấy đã không có cơ sở cho những điều như thế trong kiếp sống trước của mình. Trở về nhà ông ấy kể với vợ điều đã xảy ra. Ông ấy cũng kể cho vợ rằng nếu bà ấy mà tin cậy vào ông ấy, thế thì ông ấy sẽ kể nó cho ai đó khác - bằng không thì thôi, bởi vì điều đã tới với ông ấy thì đã tới từ trên cao. Ai đó đã nói với ông ấy; đây không phải là tiếng nói của ông ấy. Nhưng khi vợ ông ấy đã tin cậy ông ấy, ông ấy bắt đầu kể cho người khác.

Với Moses cũng thế, cùng điều đó đã xảy ra. Tiếng nói giáng xuống ông ấy. Để cho tiếng nói này giáng xuống, một tâm linh thiêng liêng vĩ đại phải

dùng ai đó làm trung gian. Nhưng mọi người không thể được dùng như trung gian. Khả năng và sự thuần khiết này để trở thành phương tiện, thành trung gian, không phải là điều nhỏ. Việc truyền trao chỉ có thể nếu phương tiện có khả năng là có sẵn. Để có sự truyền trao đó, thân thể người khác phải được dùng.

Kiểu nỗ lực này đã được tiến hành trong thời gần đây với Krishnamurti, nhưng nó đã thất bại. Đây là câu chuyện về hoá thân có chủ định của Phật dưới tên gọi Maitreya*. Phật đã nói rằng ông ấy sẽ lấy một lần sinh nữa, với cái tên đó. Nhiều thời gian đã trôi qua - quãng hai nghìn năm trăm năm - nhưng Phật vẫn chưa lấy việc sinh. Các chỉ dẫn đã được nhận nói rằng Maitreya đã không thể nào tìm thấy người mẹ thích hợp hay bụng mẹ. Do đó, một kiểu nỗ lực khác đã được thực hiện. Nếu không thể nào tìm được một người mẹ hay bụng mẹ thích hợp, thì một cá nhân được chọn lựa nào đó có thể được phát triển và làm thành sẵn sàng để cho qua người đó Maitreya có thể nói bất kì điều gì ông ấy muốn nói.

Với mục đích này, phong trào Thượng đế học lớn đã bắt đầu - để thu xếp cho việc chọn một cá nhân thích hợp và chuẩn bị cho người đó theo đủ mọi cách để xứng đáng là phương tiện cho Maitreya. Linh hồn muốn trao thông điệp qua Mohammed đã tìm thấy trong Mohammed một phương tiện có sẵn; linh hồn đó không phải chuẩn bị bất kì ai. Ngay cả linh hồn đã trao thông điệp qua Moses cũng không phải làm ra phương tiện. Họ tìm thấy phương tiện đã làm sẵn. Những thời đó là rất đơn giản, và mọi người còn hồn nhiên nhiều hơn và ít chắt chây với bản ngã. Hồi đó dễ tìm ra phương tiện bởi vì người ta có thể, trong sự khiêm tốn đầy đủ, buông xuôi thân thể mình cho linh hồn khác dùng, cứ dường như thân thể đó không thuộc vào người đó.

Nhưng bây giờ điều đó là không thể được. Tính cá nhân đã trở thành cứng nhắc và tập trung vào bản ngã; không ai muốn buông xuôi cả. Do đó, những nhà Thượng đế học đã chọn bốn hay năm đứa trẻ nhỏ - bởi vì không thể nào tin tưởng mà tiên đoán từng đứa trẻ sẽ phát triển như thế nào. Họ đã chọn Krishnamurti cũng như anh của ông ấy Nityananda. sau đó, họ cũng chọn Krishnamenon và cả George Arundale.

Nityananda chết một cái chết chưa chín muồi do kết quả những chuẩn bị căng thẳng để làm cho cậu ta thành trung gian cho Maitreya. Krishnamurti trở nên bị rối loạn tinh thần bởi cái chết của anh mình đến mức bản thân cũng không thể trở thành trung gian được.

Krishnamurti đã được Annie Besant và Leadbeater chọn vào lúc chín tuổi. Nhưng thế giới này là một vở kịch lớn; thực nghiệm này đã được tiến hành bởi các sức mạnh lớn. Vở kịch được diễn ra trên sân khấu thế giới bởi những cá nhân quyền thế. Khi khả năng của Maitreya đi vào trong Krishnamurti trở nên rất gần, chắc chắn, thì linh hồn của Devadatta, là anh em con chú bác của Phật, và là người đã từng cả đời đối lập với Phật và

nhều lần định giết ông ấy, lại ảnh hưởng tới tâm trí của bố Krishnamurti.

Do vậy, một cuộc kiện tụng pháp lí do Devadatta gây ảnh hưởng đã được bố của Krishnamurti đệ trình để chống lại Annie Besant và những người Thượng đế học khác, yêu cầu trả lại quyền sở hữu đứa con Krishnamurti, người đã trong sự chăm nom của họ. Việc kiện này đã tranh đấu lại Hội đồng Kín. Sự kiện này đã không được nói trước đây. Tôi kể điều đó ra lần đầu tiên: Annie Besant đã tranh đấu pháp lí ác liệt. Nhưng trong toà án luật pháp, bà ấy không thể thắng được bởi vì đây là quyền của người bố giành lại việc sở hữu đứa con nhỏ của mình. Do đó, họ cần phải chạy khỏi Ấn Độ mang cả Krishnamurti cùng đi theo mình. Tại Ấn Độ vụ kiện vẫn tiếp tục, còn Annie Besant chạy khỏi Ấn Độ cùng Krishnamurti. Vụ kiện tiếp tục lên tới toà thượng thẩm; tại đó Annie Besant bị thua kiện. Đó là trận chiến pháp lí và Devadatta mạnh hơn.

Thông thường, luật pháp trở nên hợp tác hơn trong tay của kẻ phạm tội bởi vì người tốt không bận tâm với vấn đề luật pháp. Kẻ phạm tội trước hết làm mọi thu xếp cần thiết cho trận chiến pháp lí của mình.

Sau đó, Annie Besant thừa kiện ở toà thượng thẩm cho Hội đồng Kín ở London, và tại đó quyết định đã được đảo lại, ngược lại tất cả mọi điều khoản pháp lí, để đứa trẻ này ở lại với Annie Besant. Chưa bao giờ có điều như vậy trước đó, mà cũng chẳng có phán quyết công bằng và đúng đắn. Nhưng không có lời thỉnh cầu thêm bên ngoài Hội đồng Kín. Phán quyết này đã được làm thành có thể bởi ảnh hưởng của Maitreya, người đã không can thiệp vào toà án cấp thấp hay toà án chống án. Ông ấy đã dành quyền lực ảnh hưởng của mình cho toà thượng thẩm.

Do vậy, trên bình diện thấp hơn, đó là vở kịch diễn ra được chứng kiến bởi những dòng tiêu đề lớn trên báo chí và trận chiến pháp lí tranh đấu trong toà án pháp lí. Nhưng ở bình diện cao hơn, một trận chiến lớn cũng được diễn ra giữa hai linh hồn mạnh mẽ. Về sau đó, những công sức lớn lao như vậy đã được tính vào trong việc chuẩn bị cho Krishnamurti mà có lẽ chưa bao giờ đã được tính tới trước đó cho bất kì cá nhân nào khác. Các cá nhân có thể đã nhận những công sức lớn hơn trong việc tự chuẩn bị cho mình để đạt tới điều gì đó, nhưng biết bao nhiêu người chưa bao giờ lại đặt cọc nhiều thế vào một người.

Nhưng mặc cho tất cả những nỗ lực lớn lao này, khi thời gian tới gần thì tất cả mọi hi vọng đều không đi tới kết quả nào. Các nhà thần học đã tụ hội sáu nghìn người từ khắp thế giới về Đan Mạch, và người ta đã lập lịch để công bố rằng Krishnamurti vào ngày đó sẽ từ bỏ nhân cách của mình và chấp nhận nhân cách của Maitreya. Tất cả mọi sự chuẩn bị đều đã được thực hiện. Một khoảnh khắc chờ đợi lâu dài tới khi ông ấy leo lên diễn đàn để công bố rằng mình không còn là Krishnamurti nữa, để cho linh hồn của Maitreya có thể đi vào và bắt đầu nói. Sáu nghìn đại biểu từ khắp nơi trên thế giới đã tụ

tập với nhau từ mọi nơi xa gần, trong nỗi niềm trông đợi lớn lao, để lắng nghe tiếng nói của Maitreya. Một sự kiện chưa từng thấy lớn lao sắp xảy ra.

Nhưng chẳng cái gì xảy ra cả. Và khoảnh khắc chủ chốt đó, Krishnamurti đã từ chối việc từ bỏ tính cá nhân của mình. Devadatta đã làm cố gắng cuối cùng của mình, và điều đã không thể làm được trong Hội đồng Kín thì lại được làm thành có thể trong toà án cuối cùng của các đại biểu. Ông ấy đã làm cho Krishnamurti công bố rằng mình không phải là thầy giáo - không phải là thầy giáo của thế giới, rằng ông ấy chẳng có liên quan gì tới linh hồn của bất kì ai khác, rằng ông ấy là cái ông ấy đang là, và rằng ông ấy không muốn nói thêm bất kì cái gì nữa. Một thực nghiệm lớn thất bại. Nhưng theo một nghĩa nào đó, đây là thực nghiệm đầu tiên thuộc kiểu này, và có khả năng thất bại lớn hơn.

Cho nên đối với các linh hồn không có khả năng nào để trao đổi trừ phi chúng có thể đi vào trong thân thể của ai đó. Đó là lí do tại sao việc sinh làm con người là không thể thiếu được. Chẳng hạn, ai đó chết bây giờ, và nếu người đó vẫn còn trong trạng thái vô thân thể trong một trăm năm thì không có sự phát triển theo bất kì kiểu nào với bất kì cái gì trong một trăm năm đó. Người đó sẽ bắt đầu trong việc sinh mới từ nơi mà người đó đã ở khi chết trong kiếp trước - ngay từ đó - thời kì chen giữa ấy có thể dài đến đâu cũng không thành vấn đề. Thời kì chen giữa này không phải là thời gian phát triển. Nó cũng giống như là tỉnh dậy trên cùng chiếc giường nơi bạn đã ngủ đêm trước.

Đó là lí do tại sao nhiều tôn giáo chống lại giấc ngủ, bởi vì trong khi ngủ thì không có tiến bộ. Các tôn giáo này bắt đầu rút bớt thời gian ngủ bởi vì thiếu việc phát triển trong giấc ngủ. Bạn tỉnh dậy trong cùng chiếc giường bạn đã ngủ, không thay đổi. Đích xác theo cùng cách đó, khi bạn lại lấy việc sinh, bạn nhặt nó tại nơi bạn đã từ bỏ nó khi bạn chết. Không có thay đổi trong tình huống của bạn. Nó cũng giống như việc dùng chiếc đồng hồ của tôi bây giờ, nhưng khi tôi bắt đầu nó lại lần nữa, nó sẽ bắt đầu đích xác từ chỗ nó đã dừng.

Trong khoảng giữa các lần sinh, mọi sự phát triển đều bị khoá lại. Đó là lí do tại sao không thần nào có thể đạt tới sự cứu rỗi trong khi ở cõi trời - bởi vì không có hành động ở đó; người ta không thể làm được gì ở đó cả. Tại đó người ta chỉ có thể mơ vô tận. Để làm điều gì đó, người ta phải lấy việc sinh làm người trên trái đất.

Cũng vậy, để các linh hồn nhận ra nhau, hai tâm linh mong muốn gặp nhau chỉ có thể làm như vậy bằng việc đi vào trong hai thân thể khác nhau. Không có cách nào nhận ra một cách trực tiếp cả. Điều đó cũng giống như là hai mươi người ngủ trong căn phòng này. Họ sẽ vẫn còn ở đó cả đêm trong cùng căn phòng, nhưng trong giấc ngủ không có cách nào đối với họ để biết lẫn nhau. Họ có thể biết lẫn nhau chỉ sau khi tỉnh dậy.

Khi chúng ta tỉnh dậy, nhận biết của chúng ta tiếp tục - nhưng trong giấc ngủ điều đó là không thể được; tại đó chúng ta không có quan hệ với bất kỳ cái gì. Có thể là một người có thể tỉnh dậy và thấy tất cả mọi người còn lại đang ngủ. Điều này có nghĩa là nếu một linh hồn đi vào trong thân thể ai đó thì linh hồn đó có thể thấy các linh hồn khác. Nhưng các linh hồn khác không thể thấy linh hồn này.

Nếu một linh hồn đi vào trong thân thể ai đó, nó có thể biết cái gì đó về các linh hồn vô thân thể khác. Nhưng những linh hồn vô thân thể kia không thể biết gì cả. Thực tại, sự kiện biết và nhận ra là có thể chỉ thông qua bộ não nằm trong một thân thể, và cho đến khi chết thì thân thể chết cùng với bộ não.

Nhưng cũng có những khả năng khác. Nếu người nào đó đã thực nghiệm trong khi sống, và đã thiết lập các mối quan hệ qua viễn cảm hay thấu thị, là các phương pháp biết mà không dùng bộ não và chẳng liên quan gì tới bộ não cả, thế thì những người như thế có thể thành công trong việc thiết lập các mối quan hệ với tâm linh ác cũng như linh hồn trên cõi trời. Nhưng có rất ít người có khả năng đó. Tuy nhiên, thông tin về các tình huống phổ biến khắp thế giới tâm linh đã được trao cho chúng ta chỉ bởi những linh hồn như vậy.

Tình huống là giống như thế này: hai mươi người uống rượu và tất cả đều trở nên vô ý thức. Nhưng trong số họ một người đã có thói quen uống rượu lâu dài có thể vẫn còn có ý thức đầy đủ, và do vậy người đó có thể kể về kinh nghiệm của việc say. Những người khác không thể kể được bởi vì họ trở thành vô ý thức trước khi họ đi tới biết điều gì.

Có một vài tổ chức làm việc trên thế giới để chuẩn bị cho mọi người trao đổi thông tin về thế giới tâm linh sau cái chết. Chẳng hạn, ở London, Sir Oliver Lodge, thành viên của một hội tâm linh, đã cố gắng trong một thời gian dài sau khi chết để trao một thông điệp, nhưng thất bại. Trong hai mươi năm, mặc cho những nỗ lực lớn lao, không thông điệp nào có thể được truyền trao cả. Một số linh hồn khác, trong thực tế, đã thông báo rằng Oliver Lodge đã cố gắng rất chân thành để trao một thông điệp, nhưng việc điều chỉnh không thể được thiết lập.

Trong hai mươi năm, ông ấy đã gõ mọi cửa của mọi người mà ông ấy đã hứa trao thông điệp ngay sau khi chết. Ông ấy đã được hội chuẩn bị cho công việc này. Dường như là ông ấy đã cố gắng đánh thức bạn mình khỏi giấc ngủ. Họ sẽ tỉnh dậy và ngồi dậy tỉnh táo, cảm thấy rằng Oliver ở gần đâu đó, nhưng không ai có thể trở nên hoà hợp để nhận điều Oliver phải nói.

Oliver chết đi sẵn sàng truyền trao và liên tục thực hiện nỗ lực của mình trong hai mươi năm, nhưng không có ai sẵn sàng để hiểu ngôn ngữ của người chết này. Rất thường là người bạn nào đó đi qua trên đường có cảm thấy bàn tay của Oliver đặt lên vai mình, biết rất rõ cái chạm ấy của tay ông ấy. Nhưng khi ông ấy cố gắng nói với họ, nhận biết về sự hiện diện của ông

ấy sẽ trở nên bị mất. Tất cả mọi người bạn của ông ấy đều rất khó chịu về điều này, nhưng mặc dầu nỗ lực lặp lại tối đa của Oliver vẫn chẳng có thông điệp nào có thể đạt tới.

Việc chuẩn bị có hai chiều. Nếu ai đó có khả năng kinh nghiệm viên cảm trong khi còn sống, nếu người đó đã phát triển khả năng để truyền đạt ý nghĩ không bằng lời, nếu người đó có khả năng thấy những vật ở rất xa bằng mắt nhắm, thế thì người như vậy sẽ biết nhiều điều về thế giới tâm linh.

Việc biết không chỉ phụ thuộc vào sự tồn tại vật lí của chúng ta. Chẳng hạn, một nhà thực vật học, một nhà thơ, một chủ tiệm và một đứa trẻ có thể đi vào vườn. Tất cả họ đều vào cùng một khu vườn, nhưng họ không đi theo cùng một thứ. Đứa trẻ sẽ đuổi theo ong màu sắc, chủ tiệm sẽ nghĩ về vấn đề cửa tiệm của mình, nhà thơ sẽ dừng lại với hoa và trở nên mất tâm trong việc soạn thơ, còn nhà thực vật học sẽ cố gắng để kiểm chứng nhiều điều về cây cối.

Chủ tiệm không thể thấy hoa cũng không thể thấy thơ trong chúng. Nhà thực vật thấy mọi rễ, mọi lá, mọi hoa, với con mắt phân tích như vậy mà ông ta xác nhận tri thức mình đã thu thập trong suốt hai mươi hay năm mươi năm qua. Không một người nào khác có thể thấy điều ông ấy có thể thấy. Tương tự, những người chết mà không biết gì ngoại trừ thân thể, không thể có bất kì nhận biết nào về thế giới khác, mà họ cũng không thể thiết lập được bất kì mối quan hệ nào với nó. Họ chết trong cơn mê, trong trạng thái vô ý thức sâu sắc, chờ đợi lần sinh mới. Nhưng những người đã làm việc chuẩn bị trước sẽ có khả năng làm điều gì đó. Có các kinh sách cho việc chuẩn bị như vậy.

Nếu trước khi chết, người ta chết theo cách khoa học với chuẩn bị đầy đủ cho nó, với kế hoạch và phương pháp luận cho điều người đó làm sau cái chết, thế thì người đó có thể làm được cái gì đó. Có những cơ hội cho những kinh nghiệm lớn. Nhưng khi một người chết đi một cách bình thường, thì người đó có thể lấy việc sinh ngay lập tức hay sau vài năm. Thế thì người đó sẽ không biết gì về tình huống của thời kì chen giữa những lần sinh. Đó là lí do tại sao không có khả năng nào cho việc truyền trao trực tiếp.

Có lúc nào đó tôi đã cảm giác rằng Thầy đang vội vã. Vội vã đó là gì và tại sao? Tôi không có khả năng hiểu được. Nhưng sự kiện là Thầy đang vội vã là hiển nhiên từ những bức thư Thầy đã viết cho những người sùng kính Thầy.

Câu hỏi cũng nảy sinh liệu mục đích mà theo đó Thầy đã lấy lần sinh này đã được hoàn thành chưa. Nếu Thầy đã hoàn thành nhiệm vụ, thế thì xin Thầy giải thích một phát biểu mà có lần Thầy đã nêu ra rằng Thầy sẽ đi lang thang hết làng nọ tới làng kia để tạo ra những thách thức cho mọi người, và nếu ngẫu nhiên Thầy gặp những đôi mắt có thể trở thành ngọn đèn, Thầy sẽ làm việc với những người đó bằng tất cả mọi nỗ lực. Thầy cũng đã nói rằng Thầy sẽ làm điều này để cho vào lúc chết của mình, Thầy sẽ không phải nói

rằng Thầy đã tìm hàng trăm người mà Thầy không thấy được họ.

Tôi vội vã bởi ba lí do: thứ nhất, dù người ta có bao nhiêu thời gian đi chẳng nữa, người ta bao giờ cũng thấy nó không đủ. Bao giờ cũng vậy, bất kì khoảng thời gian và năng lượng nào cũng không đủ - bởi vì công việc lớn như biển cả, mà năng lượng và thời gian người ta có giống như lỗ hổng trên lòng bàn tay. Cho dù người ta có là một Phật, hay một Mahavira, một Krishna hay một Christ, nỗ lực cũng không thể lớn hơn lỗ hổng trên lòng bàn tay, và sự dàn trải của công việc bao la như biển cả.

Đây là vội vàng bình thường duy nhất, là điều thông thường. Nhưng còn có vội vàng cho các lí do khác nữa. Một số thời kì thời gian chuyển chậm tới mức thời gian dường như không di chuyển chút nào. Khi chúng ta nhìn vào quá khứ lịch sử của mình, chúng ta sẽ thấy rằng thời gian quen di chuyển rất chậm. Thế rồi có một số kỉ nguyên nó lại chuyển nhanh, trong đó mọi thứ dường như di chuyển với tốc độ cao. Ngày nay chúng ta đang trong kỉ nguyên chuyển nhanh như vậy. Mọi thứ đang chuyển với tốc độ cao, và không cái gì dường như còn tĩnh tại hay ổn định cả. Nếu tôn giáo tiếp tục chuyển như tốc độ chậm cổ đại của nó, thì nó sẽ bị tụt lại sau và chết.

Trong những ngày xưa, thậm chí khoa học cũng chuyển động chậm chạp. Trong mười nghìn năm chiếc xe bò kéo vẫn còn như cũ. Xe bò kéo vẫn còn là xe bò kéo và thợ rèn quen dùng cùng dụng cụ cổ. Mọi thứ chuyển chậm chạp như dòng sông di chuyển trên những đồng bằng không nghiêng. Bạn sẽ không biết chút nào rằng cái gì đang di chuyển. Bờ của những dòng sông đó vẫn còn lại đây đó.

Trong những thời như vậy, tôn giáo cũng chuyển chậm chạp. Có một loại hài hoà trong chuyển động đó, và khoa học và tôn giáo cả hai đều sóng bước với nhau. Nhưng bây giờ tôn giáo đi chậm trong khi khoa học và những thứ khác lại chuyển với nhịp nhanh hơn. Với những điều kiện này, nếu tôn giáo tụt lại sau và bước đi ngần ngại, thế thì chẳng ngạc nhiên gì mọi người sẽ không có khả năng bước cùng với nó. Với lí do này nên cũng có vội vã.

Nhìn vào tốc độ mà tri thức của thế giới về vật chất đang tăng lên và tốc độ mà khoa học đang tiến bộ nhanh, tôn giáo thực tế đáng phải còn lại đâu đó phía trước khoa học và đạt tới một tốc độ cao hơn - bởi vì bất kì khi nào tôn giáo tụt lại đằng sau khoa học, nó đều gây ra tai hại lớn. Tôn giáo nên vẫn còn ở phía trước chút ít để hướng dẫn, bởi vì một ý tưởng bao giờ cũng phải vẫn còn ở phía trước một chút; nếu không thì ý tưởng trở thành vô nghĩa. Ý tưởng bao giờ cũng nên đi trước thành tựu và nên vượt ra ngoài nó. Đây là sự khác biệt cơ bản giữa tôn giáo và khoa học.

Nếu chúng ta nhìn lại thời đại của Ram, tôn giáo bao giờ cũng ở phía trước ông ấy. Nếu chúng ta nhìn vào kỉ nguyên hiện đại, con người bao giờ cũng ở phía trước tôn giáo. Ngày nay duy nhất người có thể trở thành tôn giáo là người rất lạc hậu. Có lí do cho điều này: chỉ là vì người như vậy một

mình mới có khả năng giữ cùng bước với tôn giáo. Ngày nay, con người càng tiến bộ, người đó càng xa với tôn giáo, hay ngược lại mối quan hệ của người đó với tôn giáo sẽ chỉ còn là hình thức - sẽ chỉ để trưng bày. Cho nên tôn giáo phải vẫn còn ở hàng đầu.

Nếu chúng ta nhìn lại vào thời Phật hay Mahavira, sẽ rất ngạc nhiên mà biết rằng những người có tâm trí giỏi nhất trong thời của họ là người tôn giáo. Nhưng trong nền văn minh của chúng ta, nếu chúng ta nhìn vào người tôn giáo hiện đại, người đó có trí thông minh kém hơn. Trong những ngày ấy, những người đã là lãnh tụ, những người đã đạt tới đỉnh, đều là những người tôn giáo. Còn bây giờ, những người quê mùa, thô sơ và lạc hậu là người tôn giáo. Những tâm trí thông minh hơn của thời đại chúng ta lại không mang tính tôn giáo. Điều này có nghĩa là tôn giáo là không có khả năng đi lên trước con người. Bởi lí do đó nữa mà tôi đang vội vã.

Một lí do khác cho vội vã là ở chỗ đây là thời kì khẩn cấp, thời khủng hoảng. Chẳng hạn, khi bạn đi tới bệnh viện, chân bạn có nhịp đi nhanh hơn khi bạn đi tới cửa hàng. Tốc độ bạn dùng để đi tới bệnh viện là tốc độ của sự khẩn cấp hay khủng hoảng. Ngày nay, trạng thái của mọi vật đều gần như tới mức nếu tôn giáo nào đó không thể tạo ra và thúc đẩy một phong trào mạnh mẽ, có thể là toàn bộ nhân loại sẽ bị triệt tiêu.

Đây là thời kì khẩn cấp, giống như khẩn cấp được chấp nhận ở bệnh viện. Có thể là bệnh nhân sẽ chết trước khi tới bệnh viện hay trước khi bắt kì thuốc men nào có thể được cấp hay vào lúc bệnh được chẩn đoán, nhưng những tác động xấu của hoàn cảnh thịnh hành này không ảnh hưởng tới bất kì nhà tư tưởng tôn giáo nào. Thay vì vậy, chúng ảnh hưởng tới các thể hệ trẻ hơn của toàn thế giới, và chúng đã đánh mạnh nhất vào các thể hệ trẻ hơn của các quốc gia đã phát triển.

Nếu các bậc cha mẹ người Mỹ bảo con trai học hành mười năm trong đại học để cho anh ta có thể kiếm được việc tốt, người con cãi lại bằng việc hỏi liệu có bảo đảm rằng anh ta sẽ sống được mười năm hay không. Bố mẹ không thể có câu trả lời. Tại Mỹ, ít có tin cậy vào ngày mai. Ngày mai không thể được tin cậy; không thể chắc chắn liệu thậm chí người đó mai sẽ có hay không. Do đó, có ham muốn để tận hưởng hôm nay nhiều hết sức có thể được.

Điều này không phải là ngẫu nhiên. Nó cũng giống như bệnh nhân nằm trên giường chết và có thể chết vào bất kì khoảnh khắc nào. Toàn bộ nhân loại đang trở thành giống như thế. Có vội vã, bởi vì nếu chẩn đoán chậm chạp, có thể không còn phương cách chữa nhanh chóng. Do đó, tôi đang vội vã là bất kì cái gì cần được làm thì phải làm cho nhanh.

Về phát biểu của tôi rằng tôi sẽ chuyển từ thành phố nọ sang thành phố kia: cho tới giờ, theo một nghĩa nào đó, tôi đã làm xong việc đó. Tôi có trong tâm trí một số người; bây giờ vấn đề là làm việc với họ. Nhưng khó khăn là

ở chỗ đáng ra tốt hơn thì thay vì tôi nhớ họ trong tâm trí, họ lại nhớ tôi trong tâm trí. Chừng nào mà tôi còn chưa tới trong tâm trí họ, chẳng cái gì khác có thể được làm.

Nhưng tôi cũng đã bắt đầu công việc này rồi. Việc đi và tới của tôi hay việc ở lại của tôi tất cả đều theo mục đích làm điều gì đó. Sau khi chuẩn bị vài người, tôi muốn phái họ trong hai năm tới các thành phố khác nhau. Họ sẽ đi. Không phải một trăm mà là mười nghìn người sẽ được chuẩn bị. Những thời khủng hoảng này đầy những tiềm năng như chúng đầy những nguy hiểm. Nếu thời gian được sử dụng đúng đắn, những tiềm năng lớn hơn được phát triển ra; bằng không kết quả là thảm họa.

Nhiều người có thể được chuẩn bị. Đây là thời gian cho việc làm táo bạo, và nhiều người có thể được chuẩn bị cho việc nhảy vào cái chưa biết. Điều đó sẽ xảy ra. Tôi đã nói với các bạn về trạng thái bên ngoài của mọi vật. Nhưng bất kì khi nào một thời đại huỷ diệt xuất hiện gần, sẽ có nhiều linh hồn sẽ đạt tới những giai đoạn cuối của việc phát triển trên bình diện bên trong. Những linh hồn như vậy chỉ cần một cái đẩy, và chỉ với cái đó họ sẽ lấy cái nhảy.

Thông thường, khi cái chết được cảm thấy đang tới gần, có thể thấy rằng người ta bắt đầu nghĩ về điều ở bên kia cái chết. Mọi cá nhân bắt đầu trở thành tôn giáo trong tình huống như vậy nơi mà cái chết đang tiến lại gần người đó. Việc hỏi về cái gì ở bên kia bắt đầu tại việc tiếp cận tới cái chết. Bằng không cuộc sống của người ta vẫn còn bị dính líu nhiều đến mức việc hỏi như vậy không nảy sinh. Khi toàn thể một thời đại tiếp cận tới một hoàn cảnh gần chết, thế thì hàng triệu người bắt đầu nghĩ ở bên trong về cái gì ở cõi bên kia. Tình huống này cũng có thể được sử dụng; nó có những tiềm năng lớn.

Do đó, tôi sẽ dần dần nhốt mình vào một căn phòng: tôi sẽ chấm dứt việc đi và tới. Bây giờ tôi sẽ làm việc với những người đang trong tâm trí tôi. Tôi sẽ chuẩn bị cho họ và phái họ đi. Việc di chuyển từ chỗ nọ sang chỗ kia, điều tự bản thân tôi không thể làm được, tôi sẽ có khả năng làm được bằng việc phái mười nghìn người đi.

Với tôi, tôn giáo cũng là một tiến trình khoa học nữa, cho nên tôi có trong tâm trí mình một kĩ thuật khoa học đầy đủ cho nó. Khi mọi người sẵn sàng, kĩ thuật khoa học này sẽ được truyền cho họ. Với sự giúp đỡ của kĩ thuật đó, họ sẽ làm việc với hàng nghìn người. Sự hiện diện của tôi là không cần thiết cho điều đó. Tôi đã được yêu cầu chỉ tìm ra những người như vậy, người có thể tiến hành mục tiêu đó. Bây giờ tôi sẽ có khả năng trao công việc cho họ.

Cần phải tạo ra những nguyên tắc nào đó; điều đó đã được tôi làm. Công việc của các nhà khoa học qua rồi. Bây giờ công việc là dành cho các nhà kĩ thuật. Nhà khoa học hoàn thành công việc, như Edison khai thác điện và

phát minh ra đèn điện. Từ đó về sau, đây là công việc của thợ điện để gắn bóng đèn. Không có khó khăn trong việc đó.

Bây giờ tôi có một bức tranh gần đầy đủ về công việc phải làm. Bây giờ, sau khi trao cho mọi người khái niệm và để cho họ làm kĩ thuật này, tôi sẽ phái họ đi ngay khi họ trở nên sẵn sàng. Tất cả những điều này đều trong tâm trí tôi, nhưng những tiềm năng thì chưa được tất cả mọi người thấy. Phần lớn mọi người chỉ thấy cái thực tại. Thấy các tiềm năng là một nhiệm vụ khác, nhưng tôi có thể thấy chúng.

Các hoàn cảnh đã tồn tại trong một vùng nhỏ của Bihar trong thời của Mahavira và Phật có thể tới rất êm ả trong vài năm tới trên qui mô toàn cầu. Nhưng một kiểu người tôn giáo hoàn toàn mới sẽ phải được chuẩn bị, một kiểu sannyasin mới sẽ phải được sinh ra, một kiểu yoga mới và hệ thống thiền sẽ phải được phát minh ra. Tất cả những điều này đã có trong tâm trí tôi.

Khi tôi bắt gặp mọi người, họ sẽ được trao cho những điều này, và họ sẽ truyền thêm nữa cùng điều đó cho những người khác. Tuy nhiên, có nguy cơ nghiêm trọng, bởi vì nếu cơ hội này bị bỏ lỡ, điều đó sẽ gây tác hại lớn. Cơ hội này phải được sử dụng bởi vì thời gian quý giá như hôm nay có thể khó quay lại nữa. Từ mọi góc độ, kỉ nguyên này đang ở cực đỉnh hay ngọn của nó. Từ nay về sau, sẽ chỉ có giảm xuống. Bây giờ Mĩ sẽ không thể nào tiến thêm được nữa; nó sẽ chỉ trải qua tan rã. Nền văn minh đã chạm tới đỉnh của nó, và bây giờ nó sẽ tan rã. Đây là những năm cuối cùng.

Chúng ta đã chú ý rằng Ấn Độ đã tan rã sau Mahavira và Phật. Sau họ, cái chớp vàng đó không thể được chạm tới lần nữa. Mọi người thông thường nghĩ rằng điều này xảy ra là do Mahavira và Phật, nhưng trong thực tế cảnh ngộ đổi lập lại. Thực tại, chỉ trước khi việc tan rã bắt đầu, mọi người ở tầm cỡ của Mahavira và Phật mới có khả năng làm việc, không trước đó - bởi vì chỉ trước khi tan rã, mọi thứ là trong mất trật tự và ở ngay giai đoạn bể vụn.

Giống như cái chết đối diện với một cá nhân, vậy bây giờ cái chết lớn khuôn mặt đen tối của nó ra trước tâm thức tập thể của toàn bộ nền văn minh. Và tâm trí tập thể của nền văn minh đó trở nên sẵn sàng đi sâu vào trong địa hạt của tôn giáo và cái chưa biết. Đó là lí do tại sao có thể có việc trong một chỗ nhỏ bé như Bihar năm mươi nghìn sannyasin có thể đi cùng với Mahavira.

Điều này bản thân nó có thể lặp lại nữa; có một khả năng đầy đủ cho nó. Tôi có một kế hoạch hoàn chỉnh và một bản thiết kế tổng thể trong tâm trí mình cho điều này. Theo một nghĩa nào đó, công việc của tôi về việc tìm người tôi cần đã gần hoàn tất. Hơn nữa, họ không biết rằng tôi đã tìm thấy họ. Bây giờ tôi phải trao công việc cho họ bằng việc chuẩn bị cho họ và phái họ đi truyền bá thông điệp này.

Lúc mà nó đã là công việc của tôi, thì tôi biết điều tôi phải làm và tôi đã

làm nó tương đối dễ dàng. Nhưng bây giờ tôi phải trao công việc cho người khác; bây giờ tôi không thể vẫn còn trong sự dễ dàng đó. Tôi phải vội vã. Đây là một lí do nữa cho việc vội vã của tôi. Do đó tôi muốn làm rõ ràng cho mọi bạn bè rằng tôi đang vội đây, để cho họ cũng phải vội theo. Nếu họ cứ giữ tốc độ họ đang bước đi, họ sẽ chẳng đạt tới đâu cả. Nếu họ thấy tôi vội vã, thế thì có lẽ họ cũng sẽ tăng tốc lên; bằng không chẳng có sự tăng tốc đó.

Jesus đã phải làm điều này. Jesus nói với mọi người rằng thế giới này sắp sửa đi tới chấm dứt rồi. Nhưng mọi người ngu xuẩn tới mức rất khó cho họ hiểu. Jesus đã nói rằng ngay trước mắt họ mọi thứ sẽ bị huỷ diệt, rằng đây là thời gian cho họ để chọn lựa, và rằng những người đã không thay đổi sẽ chẳng bao giờ có được cơ hội để làm như vậy về sau nữa. Những người đã nghe và hiểu ông ấy đều trở nên được biến đổi, nhưng phần lớn mọi người cứ hỏi mãi khi nào giờ ấy sẽ đến.

Bây giờ, sau hai nghìn năm, một số học giả Ki tô giáo, các linh mục và nhà thượng đế học ngồi lại với nhau và nghĩ rằng dường như là Jesus đã phạm phải sai lầm nào đó - bởi vì mãi cho tới giờ ngày phán xử ấy vẫn chưa tới: Jesus đã nói rằng biến cố huỷ diệt thế giới sẽ xảy ra trước chính mắt họ - trong khi ông ấy còn ở đó - rằng ngày thanh toán sẽ tới và rằng những người bỏ lỡ sẽ bỏ lỡ mãi mãi. Nhưng thời điểm đó vẫn chưa tới.

Đây là sai lầm của Jesus hay chúng ta đã hiểu lầm ông ấy? Một số người nói rằng ông ấy đã phạm phải sai lầm lớn thế bởi vì ông ấy đã không biết gì về vật chất cả, và do đó có thể có nhiều điều khác mà Jesus cũng không biết nốt. Vậy mà những người khác lại nói rằng có cái gì đó sai trong việc diễn giải của chúng ta về kinh sách. Nhưng không người nào trong số người này biết rằng có những lí do sâu sắc và mục đích có tính toán đằng sau điều những người như Jesus nói. Bằng việc nói những điều này, Jesus đã tạo ra một bầu không khí khẩn cấp trong đó nhiều người trở nên được biến đổi.

Mọi người trở nên được biến đổi chỉ trong lúc khẩn cấp. Nếu người ta biết rằng người ta có thể biến đổi ngày mai hay thậm chí ngày kia, người đó sẽ không làm gì cả vào hôm nay; người đó sẽ trì hoãn nó cho ngày mai hay ngày kia. Nhưng nếu người đó biết rằng không có ngày mai, thế thì khả năng đó cho việc biến đổi tới trong bản thể.

Theo một cách, khi nền văn minh đang trên bờ của sự tan rã, ngày mai trở thành không chắc chắn. Người ta không chắc về ngày hôm sau. Thế thì hôm nay phải được cô đọng tới mức nó có thể hoàn tất mọi điều phải được làm. Nếu người ta phải tận hưởng, người ta phải làm điều đó hôm nay. Nếu người đó phải buông xuôi và từ bỏ, thì thế nữa người đó cũng phải làm hôm nay. Thậm chí người ta phải phá huỷ bản ngã hay biến đổi, điều đó cũng phải được làm vào hôm nay.

Cho nên ở châu Âu và Mỹ, một tâm tính quả quyết, tích cực đã tới trong con người rằng bất kì cái gì người ta muốn làm đều phải được làm hôm nay:

"Quên lo nghĩ về ngày mai đi. Nếu bạn muốn uống rượu, uống đi; nếu bạn muốn hưởng thú, hưởng thú đi; nếu bạn muốn đánh cắp, đánh cắp đi. Bất kì điều gì bạn muốn làm, làm nó hôm nay đi." Trên bình diện vật chất, điều này đã xảy ra.

Tôi muốn điều này cũng xảy ra trên bình diện tâm linh nữa. Điều này có thể chạy song song với điều đang xảy ra trên bình diện vật chất. Tôi đang trong vội vã lớn cho ý tưởng này bùng lên. Dứt khoát là ý tưởng này sẽ tới từ phương Đông. Chỉ gió Đông mới có thể mang nó sang phương Tây, và phương Tây sẽ nhảy vào trong nó với sự hăng hái hoàn toàn.

Có những nơi đặc biệt thích hợp cho việc dâng lên và trưởng thành của những điều nào đó. Mọi kiểu cây đều không thể phát triển được trong mọi nước. Có những gốc rễ đặc thù, loại đất đặc thù, loại khí hậu đặc thù và nước đặc thù cần cho sự phát triển của những điều gì đó. Tương tự, mọi kiểu ý tưởng cũng không thể nảy sinh ở mọi nơi, bởi vì gốc rễ, đất đai, khí hậu và nước khác nhau là cần cho chúng nữa.

Khoa học đã không thể phát triển được ở phương Đông. Vì cây đó không có gốc rễ ở phương Đông. Tôn giáo đã có thể phát triển ở phương Đông bởi vì với điều đó phương Đông có gốc rễ sâu sắc. Khí hậu, đất đai và nước - mọi thứ cần cho sự phát triển của nó - đều có sẵn ở phương Đông. Nếu khoa học đã tới phương Đông, nó chỉ tới từ phương Tây. Nếu tôn giáo tới phương Tây, nó sẽ chỉ từ phương Đông.

Đôi khi cũng có ngoại lệ cho điều này. Chẳng hạn, Nhật Bản, một nước phương Đông, có thể thách thức bất kì nước phương Tây nào về khoa học. Nhưng điều thú vị là để ý rằng Nhật Bản chỉ bắt chước; nó không thể là bản gốc được. Nhưng nó bắt chước theo cách mà ngay cả bản gốc trông cũng có vẻ mờ nhạt trước nó. Nhưng dẫu vậy, nó vẫn là bắt chước. Nhật Bản không phát minh ra cái gì. Nếu Nhật Bản làm ra radio, nó có thể mưu mẹo hơn Mỹ trong việc làm như vậy, nhưng nó phải sao chép cái cơ sở. Nhật Bản sẽ rất tài năng trong việc sao chép, nhưng hạt mầm sẽ tới từ các nước phương Tây. Nó sẽ gieo hạt mầm này và chăm nom cây cẩn thận, nhưng nó sẽ chẳng bao giờ có hạt mầm nguyên gốc của riêng mình.

Với tôn giáo cũng thế, Mỹ có thể lộng lẫy và vượt qua phương Đông. Một khi hạt mầm của tôn giáo đạt tới đó, thì Mỹ sẽ vượt trội hơn phương Đông trong sự phát triển của nó. Nhưng đồng thời, điều này sẽ là bắt chước. Sáng kiến, bước đi đầu tiên trong vấn đề này, nằm trong tay của phương Đông.

Đó là lí do tại sao tôi đang vội vã lớn trong việc lập kế hoạch để chuẩn bị cho mọi người ở phương Đông, những người có thể được phái sang phương Tây. Tia lửa sẽ bắt cháy như chất cháy ở phương Tây, nhưng nó phải tới từ phương Đông.

5. Sinh thành của con người mới

Biến cố nào làm cho Thầy hướng tới tâm linh? Phép màu đó là gì?

Đã không có biến cố như vậy. Việc xảy ra nhiều lần là biến cố nào đó xuất hiện và một người lấy bước ngoặt trong cuộc sống. Việc cũng xảy ra là xem như kết quả của tác động tập thể của nhiều biến cố, cuộc đời của một người được thay đổi. Trong cuộc sống của tôi không có những biến cố có thể được lựa ra như đã gây ra sự thay đổi như vậy. Tuy nhiên, có nhiều biến cố mà tác động tập thể của chúng có thể đã gây ra điểm ngoặt, nhưng khi nào điều này xảy ra thì không thể được xác định. Hơn nữa, tôi không nghĩ tôi đã bao giờ "biến thành tâm linh." Tôi đã theo hướng đó rồi. Tôi không nhớ ngày nào khi tôi không nghĩ về tâm linh. Từ chính những kí ức đầu tiên của mình, tôi đã từng nghĩ về nó.

Nhiều biến cố đã xuất hiện mà trong đó tác động tập thể là cần được xem xét tới. Tôi không nhớ một biến cố riêng biệt nào là nổi bật cả. Thông thường, đôi khi chỉ một cái cớ cũng đủ làm chệch tâm trí một cách bất thần. Tuy nhiên, tôi tin rằng tâm trí bị làm chệch đi hướng tới cái gì đó chỉ bởi một biến cố thì cũng có thể trở lại nữa. Nhưng nếu việc rẽ ngoặt là kết quả tập thể của nhiều biến cố, thế thì không có việc trở lại bởi vì việc rẽ ngoặt đó là sâu sắc hơn và đã đi vào trong nhiều tầng của nhân cách con người ta. Cũng như bởi một cú huých bạn có thể bị buộc vào một chiều hướng nào đó, cho nên cũng có thể có cú huých khác theo hướng ngược lại gây ra cho bạn trở lại.

Lần nữa, rẽ ngoặt chỉ bởi một cú huých là một kiểu phản ứng lại. Nó là có thể, nhưng bạn lại không sẵn sàng đầy đủ cho nó và bạn đơn giản trở thành bị chệch hướng. Khi tác động của cú huých đó tan biến, bạn có thể trở lại. Nhưng nếu mọi khoảnh khắc của cuộc sống dần dần và vững chắc đưa bạn tới một trạng thái nơi thậm chí bản thân bạn cũng không có khả năng quyết định được làm sao bạn có thể tới đó, việc trở lại từ phản ứng đó là không thể được - bởi vì thế thì thậm chí điều kiện đó trở thành một phần của hơi thở bạn, nói đại loại như vậy.

Tuy nhiên, một kí ức trong cuộc sống của tôi mà đáng nhớ là kí ức về cái chết. Khó mà nói được tôi có thể đã nghĩ cái gì vào ngày đó. Thời thơ ấu của tôi trôi qua tại nhà ông bà ngoại tôi và tôi đã có tình yêu lớn với họ. Tôi đã không ở với mẹ và bố tôi trong thời thơ ấu mà với ông bà ngoại tôi.

Mẹ tôi là đứa con duy nhất của họ. Họ cảm thấy rất đơn độc, cho nên họ muốn nuôi tôi. Do đó, cho tới bảy tuổi, tôi đã ở với họ. Tôi đã coi họ như mẹ và bố tôi. Họ rất giàu có và đủ mọi tiện nghi có thể có. Do đó, tôi đã được nuôi lớn như một hoàng tử. Tôi có tiếp xúc với bố và mẹ tôi chỉ sau cái chết

của ông bà ngoại tôi. Việc ra đi của họ và cách thức mà theo đó việc đó xảy ra trở thành kí ức có giá trị đầu tiên với tôi bởi vì tôi đã chỉ yêu họ và nhận tình yêu từ họ. Việc ra đi của họ là rất kì lạ. Cái làng mà họ đã ở vào quãng ba mươi hai dặm xa cách với mọi thành phố. Tại đó chẳng có bác sĩ mà cũng không *vaidya*, người hành nghề thuốc ayurvedic.

Trong ngày đợt tấn công đầu tiên của cái chết vào ông tôi, ông đã mất tiếng nói. Trong hai mươi bốn giờ chúng tôi chờ đợi trong làng để cái gì đó xảy ra. Tuy nhiên, chẳng có gì cải thiện cả. Tôi nhớ lại cuộc vật lộn về phần ông trong nỗ lực nói điều gì đó, nhưng ông đã không thể nói được. Ông đã muốn nói điều gì đó, nhưng không thể nói ra được điều đó. Do đó, chúng tôi đã phải đưa ông vào thành phố trong chiếc xe bò kéo. Dần dần các giác quan của ông cứ mất đi, hết cái nọ đến cái kia. Ông đã không chết ngay lập tức, mà chết dần và đau đớn. Đầu tiên tiếng nói của ông dừng lại, thế rồi đến việc nghe của ông. Thế rồi ông nhắm mắt. Trong chiếc xe bò kéo, tôi đã quan sát mọi thứ một cách thật gần, và có một khoảng cách dài ba mươi hai dặm đường đi.

Bất kì cái gì xảy ra cũng dường như bên ngoài việc hiểu biết của tôi. Đây là cái chết đầu tiên được tôi chứng kiến, và tôi thậm chí đã không hiểu rằng ông đã chết. Nhưng dần dần mọi giác quan của ông đều mất đi và ông trở thành vô thức. Trong khi chúng tôi còn ở gần thành phố, ông đã chết một nửa rồi. Sau đó ông đã không trở lại có ý thức, nhưng trong ba ngày ông vẫn tiếp tục thở. Ông đã chết một cách không có ý thức.

Việc mất dần giác quan của ông và việc chết cuối cùng của ông trở thành được khắc ghi rất sâu trong kí ức của tôi. Chính ông là người mà tôi có mối quan hệ sâu sắc nhất. Với tôi, ông là đối tượng tình yêu duy nhất, và bởi vì cái chết của ông mà có lẽ, tôi đã không có khả năng cảm thấy gắn bó với bất kì ai khác nhiều đến thế. Kể từ đó trở đi, tôi đã một mình.

Điều kiện một mình này đã nắm giữ tôi từ bảy tuổi trở đi. Tính một mình trở thành bản chất của tôi. Cái chết của ông đã giải phóng cho tôi mãi mãi khỏi mọi mối quan hệ. Cái chết của ông với tôi trở thành cái chết của mọi gắn bó. Từ đây về sau, tôi không thể nào thiết lập được mối quan hệ với bất kì ai. Bất kì khi nào mối quan hệ của tôi với bất kì ai bắt đầu trở nên thân mật, cái chết đó lại nhìn vào tôi. Do đó, với bất kì ai tôi đã kinh nghiệm sự gắn bó nào đó, tôi đều cảm thấy nếu không phải hôm nay, thì ngày mai người đó cũng có thể chết.

Một khi một người trở nên nhận biết rõ ràng về tính chắc chắn của cái chết, thế thì khả năng cho gắn bó bị lỏng dần theo cùng tỉ lệ. Nói cách khác, gắn bó của chúng ta đều dựa trên việc quên lãng về sự kiện chết. Với bất kì người nào chúng ta yêu mến, chúng ta vẫn tiếp tục tin rằng cái chết không phải không thể tránh được. Đó là lí do tại sao chúng ta nói về tình yêu như cái bất tử. Chính khuynh hướng của chúng ta là tin rằng bất kì ai chúng ta

yêu mến đều sẽ không chết.

Nhưng với tôi tình yêu là lúc nào cũng vậy bởi vì bị liên kết với cái chết. Điều này có nghĩa là tôi không có khả năng yêu nếu không nhận biết về cái chết. Có thể có tình bạn, có thể có từ bi, nhưng không có si mê - và do vậy tôi càng nghĩ về nó mãnh liệt, điều đó càng trở nên rõ ràng với tôi mỗi ngày.

Vậy, cái điên khùng của cuộc sống đã không ảnh hưởng tới tôi. Cái chết đã nhìn vào tôi trước khi việc xô vào cuộc sống bắt đầu. Biến cố này có thể được coi như biến cố đầu tiên để lại tác động và ảnh hưởng sâu sắc vào tâm trí tôi. Từ ngày đó trở đi, mọi ngày, mọi khoảnh khắc, nhận biết về cuộc sống lúc nào cũng vậy đã trở thành được gắn với nhận biết về cái chết. Từ đó trở đi, hiện hữu hay không hiện hữu đều có cùng giá trị với tôi. Vào cái tuổi non nớt như vậy, cái đơn độc đã xâm chiếm tôi.

Sớm hay muộn trong cuộc sống - trong tuổi già - cái đơn độc cũng xâm chiếm mọi người. Nhưng nó đã xâm chiếm tôi trước khi tôi biết bạn bè có nghĩa gì. Tôi có thể sống với mọi người, nhưng dù tôi trong đám đông hay trong xã hội, với bạn bè hay người thân, tôi vẫn cứ một mình. Không cái gì động chạm vào tôi cả; tôi vẫn còn không bị đụng chạm.

Khi cái cảm giác đầu tiên về đơn độc trở nên ngày một sâu sắc hơn, một cái gì đó mới bắt đầu xảy ra trong cuộc sống. Ban đầu cái đơn độc đó đã làm cho tôi bất hạnh, nhưng dần dần nó bắt đầu đổi thành hạnh phúc - bởi vì chính qui tắc là khi chúng ta trở nên bị gắn bó với bất kì ai hay bất kì cái gì, theo cách này hay cách khác chúng ta đều quay đi khỏi việc đối diện với chính mình. Thực tại, ham muốn về gắn bó với ai đó hay cái gì đó là một phương cách để thoát khỏi cái ta của riêng mình. Và khi người khác cứ trở nên ngày một quan trọng với chúng ta, với chính cùng một mức độ người đó trở thành trung tâm cho chúng ta và chúng ta trở thành ngoại vi.

Chúng ta liên tục vẫn còn là bị định tâm vào người khác trong cả đời. Thế thì cái ta riêng của mình không bao giờ có thể trở thành trung tâm được. Với tôi, khả năng của bất kì ai khác trở thành trung tâm của tôi đã bị phá hủy trong ngay bước đầu tiên của cuộc sống. Trung tâm đầu tiên mới được tạo ra đã bị phá hủy, và không có cách nào khác ngoài việc trở lại cái ta riêng của tôi. Nói đại thể, tôi đã bị ném lại về chính cái ta riêng của mình. Dần dần, điều đó đã làm cho tôi ngày càng hạnh phúc hơn. Về sau tôi đi tới cảm thấy rằng việc quan sát gần gũi cái chết vào lúc tuổi non nớt đã trở thành ân huệ trá hình cho tôi. Nếu cái chết như vậy mà xuất hiện vào lứa tuổi muộn hơn, có lẽ tôi sẽ tìm vật thay thế khác cho ông tôi rồi.

Cho nên tâm trí càng chưa chín và hồn nhiên, càng khó cho nó trở nên thay thế một đối tượng yêu. Tâm trí càng láu lỉnh, khéo léo, tinh ranh và tính toán, càng dễ cho nó trở nên thay thế hay thế cái khác vào cái đã mất. Bạn càng thay thế nhanh chóng, bạn càng sớm trở nên tự do với bất hạnh bị đưa tới từ đối tượng thứ nhất. Nhưng với tôi thì đã không thể nào tìm ra cái thay

thế vào chính cái ngày đó khi cái chết xuất hiện.

Trẻ con không có khả năng tìm ra vật thay thế một cách dễ dàng. Chỗ của vật yêu mến mà bị mất vẫn còn trống rỗng. Bạn càng già, bạn càng có thể lấp đầy cái trống rỗng nhanh chóng hơn, bởi vì thế thì người ta có thể nghĩ. Một lỗ hổng trong ý nghĩ có thể được lấp đầy nhanh chóng, nhưng trống rỗng tình cảm thì không thể được lấp đầy nhanh chóng. Một ý nghĩ có thể thuyết phục người ta nhanh chóng hơn, nhưng trái tim không thể thuyết phục được. Và vào tuổi còn non nớt khi người ta chưa có khả năng suy nghĩ mà chỉ có khả năng cảm, khó khăn là lớn hơn.

Do đó, người khác có thể không trở thành quan trọng với tôi theo nghĩa là điều đó có thể cứu tôi khỏi cái ta của riêng tôi. Cho nên tôi đã phải sống chỉ với cái ta của riêng tôi. Ban đầu điều này dường như đem cho tôi bất hạnh, nhưng dần dần nó bắt đầu cho tôi kinh nghiệm về hạnh phúc. Từ đó về sau, tôi đã không chịu bất kì bất hạnh nào nữa.

Lí do cho bất hạnh nằm ở trong việc gắn bó bản thân chúng ta với người khác, trong sự trông đợi từ người khác, trong hi vọng thu được hạnh phúc từ người khác. Bạn chưa bao giờ thực tế thu được hạnh phúc, nhưng hi vọng bao giờ cũng kéo dài. Và bất kì khi nào hi vọng đó dọn đường, thất vọng bắt đầu.

Vậy, trong ngay chính kinh nghiệm đầu tiên, tôi đã trở nên thất vọng với người khác tới tột mức tôi đã không thử lần nữa. Chiều hướng đó đã đóng lại với tôi, và do vậy từ đó trở đi tôi chưa bao giờ trở nên bất hạnh. Thế thì một kiểu hạnh phúc mới bắt đầu được kinh nghiệm mà không bao giờ có thể tới từ người khác. Hạnh phúc không bao giờ có thể tới được từ người khác cả; điều được tạo ra chỉ là hi vọng về hạnh phúc tương lai. Thực tại, chỉ cái bóng của hạnh phúc là được nhận.

Đích xác điều ngược lại là tình huống khi người ta đương đầu với chính mình lần đầu tiên. Khi đương đầu với chính mình, bất hạnh được kinh nghiệm ngay từ ban đầu, nhưng hạnh phúc đích thực dần tới khi sự đương đầu đó tiếp tục. Ngược lại, đương đầu với người khác cho hạnh phúc lúc bắt đầu, nhưng bất hạnh là ở cuối.

Cho nên, với tôi, việc bị ném về bản thân mình bắt đầu cho cuộc hành trình hướng tới tâm linh. Cách thức chúng ta trở nên bị ném lại theo cách này là vấn đề khác. Cuộc sống tạo ra nhiều cơ hội để được ném trở lại chính mình. Nhưng chúng ta càng thông minh, chúng ta càng nhanh chóng trong việc giải thoát bản thân mình khỏi cơ hội như vậy. Vào những khoảnh khắc như vậy chúng ta đi ra khỏi bản thân mình.

Nếu vợ tôi chết, tôi ngay lập tức đi tìm, và thế rồi tôi cưới vợ khác. Nếu bạn tôi bị mất, tôi bắt đầu tìm bạn khác. Tôi không thể để bất kì lỗ hổng nào. Bằng việc lấp đầy lỗ hổng đó, cơ hội mà tôi có để trở lại với cái ta riêng của mình bị mất trong một khoảnh khắc, cùng với những khả năng mệnh mông

của nó.

Nếu tôi trở nên quan tâm tới người khác, tôi sẽ làm mất cơ hội du hành hướng về cái ta. Tôi đã trở thành một loại người lạ với người khác. Nói chung, chính tại độ tuổi non nớt này mà chúng ta trở nên có quan hệ với người khác, khi chúng ta được chấp nhận vào xã hội. Đó là độ tuổi khi chúng ta được điểm đạo, nói đại thể, bởi xã hội muốn hấp thu chúng ta. Nhưng tôi chưa bao giờ bị điểm đạo vào xã hội. Nó chỉ không thể xảy ra được. Bất kì khi nào tôi đi vào trong xã hội, tôi cũng đều đi vào như một cá nhân và tôi vẫn còn xa cách và tách biệt như một hòn đảo.

Tôi không nhớ rằng tôi đã từng trau dồi bất kì tình bạn nào, mặc dầu có nhiều người muốn là bạn tôi. Nhiều người đã làm bạn với tôi, và họ thích thú làm bạn với tôi bởi vì không thể làm tôi thành kẻ thù. Nhưng tôi không nhớ rằng tôi đã bao giờ đi theo ý muốn riêng của mình với bất kì ai để làm bất kì người bạn nào. Nếu ai đó tự ném bản thân mình vào tôi, đấy lại là vấn đề khác. Không phải là tôi chưa bao giờ đón mừng tình bạn. Nếu ai đó làm bạn của tôi, tôi toàn tâm toàn ý đón chào điều đó. Nhưng cho dù thế thì tôi cũng không thể nào trở thành người bạn theo nghĩa bình thường. Tôi bao giờ cũng còn tách rời.

Nói tóm lại, thậm chí trong khi học trong trường, tôi vẫn còn xa cách. Không thầy giáo nào, không bạn bè cùng học nào, không với bất kì người nào khác mà tôi có thể phát triển mối quan hệ đến mức sẽ ngập chìm tôi hay phá vỡ con người tôi như một hòn đảo. Bạn bè tới và cũng ở lại với tôi. Tôi đã gặp nhiều người nữa; tôi có nhiều bạn bè. Nhưng từ phía tôi đã chẳng có gì có thể làm cho tôi phụ thuộc vào họ hay sẽ gây cho tôi nhớ tới họ.

Điều thú vị là để ý rằng tôi không nhớ ai cả. Điều chưa bao giờ xảy ra là tôi ngồi suy nghĩ về ai đó với cảm giác rằng nếu như tôi gặp người đó thì chắc sẽ rất thích. Nếu ai đó gặp tôi, điều đó làm cho tôi rất sung sướng, nhưng tôi không trở nên bất hạnh do việc không gặp ai đó. Với trạng thái vui sướng tối thượng, tôi tin rằng chỉ cái chết của ông tôi mới là nguyên nhân. Cái chết đó đã ném tôi trở lại với bản thân mình thường xuyên. Tôi đã không có khả năng trở lại từ trung tâm. Do tình huống này của việc là người ngoài, người lạ, mà tôi đã thấy những chiều hướng mới của kinh nghiệm. Chính một điều kiện là mặc dầu tôi ở giữa mọi thứ, tôi vẫn tiếp tục vẫn còn ở ngoài.

Tôi trở thành một vũ trụ lên chính mình. Kinh nghiệm mới này - và cũng là kinh nghiệm lạ nữa - đã cho tôi một loại nỗi đau, mặc dầu nó là nỗi đau vui mừng. Nó cũng giống thế này: điều mà vào thời trẻ đó tôi bắt đầu cảm thấy và kinh nghiệm thì là một loại chín chắn và cao tuổi. Trong kinh nghiệm này không có bản ngã tham dự, nhưng tính cá nhân vẫn có đó, và điều đó đặt tôi vào một số tình huống bối rối.

Chẳng hạn, tôi không thể nào chấp nhận được bất kì ai làm thầy giáo của mình mà qua đó tôi bao giờ cũng sẵn sàng là học trò. Nhưng tôi đã không

tìm thấy ai mà tôi có thể gọi là thầy mình. Mọi người tôi tìm thấy đều quá dính líu vào với cuộc sống. Không người nào chưa thấy cái chết lại có thể trở thành thầy giáo của tôi. Tôi muốn kính trọng, nhưng tôi không thể kính trọng được. Tôi có thể kính trọng dòng sông, núi non và thậm chí tảng đá, nhưng không kính trọng con người. Điều này là một tình huống rất lúng túng, và nó đặt tôi vào khó khăn lớn.

Tôi đã không gặp những thầy giáo như vậy mà tôi có thể kính trọng một cách tự phát, bởi vì tôi chưa bao giờ cảm thấy rằng đã có bất kì cái gì mà bất kì ai biết về nó lại tuyệt đối đúng, mà không có nó thì cuộc sống chẳng thể có ý nghĩa gì. Nhiều lần tôi đã cảm thấy rằng nhiều thầy giáo khác nhau đang nói và làm những điều có vẻ ngây thơ - mà thậm chí tôi, vào độ tuổi đó, cũng sẽ không nói hay làm. Do đó, tôi chưa bao giờ cảm thấy rằng tôi là đứa trẻ nhỏ và rằng tôi nên vẫn còn dưới sự bảo hộ và hướng dẫn của ai đó. Không phải là tôi đã không đi tới bất kì ai: tôi đã đi tới nhiều người, nhưng tôi bao giờ cũng quay trở về với đôi bàn tay trắng và cảm thấy rằng mọi điều đã được truyền thì tôi cũng đã biết. Chẳng có gì có thể được học từ họ cả.

Do đó, một khó khăn nảy sinh trong đó nhiều lần người khác cảm thấy tôi rất ích kỉ. Điều đó là tự nhiên đối với họ để cảm thấy theo cách đó bởi vì tôi đã không thể nào kính trọng và tôn kính bất kì ai hay vâng theo mệnh lệnh của bất kì ai. Mọi người đều cảm thấy rằng tôi là người trơ tráo và chuyên gây nổi loạn. Cho tới một tuổi đặc biệt nào đó, với các thầy giáo của mình, với người lớn của và với mọi người, tôi đã từng là người bất lịch sự, kẻ nổi loạn, và kẻ ích kỉ, và họ không hi vọng rằng bao giờ tôi sẽ thành hữu dụng gì cho bất kì ai trong cuộc sống này.

Trong bất kì cái gì họ đã đặt niềm tin đơn giản, tôi cũng đều không thể nào đặt bất kì niềm tin nào hết cả, và cái mà họ chẳng bao giờ hoài nghi, tôi bao giờ cũng hoài nghi. Với bất kì cái gì họ bao giờ cũng đứng cúi đầu trong tư thế *pranam*, tôi thậm chí không thể khoanh tay lại. Tôi chưa bao giờ cảm thấy phải làm như vậy cả. Tôi chưa bao giờ cố gắng để tự lừa dối mình, mà tôi cũng không học bất kì đạo đức giả nào. Nếu tôi không có tin cậy, thì nó là vậy: tôi chẳng thể dùng được điều đó, tôi đã không cố gắng để biểu lộ bất kì cái gì mà tôi đã không tin là đúng.

Do đó, điều này tạo ra một số khó khăn, nhưng điều đó cũng có ưu điểm của nó. Tôi đã bị ném lại bản thân mình từ hướng khác nữa, bởi vì tôi chưa bao giờ tin hay cảm thấy rằng chân lí lại có thể được học từ họ. Chỉ có mỗi một cách học - học chỉ từ chính bản thân mình. Do đó tôi chưa bao giờ biết tới bất kì ai làm guru của mình. Tôi là guru của mình và là đệ tử nữa. Nếu tôi không thể theo được bất kì ai một cách mù quáng, phương án duy nhất còn lại là tìm kiếm theo cách riêng của mình. Không có ai chỉ cho tôi con đường mà tôi có thể theo. Tôi phải tự mình bước lấy.

Kết quả giá trị nhất của điều này là ở chỗ tôi phải lát con đường riêng của

mình, đi theo suy xét của riêng mình, và trong mọi vấn đề phải ra quyết định riêng của mình. Không có vấn đề về việc nhận sự giúp đỡ của bất kì ai. Việc cứ bị ném đi ném lại vào bản thân mình đã tỏ ra rất có giá trị.

Điều này không có nghĩa là tôi không tin cậy vào mọi người hay không có nghĩa là tôi biểu lộ bất kì sự khinh thường hay bất kính với bất kì ai. Tôi đơn giản không thể kính trọng bất kì ai, và kết quả tự nhiên của mọi điều này là ở chỗ hoài nghi của tôi đã trở thành ngày một mạnh hơn. Tôi hoài nghi mọi điều.

Thái độ này cũng đã trở thành hữu dụng khi tôi bắt đầu đọc và viết. Dù tôi nghiên cứu Gita, Koran, Kinh Thánh hay dù tôi nghiên cứu Phật hay Mahavira, bản năng hoài nghi đó bao giờ cũng đi cùng tôi. Chưa bao giờ xảy ra là tôi sẽ giữ Krishna trên cao một chút với các thần khác và giết chết mọi hoài nghi của mình. Hoài nghi bao giờ cũng còn lại với tôi. Do đó, không cuồng tín nào, không mù quáng nào, không đi theo hay sùng bái với chỉ một tôn giáo đặc biệt nào có thể phát sinh.

Kết quả tối cao của tất cả những điều này là ở chỗ tôi vẫn còn lại không có bất kì kết luận nào, đầy những câu hỏi và nhiều câu hỏi và hoài nghi. Không có câu trả lời chung cuộc về mọi thứ. Bất kì câu trả lời nào có đó đều thuộc về người khác, còn tôi đã không thể nào tin cậy vào câu trả lời của bất kì ai được. Câu trả lời của người khác chỉ làm mỗi một điều với tôi, và đó là cho phát sinh ra thêm mười câu hỏi. Không câu trả lời của bất kì ai có thể trở thành của tôi được.

Cho nên từ chính hoàn cảnh đầu tiên này đã là nguy hiểm, bởi vì để sống và không có mục tiêu nào là rất bất an. Tôi thậm chí đã không chắc được về cái chỉ ở một li phía trước, bởi vì điều đó tôi có thể đi tới biết chỉ từ người khác. Về con đường đi tới chỗ người ta đã du hành, người ta có thể biết một cách chắc chắn, nhưng về cái nằm ở phía trước trên con đường mà người ta chưa du hành qua, người ta chỉ có thể biết được từ người khác. Do đó, với tôi không có con đường rõ ràng. Nó tất cả đều là bóng tối. Mọi bước tiếp với tôi đều trong bóng tối - vô mục tiêu và mơ hồ.

Hoàn cảnh của tôi đầy những căng thẳng, bất an và nguy hiểm. Mọi họ hàng và người thân của tôi đều nghĩ rằng tôi là kẻ nổi loạn và người dấy loạn bởi vì hoàn cảnh này. Dần dần mọi người bắt đầu nghĩ rằng tôi có thể trở thành điên, đây là tình huống.

Trong mọi vấn đề nhỏ bé đều có hoài nghi và chẳng cái gì khác ngoài ngoài nghi. Chỉ toàn câu hỏi và câu hỏi là còn lại mà không có câu trả lời gì. Theo một khía cạnh nào đó thì tôi gần như điên. Bản thân tôi cũng sợ rằng bất kì lúc nào tôi cũng có thể trở thành điên. Tôi đã không thể ngủ được vào ban đêm.

Suốt đêm và ngày, toàn câu hỏi và câu hỏi lượn lờ quanh tôi. Không có câu trả lời cho bất kì câu hỏi nào. Tôi đã trong biển khơi, nói đại thể, mà

không có bất kì con thuyền hay bến bờ ở đâu cả. Bất kì con thuyền nào mà có đó, tự tôi đã nhấn chìm hay từ chối rồi. Có nhiều thuyền và nhiều thủy thủ, nhưng bản thân tôi đã từ chối bước vào thuyền của bất kì ai. Tôi đã cảm thấy rằng tốt hơn cả là cứ để mình chết chìm còn hơn là bước vào thuyền của ai đó khác. Nếu đây là nơi cuộc sống định đưa tôi tới, để làm chìm bản thân tôi, tôi cảm thấy rằng việc chìm này nên được chấp nhận.

Hoàn cảnh của tôi là hoàn cảnh của bóng tối hoàn toàn. Cứ dường như là tôi đã rơi vào trong cái giếng đen tối sâu thẳm. Trong những ngày đó tôi đã nhiều lần mơ rằng tôi bị rơi và rơi mãi và đi ngày càng sâu hơn vào trong cái giếng không đáy. Và nhiều lần, tôi tỉnh dậy khỏi giấc mơ toát hết mồ hôi, ướt đầm dề, bởi vì việc rơi là vô tận mà không có bất kì mặt đất hay chỗ nào để tôi dừng chân.

Ngoại trừ bóng tối và việc rơi đó, chẳng cái gì còn lại cả, nhưng dần dần tôi chấp nhận ngay cả hoàn cảnh đó. Nhiều lần tôi cảm thấy rằng tôi có thể đã đồng ý với ai đó, tôi có thể đã giữ lấy cái gì đó, tôi có thể đã chấp nhận câu trả lời nào đó. Nhưng điều này đã không phù hợp với bản tính của tôi. Tôi chưa bao giờ có khả năng chấp nhận ý nghĩ của bất kì ai khác.

Điều không tránh khỏi, việc xảy ra đến mức không còn chỗ nào bên trong tôi cho bất kì ý nghĩ nào. Bây giờ tôi hiểu rằng tất cả mọi câu trả lời đều chẳng là gì ngoài ý nghĩ. Nếu chỉ có câu hỏi, thế thì một người có thể trở thành vô ý nghĩ.

Một kết luận là một ý nghĩ. Nếu không có kết luận, thế thì tự động chân không được tạo ra. Tôi đã không biết tới điều này vào lúc đó, nhưng một loại trống rỗng, cái hư không, đã tới theo cách của nó. Nhiều câu hỏi cứ xoay vòng mãi. Nhưng bởi vì không có câu trả lời nên chúng cứ rơi rụng đi đến cạn kiệt, nói đại thể, và chết. Tôi đã không nhận được câu trả lời, nhưng câu hỏi cứ bị phá huỷ đi.

Rồi một hôm hoàn cảnh vô câu hỏi tới. Không phải là tôi đã nhận được câu trả lời - không. Thay vì thế, tất cả mọi câu hỏi đều chỉ rơi rụng đi và hư không lớn lao được tạo ra. Đây là một tình huống bùng nổ. Việc sống trong hoàn cảnh đó cũng gần như việc chết. Và thế rồi con người này chết đi, người đã từng cứ hỏi các câu hỏi mãi. Sau kinh nghiệm đó về hư không, tôi chẳng hỏi câu hỏi nào nữa. Mọi vấn đề mà về chúng những câu hỏi có thể được hỏi đều trở thành không tồn tại. Trước đây, đã chỉ có việc hỏi và việc hỏi. Từ đó về sau, chẳng cái gì giống như việc hỏi là còn lại.

Bây giờ tôi chẳng có câu hỏi nào cũng chẳng có câu trả lời nào. Nếu ai đó nêu ra câu hỏi, câu trả lời tới từ hư không bên trong tôi là câu trả lời. Tôi không thể nói rằng câu trả lời này là của tôi được bởi vì tôi chưa bao giờ có bất kì ý nghĩ nào trước về nó cả. Câu trả lời là không sẵn sàng có trước. Tôi nữa cũng nghe thấy câu trả lời đó lần đầu tiên khi thánh giả của tôi nghe thấy nó. Cũng hết như người đó nghe thấy nó lần đầu tiên thì tôi cũng vậy. Không

phải là tôi là diễn giả còn người đó là thính giả, cũng không phải là tôi là người cho còn người đó là người nhận. Câu trả lời đã tới, và cả hai chúng tôi đều là người nghe và người nhận.

Do đó, nếu câu trả lời của tôi ngày mai có khác với điều nó được nói ngày hôm nay, tôi không chịu trách nhiệm cho điều đó bởi vì tôi đã không cho câu trả lời chút nào. Cũng hư không mà từ đó nó đã tới mới chịu trách nhiệm cho việc thay đổi nó. Tôi bất lực. Do đó, bạn sẽ thấy rằng tôi rất không nhất quán. Tôi có thể nhất quán chỉ nếu cái "tôi" đang trả lời. Nếu có bất kì cái gì không nhất quán, đây là do hư không đó bên trong tôi. Tôi không có tri thức về nó. Bất kì câu trả lời nào tới cũng không do tôi đưa ra. Từ kinh nghiệm đó, tôi đã không hỏi bất kì câu hỏi nào, mà tôi cũng không tìm kiếm bất kì câu trả lời nào. Trong bùng nổ đó, con người cũ của những năm trước chết đi. Con người mới này là hoàn toàn mới.

Bạn đã hỏi tôi liệu có bất kì điểm rẽ ngoặt nào không. Không có điểm rẽ ngoặt, nhưng có cái chết. Điều được ngụ ý bởi việc này là ở chỗ người đã bước đi trên con đường này vẫn còn chưa lấy bất kì ngã rẽ nào. Thay vì thế, người đó chết và không còn nữa. Cái hiện hữu là con người mới hoàn toàn. Do đó, câu hỏi về việc rẽ ngoặt trở lại là không nảy sinh. Không có người nào đã lấy bất kì lối rẽ nào. Nếu như có chuyện đó, thế thì sẽ có khả năng quay trở lại nữa. Nhưng con người cũ không có đó. Chẳng hạn, tại một trăm độ nước biến thành hơi. Nước không còn là nước nữa; nó là cái gì đó khác, cái gì đó mới.

Bây giờ tôi không nghĩ từ phía tôi. Nếu ai đó hỏi điều gì đó, cũng hết như bạn đã hỏi, tôi nói. Tôi thậm chí không nghĩ; tôi chỉ nói trực tiếp. Khi mà kí ức đi vào, tại đó tôi cũng không nghĩ rằng nó là của tôi. Dường như là nó thuộc vào ai đó khác. Điều tôi ngụ ý là ở chỗ những điều mà tôi đang nói với bạn đã xảy ra trong thời kì trước sự bùng nổ, không phải là của tôi; thậm chí chúng dường như thuộc vào ai đó khác. Cũng dường như chúng đơn giản được tôi nghe hay đọc trong cuốn tiểu thuyết nào đó hay xem trong vở kịch nào đó ở đâu đó.

Tại đây, biết bao nhiêu người yêu cầu tôi viết tự truyện về mình. Điều đó là rất khó bởi vì người mà tôi sẽ viết không phải là tôi. Bất kì cái gì tôi đang là bây giờ đều không có câu chuyện. Không có câu chuyện sau khi bùng nổ; không có biến cố nào sau nó. Mọi biến cố đều ở trước sự bùng nổ. Sau bùng nổ thì chỉ có hư không. Bất kì cái gì trước đó đều không phải là tôi hay của tôi.

Khi một người viết về bản thân mình, đây là tự truyện; khi một người viết về ai đó khác, đây là tiểu sử. Nếu tôi viết tiểu sử, nó sẽ không phải là của tôi. Nó không thể là tự truyện được bởi vì cái "tôi" không còn đó nữa. Nó có thể là tiểu sử của một người mà tôi có lần đã biết, nhưng người đó bây giờ không còn nữa. Nó có thể là về người mà tôi đã có thời là người đó,

nhưng người đó bây giờ đã dừng hiện hữu. Cũng vậy, rất có thể viết về ai đó mà tôi đã biết hay đã nghe, người tôi đã từng thấy, nhưng người đó nay đã chết.

Tôi chưa bao giờ biết rằng các biến cố này đã xảy ra thiết lập nên tìm kiếm tâm linh. Tôi đi tới biết chỉ về sau điều đã đi tới là "tri thức tâm linh." Nhưng chân lí lại ở chỗ những người đã biết tới tôi từ thời còn thơ ấu sẽ chẳng bao giờ tin được rằng tôi và tôn giáo có thể đi đôi với nhau. Điều đó vượt ra ngoài trông đợi của họ bởi vì điều họ gọi hay biết là tôn giáo thì tôi bao giờ cũng đấu tranh chống lại.

Điều họ gọi là tôn thờ là vô nghĩa nhiều thế đôi với tôi. Điều họ gọi là sannyasin chẳng là gì đôi với tôi ngoài kẻ đào tẩu. Điều họ gọi là kinh sách, mà họ vẫn thường cúi lạy trong tôn thờ, chỉ là những sách tầm thường với tôi để tôi đặt chân nghỉ. Bất kì điều gì họ khẳng định như bên ngoài việc hoài nghi, tôi lồi vào trong không chắc chắn và ngờ vực. Thượng đế của họ, linh hồn của họ và cứu rỗi của họ tất cả đều là trò đùa và trò vui với tôi.

Cái nghiêm chỉnh của họ với tôi là trò trẻ con. Khi tôi thấy họ ngồi hai tay khoanh trước Thượng đế của họ, tôi cười to và làm rối loạn họ. Tất cả những điều này với tôi trẻ con đến mức họ không bao giờ có thể hình dung ra nỗi rằng tôi, với tất cả mọi người, có thể trở thành mang tính tôn giáo.

Nếu những người đã biết tôi trong những ngày trước bùng nổ này và những người đã chết đi mà sống lại, và những người mà tôi từ lâu đã không gặp, lại tới gặp tôi hôm nay, họ sẽ không thể nào thậm chí nhận ra cái ta hiện tại của tôi, mà họ cũng không có khả năng tưởng tượng rằng tôi có thể là cùng con người mà họ đã biết.

Họ có thể chẳng bao giờ tin được vào điều đó, bởi vì bất kì cái gì họ đã tin là tôn giáo, tôi đã tin là bất kì cái gì không phải là tôn giáo. Trong tâm trí họ, tôi là kẻ vô thần, và một người hoàn toàn khác. Với các thành viên trong gia đình tôi, bạn bè tôi, họ hàng tôi và người cùng cộng tác, tôi là kẻ vô thần lớn. Do đó, những người bỗng nhiên gặp tôi hôm nay, sau một quãng thời gian hai mươi hay hai mươi năm năm, sẽ bị sốc cho cả đời mình. Chuyện đã xảy ra rằng những người đã trở thành vô thần trong số bạn bè tôi, hay bởi vì tôi, đều lúng túng bởi vì họ tất cả vẫn còn là vô thần.

Gần đây tôi đi tới một làng nơi tôi gặp một người đã trở thành người vô thần bởi vì tôi. Người đó vẫn còn là người vô thần, và người đó trở nên rất kinh hoàng. Người đó nói rằng điều tôi đã nói với người đó từ hồi ấy, người đó vẫn tiếp tục tin là đúng cho tới tận bây giờ. Cho nên tôi chẳng có ý tưởng rằng điều tôi đang làm sẽ bao giờ đưa tôi vào chứng ngộ.

Theo tôi thì người ta không thể đi vào trong nó bằng việc biết nó trước. Nó là cái gì đó không biết. Làm sao người ta có thể biết địa chỉ của nó được? Nó không phải là một nơi đặc biệt để bằng việc biết địa chỉ của nó, người ta có thể đạt tới nó được. Người ấn định địa chỉ sẽ là người phi tôn giáo. Làm

sao người ta có thể làm điều đó mà không biết nó được? Bất kì cái gì mà tâm trí phi tôn giáo làm cũng sẽ là phi tôn giáo. Do đó, người ta không thể làm cho nó thành mục đích, mà người ta cũng không thể nào đạt tới nó một cách có chủ ý được.

Vâng, có thể xảy ra là ai đó sống theo cách phi tôn giáo có thể chỉ trở nên mệt mỏi về nó, và tính phi tôn giáo của người đó có thể bị phá vỡ. Thế thì tính tôn giáo sẽ không tới, nhưng tính phi tôn giáo của người đó đơn giản sẽ tan vỡ. Tính phi tôn giáo của người đó sẽ tan tành và biến mất hoàn toàn. Rồi một hôm người đó bỗng nhiên thấy rằng mình đã trở thành trần trụi. Quần áo của tính phi tôn giáo sẽ bị vứt bỏ mất và với ngạc nhiên của mình người đó sẽ than, 'Aha! đây là cái gì đó mới! Điều vừa xảy ra là kinh nghiệm tôn giáo!'

Vậy, kinh nghiệm tôn giáo là việc xảy ra, cái gì đó là sự xuất hiện không kế hoạch trước, không phải là thành tựu, không phải được lập kế hoạch trước, sự hoàn thành được đạt tới dần dần. Không ai có thể đạt tới đó từng bước một đường như nó là trên một cái thang. Nhưng từ việc sống - và sống một cách phi tôn giáo - tính phi tôn giáo đó có thể đơn giản tan tành. Tôi nói rằng tri thức tối thượng không thể là mục đích, mà đốt nát và tri thức giả tạo có thể bị làm tan rã. Và khoảnh khắc đốt nát tan rã, cái dư lại - cái còn lại - là tri thức tối thượng.

Về mọi thứ quan điểm của tôi là tương tự. Không người bạo hành nào có thể trở thành bất bạo hành. Làm sao người bạo hành có thể trở thành bất bạo hành được? Bất kì điều gì người đó làm cũng sẽ là bạo hành. Trong nỗ lực để là bất bạo hành, người đó sẽ trở thành bạo hành. Người đó *là* bạo hành, và nếu người đó làm ra vẻ bất bạo hành, người đó sẽ vẫn còn hoàn toàn bạo hành bên trong. Người đó sẽ dùng bạo hành để trở thành bất bạo hành.

Nhưng điều có thể là ở chỗ một ngày nào đó một người có thể trở nên mệt mỏi với bạo hành. Người đầy những căng thẳng - mòn mỏi vì căng thẳng và bị kiệt sức từ đau khổ của mình - có thể đầy những bất hạnh không thể nào chịu đựng nổi đến mức người đó sẽ lấy cú nhảy ra khỏi bạo hành. Cũng giống như là đột nhiên nhảy khi thấy rắn độc đi ngang qua đường hay giống như chạy ra khỏi nhà đã bắt lửa. Người ta có thể trở thành bạo hành thế, bản thân bạo hành có thể sinh ra nhiều đau đớn và đau khổ đến mức người ta có thể đạt tới một điểm tại đó người đó không bao giờ có thể trở thành bạo hành được nữa. Một cái gì đó bên trong có thể vỡ ra và tan tành, và người ta có thể thấy rằng bây giờ mình đã trở thành bất bạo hành.

Vậy, trở thành bất bạo hành là việc xảy ra, không phải là tiến trình hay thành tựu dần dần mà tới đó người ta có thể leo từng bước một. Ai sẽ leo? Người bạo hành đó sao? Người đó sẽ leo chỉ với bạo hành của mình; người đó không thể nào đạt tới bất bạo hành được. Dù tên ăn trộm có thể lấy bao nhiêu bước cũng chẳng thành vấn đề, các bước này sẽ chỉ là những bước của

tên ăn trộm: chúng không thể dẫn người đó tới không ăn trộm được. Dù kẻ nói dối có lấy bao nhiêu bước cũng chẳng thành vấn đề, chúng sẽ chỉ là những bước của kẻ nói dối: người đó không bao giờ có thể đạt tới bất kì chân lí nào. Nhưng nếu dối trá hoàn toàn bị vứt bỏ, thế thì có chỗ người như vậy có thể tìm thấy bản thân mình sẽ là chân lí.

Cho nên cái có ý nghĩa trong cuộc sống này, cái tôi thượng, không thể nào được đạt tới bằng nỗ lực của chúng ta. Do đó tôi không biết điều gì xảy ra cho tới khi nó xảy ra, và cho dù thế thì tôi cũng vẫn không hiểu nó có là việc xảy ra tôn giáo hay không. Làm sao tôi có thể hiểu nổi? Nhận ra và hiểu biết bao giờ cũng là điều được biết tới trước đây. Khi bạn tới, tôi nhận ra bạn là Tandonji, nhưng tôi có thể làm như vậy bởi vì tôi đã biết bạn hôm qua. Nếu như tôi đã không biết bạn trước đây, và nếu chúng ta đã gặp lần đầu tiên, việc gặp gỡ của chúng ta là làm quen, không phải là nhận ra.

Do đó, tôi không thể nhận ra điều xảy ra đó khi nó bùng nổ lên tôi. Điều duy nhất còn lại là ở chỗ cái gì đó mới đã xảy ra mà lại chưa hề được biết trước đây. Điều bị bỏ lại là điều này, rằng điều đã từng có đó bây giờ không còn nữa còn điều bây giờ đã xảy ra lại không có đó trước đây.

Phải mất thời gian để làm quen. Chính việc làm quen được biết tới chỉ bằng việc hỏi, "Bạn là ai và bạn là gì?" Việc làm quen này là rất lạ, bởi vì nó chỉ là với bản thân tôi. Chẳng cái gì đã tới tôi từ bên ngoài mà tôi có thể nhận ra. Thay vì thế, cái gì đó đã rơi rụng khỏi tôi. Cái còn lại là cái không biết, và tôi phải trở thành quen thuộc với cái đó. Cho dù thế thì việc làm quen này sẽ chẳng bao giờ hoàn thành cả, bởi vì mỗi ngày nó lại lấy một cái mới. Vào lúc chúng ta biết nó, nó trở thành mới hơn nữa. Đây là cuộc hành trình vô hạn của tri thức về cái ta. Nó là vô tận, vô thủy và vô hạn.

Tính tôn giáo không phải là mục đích chết, mà là mục đích tối cao. Nó cũng giống như dòng sông tuôn chảy: hàng ngày phong cảnh trên bờ sông thay đổi; hàng ngày hàng cây thay đổi. Đá và núi mới được trôi qua, và trăng mới và sao mới được thấy. Bất kì cái gì chúng ta đã biết hôm qua lại mất đi hôm nay. Trong kinh nghiệm tối cao này, người ta không thể nào nói rằng "Tôi đã đạt tới," rằng "Tôi đã hiểu ra," rằng "Tôi đã hoàn toàn biết cái cần biết." Nếu ai đó nói theo ngôn ngữ đó, người đó còn chưa đạt tới chút nào. Người ta chỉ đi vào trong kinh nghiệm đó. Người ta không đạt tới đích, bởi vì nó là vô tận. Nếu ai đó đi vào trong biển, người đó có thể nói rằng người đó đã đi vào, rằng bờ bị mất, nhưng người đó không bao giờ có thể nói rằng mình đã gặp biển - bởi vì bờ mới chưa bao giờ được tìm thấy, và mọi nơi, khắp xung quanh, chỉ có biển.

Cho nên người tôn giáo không thể viết thông điệp về việc đạt tới của mình và thành tựu của mình. Người đó chỉ có thể nói rằng cái cũ không có đó và rằng cái bây giờ đang xảy ra thì đang thay đổi mọi khoảnh khắc, mọi ngày. Hiểu theo nghĩa hẹp, nó là mới và lại mới. Không thể nói nó sẽ giống

cái gì vào ngày mai, bởi vì bất kì cái gì nó đã là vào hôm qua thì không phải là cái đó vào hôm nay. Bất kì cái gì có đó hôm nay đang dần tan rã. Việc sống vô giới hạn này luôn làm mới bản thân nó mọi khoảnh khắc, chẳng bao giờ trở thành nhàm chán, là kinh nghiệm tôn giáo. Và chúng ta không bao giờ có thể làm các nỗ lực để đạt tới nó, mà chúng ta cũng không bao giờ có thể đạt tới nó đầy đủ.

Cho nên bất kì ai nói rằng mình đã đạt tới nó, chẳng bao giờ đạt tới nó được. Nhưng người nói rằng người đó cứ đạt tới nó mỗi ngày nhiều hơn, nhưng chẳng bao giờ đạt tới nó một cách đầy đủ, hay người nói rằng khi người đó đạt tới nó một cách đầy đủ, người đó sẽ nói, hay người nói rằng cái toàn thể vẫn còn chưa được đạt tới, mới là người duy nhất đã thực sự đạt tới. Chân lí là sao cho cái gì đó bao giờ cũng vẫn cứ còn lại để được biết, và vậy mà người ta cảm thấy rằng nó bao giờ cũng được biết. Ngôn ngữ chúng ta, do đó, diễn đạt mọi thứ một cách sai sót. Những người đi qua cuộc sống với mục đích - và nhiều người có thể làm như vậy - chưa bao giờ đạt tới.

Gần đây, ai đó tới và hỏi tôi liệu người đó có thể trở thành sannyasin được không. Tôi bảo anh ta, "Chừng nào bạn cảm thấy thích hỏi, đừng trở thành sannyasin, bởi vì thế thì một điều là chắc chắn: tính chất sannyas đó không phải là tự phát. Tính chất sannyas không được lấy; nó không thể được lấy. Một ngày nào đó nó sẽ tới với bạn. Thế thì bỗng nhiên bạn sẽ hiểu rằng bạn là sannyasin và rằng bạn không còn là cái bạn đã là." Thế rồi người đó bảo tôi rằng nhiều người đang "lấy" tính chất sannyas.

Với tôi, bất kì cái gì có thể được lấy bằng ý chí đều là giả. Tính tôn giáo có thể được mang là giả; tính tôn giáo người ta cố gắng để đạt tới là giả. Cuộc sống, cái chết, hận thù, bạo hành, bất hạnh, đau đớn và lo âu - tất cả những cái này không được chúng ta lấy: chúng đã tới. Sống chúng một cách toàn bộ đi, và từ kinh nghiệm, từ việc sống toàn bộ đó, siêu việt sẽ bắt đầu.

Chúng ta càng sống đầy đủ thì chúng ta càng thấy rằng chúng ta đang đi xa hơn và ra ngoài. Nó là cái gì đó giống thế này: một người đang chết đuối trong dòng sông. Nếu người đó cố gắng tự cứu mình, có lẽ người đó sẽ bị chết đuối. Nếu người đó chìm, thế thì người đó sẽ chìm hoàn toàn. Nếu người đó không cố gắng chút nào để bơi, thế thì sau khi đạt tới đáy người đó sẽ thấy rằng mình đã bắt đầu nổi lên. Người sẵn sàng chết chìm sẽ được cứu, còn người sợ chết chìm và người vật lộn chắc chắn sẽ chết chìm. Người chết nổi trên nước, còn người sống chìm xuống. Kỹ năng của thân thể người chết nằm trong sự kiện là nó không làm gì cả, và điều đó giữ cho nó trên bề mặt của nước.

Cho nên tôi lên trên nước giống như thân thể người chết. Tôi không làm gì cả vì nó, mà tôi cũng không nhận biết về nơi đang đi. Tôi không biết hôm nay nơi tôi đang đi, mà cũng không có câu hỏi nào về nơi tôi đi. Bây giờ bất kì nơi đâu tôi đi cũng đều là mục tiêu và nơi tôi tới chính là nơi tôi đã đạt tới.

Bây giờ không có tìm kiếm. Nhưng tất cả những điều này đã không tới do bất kì lỗi rẽ ngoặt nào. Tức là, tôi chưa bao giờ lấy lỗi rẽ, mà cũng không có bất kì biến cố nào có thể được mô tả như biến cố mà đã đem tới bùng nổ. Nhiều biến cố giúp vào một cách tập thể - và thế thì nó xảy ra.

Trong thế giới này, tôn giáo đã trở thành đối trá lớn nhất, bởi vì mọi người nói rằng nó có thể được chấp nhận. Bất kì điều gì có thể được chấp nhận đều không thể nào lớn hơn chúng ta. Sau rốt, đây chính là cái "tôi" sẽ chấp nhận nó, không phải thế sao? Và nếu cái "tôi" chấp nhận nó, làm sao nó có thể lớn hơn tôi hay vô hạn hơn tôi? Khi nó tới, *chúng ta* không có đó để hiểu thấu nó. Nó tới chỉ khi *chúng ta* mất. Chúng ta có gọi nó là gì cũng không thành vấn đề - gọi nó là chân lí, hay Thượng đế, hay chứng ngộ - và những khoảnh khắc của hư không như vậy, nó đơn giản hạ xuống.

Bất kì ai đã nhận được nó đều cảm thấy rằng nó là ân huệ của Thượng đế. Lí do cho việc nói như vậy là ở chỗ nó đã không tới theo nỗ lực của người đó. Không phải là nó được nhận *chỉ* bởi vì ân huệ của ngài, nhưng nó xuất hiện như vậy vì không có nỗ lực về phần chúng ta.

Đó là lí do tại sao tôi đã bắt đầu việc nói rằng chúng ta không thể tìm kiếm nó. Làm sao chúng ta có thể tìm kiếm Thượng đế mà tên và địa chỉ chúng ta chẳng biết, người mà chúng ta không thể nhận ra bởi vì ngài không được biết tới ở đâu đó? Làm sao chúng ta sẽ có khả năng tìm kiếm ngài? Nếu chúng ta biết ngài và nhận ra ngài, thế thì chẳng cần tìm kiếm. Do đó, tôi không thể nào tìm kiếm ngài được. Nhưng nếu trong khi tìm kiếm cái "tôi" tan biến, thế thì *ngài* sẽ tìm thấy *tôi*. Ngại biết tôi đủ rõ.

Có lẽ tôi đã được ngài tìm thấy thậm chí bây giờ, nhưng tôi là người đang chạy đuổi và chạy đuổi mà vẫn không mệt mỏi. Thậm chí bây giờ tôi không mệt mỏi, nhưng ngài sẽ đợi cho tới khi tôi sụp đổ hoàn toàn trong kiệt sức. Và tại đó nơi tôi sẽ bị vứt bỏ lại chính là lòng ngài.

6. Cuộc sống đầy những bí ẩn

Thầy đã giải thích cho chúng tôi về ba 'gunas,' ba lực cơ sở của cuộc sống, về 'tamas,' nguyên nhân của bất hoạt, quán tính và biếng nhác, 'rajas,' nguyên nhân của hoạt động hay đam mê, và 'sattva,' nguyên nhân của thanh thản, bình lặng và tri thức. Thầy cũng đã giải thích cho chúng tôi rằng chúng tồn tại trong chừng mực ngang nhau trong nhân cách của Lão Tử, Jesus, Mahavira và Krishna.

Trong mỗi liên hệ này, tôi còn nhớ rằng Thầy đã là nhà cách mạng vĩ đại trong quá khứ.

Trong lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị và tôn giáo Thầy đã tạo ra nhiều kích động và tranh luận trên khắp nước.

Từ điều này dường như là Thầy đã, cũng giống Jesus, hướng hoạt động hay có ý thức hoạt động.

Nhưng về sau, từ cuối những năm 1970, Thầy đã dần rút về bản thân mình, và chúng tôi có cảm giác rằng Thầy bây giờ đã trở thành hình ảnh thu nhỏ của thanh thản. Liệu có khả năng có biến đổi như vậy không?

Chúng ta hãy xem xét vài sự việc để hiểu điều này. Trước hết, Phật, Mahavira, Mohammed và Jesus đã dùng chỉ một trong ba *gunas* này làm trung gian cho việc diễn đạt của họ. *Rajas* là trung gian trội hơn hẳn cho cách diễn đạt đối với Jesus và Mohammed. *Tamas* là phẩm chất trội của Lão Tử và Raman Maharshi. Nhưng Krishna dùng cả ba phẩm chất này đồng thời là trung gian của mình cho việc diễn đạt.

Có một khả năng nữa, và tôi đã dùng nó trong thực nghiệm của riêng tôi. Tất cả ba phẩm chất này đều đã tôi được dùng không đồng thời, nhưng lần lượt cái nọ đến cái kia. Theo ý kiến của tôi thì đây là cách khoa học nhất để làm nó, và đó là lí do tại sao tôi đã chọn cách này.

Tất cả ba *gunas* đều hiện diện trong tất cả các cá nhân. Bởi vì sự trộn lẫn của ba *gunas* này trong mọi người, mà thân thể và tâm trí lấy cách cấu tạo đặc biệt. Cũng giống như tam giác không thể được tạo ra mà không dùng ba cạnh, không thể có nhân cách nếu thiếu sự hiện diện của ba *gunas* này. Thậm chí một trong ba *gunas* bị thiếu, nhân cách sẽ tan rã.

Nét *sattva* có thể trội đến đâu trong một người cũng không thành vấn đề, hai nét kia cũng sẽ phải có đó, mặc dầu chúng có thể vẫn còn ẩn kín hay ngủ. Hai phẩm chất kia sẽ phải hiện diện, và cái bóng của chúng sẽ liên tục rơi xuống *guna sattva* trội kia. Điều được ngụ ý là ở chỗ hai phẩm chất kia là thứ yếu hay lệ thuộc. Thậm chí khi một phẩm chất này trội, hai phẩm chất kia

vẫn phải có đó.

Krishna đã dùng cả ba gunas đồng thời, và chúng hiện diện trong ông ấy như ba cạnh tỉ lệ của một tam giác đều. Cũng hết như tam giác đều có ba cạnh chiều dài bằng nhau, trong nhân cách của Krishna tất cả ba gunas đều hiện diện và thống nhất theo chừng mực ngang nhau. Bởi điều này mà rất khó để hiểu Krishna.

Rất dễ hiểu một người với một phẩm chất trội. Trong một người như vậy hai phẩm chất kia còn ngủ, và nhân cách của người như vậy chỉ ra sự nhất quán. Nhưng bạn không thể tìm thấy trong nhân cách của Krishna sự nhất quán mà bạn có thể thấy trong nhân cách của Lão Tử. Giọng điệu cơ bản nằm trong một lời của Lão Tử là tương tự với giọng điệu có trong mọi lời của ông ấy. Trong các phát biểu của Phật cũng có nhất quán chặt chẽ. Phật nói, "Cũng như vị của nước biển là mặn ở mọi nơi, theo cùng cách đó, từ bất kì đâu các ông phân tích giáo huấn của ta, các ông sẽ thấy cùng phẩm chất nhất quán."

Jesus và Mohammed cũng chỉ có một phẩm chất nổi trội. Nhưng trong Krishna bạn có thể thấy phẩm chất đa chiều biểu lộ. Ba gunas này ít nhất là tích cực ở đó, nhưng vì hàng trăm việc trộn lẫn là có thể có giữa ba gunas này, nên sự đa dạng của những trộn lẫn mới của chúng là được biểu lộ trong Krishna. Đó là lí do tại sao Krishna có nhân cách đa chiều. Không người nào có thể yêu Krishna được như một toàn thể. Người ta sẽ phải mang tính chọn lựa. Người ta sẽ có khuynh hướng nói quá lên và nhấn mạnh vào bất kì cái gì người ta thích trong Krishna, và bất kì cái gì không được thích đều sẽ bị gạt đi. Do đó, mãi cho tới nay tất cả các định nghĩa về Krishna đều đã được những người mang tính chọn lựa nêu ra. Cả Shankara lẫn Ramanuja lẫn Nimbarka lẫn Vallabhacharya lẫn Tilak lẫn Gandhi lẫn Aurobindo đều không chấp nhận Krishna như một toàn thể. Họ đã cắt bỏ những phần của cuộc sống của Krishna mà tỏ ra là bất nhất và mâu thuẫn với họ.

Chẳng hạn, Gandhi, người đã gắn bó với giá trị lớn lao của bất bạo hành, sẽ thấy khó giải thích Krishna khi ông ấy động viên và cổ vũ Arjuna bạo hành. Cũng vậy, Gandhi coi chân lí là tối cao trong khi Krishna thì thậm chí lại có khả năng nói dối. Điều này nằm ngoài hiểu biết của Gandhi. Gandhi sẽ không bao giờ chấp nhận rằng một người như Krishna lại có thể dối trá. Nếu Krishna có thể làm điều này, thế thì Krishna sẽ không còn đáng tôn thờ nữa với Gandhi.

Chỉ có một lối ra khỏi lúng túng này, và đó là giải thích bằng cách nào đó rằng Krishna đã không thực làm những điều như vậy. Đây chỉ là câu chuyện, chỉ là biểu tượng. Trận chiến Mahabharata thực tế chưa bao giờ được đánh nhau theo Gandhi. Với ông ấy, Kauravas và Pandavas không thực sự là kẻ thù con người đang đánh nhau, mà họ chỉ là biểu tượng của trận chiến vĩnh hằng giữa đức hạnh và đồi bại. Mahabharata chỉ là một câu chuyện - câu

chuyện ngụ ngôn với ông ấy. Gandhi không sợ tranh đấu với đối bại, nhưng ông ấy sợ việc đánh kẻ hung ác. Đối bại một mình có thể bị cắt bỏ và tiêu diệt đối với ông ấy.

Nhưng nếu đây chỉ là vấn đề tiêu diệt hay giết chết đối bại, thì Arjuna nữa cũng phải không có vấn đề gì. Nhưng Arjuna đã phải giết những người hung ác dữ dằn. Vấn đề với anh ta là việc giết đó là phải hay không đã phát sinh chỉ bởi vì những người đã dàn trận chống lại Arjuna đều là họ hàng và bậc huynh trưởng riêng của anh ta. Anh ta đã có cảm giác gắn bó và 'của tôi' trong mối quan hệ với họ, và với anh ta dường như là thế giới này đã không đầy đủ, ngớ ngẩn và không thú vị gì nếu không có họ.

Nhân cách của Krishna nhất định là bất nhất, bởi vì tất cả ba gunas này đều tồn tại đồng thời trong ông ấy. Trong tôi cũng có sự bất nhất, nhưng không nhiều như trong Krishna. Có khả năng khác mà tôi đã dùng trong thực nghiệm riêng của mình. Tất cả ba gunas này đều hiện diện trong mọi cá nhân, và một nhân cách có thể đầy đủ và toàn bộ chỉ khi cả ba đều được dùng. Không một trong các gunas này cần bị kìm nén. Cả Krishna không thiên về kìm nén mà tôi cũng không thiên về kìm nén. Bất kì cái gì có đó trong một cá nhân thì cũng đều phải được dùng một cách sáng tạo.

Trong thực nghiệm riêng của mình tôi đã chọn diễn đạt một gunas vào mỗi lúc - chỉ một trong từng thời kì. Đầu tiên tôi chọn tamas, bởi vì nguyên tắc này là nền tảng cơ sở cho mọi người. Khi một đứa trẻ lớn lên trong bụng mẹ trong chín tháng, nó sống trong guna này. Đứa trẻ trong bóng tối hoàn toàn; không có hoạt động. Đây là trạng thái bất hoạt nhất có thể có. Thậm chí đến hành động thở cũng phải không do đứa trẻ làm. Nó được bà mẹ làm. Mà đứa trẻ cũng không ăn; điều đó cũng do bà mẹ làm. Thậm chí tuần hoàn máu trong thân thể đứa trẻ cũng phụ thuộc vào tuần hoàn máu trong bà mẹ. Đứa trẻ không làm gì theo cách riêng của nó cả. Nó ở trong hoàn cảnh bất hoạt toàn bộ. Có đứa trẻ và có cuộc sống, nhưng cuộc sống này không có hoạt động nào. Trong thời kì đó trong bụng mẹ có sự bất hoạt toàn bộ.

Các nhà tâm lí đã kết luận rằng ham muốn và tìm kiếm giải thoát, thiên đường hay cứu rỗi là do kí ức vô thức của kinh nghiệm về trạng thái bất hoạt của cuộc sống trong bụng mẹ. Đứa trẻ đã biết tới cái im lặng tối cao trong bụng mẹ. Kí ức này bị ẩn kín sâu bên dưới trong vô thức. Kinh nghiệm chín tháng đó trong bụng mẹ là rất phức tạp, bởi vì thế thì chẳng có gì được làm cả. Không có trách nhiệm, không nặng gánh, không lo âu, không làm việc. Chỉ có sự tồn tại cho bạn - chỉ hiện hữu. Trạng thái này rất giống với trạng thái chúng ta gọi là giải thoát. Kinh nghiệm này bị ẩn kín trong bạn. Đó là lí do tại sao, sau khi sinh, bạn không có khả năng hạnh phúc ở mọi nơi, và bạn thấy rằng mọi thứ đều thiếu cái gì đó. Các nhà tâm lí nói thêm rằng điều này chỉ có thể nếu bạn đã có một kinh nghiệm trước về phức tạp mà qua đó bạn có thể so sánh với hiện tại.

Mọi người đều nói rằng cuộc sống là bất hạnh. Nếu bạn còn chưa có bất kì kinh nghiệm gì về hạnh phúc, làm sao bạn có thể nhận ra bất hạnh? Mọi người đang nói rằng mình đang tìm kiếm hạnh phúc. Hạnh phúc này là gì mà chúng ta đi tìm? Làm sao bạn có thể tìm cái mà bạn chưa từng nếm trải nó trước đây? Làm sao bạn có thể ham muốn cái gì đó mà chưa từng được biết trước đây? Trong tâm trí vô thức, có tia sáng kinh nghiệm, có hạt mầm ẩn kín. Bạn đã biết phúc lạc nào đó, thiên đường nào đó đã được sống qua, âm nhạc nào đó đã được nghe thấy. Dù bạn có thể quên nó đến đâu cũng chẳng thành vấn đề, cơn khát không nguôi của nó tràn khắp toàn bộ sự tồn tại của bạn. Tri thức về sự tồn tại của nó nằm ẩn bên trong. Chỉ bởi điều đó mà chúng ta tìm kiếm.

Các nhà tâm lí nói rằng tìm kiếm giải thoát thực sự là tìm kiếm bụng mẹ vũ trụ, và chừng nào toàn bộ sự tồn tại còn chưa trở thành bụng mẹ của bạn, việc tìm kiếm vẫn cứ tiếp tục không hề sút giảm. Đây là phát biểu rất có nghĩa và có giá trị. Nhưng trong mối liên hệ này, cũng tốt mà nhớ điều đầu tiên rằng đứa trẻ trong trạng thái bất hoạt trong bụng mẹ. Trong thời kì đó không có vấn đề về hoạt động. Chỉ có im lặng phúc lạc. Đứa trẻ đang trong bất hoạt sâu sắc, chỉ ngủ hai mươi bốn giờ một ngày. Đây là giấc ngủ dài chín tháng. Nhưng chỉ ngay sau khi đứa trẻ được sinh ra, nó ngủ hai mươi hai giờ, thức rồi hai mươi giờ, rồi mười tám, và dần dần nó thức. Nhiều năm sẽ qua sau đó đứa trẻ sẽ ổn định với thời kì ngủ quãng tám giờ, và nhiều lần sinh sẽ trôi qua cho tới khi thời kì ngủ rút xuống không - cho tới khi nó sẽ hoàn toàn thức tỉnh mà thậm chí ngay cả trong giấc ngủ nó sẽ nhận thức hoàn toàn.

Krishna đã nói rằng mọi người ngủ ngoại trừ người đã thức tỉnh. Trước khi đạt tới trạng thái thức tỉnh này, một chuỗi dài những lần sinh sẽ phải được trải qua.

Bất hoạt là nền tảng còn im lặng phúc lạc là đỉnh. Ngôi nhà này mà chúng ta gọi là cuộc sống được xây dựng trên nền của bất hoạt. Cấu trúc giữa là phần hoạt động và vòm mái của ngôi đền đó là phúc lạc tối thượng. Với tôi, đây là cấu trúc của cuộc sống. Đó là lí do tại sao tôi đã thực hành bất hoạt trong phần đầu tiên của cuộc sống mình.

Những năm đầu của cuộc sống của tôi đã được dành cho, như Lão Tử, việc kinh nghiệm những bí ẩn của guna tamas. Sự gắn bó của tôi với Lão Tử, do đó, là nền tảng. Tôi đã bất hoạt trong mọi thứ; bất hoạt đã là thành tựu do tôi tìm kiếm. Có thể nhất, chẳng cái gì được làm - nhiều nhất chỉ là điều không thể tránh nổi hay bị cưỡng bách. Tôi đã không làm cả đến việc cử động tay hay chân mà không có lí do.

Trong nhà tôi, tình huống tới mức mẹ tôi ngồi trước tôi sẽ nói, 'Chẳng còn tìm được ai khác và tôi cần ai đó ra chợ mua rau.' Tôi nghe thấy điều này khi tôi ngồi lười nhác trước mẹ. Tôi biết rằng cho dù nhà có bị cháy, mẹ

cũng sẽ nói với tôi, 'Chẳng tìm được ai khác mà nhà cháy rồi. Ai sẽ dập tắt nó đây?' Nhưng im lặng, điều duy nhất tôi làm là quan sát cái bất hoạt của mình như một nhân chứng, với đầy nhận biết. Để tôi kể lại vài sự vụ để minh hoạ cho điểm này.

Trong những năm cuối của giáo dục đại học của tôi, đã có một giáo sư triết học. Giống như hầu hết các giáo sư triết học khác, ông ấy ngoan cố và kì cục. Ông ấy ngoan cố trong quyết tâm của mình để không nhìn phụ nữ nào. Không may là chúng tôi là hai sinh viên duy nhất trong lớp ông ấy: một người là bản thân tôi và người kia là một cô gái trẻ. Do đó, vị giáo sư này phải dạy chúng tôi trong khi nhắm nghiền mắt lại.

Đây là điều rất may mắn cho tôi, bởi vì trong khi ông ấy giảng bài thì tôi ngủ trong lớp. Bởi vì có một cô gái trẻ trong lớp nên ông ấy không thể mở mắt ra được. Tuy nhiên, vị giáo sư này lại rất hài lòng với tôi, bởi vì ông ấy nghĩ rằng tôi cũng tin vào cái nguyên tắc không nhìn vào phụ nữ, và rằng trong cả đại học ít nhất cũng có một người khác không nhìn vào phụ nữ. Do đó, nhiều lần khi ông ấy gặp tôi một mình ông ấy đã bảo tôi rằng tôi là người duy nhất có thể hiểu được ông ấy.

Nhưng một hôm hình ảnh này về tôi đã bị xoá đi. Vị giáo sư còn có một thói quen khác. Ông ấy đã không tin vào tiết một giờ cho bài giảng của ông ấy. Do đó, ông ấy bao giờ cũng bị đại học cho dạy vào tiết cuối. Ông ấy sẽ nói, "Chính tay tôi bắt đầu bài giảng, nhưng lại không phải là tay tôi để kết thúc nó." Do đó, bài giảng của ông ấy có thể kết thúc trong sáu mươi hay tám mươi hay thậm chí chín mươi phút; điều đó chẳng khác biệt gì với ông ấy cả. Ông ấy sẽ nói rằng ông ấy sẽ không cần dừng nói khi chuông báo hết tiết rung lên. Do đó, trong tám mươi đến chín mươi phút này tôi quen ngủ ngay trong lớp.

Có một thoả thuận giữa cô gái trẻ kia và bản thân tôi rằng cô ấy sẽ đánh thức tôi khi giờ gần hết. Tuy nhiên, một hôm, cô ấy đã bị ai đó gọi đi do một việc khẩn cấp vào giữa tiết, và cô ấy đi mất. Tôi thì vẫn ngủ và vị giáo sư kia vẫn cứ giảng. Khi tiết hết và ông ấy mở mắt ra, ông ấy thấy tôi ngủ. Ông ấy đánh thức tôi dậy và hỏi tại sao tôi ngủ. Tôi nói với ông ấy, "Bởi vì thầy đã thấy em ngủ, nên em sẽ nói với thầy rằng em đã ngủ hàng ngày, rằng em đã không cãi nhau với cô gái trẻ và rằng em ngủ rất ngon khi thầy giảng bài."

Việc ngủ ít nhiều cũng là một loại thiền đối với tôi. Tôi ngủ lâu tuy thích. Điều thú vị là để ý rằng nếu bạn ngủ quá mức yêu cầu của mình, bạn vẫn còn tỉnh thức và nhận biết ngay cả trong giấc ngủ. Nếu bạn ngủ ít hơn yêu cầu của mình, thế thì trong khi ngủ bạn trở thành vô ý thức. Bạn không thể ngủ nhiều hơn yêu cầu của mình được. Nếu bạn vẫn cứ ngủ sau khi yêu cầu nghỉ của thân thể đã hết, ai đó bên trong bạn sẽ còn nhận biết và trở thành nhân chứng cho tất cả những điều đang xảy ra xung quanh bạn. Nếu bạn vẫn còn nằm đấy một mạch trong ba mươi sáu giờ, bạn sẽ có ý niệm mơ hồ về điều

Krishna ngụ ý khi ông ấy nói rằng ban đêm hiền nhân vẫn còn thức tỉnh. Nếu bạn liên tục giữ cho thân thể trong điều kiện ngủ thậm chí sau khi nó không cần ngủ nữa, thể thì bên trong bạn một loại âm thanh thức tỉnh bắt đầu trở nên nghe thấy được.

Trong những ngày ngủ liên tục đó, tôi đã bắt đầu nhận ra rằng có thể vẫn còn thức tỉnh trong giấc ngủ. Tôi đã ngủ trong đêm, buổi sáng và buổi chiều liên tục. Bất kì khi nào có cơ hội ngủ là tôi không bỏ lỡ nó. Các thành viên gia đình tôi và bạn bè tin rằng tôi hoàn toàn biếng nhác và rằng tôi sẽ không có khả năng làm bất kì cái gì trong cuộc sống. Theo một cách nào đó, từ quan điểm của họ, thì họ cũng phải - nhưng không từ phía của tôi. Tôi đã làm bất hoạt thành một thực nghiệm trong thiền.

Có một giáo sư khác của tôi. Ông ấy cũng là một người bạn tốt, và ông ấy cũng bất hoạt như tôi vậy. Vì ông ấy cũng sống một mình, như tôi, nên ông ấy gợi ý rằng tốt hơn cả là chúng tôi ở cùng phòng với nhau. Tôi bảo ông ấy rằng có thể có khó khăn nào đó về việc này. Hoàn toàn có thể, tôi nghĩ, tôi sẽ có thể làm rối loạn giấc ngủ của ông ấy hay ông ấy có thể làm rối loạn tôi. Tuy nhiên, nếu ông ấy vẫn muốn rằng chúng tôi ở cùng nhau, thì cũng cần thu xếp vài thoả thuận, vì cả hai chúng tôi đều lười. Thậm chí bây giờ ông ấy cũng thích điều đó. Ông ấy đã không từ bỏ cái tính chất đặc thù này của mình. Nhưng ông ấy chưa bao giờ làm tính chất này thành việc thực nghiệm trong thiền; bằng không ông ấy bây giờ đã vượt ra ngoài nó rồi.

Nhớ trong tâm trí rằng trong vài ngày bạn sẽ có khả năng siêu việt lên trên bất kì cái gì mà bạn làm thành một phần của việc thiền của mình. Thiền có nghĩa là siêu việt lên. Bất kì cái gì bạn thích thú trọn vẹn và toàn bộ, bạn sẽ bỗng nhiên thấy rằng bạn có thể siêu việt lên. Nếu bạn kinh nghiệm bất hoạt đầy đủ, bạn sẽ bỗng nhiên thấy rằng bất hoạt đã rời bỏ bạn mãi mãi. Cho nên nếu có cái gì mà từ đó bạn muốn được tự do, cứ tận hưởng nó đầy đủ đi. Bởi lí do này tôi nghĩ tốt nhất là tận hưởng toàn bộ việc bất hoạt của tôi trước nhất.

Khi người bạn giáo sư của tôi và tôi bắt đầu ở với nhau, ngay chính ngày đầu tiên tôi đã phải giải quyết những thu xếp của chúng tôi sẽ là gì. Cho tới giờ chúng tôi đã sống tách riêng, cho nên đã không có nhu cầu cho thu xếp đặc biệt nào. Trước hết ông ấy đề nghị rằng bất kì ai dậy sớm hơn sẽ phải đi mang sữa vào. Tôi lập tức đồng ý. Tôi hài lòng và ông ấy cũng hài lòng. Nhưng cả hai chúng tôi đều trong ảo tưởng. Tôi cứ nghĩ rằng chẳng có nhu cầu cho tôi dậy trước vào buổi sáng, nhưng với việc không có tinh thần dậy sớm của tôi, ông ấy cũng nghĩ cùng điều đó. Vào chín giờ sáng hôm sau, tôi mở mắt ra. Khi tôi thấy ông ấy ngủ, tôi ngủ lại. Ông ấy thức vào lúc mười giờ sáng và thấy tôi ngủ. Ông ấy cũng muốn ngủ, nhưng có một khó khăn cho ông ấy. Ông ấy phải tới trường đại học vào lúc mười một giờ. Sau rốt ông ấy còn đang đi làm, còn tôi chỉ là sinh viên. Vậy, tôi chẳng có cưỡng

bách nào lẫn sự cần thiết để đi cả. Như vẫn thế, tôi chưa bao giờ đi dự học cho đều đặn.

Chung cuộc, bởi sự cực kì cần thiết, ông ấy đã phải dậy và lấy sữa. Vào lúc ông ấy quay lại thì tôi cũng đã dậy và ngồi đấy. Ông ấy bảo tôi rằng kiểu bạn bè thế này thì không ổn, bởi vì bây giờ nó đã thành vấn đề hàng ngày. Ông ấy nói ông ấy phải tới trường đại học, cho nên ông ấy nhiều nhất chỉ có thể ngủ đến mười giờ thôi trong khi tôi có thể đợi cả ngày. Điều đó có nghĩa là ông ấy sẽ phải lấy sữa hàng ngày, và nếu đây tình huống thì tình bạn không thể tiếp tục được.

Tôi đã làm ra nguyên tắc đầu tiên của mình là hăm lại không làm gì cả. Trong hai năm tôi đã ở trong kí túc xá đại học, tôi chưa hề lau hay quét phòng mình. Tôi để giường của mình ở ngay lối vào phòng cho nên từ cửa tôi có thể nhảy thẳng vào giường của mình, và từ giường tôi có thể nhảy thẳng ra ngoài phòng. "Sao cứ phải đi qua cả phòng một cách không cần thiết để làm gì?" Tôi cảm thấy thế. Tôi không muốn đi vào trong phòng mà cũng không có vấn đề lau chùi nó. Tuy nhiên, cũng có một loại niềm vui về điều này.

Mọi thứ được để lại theo cùng cách mà chúng đã được bố trí trước khi tôi tới sống ở đó; không thay đổi nào được thực hiện cả. Không cái gì thêm được làm ngoài cái tối thiểu cần thiết. Bởi vì thay đổi mọi thứ xung quanh lại đòi hỏi cái gì đó được làm, nên mọi thứ được giữ như chúng vẫn thế. Nhưng do điều này, một số kinh nghiệm duy nhất bắt đầu bùng lên, vì mọi guna đều có kinh nghiệm duy nhất của nó. Bao nhiêu rác rưởi tích góp lại trong phòng tôi cũng chẳng thành vấn đề, nó chẳng quấy rầy tôi chút nào. Tôi đã học sống với điều đó cứ như tôi sống trong lâu đài được lau chùi tỉ mỉ.

Trong đại học nơi tôi học, các toà nhà mới vẫn còn chưa được xây dựng. Nó là một đại học mới được lập, và trại lính đã được dùng làm kí túc xá. Bởi vì trại lính ở trong rừng sâu nên chuyện thường là rắn hay xuất hiện. Tôi quen quan sát những con rắn đó khi ngủ trong giường mình. Rắn tới, nghỉ trong phòng rồi bỏ đi. Chúng chẳng quấy rầy gì tôi vào bất kì lúc nào, mà tôi cũng chẳng quấy rầy gì chúng.

Nếu không có cảm giác phải làm gì, nhiều thứ trở nên được chấp nhận như tự nhiên. Nếu không có cảm giác phải làm gì trong cuộc sống, mức độ không bằng lòng bỗng nhiên bị vứt bỏ. Trong những ngày đó đã chẳng có lí do gì cho bất kì sự không bằng lòng nào, bởi vì không làm gì cả, tôi không có đòi hỏi, và không có vấn đề về trông đợi bất kì quả hay kết quả gì của việc không làm. Khi bạn không làm gì cả, thế thì bất kì cái gì tới với bạn cũng đều thoả mãn bạn. Đôi khi hoặc người khác, người bạn nào đó, do lòng thương hại, đã lau chùi căn phòng và tôi tràn ngập với cảm giác biết ơn.

Trong tám hay mười ngày khi kì thi diễn ra, người trông nom kí túc xá hay đánh thức tôi vào lúc bảy giờ sáng để cho tôi sẽ không còn ngủ khi kì thi

diễn ra. Ông ấy sẽ cho tôi đi nhờ trong chiếc xe của ông ấy và thả tôi xuống phòng thi. Chẳng phải nỗ lực gì, tôi hay thu được cảm tình và từ bi từ mọi người, bởi vì tất cả mọi người đều hiểu rằng tôi sẽ đỡ cho mình khỏi làm bất kì cái gì tôi có thể làm.

Nhiều thứ lạ lùng đã xảy ra. Tôi đang kể cho các bạn những điều này để cho bạn có thể nhận ra rằng cuộc sống đầy những bí ẩn. Vị giáo sư của tôi sẽ tới trước ngày thi và bảo tôi điều tôi phải đọc để trả lời câu hỏi đặc biệt. Tôi chưa bao giờ đi hỏi bất kì ai về bất kì cái gì. Ngay cả sau khi vị giáo sư đã chỉ ra những câu hỏi có thể xảy ra, ông ấy cũng không tin rằng tôi sẽ đọc phần ông ấy đã gợi ý. Do đó, ông ấy sẽ nhìn vào tôi với cử chỉ dò hỏi để biết xem liệu tôi có hiểu điều ông ấy đã nói hay không. Ông ấy sẽ thêm rằng các câu hỏi đã chỉ dẫn *dứt khoát* sẽ được hỏi, bởi vì ông ấy là một trong những người chuẩn bị bài thi. Không có hoài nghi; các câu hỏi đó dứt khoát sẽ được hỏi.

Tôi đang cố gắng nói cho bạn rằng nếu bạn định chộp lấy và đánh cắp từ thế giới này, thì sẽ có đôi kháng lớn ở mọi nơi. Nhưng nếu bạn trong hoàn cảnh không làm gì cả, thì mọi cánh cửa lại mở ra và mọi thứ đơn giản được trao cho bạn.

Trong những ngày đó, tôi hay cứ nằm trên giường, lơ đãng quan sát trần nhà phía trên. Tôi đi tới biết sau một thời gian dài rằng Meher Baba đã thiên chỉ theo cùng cách thức này. Tôi đã làm điều này mà chẳng nỗ lực gì, bởi vì trong khi nằm trên giường thì cái gì khác có đó mà làm? Nếu giấc ngủ đã qua, tôi chỉ cứ nhìn lên trần nhà mà thậm chí chẳng nháy mắt. Tại sao lại thậm chí chẳng nháy mắt? Đây cũng là một kiểu làm. Nó cũng là một phần của hoạt động. Tôi chỉ đi nằm ở đó. Không có gì để làm cả. Nếu bạn vẫn còn nằm dài như thế, chỉ nhìn lên trần một giờ hay hai giờ, bạn sẽ thấy rằng tâm trí mình trở thành trong vắt như bầu trời không mây - chỉ vô ý nghĩ. Nếu ai đó có thể làm bất hoạt trở thành thành tựu của mình trong cuộc sống, người đó có thể kinh nghiệm vô ý nghĩ rất tự nhiên và dễ dàng.

Trong những ngày đó, tôi chẳng tin vào Thượng đế cũng không tin vào linh hồn. Lí do duy nhất cho việc không tin là ở chỗ bởi việc tin thì điều gì đó sẽ phải được làm. Với bất hoạt, chủ nghĩa vô thần rất có ích, bởi vì nếu Thượng đế hiện hữu, thế thì công việc nào đó sẽ phải được làm cho ông ấy. Nhưng không có bất kì niềm tin nào về phần tôi vào Thượng đế và linh hồn, bởi việc nằm dài im lặng đơn giản của mình, ánh sáng chói lọi của cả Thượng đế và linh hồn bắt đầu được thấy. Tôi đã không từ bỏ việc bất hoạt cho tới khi việc bất hoạt từ bỏ tôi. Cho tới thế, tôi đã quyết định tiếp tục như thế - chỉ không làm gì.

Tôi đã hiểu rằng nếu người ta có thể sống toàn bộ theo nguyên tắc bất hoạt, từ đó về sau guna rajas sẽ tự động bắt đầu phát triển từ bên trong, bởi vì đây là phẩm chất thứ hai ẩn kín trong giai đoạn thứ hai của cuộc sống. Sau

khi giai đoạn thứ nhất được hoàn thành và siêu việt lên, giai đoạn thứ hai, giai đoạn hoạt động bắt đầu. Hoạt động sẽ phát triển, nói đại thể, bên trong bạn. Hoạt động này cũng sẽ có kiểu duy nhất. Nó không phải là hoạt động của chính khách, lo âu và căng thẳng, chạy theo bầu cử. Nếu bất hoạt đã được bạn làm thành thành tựu và mục đích, nếu bất hoạt đã biến thành con đường dẫn bạn tới vô ý nghĩ, thế thì hoạt động sẽ không được thúc đẩy bởi ham muốn. Thay vì thế, nó sẽ được thúc đẩy bởi từ bi. Hoạt động này tôi cũng đã sống qua một cách đầy đủ.

Tôi chưa bao giờ có bất kì cảm giác nào để dựng rào chắn lên trước tiến trình tự nhiên. Bất kì cái gì xảy ra đều được phép xảy ra. Nếu mọi thứ bao giờ cũng được phép xảy ra theo cách đó, người ta sẽ siêu việt vượt ra ngoài sự tồn tại thông thường của mình, bởi vì thế thì người ta không phải là người làm. Một mình việc làm là người làm.

Khi giai đoạn thứ hai này - giai đoạn của rajas - bắt đầu, tôi vẫn giữ việc du hành qua cả nước. Tôi đã du hành nhiều trong mười mười lăm năm ấy, không ai du hành được như thế thậm chí trong hai hay ba kiếp. Nói nhiều như tôi đã nói trong mười đến mười lăm năm ấy thì người thường phải mất mười đến mười lăm kiếp. Từ sáng đến tối tôi đều di chuyển, du hành mọi nơi. Có lí do hay không lí do, tôi đều tạo ra tranh luận và đưa ra phê phán - bởi vì càng tranh luận nhiều, việc chuyển qua giai đoạn thứ hai của hoạt động càng nhanh chóng hơn. Do đó tôi đã bắt đầu phê phán những người theo Gandhi, tôi bắt đầu phê phán chủ nghĩa xã hội.

Tôi chẳng có mối quan hệ nào với những chủ đề này mà cũng chẳng có gán bó gì với chính trị cả. Tôi không có mối quan tâm tới bất kì cái gì trong những điều này. Nhưng khi toàn bộ dân cư của đất nước này đều đã bị cuốn hút vào những căng thẳng đó, và tôi phải đi qua cùng những người này, dường như là, cho dù đây chỉ là chuyện đùa, cũng cần tạo ra tranh luận. Do đó, trong việc chuyển sang giai đoạn thứ hai của hoạt động của mình, tôi đã bày ra một số tranh luận và thích thú chúng lắm.

Nếu những tranh luận này đã được tạo ra do những hành động đầy căng thẳng bởi ham muốn thúc đẩy, nó đã đem tôi tới bất hạnh rồi. Nhưng khi tất cả những điều này chỉ là do sự cần thiết để phát triển guna rajas, chỉ để cho việc diễn đạt của nó, thì chỉ có vui đùa và thú vị trong nó. Những tranh luận này chỉ giống như vai diễn của một diễn viên.

Với một Harigirji Maharaj, một học giả Veda nổi tiếng của Punjab, một cuộc tranh luận lớn đã bắt đầu về Vedanta. Với tôi đây chỉ là trò chơi. Với ông ấy đây là vấn đề nghiêm chỉnh; với ông ấy đây là vấn đề nguyên tắc. Ông ấy trở nên bị chất đầy với căng thẳng.

Với Sahnkaracharya của Puri nữa, một tranh luận lớn bắt đầu ở Patna. Với tôi đây là trò chơi, nhưng với ông ấy đây là vấn đề rất chuyên nghiệp của ông ấy. Ông ấy phát rồ phát đại đến mức ông ấy đã phải được cứu để

khởi gần như ngã xuống sàn. Toàn bộ thân thể ông ấy run lẩy bẩy. Nhưng tôi đã phải cho phép phẩm chất của hoạt động đùa giỡn hết mức để cho nó có thể được siêu việt lên. Nhiều người bạn đã cố gắng dừng tôi, nhưng từ phía mình tôi đã không muốn dùng chừng nào phẩm chất của hoạt động còn chưa tự nó tan biến đi và trở thành tàn lụi.

Ba tuần trong một tháng tôi ngồi trên tàu hoả. Sáng hôm nay tôi ở Bombay, tối hôm sau tôi sẽ ở Calcutta, ngày tiếp tôi ở Amrisar, rồi ngày tiếp ở Ludhiana hay Delhi. Cả nước là trường hoạt động của tôi. Do đó tại mọi nơi, bất kì nơi đâu tôi tới, tranh luận tự nhiên thành thừa thãi, bởi vì nếu bạn làm điều gì đó một cách tích cực, phản ứng nhất định có đó. Hành động và phản động được sinh ra đồng thời.

Trong thời kì bất hoạt tôi đã thực hành không nói chút nào - hay tôi nói một chút. Nếu bị hỏi lặp đi lặp lại, tôi sẽ trả lời ngắn gọn. Trong thời kì hoạt động, tôi cứ nói cho dù không được yêu cầu và không được mời. Bản thân tôi tới mọi người chỉ để nói và ngôn ngữ của tôi đầy lửa. Bây giờ mọi người tới tôi và hỏi tại sao tôi không nói theo cùng ngôn ngữ bốc lửa này mà đã thường được dùng để chặn chính nhịp tim của người ta.

Trong những ngày ấy, đã có lửa trong ngôn ngữ của tôi. Ngọn lửa đó không phải là của tôi; nó tới từ guna rajas. Đó đã là phương pháp duy nhất để đốt lên ngọn lửa của guna rajas. Nó phải cháy trong toàn bộ sự dữ dội để cho nó có thể biến thành tro một cách nhanh chóng. Ngọn lửa càng liu riu càng phải lâu để đốt cháy hết. Do đó, nó là quá trình đốt cháy toàn bộ với mục đích làm giảm nhanh hơn việc trở thành tro.

Bây giờ ngọn lửa đó đã dịu đi. Bây giờ, chỉ như mặt trời thu lại tia nắng của nó vào buổi tối, như ngư dân thu lại lưới đánh cá, tôi đang dần rút lại. Cũng không đúng mà nói rằng "tôi" sẽ rút lại. Việc rút lại sẽ tự động xảy ra, bởi vì giai đoạn thứ ba - giai đoạn của guna sattva - đã bắt đầu. Do đó, bạn có thể quan sát việc rút lại dần của tôi từ các hoạt động. Năm mươi nghìn người có thể lắng nghe tôi ở chỗ bạn, nhưng tôi thoả mãn nếu chỉ năm mươi người nghe - và cũng chẳng mấy chốc tôi sẽ bằng lòng cho dù chỉ năm người nghe.

Do đó, khi guna rajas rút xuống và tác động của guna sattva bắt đầu xuất hiện, mọi hành động tan biến vào trong im lặng. Trong trạng thái của tamas, mọi hành động dừng lại, nhưng việc dừng lại đó giống như việc dừng của người đi vào giấc ngủ. Trong trạng thái sattva cũng hành động tan biến vào trong im lặng, nhưng việc tan biến đó là vào trong nhận biết toàn bộ.

Có tương tự giữa các nguyên tắc của bất hoạt và của thanh thân theo nghĩa rằng cả hai sẽ kết thúc trong im lặng. Tuy nhiên, hình thức của im lặng nảy sinh từ nguyên tắc bất hoạt, tamas, sẽ là hình thức của giấc ngủ, trong khi hình thức của im lặng từ nguyên tắc của thanh thân, sattva, sẽ là hình thức của nhận biết im lặng.

Tôi tuyên bố điều này là tiến trình đúng đắn của cuộc sống: giai đoạn đầu tiên trôi qua trong bất hoạt, giai đoạn thứ hai trong hoạt động, và giai đoạn thứ ba trong thanh thản. Và nếu bạn có thể xoay xở để vẫn còn tách rời trong cả những giai đoạn này, thế thì bạn là trong thiền. Bạn phải tràn đầy nhận biết trong những giai đoạn này rằng không phải là bạn là người đang làm, rằng đây chỉ là gunas đang chơi đùa, rằng bạn không phải là người làm, mà chỉ là người quan sát - nhân chứng. Và trong trò chơi bất hoạt, trò chơi hoạt động, hay trò chơi thanh thản, nếu bạn chỉ là nhân chứng, người quan sát, nếu việc quan sát cứ còn mãi, thế thì tất cả ba gunas này sẽ đơn giản tự tiêu đi, và bạn sẽ còn lại trong sự tồn tại siêu việt ở ngoài các gunas.

Người ta phải đạt tới giai đoạn thứ tư, cái ở ngoài tất cả ba giai đoạn này. Thậm chí gọi nó là thứ tư cũng không đúng, vì chỉ có cái không ở đó. Không một cái nào trong ba gunas tồn tại trong nó.

Krishna đã diễn đạt bản thân mình trong tất cả ba gunas một cách đồng thời. Tôi đã diễn đạt bản thân mình trong tất cả, mỗi lúc một guna, trong những thời kì tách biệt. Do đó, trong phát biểu của tôi cũng sẽ có sự bất nhất. Bất kì điều gì tôi đã nói hay làm trong khoảnh khắc của tamas đều sẽ khác với điều tôi đã nói hay làm trong khoảnh khắc của rajas. Và bất kì điều gì tôi đã nói hay làm trong khoảnh khắc của rajas đều sẽ khác về nhiều khía cạnh với bất kì điều gì tôi đã nói hay làm trong khoảnh khắc của sattva.

Do đó, khi người ta ngồi xuống để xem xét mọi phát biểu của tôi, người đó sẽ phải phân chia chúng thành ba phần. Và sẽ có nhiều mâu thuẫn. Nó phải là như vậy bởi vì cách diễn đạt của chúng là qua ba trung gian khác nhau. Nhất quán trong ba giai đoạn là không thể được. Nhưng nếu người ta muốn tìm kiếm sự nhất quán trong nhân cách tôi, người đó sẽ phải tìm nó trong giai đoạn thứ tư, cái ở ngoài ba gunas. Trong ba giai đoạn đầu tiên, sự tương tự duy nhất sẽ là ở chỗ nhân chứng quan sát ba gunas.

Về Osho

Osho sinh ra tại Kuchwada, Madhya Pradesh, Ấn Độ, vào ngày 11 tháng 12 năm 1931. Từ thiếu thời ông đã là một tinh thần độc lập và nổi dậy, nhấn mạnh tới chứng nghiệm chân lí cho chính mình thay vì thu nhận tri thức và niềm tin do người khác trao lại.

Sau khi chứng ngộ ở tuổi hai mươi mốt, Osho hoàn thành học tập hàn lâm và dành nhiều năm giảng dạy triết học tại Đại học Jabalpur. Đồng thời, ông đã du hành trong toàn Ấn Độ để nói chuyện, thách thức các nhà lãnh đạo tôn giáo chính thống trong các cuộc tranh luận công khai, đặt câu hỏi về những niềm tin truyền thống và gặp gỡ mọi người từ mọi nẻo đường cuộc sống. Ông đọc rất nhiều, mọi thứ ông có thể tìm thấy để mở rộng hiểu biết của mình về hệ thống niềm tin và tâm lí của con người hiện đại.

Đến cuối những năm 1960 Osho đã bắt đầu phát triển các kĩ thuật thiền động duy nhất của mình. Con người hiện đại, ông nói, bị quá nặng gánh với những truyền thống lạc hậu của quá khứ và những lo âu của cuộc sống hiện đại đến mức người đó phải trải qua quá trình tẩy rửa sâu sắc trước khi người đó có thể hi vọng khám phá ra trạng thái thanh thoi, vô suy nghĩ của thiền.

Trong quá trình làm việc của mình, Osho đã nói về mọi khía cạnh thực của việc phát triển tâm thức con người. Ông đã cô đọng tinh hoa của điều có ý nghĩa cho việc truy tìm tâm linh của con người hiện đại, dựa trên không chỉ hiểu biết trí tuệ mà được kiểm nghiệm lại theo kinh nghiệm sống của riêng ông.

Ông không thuộc về tín ngưỡng nào cả - “Tôi là người bắt đầu cho tâm thức tôn giáo hoàn toàn mới,” ông nói. “Xin đừng gắn tôi với quá khứ - điều đó thậm chí chẳng đáng nhớ.”

Bài nói của ông cho các đệ tử và người tìm kiếm tâm linh đã được xuất bản trong hơn sáu trăm năm mươi tập, và đã được dịch sang hơn bốn mươi ba thứ tiếng. Và ông nói, “Thông điệp của tôi không phải là học thuyết, không phải là triết lí. Thông điệp của tôi là giả kim thuật nào đó, khoa học về biến đổi, cho nên chỉ những ai sẵn sàng chết như họ hiện tại và được sinh ra lần nữa trong cái gì đó mới đến mức họ không thể nào hình dung ra được điều đó ngay bây giờ... chỉ vài người dũng cảm mới sẵn sàng lắng nghe, vì lắng nghe là sắp nguy hiểm.

“Lắng nghe, bạn đã bước đi bước đầu tiên hướng tới tái sinh. Cho nên đây không phải là triết lí mà bạn có thể chỉ choàng vào người và đi khoác lác về nó. Đây không phải là học thuyết mà bạn có thể tìm ra khuây khoả cho những câu hỏi phiền nhiễu. Không, thông điệp của tôi không phải là truyền

giao bằng lời nào đó. Nó còn nguy hiểm hơn thế nhiều. Nó không gì khác hơn là chết và tái sinh.”

Osho rời khỏi thân thể ngày 19 tháng 01 năm 1990. Công xã không lồ của ông ở Ấn Độ tiếp tục là trung tâm trường thành tâm linh lớn nhất trên thế giới hấp dẫn hàng nghìn khách thăm quốc tế, người tới để tham dự vào thiền, trị liệu, các chương trình sáng tạo, hay chỉ để chứng nghiệm bản thể trong phật trường.

Công xã Osho quốc tế

Pune, Ấn Độ

Công xã này là trường phái kì diệu cho việc thám hiểm bên trong. Đó là phiêu lưu lớn lao nhất có đó, và cũng là lễ hội lớn nhất.

Con đường bạn phải đi qua, bạn sẽ phải đi một mình; nhưng biết rằng bao nhiêu người cũng đang du hành một mình sẽ đem lại cho bạn động viên lớn lao.

Một ốc đảo nhỏ mà trong đó cuộc sống đang diễn ra với tầm nhìn hoàn toàn khác; nơi cuộc sống diễn ra có mục đích, ý nghĩa, nơi cuộc sống diễn ra có phương pháp, nơi cuộc sống diễn ra trong tỉnh táo, nhận biết, tỉnh thức; nơi cuộc sống không phải chỉ là điều ngẫu nhiên, nơi cuộc sống bắt đầu trở thành ngày một trưởng thành hơn theo chiều hướng nào đó.

Và đây không phải là tu viện Ấn Độ; đây là công xã quốc tế, nơi gặp gỡ của Đông và Tây. Công xã này đại diện cho toàn bộ loài người, không phải về quá khứ mà là về tương lai.

Nỗ lực của chúng tôi là để làm cho thiền trở thành có sẵn cho từng người và mọi người; bất kì ai muốn thiền, thiền đều sẵn có tương ứng với kiểu của người đó. Nếu người đó cần nghỉ ngơi, nghỉ ngơi cũng nên là thiền của người đó. “Ngồi im lặng không làm gì, rồi xuân tới và cỏ tự nó mọc lên” - đó sẽ là thiền của người đó. Chúng ta phải tìm ra thật nhiều chiều hướng cho thiền, nhiều như số người trên thế gian này. Và khuôn mẫu phải đừng quá cứng nhắc, vì chẳng có hai cá nhân nào giống nhau cả. Đây là cuộc cách mạng. Cá nhân phải không bị gò khít vào khuôn mẫu; nhưng khuôn mẫu thì phải vừa vặn với cá nhân. Đó là lí do tại sao bạn thấy có nhiều cách thiền thể đang diễn ra ở đây. Cách thức thì có thể là tích cực hay thụ động, cũng chẳng thành vấn đề gì, mục tiêu là một: làm sao làm cho bạn thành im lặng đến mức tất cả mọi suy nghĩ đều biến mất và bạn chỉ còn là tấm gương, phản chiếu cái đang đấy.

Đa đại học Osho

Trong công xã này có ít nhất năm mươi nhóm trị liệu đang tiến hành, bởi những lí do nào đó. Đây chỉ là cách làm cân bằng lại hàng nghìn năm kìm nén. Đây chỉ là để đem lại nhẹ nhàng cho tất cả những cái bạn đã kìm nén - như người Ki tô giáo, người Hindu giáo, Phật tử. Nó chỉ hoàn tác lại cái hại

của hàng thế kỉ cũ kĩ đã gây cho bạn. Các nhóm trị liệu này không phải là cứu cánh; chúng chỉ chuẩn bị cho bạn để thiền, chứng kiến thụ động về các ý nghĩ, tình cảm và hành động mà không đánh giá hay đồng nhất.

Sự bừng sáng của mỗi ngày là việc gặp gỡ vào buổi tối: một buổi lễ hai giờ với âm nhạc, nhảy múa và thiền im lặng theo dõi một trong những bài nói của Osho.

“Đây không phải là bài học; đây chỉ đơn thuần là phương tiện để làm cho bạn thành im lặng, vì nếu yêu cầu bạn phải im lặng không nỗ lực gì, bạn sẽ thấy rất khó khăn. Tôi đang làm cho bạn im lặng mà không phải nỗ lực gì về phần bạn cả. Việc nói của tôi trước hết là để dùng như một chiến lược tạo ra im lặng trong bạn.”

Để biết thêm thông tin

<http://www.osho.com>

Osho Commune International

17 Koregaon Park

Pune 411 011 (MS) India

Tel: + 91 (212) 628 562

Fax: + 91 (212) 624 181

Email: osho-commune@osho.com

Osho International

37 Upper Brook Street,

London W1K 7PR

United Kingdom

Tel. +44. (0) 207 493 5001

Fax. +44. (0) 207 493 1203

Office email:

oshointernational@oshointernational.com

<http://www.osho.com/oshointernational>

Để xem tin tức, trao đổi nói chuyện, xem các trích đoạn và toàn văn bài nói của Osho, các bạn có thể ghé thăm trang web

<http://oshovietnam.net>

Để xem một số bản dịch tiếng Việt của sách Osho, các bạn có thể vào trang web:

<http://oshovietnam.wordpress.com/>

“Lời thầy hàm chứa im lặng quanh đó, lời thầy không phải là tiếng động. Lời thầy có giai điệu, có nhịp điệu, có âm nhạc và tại chính cốt lõi của lời thầy là im lặng hoàn toàn. Nếu bạn có thể hiểu thấu lời thầy, bạn sẽ đi xuyên vào im lặng vô hạn này. Nhưng để hiểu thấu lời của Phật, cách thức không phải là phân tích, cách thức không phải là biện luận, cách thức không

phải là tranh luận. Cách thức là chìm vào quan hệ với thầy, trở thành hoà hợp với thầy, đồng bộ với thầy. Trong hoà hợp đó, trong sự chân thành đó, người ta đi vào trong chính cốt lõi lời thầy. Và ở đó bạn sẽ không tìm thấy bất kì âm thanh nào, bất kì tiếng động nào; ở đó bạn sẽ thấy im lặng tuyệt đối. Và nếm trải nó là hiểu thầy.”

Osho, *Dhammapada: Con đường của Phật*, 5

“Từ lời tôi bạn có thể bùng cháy, nhưng bạn sẽ không thể nào tìm ra bất kì lí thuyết, học thuyết nào. Bạn có thể tìm ra cách sống, nhưng không tìm ra được giáo lí để thuyết giáo. Bạn có thể tìm ra tính cách nổi dậy hay tiềm ẩn nhưng bạn sẽ không tìm thấy chủ đề cách mạng nào được tổ chức.

“Lời tôi không chỉ là ngọn lửa. Tôi đang đặt thuốc nổ đây đó, chúng sẽ nổ tung trong nhiều thế kỉ. Tôi đang đặt nhiều hơn là sự cần thiết - tôi chưa bao giờ tính hết cơ hội. Gần như từng câu đều dự định để tạo ra rắc rối cho bất kì ai muốn tổ chức tôn giáo quanh tôi.”

Osho, *Từ cá tính tới cá nhân*

Sách Osho đã dịch sang tiếng Việt

1.	Con đường tôi con đường của mây trắng	1997
2.	Biển chuyển Mật tông	1997
3.	Ngón tay chỉ trăng	1997
4.	Thiền là gì?	1997
5.	Đi tìm điều huyền bí, tập 2	1998
6.	Thiền: Tự do đầu tiên và cuối cùng	1998
7.	Kinh Kim Cương	1998
8.	Tôi là lối cổng	1998
9.	Nhịp đập của tuyệt đối	1998
10.	Tâm Kinh	1998
11.	Mưa rào không mây	1999
12.	Nhạc cổ trong rừng thông	1999
13.	Dhammapada: Con đường của Phật, t. 1	1999
14.	Con thuyền rồng	1999
15.	Tín Tâm Minh: Sách về cái không	1999
16.	Từ dục tới Siêu tâm thức	1999
17.	Từ Thuốc tới Thiền	1999
18.	Cương lĩnh Thiền: Tự do với chính mình	2000
19.	Vô trí: Hoa của vĩnh hằng	2000
20.	Bồ đề đạt ma: Thiền sư vĩ đại nhất	2000
21.	Và hoa đã mưa xuống	2000
22.	Đạo: Ba kho báu, tập 1	2001
23.	Kinh nghiệm Mật tông	2001

24. Bản kinh cuối cùng, tập 6	2001
25. Chiều bên kia cái biết	2001
26. Kỉ luật của siêu việt, tập 3	2002
27. Con đường bên ngoài mọi con đường	2002
28. Không nước không trăng	2002
29. Om Mani Padme Hum	2002
30. Nansen: Điểm khởi hành	2003
31. Joshu: Tiếng gầm của sư tử	2003
32. Mã Tổ: Tấm gương trống rỗng	2003
33. Rinzei: Bậc thầy của điều phi lí	2003
34. Hyakujo: Đỉnh Everest của Thiền	2003
35. Isan: Không dấu chân trên trời xanh	2003
36. Kyozei: Con người thực của Thiền	2004
37. Dogen Thiền sư: Tìm kiếm và hoàn thành	2004
38. Yakusan: Thẳng tới điểm chứng ngộ	2004
39. Đi tìm điều huyền bí, tập 1	2004
40. Dhammapada: Con đường của Phật, t. 2	2004
41. Từ Thuộc tới Thiền (chỉnh lí)	2004
42. Trưởng thành: Trách nhiệm là chính mình	2005
43. Sáng tạo: Khởi nguồn sức mạnh bên trong	2005
44. Dũng cảm: Vui sống hiểm nguy	2005
45. Dược khoa cho linh hồn	2005
46. Cân bằng thân tâm	2005
47. Ta là cái đó	2006
48. Tình yêu, tự do, một mình	2006
49. Dhammapada: Con đường của Phật, t.3	2006
50. Kỉ luật của siêu việt - tập 1	2006
51. Kỉ luật của siêu việt - tập 2	2006
52. Kỉ luật của siêu việt - tập 4	2007
53. Vui vẻ: Hạnh phúc từ bên trong	2007
54. Chuyển bay của một mình tới một mình	2007
55. Nhận biết: Chìa khoá sống trong cân bằng	2007
56. Tự do: Dũng cảm là bản thân mình	2007
57. Dhammapada: Con đường của Phật, t.4	2007
58. Trực giác: Việc biết bên ngoài logic	2007
59. Dhammapada: Con đường của Phật, t.5	2008
60. Dhammapada: Con đường của Phật, t.6	2008
61. Thân thiết: Tin cậy bản thân mình và	

người khác

2008

62. Dhammapada: Con đường của Phật, t.7 2008

63. Từ bi: Việc nở hoa tối thượng của tình yêu 2008

64. Đạo: lịch sử và giáo huấn 2008

65. Dhammapada: Con đường của Phật, t.8 2009

66. Dhammapada: Con đường của Phật, t.9 2009

67. Cuộc sống, tình yêu, tiếng cười 2009

68. Dhammapada: Con đường của Phật, t.10 2009

69. Dhammapada: Con đường của Phật, t.11 2009

70. Dhammapada: Con đường của Phật, t.12 2009

71. Đạo - Ba kho báu - tập 2 2010

72. Đạo - Ba kho báu - tập 3 2010

73. Đạo - Ba kho báu - tập 4 2010

-

* Di Lặc